





# QUYÊN 5

(Quyên Lớn)

**(MAHĀ-VAGGA)**



## VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYÊN* lớn (Vagga); mỗi *QUYÊN* lớn được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó (cũng là chương lớn nhất). Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Diếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các *NHÓM kinh* (vagga, phẩm). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phần chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Spk**, **Spk-Pt**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin của các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là theo các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ (như các bản dịch Việt) khi có thể.

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... , đó là số của các chú thích trong phiên bản Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-

tượng (các pháp), nhận-thức (tướng), điều-kiện (duyên) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *liên-kết* (chương) dài hay vài *liên-kết* ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Số kinh tóm-lược là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần nhìn lướt qua. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, nhìn thấy những giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều liên-kết các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ quyển nào hoặc trong một quyển đó có thể chọn những chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc liên-kết ‘Nhập-lưu’, về Mục-kiền-liên thì đọc liên-kết ‘Mục-kiền-liên’ ...

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bò-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)*

*(hiệu đính và in 2020)*

# MỤC LỤC

|                                                          |           |
|----------------------------------------------------------|-----------|
| Về Bản Dịch SN.....                                      | v         |
| <b>Chương 45. Liên Kết CON-ĐƯỜNG .....</b>               | <b>1</b>  |
| <b>NHÓM 1. NHÓM 'VÔ MINH' (<i>Avijjā-vagga</i>).....</b> | <b>3</b>  |
| 1 (1) <i>Vô Minh</i> .....                               | 3         |
| 2 (2) <i>Một Nửa Đời Sống Tâm Linh</i> .....             | 4         |
| 3 (3) <i>Xá-lợi-phất</i> .....                           | 5         |
| 4 (4) <i>Ông Bà-la-môn</i> .....                         | 6         |
| 5 (5) <i>Vì Mục Đích Gì?</i> .....                       | 8         |
| 6 (6) <i>Một Tỳ kheo (1)</i> .....                       | 9         |
| 7 (7) <i>Một Tỳ kheo (2)</i> .....                       | 9         |
| 8 (8) <i>Phân Tích</i> .....                             | 10        |
| 9 (9) <i>Đầu Hạt Lúa</i> .....                           | 13        |
| 10 (10) <i>Nandiya</i> .....                             | 14        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM 'AN TRÚ' (<i>Vihāra-vagga</i>) .....</b> | <b>15</b> |
| 11 (1) <i>An Trú (1)</i> .....                           | 15        |
| 12 (2) <i>An Trú (2)</i> .....                           | 16        |
| 13 (3) <i>Một Học Nhân</i> .....                         | 17        |
| 14 (4) <i>Khởi Sinh (1)</i> .....                        | 18        |
| 15 (5) <i>Khởi Sinh (2)</i> .....                        | 18        |
| 16 (6) <i>Được Thanh Lọc (1)</i> .....                   | 18        |
| 17 (7) <i>Được Thanh Lọc (2)</i> .....                   | 19        |
| 18 (8) <i>Khu Vườn Gà (1)</i> .....                      | 19        |
| 19 (9) <i>Khu Vườn Gà (2)</i> .....                      | 20        |

|                                                        |                                 |           |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------|
| 20                                                     | (10) Khu Vườn Gà (3).....       | 20        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘SAI LẠC’ (Micchatta-vagga).....</b>   |                                 | <b>22</b> |
| 21                                                     | (1) Sự Sai Lạc.....             | 22        |
| 22                                                     | (2) Những Điều Bất Thiện.....   | 22        |
| 23                                                     | (3) Con Đường (1).....          | 23        |
| 24                                                     | (4) Con Đường (2).....          | 23        |
| 25                                                     | (5) Người Thấp Kém (1).....     | 24        |
| 26                                                     | (6) Người Thấp Kém (2).....     | 24        |
| 27                                                     | (7) Cái Chậu.....               | 25        |
| 28                                                     | (8) Sự Định-Tâm.....            | 26        |
| 29                                                     | (9) Cảm-giác.....               | 26        |
| 30                                                     | (10) Uttiya.....                | 26        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘SỰ TU TẬP’ (Paṭipatti-vagga).....</b> |                                 | <b>28</b> |
| 31                                                     | (1) Sự Tu Tập (1).....          | 28        |
| 32                                                     | (2) Sự Tu Tập (2).....          | 28        |
| 33                                                     | (3) Bỏ Lơ.....                  | 29        |
| 34                                                     | (4) Vượt Qua Bờ Bên Kia.....    | 29        |
| 35                                                     | (5) Đời Sống Tu Sĩ (1).....     | 30        |
| 36                                                     | (6) Đời Sống Tu Sĩ (2).....     | 31        |
| 37                                                     | (7) Đời Sống Bà-la-môn (1)..... | 31        |
| 38                                                     | (8) Đời Sống Bà-la-môn (2)..... | 32        |
| 39                                                     | (9) Đời Sống Tâm Linh (1).....  | 32        |
| 40                                                     | (10) Đời Sống Tâm linh (2)..... | 33        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’</b>             |                                 |           |
| <b>(Aññatitthiya-vagga).....</b>                       |                                 | <b>34</b> |



|                                                                 |                                                      |           |
|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------|
| 41                                                              | (1) <i>Sự Phai Biến Tham-Dục</i> .....               | 34        |
| 42                                                              | (2) — 48 (8) <i>Sự Đẹp Bỏ Các Gông-Cùm</i> .....     | 34        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>           |                                                      |           |
| <b>(Sūriya Peyyāla-vagga).....</b>                              |                                                      | <b>36</b> |
| 49                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 36        |
| 50                                                              | (2) — 55 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 36        |
| 56                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 37        |
| 57                                                              | (2) — 62 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 38        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ NHẤT LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>  |                                                      |           |
| <b>(Ekadhamma-Peyyāla-vagga) .....</b>                          |                                                      | <b>40</b> |
| 63                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 40        |
| 64                                                              | (2) — 69 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 40        |
| 70                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 41        |
| 71                                                              | (2) — 76 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 42        |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ HAI LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>   |                                                      |           |
| <b>(Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga) .....</b>                    |                                                      | <b>43</b> |
| 77                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 43        |
| 78                                                              | (2) — 83 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 43        |
| 84                                                              | (1) <i>Bạn Tốt</i> .....                             | 44        |
| 85                                                              | (2) — 90 (7) <i>Sự Thành Tựu về Giới Hạnh</i> ... .. | 45        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b> |                                                      |           |
| <b>(Gaṅgā-Peyyāla-vagga) .....</b>                              |                                                      | <b>46</b> |
| 91                                                              | (1) <i>Đổ Về Hướng Đông (1)</i> .....                | 46        |
| 92                                                              | (2) — 96 (6) <i>Đổ Về Hướng Đông</i> .....           | 46        |
| 97                                                              | (7) — 102 (12) <i>Đổ Ra Đại Dương</i> .....          | 47        |

|                                                                                                          |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC (<i>Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga</i>) .....</b> | <b>48</b> |
| 103 (1) — 108 (6) <i>Đỗ Về Hướng Đông</i> .....                                                          | 48        |
| 109 (7) — 114 (12) <i>Đỗ Ra Đại Dương</i> .....                                                          | 48        |
| <b>NHÓM 11. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC (<i>Tatiya-Peyyāla-vagga</i>) .....</b>       | <b>49</b> |
| 115 (1) — 120 (6) <i>Đỗ Về Hướng Đông</i> .....                                                          | 49        |
| 121 (7) — 126 (12) <i>Đỗ Ra Đại Dương</i> .....                                                          | 49        |
| <b>NHÓM 12. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC (<i>Catuttha-Peyyāla-vagga</i>).....</b>      | <b>50</b> |
| 127 (1) — 132 (6) <i>Đỗ Về Hướng Đông</i> .....                                                          | 50        |
| 133 (7) — 138 (12) <i>Đỗ Ra Đại Dương</i> .....                                                          | 50        |
| <b>NHÓM 13. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....</b>                                           | <b>51</b> |
| 139 (1) <i>Như Lai</i> .....                                                                             | 51        |
| 140 (2) <i>Dấu Chân</i> .....                                                                            | 52        |
| 141 (3) <i>Đỉnh Mái Nhà</i> .....                                                                        | 53        |
| 142 (4) <i>Rễ Cây</i> .....                                                                              | 53        |
| 143 (5) <i>Gỗ Lõi</i> .....                                                                              | 53        |
| 144 (6) <i>Hoa Lài</i> .....                                                                             | 53        |
| 145 (7) <i>Vị Vua</i> .....                                                                              | 54        |
| 146 (8) <i>Mặt Trăng</i> .....                                                                           | 54        |
| 147 (8) <i>Mặt Trời</i> .....                                                                            | 54        |
| 148 (10) <i>Vải</i> .....                                                                                | 55        |
| <b>NHÓM 14. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-vagga</i>).....</b>                                | <b>56</b> |

|                                                               |                                   |           |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------|
| 149                                                           | (1) <i>Khó Nhọc</i> .....         | 56        |
| 150                                                           | (2) <i>Hạt Giống</i> .....        | 56        |
| 151                                                           | (3) <i>Rồng Nāga</i> .....        | 57        |
| 152                                                           | (4) <i>Cây Cối</i> .....          | 58        |
| 153                                                           | (5) <i>Bình Nước</i> .....        | 58        |
| 154                                                           | (6) <i>Đầu Hạt Lúa</i> .....      | 59        |
| 155                                                           | (7) <i>Trong Bầu Trời</i> .....   | 59        |
| 156                                                           | (8) <i>Mây Mưa (1)</i> .....      | 60        |
| 157                                                           | (9) <i>Mây Mưa (2)</i> .....      | 61        |
| 158                                                           | (10) <i>Con Thuyền</i> .....      | 61        |
| 159                                                           | (11) <i>Nhà Khách</i> .....       | 62        |
| 160                                                           | (12) <i>Dòng Sông</i> .....       | 63        |
| <b>NHÓM 15. NHÓM 'TÌM KIẾM' (<i>Esanā-vagga</i>).....</b>     |                                   | <b>65</b> |
| 161                                                           | (1) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....      | 65        |
| 162                                                           | (2) <i>Sự Phân Biệt</i> .....     | 67        |
| 163                                                           | (3) <i>Những Ô Nhiễm</i> .....    | 67        |
| 164                                                           | (4) <i>Sự Hiện Hữu</i> .....      | 68        |
| 165                                                           | (5) <i>Khổ</i> .....              | 68        |
| 166                                                           | (6) <i>Sự Cản Cỗi</i> .....       | 68        |
| 167                                                           | (7) <i>Những Vết Nhiễm</i> .....  | 69        |
| 168                                                           | (8) <i>Những Sự Rắc Rối</i> ..... | 69        |
| 169                                                           | (9) <i>Những Cảm Giác</i> .....   | 69        |
| 170                                                           | (10) <i>Dục Vọng</i> .....        | 69        |
| 170                                                           | (11) <i>Sự Thèm Khát</i> .....    | 70        |
| <b>NHÓM 16. NHÓM 'NHỮNG DÒNG LỬ' (<i>Ogha-vagga</i>).....</b> |                                   | <b>71</b> |

|                                                       |                                              |           |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------|
| 171                                                   | (1) <i>Những Dòng Lũ</i> .....               | 71        |
| 172                                                   | (2) <i>Những Sự Trói Buộc</i> .....          | 71        |
| 173                                                   | (3) <i>Những Sự Dính Chấp</i> .....          | 71        |
| 174                                                   | (4) <i>Những Gút Mắc</i> .....               | 72        |
| 175                                                   | (5) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn</i> .....  | 72        |
| 176                                                   | (6) <i>Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan</i> ..... | 73        |
| 177                                                   | (7) <i>Năm Chướng Ngại</i> .....             | 73        |
| 178                                                   | (8) <i>Năm Uẩn Bị Dính Chấp</i> .....        | 74        |
| 179                                                   | (9) <i>Năm Gông Cùm Thấp Hơn</i> .....       | 74        |
| 180                                                   | (10) <i>Năm Gông Cùm Cao Hơn</i> .....       | 74        |
| <b>Chương 46. Liên Kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ .....</b>  |                                              | <b>77</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM 'NÚI' (<i>Pabbata-vagga</i>).....</b> |                                              | <b>79</b> |
| 1                                                     | (1) <i>Núi Himalaya</i> .....                | 79        |
| 2                                                     | (2) <i>Thân</i> .....                        | 80        |
| 3                                                     | (3) <i>Giới Hạnh</i> .....                   | 84        |
| 4                                                     | (4) <i>Quần Áo</i> .....                     | 87        |
| 5                                                     | (5) <i>Một Tỳ Kheo</i> .....                 | 89        |
| 6                                                     | (6) <i>Kuṇḍaliya</i> .....                   | 90        |
| 7                                                     | (7) <i>Ngôi Nhà Mái Nhọn</i> .....           | 93        |
| 8                                                     | (8) <i>Upavāṇa</i> .....                     | 94        |
| 9                                                     | (9) <i>Khởi Sinh (1)</i> .....               | 95        |
| 10                                                    | (10) <i>Khởi Sinh (2)</i> .....              | 95        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM 'BỆNH' (<i>Gilāna-vagga</i>).....</b> |                                              | <b>96</b> |
| 11                                                    | (1) <i>Chúng Sinh</i> .....                  | 96        |
| 12                                                    | (2) <i>Ví Dụ Mặt Trời (1)</i> .....          | 96        |

|                                                                 |                                           |            |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|------------|
| 13                                                              | (3) <i>Ví Dụ Mặt Trời (2)</i> .....       | 97         |
| 14                                                              | (4) <i>Bệnh (1)</i> .....                 | 98         |
| 15                                                              | (5) <i>Bệnh (2)</i> .....                 | 99         |
| 16                                                              | (6) <i>Bệnh (3)</i> .....                 | 99         |
| 17                                                              | (7) <i>Vượt Qua Bờ</i> .....              | 100        |
| 18                                                              | (8) <i>Bỏ Lơ</i> .....                    | 100        |
| 19                                                              | (9) <i>Thánh Thiện</i> .....              | 101        |
| 20                                                              | (10) <i>Sự Ghê Sợ</i> .....               | 101        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM 'UDĀYĪ' (<i>Udāyi-vagga</i>).....</b>           |                                           | <b>103</b> |
| 21                                                              | (1) <i>Dẫn Tới Sự Giác Ngộ</i> .....      | 103        |
| 22                                                              | (2) <i>Một Giáo Lý</i> .....              | 103        |
| 23                                                              | (3) <i>Một Cơ Sở</i> .....                | 104        |
| 24                                                              | (4) <i>Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng</i> ..... | 104        |
| 25                                                              | (5) <i>Sự Không Sa Sút</i> .....          | 106        |
| 26                                                              | (6) <i>Sự Tiêu Diệt Dục Vọng</i> .....    | 106        |
| 27                                                              | (7) <i>Sự Chấm Dứt Dục Vọng</i> .....     | 107        |
| 28                                                              | (8) <i>Góp Phần Thâm Nhập</i> .....       | 107        |
| 29                                                              | (9) <i>Một Thứ</i> .....                  | 108        |
| 30                                                              | (10) <i>Udāyī</i> .....                   | 109        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM 'CHƯƠNG NGẠI' (<i>Nīvaraṇa-vagga</i>) .....</b> |                                           | <b>112</b> |
| 31                                                              | (1) <i>Thiện Lành (1)</i> .....           | 112        |
| 32                                                              | (2) <i>Thiện Lành (2)</i> .....           | 112        |
| 33                                                              | (3) <i>Sự Hư Nhiễm</i> .....              | 113        |
| 34                                                              | (4) <i>Sự Không Hư Nhiễm</i> .....        | 114        |
| 35                                                              | (5) <i>Sự Chú-tâm kỹ càng</i> .....       | 114        |

|                                                                |                                               |            |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|
| 36                                                             | (6) <i>Sự Tăng Trưởng</i> .....               | 115        |
| 37                                                             | (7) <i>Những Trở Ngại</i> .....               | 115        |
| 38                                                             | (8) <i>Không Có Chương Ngại</i> .....         | 116        |
| 39                                                             | (9) <i>Cây Cối</i> .....                      | 117        |
| 40                                                             | (10) <i>Những Chương Ngại</i> .....           | 118        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’ (<i>Cakkavatti-</i></b>    |                                               |            |
| <b><i>vagga</i>).....</b>                                      |                                               | <b>120</b> |
| 41                                                             | (1) <i>Những Phân Biệt</i> .....              | 120        |
| 42                                                             | (2) <i>Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe</i> .....   | 120        |
| 43                                                             | (3) <i>Ma Vương</i> .....                     | 121        |
| 44                                                             | (4) <i>Vô Trí</i> .....                       | 121        |
| 45                                                             | (5) <i>Có Trí</i> .....                       | 122        |
| 46                                                             | (6) <i>Nghèo Nàn</i> .....                    | 122        |
| 47                                                             | (7) <i>Giàu Có</i> .....                      | 122        |
| 48                                                             | (8) <i>Mặt Trời</i> .....                     | 123        |
| 49                                                             | (9) <i>Yếu Tố Bên Trong</i> .....             | 123        |
| 50                                                             | (10) <i>Yếu Tố Bên Ngoài</i> .....            | 124        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘THẢO LUẬN’ (<i>Sākaccha-vagga</i>) .....</b>  |                                               | <b>125</b> |
| 51                                                             | (1) <i>Dưỡng Chất</i> .....                   | 125        |
| 52                                                             | (2) <i>Một Phương Pháp Thuyết Giảng</i> ..... | 132        |
| 53                                                             | (3) <i>Lửa</i> .....                          | 136        |
| 54                                                             | (4) <i>Cùng Với Tâm-Từ</i> .....              | 139        |
| 55                                                             | (5) <i>Bà-la-môn Saṅgāra</i> .....            | 144        |
| 56                                                             | (6) <i>Abhaya</i> .....                       | 149        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘THỞ VÀO–THỞ RA’ (<i>Ānāpāna-vagga</i>) ..</b> |                                               | <b>152</b> |

|                                                                |                                                              |            |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|
| 57                                                             | (1) <i>Bộ Xương</i> .....                                    | 152        |
| 58                                                             | (2) <i>Xác Chết Bị Giò Đục</i> .....                         | 154        |
| 59                                                             | (3) <i>Xác Chết Bị Xanh Tím</i> .....                        | 154        |
| 60                                                             | (4) <i>Xác Chết Bị Bung Rữa</i> .....                        | 154        |
| 61                                                             | (5) <i>Xác Bị Sinh Chảy</i> .....                            | 155        |
| 62                                                             | (6) <i>Tâm Từ</i> .....                                      | 155        |
| 63                                                             | (7) <i>Tâm-Bi</i> .....                                      | 155        |
| 64                                                             | (8) <i>Tâm Hỷ</i> .....                                      | 155        |
| 65                                                             | (9) <i>Tâm Xả</i> .....                                      | 155        |
| 66                                                             | (10) <i>Sự Thở Vào-Thở Ra</i> .....                          | 155        |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘SỰ CHẤM DỨT’ (<i>Nirodha-vagga</i>) .....</b> |                                                              | <b>157</b> |
| 67                                                             | (1) <i>Sự Không Sạch</i> .....                               | 157        |
| 68                                                             | (2) <i>Cái Chết</i> .....                                    | 157        |
| 69                                                             | (3) <i>Sự Góm Ghiếc của Thức Ăn</i> .....                    | 157        |
| 70                                                             | (4) <i>Sự Không Khoái-Thích Trong Toàn Bộ Thế Gian</i> ..... | 157        |
| 71                                                             | (5) <i>Vô Thường</i> .....                                   | 157        |
| 72                                                             | (6) <i>Khổ</i> .....                                         | 158        |
| 73                                                             | (7) <i>Vô Ngã</i> .....                                      | 158        |
| 74                                                             | (8) <i>Sự Đẹp Bỏ</i> .....                                   | 158        |
| 75                                                             | (9) <i>Sự Chán Bỏ</i> .....                                  | 158        |
| 76                                                             | (10) <i>Sự Chấm Dứt</i> .....                                | 158        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC’</b>         |                                                              |            |
| <b>(<i>Gaṅgā-peyyāla-vagga</i>).....</b>                       |                                                              | <b>161</b> |
| 77                                                             | (1) — 88 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> ... ..       | 161        |
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....</b> |                                                              | <b>162</b> |

|                                                                                                     |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 89 (1) — 98 (10) <i>Như Lai</i> .....                                                               | 162        |
| <b>NHÓM 11. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakarāṇīya-</i><br/><i>vagga</i>).....</b>               | <b>163</b> |
| 99 (1) — 110 (12) <i>Khó Nhọc</i> ... ..                                                            | 163        |
| <b>NHÓM 12. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>).....</b>                                           | <b>164</b> |
| 111 (1) — 120 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ... ..                                                        | 164        |
| <b>NHÓM 13. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>) .....</b>                                      | <b>165</b> |
| 121 (1) — 129 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ... ..                                                       | 165        |
| 130 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                                                        | 165        |
| <b>NHÓM 14. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC’</b><br><b>(<i>Gaṅgā-peyyāla-vagga</i>).....</b> | <b>167</b> |
| 131 (1) <i>Sông Hằg—Đổ Về Hướng Đông</i> .....                                                      | 167        |
| 132 (2) — 142 (12) <i>Đổ Về Hướng Đông</i> .....                                                    | 167        |
| <b>NHÓM 15. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....</b>                                      | <b>169</b> |
| 143 (1) — 152 (10) <i>Như Lai</i> ... ..                                                            | 169        |
| <b>NHÓM 16. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakarāṇīya-</i><br/><i>vagga</i>).....</b>               | <b>170</b> |
| 153 (1) — 164 (10) <i>Khó Nhọc</i> .....                                                            | 170        |
| <b>NHÓM 17. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>).....</b>                                           | <b>171</b> |
| 165 (1) — 174 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ... ..                                                        | 171        |
| <b>NHÓM 18. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>) .....</b>                                      | <b>172</b> |
| 175 (1) — 183 (10) <i>Những Dòng Lũ</i> .....                                                       | 172        |
| 184 (10) <i>Những Gông Cùm Cao hơn</i> .....                                                        | 172        |
| <b>Chương 47. Liên Kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM</b>                                                  |            |



.....175

**NHÓM 1. NHÓM 'AMBAPĀLĪ' (*Ambapālī*) ..... 177**

|    |                                            |     |
|----|--------------------------------------------|-----|
| 1  | (1) <i>Ambapālī</i> .....                  | 177 |
| 2  | (2) <i>Có Chánh Niệm</i> .....             | 178 |
| 3  | (3) <i>Một Tỳ Kheo</i> .....               | 179 |
| 4  | (3) <i>Ở Sālā</i> .....                    | 181 |
| 5  | (5) <i>Một Đổng Thiện</i> .....            | 183 |
| 6  | (6) <i>Điều Hâu</i> .....                  | 183 |
| 7  | (7) <i>Con Khỉ</i> .....                   | 185 |
| 8  | (8) <i>Người Đầu Bếp</i> .....             | 187 |
| 9  | (9) <i>Bệnh</i> .....                      | 189 |
| 10 | (10) <i>Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni</i> ..... | 192 |

**NHÓM 2. NHÓM 'NĀLANDĀ' (*Nālanda-vagga*) ..... 196**

|    |                                        |     |
|----|----------------------------------------|-----|
| 11 | (1) <i>Vĩ Nhân</i> .....               | 196 |
| 12 | (2) <i>Nālandā</i> .....               | 197 |
| 13 | (3) <i>Ngài Cunda</i> .....            | 199 |
| 14 | (4) <i>Ở Ukkacelā</i> .....            | 202 |
| 15 | (5) <i>Ngài Bāhiya</i> .....           | 203 |
| 16 | (6) <i>Ngài Uttiya</i> .....           | 205 |
| 17 | (7) <i>Thánh Thiện</i> .....           | 205 |
| 18 | (8) <i>Vị Trời</i> .....               | 206 |
| 19 | (9) <i>Ở Sedaka</i> .....              | 207 |
| 20 | (10) <i>Hoa Hậu Của Vùng Đất</i> ..... | 208 |

**NHÓM 3. NHÓM 'GIỚI HẠNH & TỒN TẠI' (*Sīlaṭṭhiti-vagga*)**

..... 210

|                                                                |                                     |            |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|
| 21                                                             | (1) <i>Giới Hạnh</i> .....          | 210        |
| 22                                                             | (2) <i>Tồn Tại Lâu</i> .....        | 211        |
| 23                                                             | (3) <i>Sự Sa Sút</i> .....          | 212        |
| 24                                                             | (4) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn</i> .....  | 212        |
| 25                                                             | (5) <i>Một Bà-la-môn</i> .....      | 213        |
| 26                                                             | (6) <i>Một Phần</i> .....           | 214        |
| 27                                                             | (7) <i>Hoàn Thành</i> .....         | 214        |
| 28                                                             | (8) <i>Thế Giới</i> .....           | 215        |
| 29                                                             | (9) <i>Gia Chủ Sirivaḍḍha</i> ..... | 215        |
| 30                                                             | (10) <i>Gia Chủ Mānadinna</i> ..... | 217        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM 'CHƯA TỪNG NGHE' (<i>Ananussuta-vagga</i>)</b> |                                     |            |
| .....                                                          |                                     | <b>219</b> |
| 31                                                             | (1) <i>Chưa Từng Nghe</i> .....     | 219        |
| 32                                                             | (2) <i>Sự Chán Bỏ</i> ... ..        | 220        |
| 33                                                             | (3) <i>Bỏ Quên</i> .....            | 220        |
| 34                                                             | (4) <i>Sự Tu Tập</i> .....          | 221        |
| 35                                                             | (5) <i>Có Chánh Niệm</i> .....      | 221        |
| 36                                                             | (6) <i>Trí-Biết Cuối Cùng</i> ..... | 222        |
| 37                                                             | (7) <i>Tham Muốn</i> .....          | 222        |
| 38                                                             | (8) <i>Hoàn-Toàn Hiểu</i> .....     | 223        |
| 39                                                             | (9) <i>Sự Tu Tập</i> .....          | 223        |
| 40                                                             | (10) <i>Phân Tích</i> .....         | 224        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM 'BẮT TỬ' (<i>Amata-vagga</i>)</b> .....        |                                     | <b>226</b> |
| 41                                                             | (1) <i>Sự Bắt Tử</i> .....          | 226        |
| 42                                                             | (2) <i>Sự Khởi Sinh</i> .....       | 226        |

|                                                          |                                                          |            |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------|
| 43                                                       | (3) <i>Con Đường</i> .....                               | 227        |
| 44                                                       | (4) <i>Có Chánh Niệm</i> .....                           | 228        |
| 45                                                       | (5) <i>Một Đống Thiện Lành</i> .....                     | 229        |
| 46                                                       | (6) <i>Sự Kiểm Chế Của Pātimokkha</i> .....              | 229        |
| 47                                                       | (7) <i>Hành Vi Sai Trái</i> .....                        | 230        |
| 48                                                       | (8) <i>Bạn Hữu...</i> .....                              | 231        |
| 49                                                       | (9) <i>Những Cảm Giác</i> .....                          | 232        |
| 50                                                       | (10) <i>Những ô-nhiễm</i> .....                          | 233        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC’</b>   |                                                          |            |
| <b>(Gaṅgā-peyyāla-vagga).....</b>                        |                                                          | <b>234</b> |
| 51                                                       | (1) — 62 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông...</i> ..... | 234        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga).....</b>   |                                                          |            |
| <b>63 (1) — 72 (10) <i>Như Lai</i>.....</b>              |                                                          | <b>235</b> |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-</b>   |                                                          |            |
| <b>vagga).....</b>                                       |                                                          | <b>236</b> |
| 73                                                       | (1) — 84 (12) <i>Khó Nhọc...</i> .....                   | 236        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga).....</b>        |                                                          |            |
| <b>85 (1) — 94 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i>.....</b>          |                                                          | <b>237</b> |
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) .....</b>  |                                                          |            |
| <b>95 (1) — 103 (10) <i>Những Dòng Lũ</i> ...</b>        |                                                          | <b>238</b> |
| <b>104 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i>.....</b>       |                                                          | <b>238</b> |
| <b>Chương 48. Liên Kết CÁC CĂN .....</b>                 |                                                          | <b>241</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘BẢN KINH NGẮN GỌN’ (Suddhika-vagga)</b> |                                                          |            |
| <b>.....</b>                                             |                                                          | <b>243</b> |

|                                                                |                                               |            |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|
| 1                                                              | (1) <i>Bản Kinh Ngẩn Gợn</i> .....            | 243        |
| 2                                                              | (2) <i>Bậc Nhập Lưu (1)</i> .....             | 243        |
| 3                                                              | (3) <i>Bậc Nhập Lưu (2)</i> .....             | 243        |
| 4                                                              | (4) <i>Bậc A-la-hán (1)</i> .....             | 244        |
| 5                                                              | (5) <i>Bậc A-la-hán (2)</i> .....             | 244        |
| 6                                                              | (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i> ..... | 245        |
| 7                                                              | (7) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i> ..... | 245        |
| 8                                                              | (8) <i>Nên Được Nhìn Thấy</i> .....           | 246        |
| 9                                                              | (9) <i>Phân Tích (1)</i> .....                | 247        |
| 10                                                             | (10) <i>Phân Tích (2)</i> .....               | 248        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘YẾU HƠN’ (<i>Mudutara-vagga</i>) .....</b>    |                                               | <b>251</b> |
| 11                                                             | (1) <i>Đạt Được</i> .....                     | 251        |
| 12                                                             | (2) <i>Ngẩn Gợn (1)</i> .....                 | 252        |
| 13                                                             | (3) <i>Ngẩn Gợn (2)</i> .....                 | 252        |
| 14                                                             | (4) <i>Ngẩn Gợn (3)</i> .....                 | 253        |
| 15                                                             | (5) <i>Chi Tiết (1)</i> .....                 | 253        |
| 16                                                             | (6) <i>Chi Tiết (2)</i> .....                 | 254        |
| 17                                                             | (7) <i>Chi Tiết (3)</i> .....                 | 254        |
| 18                                                             | (8) <i>Thực Hành</i> .....                    | 255        |
| 19                                                             | (9) <i>Được Trang Bị</i> .....                | 255        |
| 20                                                             | (10) <i>Tiêu Diệt Ô-Nhiễm</i> .....           | 256        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘SÁU CĂN’ (<i>Chaḷindriya-vagga</i>) .....</b> |                                               | <b>257</b> |
| 21                                                             | (1) <i>Không Còn Tái Hiện-Hữu</i> .....       | 257        |
| 22                                                             | (2) <i>Căn Mạng Sống</i> .....                | 257        |
| 23                                                             | (3) <i>Căn Trí Biết Cuối Cùng</i> .....       | 258        |

|                                                                  |                                                |            |
|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 24                                                               | (4) <i>Người Gieo Giống Một Lần</i> .....      | 258        |
| 25                                                               | (5) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn</i> .....             | 259        |
| 26                                                               | (6) <i>Bậc Nhập-Lưu</i> .....                  | 259        |
| 27                                                               | (7) <i>Bậc A-la-hán</i> .....                  | 259        |
| 28                                                               | (8) <i>Phật</i> .....                          | 260        |
| 29                                                               | (9) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i> .....  | 260        |
| 30                                                               | (10) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i> ..... | 261        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘CĂN SUỐNG’ (<i>Sukhindriya-vagga</i>) .....</b> |                                                | <b>262</b> |
| 31                                                               | (1) <i>Bản Kinh Ngăn Gọn</i> .....             | 262        |
| 32                                                               | (2) <i>Bậc Nhập-Lưu</i> .....                  | 262        |
| 33                                                               | (3) <i>Bậc A-la-hán</i> .....                  | 262        |
| 34                                                               | (4) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i> .....  | 263        |
| 35                                                               | (5) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i> .....  | 263        |
| 36                                                               | (6) <i>Phân Tích (1)</i> .....                 | 264        |
| 37                                                               | (7) <i>Phân Tích (2)</i> .....                 | 265        |
| 38                                                               | (8) <i>Phân Tích (3)</i> .....                 | 265        |
| 39                                                               | (9) <i>Ví Dụ Que Mồi Lửa</i> .....             | 266        |
| 40                                                               | (10) <i>Thứ Tự Bất Thường</i> .....            | 267        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘GIÀ’ (<i>Jarā-vagga</i>) .....</b>              |                                                | <b>271</b> |
| 41                                                               | (1) <i>Phải Bị Già</i> .....                   | 271        |
| 42                                                               | (2) <i>Bà-la-môn Uṇṇābha</i> .....             | 272        |
| 43                                                               | (3) <i>Sāketa</i> .....                        | 274        |
| 44                                                               | (4) <i>Nhà Ở Cổng Đông</i> .....               | 275        |
| 45                                                               | (5) <i>Khu Vườn Phía Đông (1)</i> .....        | 276        |
| 46                                                               | (6) <i>Khu Vườn Phía Đông (2)</i> .....        | 277        |

|                                                                |                                             |            |
|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|
| 47                                                             | (7) <i>Khu Vườn Phía Đông (3)</i> .....     | 278        |
| 48                                                             | (8) <i>Khu Vườn Phía Đông (4)</i> .....     | 279        |
| 49                                                             | (9) <i>Ngài Piṇḍola</i> .....               | 280        |
| 50                                                             | (10) <i>Ở Āpaṇa</i> .....                   | 280        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’ (<i>Sūkarakhata-vagga</i>)</b> |                                             |            |
| .....                                                          |                                             | <b>283</b> |
| 51                                                             | (1) <i>Làng Sālā</i> .....                  | 283        |
| 52                                                             | (2) <i>Mallika</i> .....                    | 284        |
| 53                                                             | (3) <i>Học Nhân</i> .....                   | 284        |
| 54                                                             | (4) <i>Những Dấu Chân</i> .....             | 286        |
| 55                                                             | (5) <i>Gỗ Lõi</i> .....                     | 287        |
| 56                                                             | (6) <i>Được Thiết Lập</i> .....             | 287        |
| 57                                                             | (7) <i>Vị Trời Sahampati</i> .....          | 288        |
| 58                                                             | (8) <i>Hang Heo Rừng</i> .....              | 289        |
| 59                                                             | (9) <i>Khởi Sinh (1)</i> .....              | 290        |
| 60                                                             | (10) <i>Khởi Sinh (2)</i> .....             | 291        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’</b>                      |                                             |            |
| <b>(<i>Bodhipakkhiya-vagga</i>).....</b>                       |                                             | <b>292</b> |
| 61                                                             | (1) <i>Những Gông Cùm</i> .....             | 292        |
| 62                                                             | (2) <i>Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn</i> ..... | 292        |
| 63                                                             | (3) <i>Sự Hoàn Toàn Hiểu</i> .....          | 292        |
| 64                                                             | (4) <i>Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i> .....       | 293        |
| 65                                                             | (5) <i>Hai Thánh Quả</i> .....              | 293        |
| 66                                                             | (6) <i>Bảy Ích Lợi</i> .....                | 293        |
| 67                                                             | (7) <i>Cây (1)</i> .....                    | 294        |

|                                                          |                                                            |            |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------|
| 68                                                       | (8) <i>Cây</i> (2).....                                    | 295        |
| 69                                                       | (9) <i>Cây</i> (3).....                                    | 295        |
| 70                                                       | (10) <i>Cây</i> (4).....                                   | 296        |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>   |                                                            |            |
| <b>(Gaṅgā-Peyyāla-vagga) .....</b>                       |                                                            | <b>297</b> |
| 71                                                       | (1) — 82 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i> .....  | 297        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga) .....</b>  |                                                            |            |
| <b>299</b>                                               |                                                            |            |
| 83                                                       | (1) — 92 (10) <i>Như Lai</i> .....                         | 299        |
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-</b>  |                                                            |            |
| <b>vagga).....</b>                                       |                                                            | <b>300</b> |
| 93                                                       | (1) — 104 (12) <i>Khó Nhọc</i> ... ..                      | 300        |
| <b>NHÓM 11. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga).....</b>       |                                                            |            |
| <b>301</b>                                               |                                                            |            |
| 105                                                      | (1) — 114 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ... ..                   | 301        |
| <b>NHÓM 12. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) .....</b>  |                                                            |            |
| <b>302</b>                                               |                                                            |            |
| 115                                                      | (1) — 123 (10) <i>Những Dòng Lũ</i> .....                  | 302        |
| 124                                                      | (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                   | 302        |
| <b>NHÓM 13. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>  |                                                            |            |
| <b>(Gaṅgā-Peyyāla-vagga) .....</b>                       |                                                            | <b>304</b> |
| 125                                                      | (1) — 136 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i> ..... | 304        |
| <b>NHÓM 14. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga) .....</b> |                                                            |            |
| <b>305</b>                                               |                                                            |            |
| 137                                                      | (1) — 146 (10) <i>Như Lai</i> .....                        | 305        |
| <b>NHÓM 15. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-</b>  |                                                            |            |
| <b>vagga).....</b>                                       |                                                            | <b>306</b> |
| 147                                                      | (1) — 158 (10) <i>Khó Nhọc</i> .....                       | 306        |

|                                                                |            |
|----------------------------------------------------------------|------------|
| <b>NHÓM 16. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>).....</b>      | <b>307</b> |
| 159 (I) — 168 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> ...                      | 307        |
| <b>NHÓM 17. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>) .....</b> | <b>308</b> |
| 169 (I) — 177 (10) <i>Những Dòng Lũ</i> .....                  | 308        |
| 178 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                   | 308        |
| <b>Chương 49. Liên Kết SỰ PHÁN-ĐÁU ĐÚNG ĐẮN.....</b>           | <b>311</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>         |            |
| <b>(<i>Gaṅgā-Peyyāla-vagga</i>) .....</b>                      | <b>313</b> |
| 1 (I) — 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> ...          | 313        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....</b>  | <b>315</b> |
| 13 (I) — 22 (10) <i>Như Lai</i> .....                          | 315        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (<i>Balakaraṇīya-</i></b>  |            |
| <b><i>vagga</i>).....</b>                                      | <b>316</b> |
| 23 (I) — 34 (12) <i>Khó Nhọc</i> .....                         | 316        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (<i>Esanā-vagga</i>).....</b>       | <b>318</b> |
| 35 (I) — 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                      | 318        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (<i>Ogha-vagga</i>) .....</b>  | <b>320</b> |
| 45 (I) — 53 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ...                       | 320        |
| 54 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                    | 320        |
| <b>Chương 50. Liên Kết NHỮNG NĂNG-LỰC .....</b>                | <b>323</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>         |            |
| <b>(<i>Gaṅgā-Peyyāla-vagga</i>) .....</b>                      | <b>325</b> |
| 1 (I) — 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> ...          | 325        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (<i>Appamāda-vagga</i>).....</b>  | <b>327</b> |



|                                                                                        |            |
|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 13 (1) — 22 (10) <i>Như Lai</i> .....                                                  | 327        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-<br/>vagga)</b> .....                | <b>328</b> |
| 23 (1) — 34 (12) <i>Khó Nhọc</i> .....                                                 | 328        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)</b> .....                                     | <b>329</b> |
| 35 (1) — 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                                              | 329        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỬ’ (Ogha-vagga) .....</b>                                 | <b>330</b> |
| 45 (1) — 53 (9) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                                               | 330        |
| 54 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                                            | 330        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘SÔNG HẰNG LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC’<br/>(Gaṅgā-peyyāla-vagga)</b> ..... | <b>332</b> |
| 55 (1) — 66 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> .....                               | 332        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga) .....</b>                                | <b>333</b> |
| 67 (1) — 76 (10) <i>Như Lai</i> .....                                                  | 333        |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-<br/>vagga)</b> .....                | <b>334</b> |
| 77 (1) — 88 (12) <i>Khó Nhọc</i> .....                                                 | 334        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga)</b> .....                                     | <b>335</b> |
| 89 (1) — 98 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                                              | 335        |
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỬ’ (Ogha-vagga) .....</b>                                | <b>336</b> |
| 99 (1) — 107 (9) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                                              | 336        |
| 108 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....                                           | 336        |
| <b>Chương 51. Liên Kết CƠ-SỞ THẦN THÔNG .....</b>                                      | <b>339</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỀN CĀBĀLA’ (Cābāla-vagga) .....</b>                                  | <b>341</b> |

|                                               |                                         |            |
|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|------------|
| 1                                             | (1) <i>Từ Bờ Bên Đây...</i>             | 341        |
| 2                                             | (2) <i>Bỏ Quên</i>                      | 341        |
| 3                                             | (3) <i>Thánh Thiện</i>                  | 342        |
| 4                                             | (4) <i>Sự Ghê Sợ</i>                    | 342        |
| 5                                             | (5) <i>Tùng Phần</i>                    | 343        |
| 6                                             | (6) <i>Toàn Bộ</i>                      | 344        |
| 7                                             | (7) <i>Các Tỳ Kheo</i>                  | 344        |
| 8                                             | (8) <i>Phật</i>                         | 345        |
| 9                                             | (9) <i>Sự Hiểu Biết</i>                 | 346        |
| 10                                            | (10) <i>Ngôi Đền</i>                    | 348        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM 'RUNG CHUYỂN LÂU ĐÀI'</b>     |                                         |            |
| <b>(Pāsādakampana-vagga)</b>                  |                                         | <b>352</b> |
| 11                                            | (1) <i>Trước Đây</i>                    | 352        |
| 12                                            | (2) <i>Có Kết Quả Lớn</i>               | 356        |
| 13                                            | (3) <i>Sự Định-Tâm Nhờ Mong-Muốn</i>    | 357        |
| 14                                            | (4) <i>Mục-Kiền-Liên</i>                | 359        |
| 15                                            | (5) <i>Bà-la-môn Uṇṇābha</i>            | 361        |
| 16                                            | (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i> | 363        |
| 17                                            | (7) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i> | 364        |
| 18                                            | (8) <i>Một Tỳ Kheo</i>                  | 365        |
| 19                                            | (9) <i>Một Giáo Lý</i>                  | 366        |
| 20                                            | (10) <i>Phân Tích</i>                   | 367        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM 'HÒN SẮT' (Ayogūḷa-vagga)</b> |                                         |            |
| 21                                            | (1) <i>Con Đường</i>                    | 373        |
| 22                                            | (2) <i>Hòn Sắt</i>                      | 374        |

|                                                         |                                                           |            |
|---------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|------------|
| 23                                                      | (3) <i>Một Tỳ Kheo</i> .....                              | 375        |
| 24                                                      | (4) <i>Bản Kinh Ngẩn Gợn</i> .....                        | 376        |
| 25                                                      | (5) <i>Những Thánh Quả (1)</i> .....                      | 376        |
| 26                                                      | (6) <i>Những Thánh Quả (2)</i> .....                      | 377        |
| 27                                                      | (7) <i>Ānanda (1)</i> .....                               | 377        |
| 28                                                      | (8) <i>Ānanda (2)</i> .....                               | 378        |
| 29                                                      | (9) <i>Một Số Tỳ Kheo (1)</i> .....                       | 378        |
| 30                                                      | (10) <i>Một Số Tỳ Kheo (2)</i> .....                      | 379        |
| 31                                                      | (11) <i>Mục-kiền-liên</i> .....                           | 379        |
| 32                                                      | (12) <i>Như Lai</i> .....                                 | 381        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẬP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>  |                                                           |            |
| <i>(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)</i> .....                      |                                                           | <b>383</b> |
| 33                                                      | (1) — 44 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...</i> ..... | 383        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga) .....</b> |                                                           |            |
| 45 (1) — 54 (10) <i>Như Lai</i> .....                   |                                                           | 385        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-</b>  |                                                           |            |
| <b><i>vagga)</i> .....</b>                              |                                                           | <b>386</b> |
| 55                                                      | (1) — 66 (12) <i>Khó Nhọc</i> .....                       | 386        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga) .....</b>      |                                                           |            |
| 67 (1) — 76 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....               |                                                           | 387        |
| <b>NHÓM 8. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỮ’ (Ogha-vagga) .....</b>  |                                                           |            |
| 77 (1) — 85 (9) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                |                                                           | 388        |
| 86 (10) <i>Những Gông Cùm Cao Hơn</i> .....             |                                                           | 388        |
| <b>Chương 52. Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ</b> .....           |                                                           | <b>391</b> |

**NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT MÌNH’ (*Rahogata-vagga*) ..... 393**

|    |                                                        |     |
|----|--------------------------------------------------------|-----|
| 1  | (1) <i>Một Mình (1)</i> .....                          | 393 |
| 2  | (2) <i>Một Mình (2)</i> .....                          | 396 |
| 3  | (3) <i>Bên Bờ Sông Sutanu</i> .....                    | 397 |
| 4  | (4) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (1)</i> .....                 | 398 |
| 5  | (5) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (2)</i> .....                 | 399 |
| 6  | (6) <i>Khu Rừng Gai Nhọn (3)</i> .....                 | 399 |
| 7  | (7) <i>Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng</i> .....                 | 400 |
| 8  | (8) <i>Chòi Cây Salala</i> .....                       | 401 |
| 9  | (9) <i>Tất Cả (hay Khu Vườn của cô Ambapālī)</i> ..... | 402 |
| 10 | (10) <i>Bệnh Yếu Gân Chết</i> .....                    | 403 |

**NHÓM 2. NHÓM ‘THỨ HAI’ (MỘT NGÀN) (*Dutiya-vagga*)**

..... 405

|    |                                                     |     |
|----|-----------------------------------------------------|-----|
| 11 | (1) <i>Một Ngàn Đại Kiếp</i> .....                  | 405 |
| 12 | (2) <i>Thân-Thông</i> .....                         | 406 |
| 13 | (3) <i>Tai Thiên Thánh</i> .....                    | 406 |
| 14 | (4) <i>Biết Rõ Tâm Khác</i> .....                   | 406 |
| 15 | (5) <i>Điều Có Thể</i> .....                        | 406 |
| 16 | (6) <i>Sự Nhận Lãnh Nghiệp</i> .....                | 407 |
| 17 | (7) <i>Dẫn Tới Nơi Đâu</i> .....                    | 407 |
| 18 | (8) <i>Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau</i> .....     | 407 |
| 19 | (9) <i>Những Thành Phần Đa Dạng Khác Nhau</i> ..... | 407 |
| 20 | (10) <i>Những Mức Độ Căn Cơ</i> .....               | 408 |
| 21 | (11) <i>Các Tầng Thiên Định</i> .....               | 408 |
| 22 | (12) <i>Những Cõi Sống Kiếp Trước</i> .....         | 408 |

|                                                         |                                                        |            |
|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------|
| 23                                                      | (13) <i>Mắt Thiên Thánh</i> .....                      | 409        |
| 24                                                      | (14) <i>Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm</i> .....                 | 409        |
| <b>Chương 53. Liên Kết THIÊN ĐỊNH .....</b>             |                                                        | <b>411</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI &amp; TÓM LƯỢC</b>  |                                                        |            |
| <b>(Gaṅgā-Peyyāla-vagga) .....</b>                      |                                                        | <b>413</b> |
| 1                                                       | (1) — 12 (12) <i>Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông</i> ... .. | 413        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’ (Appamāda-vagga) .....</b> |                                                        | <b>415</b> |
| 13                                                      | (1) — 22 (10) <i>Như Lai</i> .....                     | 415        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’ (Balakaraṇīya-</b>  |                                                        |            |
| <b>vagga).....</b>                                      |                                                        | <b>416</b> |
| 23                                                      | (1) — 34 (12) <i>Khó Nhọc</i> ... ..                   | 416        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘TÌM KIẾM’ (Esanā-vagga).....</b>       |                                                        | <b>417</b> |
| 35                                                      | (1) — 44 (10) <i>Sự Tìm Kiếm</i> .....                 | 417        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’ (Ogha-vagga) .....</b>  |                                                        | <b>418</b> |
| 45                                                      | (1) — 53 (9) <i>Những Dòng Lũ</i> ... ..               | 418        |
| 54                                                      | (10) <i>Những Gông Cùm Cao hơn</i> ... ..              | 418        |
| <b>Chương 54. Liên Kết HOI THỞ VÔ-RA.....</b>           |                                                        | <b>421</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘MỘT THỨ’ (Ekadhamma-vagga).....</b>    |                                                        | <b>423</b> |
| 1                                                       | (1) <i>Một Thứ</i> .....                               | 423        |
| 2                                                       | (2) <i>Những Yếu Tố Giác Ngộ</i> .....                 | 424        |
| 3                                                       | (3) <i>Bản Kinh Ngắn Gọn</i> .....                     | 425        |
| 4                                                       | (4) <i>Những Thánh Quả (1)</i> .....                   | 426        |
| 5                                                       | (5) <i>Những Thánh Quả (2)</i> .....                   | 426        |
| 6                                                       | (6) <i>Ariṭṭha</i> .....                               | 427        |

|                                                       |                                      |            |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------|
| 7                                                     | (7) Ngài Đại Kappina .....           | 429        |
| 8                                                     | (8) Ví Dụ Ngọn Đèn .....             | 430        |
| 9                                                     | (9) Ở Vesālī .....                   | 435        |
| 10                                                    | (10) Kimbila .....                   | 437        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM 'ĀNANDA' (Dutiya-vagga).....</b>      |                                      | <b>442</b> |
| 11                                                    | (1) Ở Icchānaṅgala .....             | 442        |
| 12                                                    | (2) Có Nghi Ngờ .....                | 443        |
| 13                                                    | (3) Ānanda (1) .....                 | 445        |
| 14                                                    | (4) Ānanda (2) .....                 | 452        |
| 15                                                    | (5) Các Tỳ Kheo (1) .....            | 453        |
| 16                                                    | (6) Các Tỳ Kheo (2) .....            | 453        |
| 17                                                    | (7) Những Gông Cùm .....             | 453        |
| 18                                                    | (8) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn ..... | 453        |
| 19                                                    | (9) Quá Trình .....                  | 454        |
| 20                                                    | (10) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm .....      | 454        |
| <b>Chương 55. Liên Kết NHẬP LƯU.....</b>              |                                      | <b>457</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM 'CỔNG TRE' (Veḷudvāra-vagga).....</b> |                                      | <b>459</b> |
| 1                                                     | (1) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe ..... | 459        |
| 2                                                     | (2) Đã Nhập Cứ... .....              | 460        |
| 3                                                     | (3) Dīghāvu .....                    | 461        |
| 4                                                     | (4) Xá-lợi-phát (1) .....            | 464        |
| 5                                                     | (5) Xá-lợi-phát (2) .....            | 465        |
| 6                                                     | (6) Những Người Thị Vệ .....         | 466        |
| 7                                                     | (7) Những Người Làng Cổng Tre .....  | 470        |
| 8                                                     | (8) Hội Trường Gạch (1) .....        | 475        |

|                                                                                                 |                                                                 |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------|
| 9                                                                                               | (8) <i>Hội Trường Gạch</i> (2).....                             | 477        |
| 10                                                                                              | (10) <i>Hội Trường Gạch</i> (3).....                            | 477        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘MỘT NGÀN’ hay ‘TỈNH XÁ HOÀNG GIA’</b><br><b>(<i>Rājakārāma-vagga</i>).....</b> |                                                                 | <b>480</b> |
| 11                                                                                              | (1) <i>Một Ngàn</i> .....                                       | 480        |
| 12                                                                                              | (2) <i>Những Bà-la-môn</i> .....                                | 480        |
| 13                                                                                              | (3) <i>Ānanda</i> .....                                         | 481        |
| 14                                                                                              | (4) <i>Nơi Đến Xấu Dữ</i> (1).....                              | 484        |
| 15                                                                                              | (5) <i>Nơi Đến Xấu Dữ</i> (2).....                              | 484        |
| 16                                                                                              | (6) <i>Bạn Bè và Đồng Sự... (1)</i> .....                       | 484        |
| 17                                                                                              | (7) <i>Bạn Bè và Đồng Sự... (2)</i> .....                       | 485        |
| 18                                                                                              | (8) <i>Thăm Các Thiên Thần</i> (1) .....                        | 486        |
| 19                                                                                              | (9) <i>Thăm Các Thiên Thần</i> (2).....                         | 487        |
| 20                                                                                              | (10) <i>Thăm Các Thiên Thần</i> (3).....                        | 487        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘SARAKĀNI’ (<i>Sarakāni-vagga</i>).....</b>                                     |                                                                 | <b>489</b> |
| 21                                                                                              | (1) <i>Mahānāma</i> (1) .....                                   | 489        |
| 22                                                                                              | (2) <i>Mahānāma</i> (2).....                                    | 490        |
| 23                                                                                              | (3) <i>Godhā</i> .....                                          | 491        |
| 24                                                                                              | (4) <i>Sarakāni</i> (1).....                                    | 493        |
| 25                                                                                              | (5) <i>Sarakāni</i> (2).....                                    | 496        |
| 26                                                                                              | (6) <i>Cấp Cô Độc</i> (1).....                                  | 500        |
| 27                                                                                              | (7) <i>Cấp Cô Độc</i> (2).....                                  | 504        |
| 28                                                                                              | (8) <i>Sự Tù Ghét Đáng Sợ</i> (1) { <i>Cấp Cô Độc</i> (3)}..... | 507        |
| 29                                                                                              | (9) <i>Sự Tù Ghét Đáng Sợ</i> (2) .....                         | 507        |
| 30                                                                                              | (10) <i>Nadaka Người Licchavi</i> .....                         | 507        |

|                                                                                           |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC’</b>                                                |            |
| <b>(Paṭhamapuññābhisanda-vagga) .....</b>                                                 | <b>510</b> |
| 31 (1) <i>Những Dòng Phước Đức (1)</i> .....                                              | 510        |
| 32 (2) <i>Những Dòng Phước Đức (2)</i> .....                                              | 511        |
| 33 (3) <i>Dòng Chảy Phước Đức (3)</i> .....                                               | 511        |
| 34 (4) <i>Những Vết Chân Thiên Thánh (1)</i> .....                                        | 512        |
| 35 (5) <i>Những Vết Chân Thiên Thánh (2)</i> .....                                        | 513        |
| 36 (6) <i>Giống Nhau Với Những Thiên Thân</i> .....                                       | 514        |
| 37 (7) <i>Mahānāma</i> .....                                                              | 515        |
| 38 (8) <i>Mưa</i> .....                                                                   | 516        |
| 39 (9) <i>Kāḷigodhā</i> .....                                                             | 517        |
| 40 (10) <i>Nandiya</i> .....                                                              | 518        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC—CÓ THI KỆ’ (Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga) .....</b> |            |
| <b>521</b>                                                                                |            |
| 41 (1) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (1)</i> .....                                         | 521        |
| 42 (2) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (2)</i> .....                                         | 522        |
| 43 (3) <i>Những Dòng Chảy Phước Đức (3)</i> .....                                         | 523        |
| 44 (4) <i>Giàu Có (1)</i> .....                                                           | 524        |
| 45 (5) <i>Giàu Có (2)</i> .....                                                           | 524        |
| 46 (6) <i>Bản Kinh Ngấn Gợn</i> .....                                                     | 525        |
| 47 (7) <i>Nandiya</i> .....                                                               | 525        |
| 48 (8) <i>Bhaddiya</i> .....                                                              | 525        |
| 49 (9) <i>Mahānāma</i> .....                                                              | 526        |
| 50 (10) <i>Những Yếu Tố</i> .....                                                         | 526        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘NGƯỜI CÓ TRÍ’ (Sappañña-vagga).....</b>                                  |            |
| <b>527</b>                                                                                |            |



|                                                             |                                                       |            |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------|
| 51                                                          | (1) <i>Kinh Có Thi Kệ</i> .....                       | 527        |
| 52                                                          | (2) <i>Ngươi Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa</i> .....      | 527        |
| 53                                                          | (3) <i>Dhammadinna</i> .....                          | 529        |
| 54                                                          | (4) <i>Bị Bệnh</i> .....                              | 531        |
| 55                                                          | (5) <i>Thánh Quả Nhập-Lưu</i> .....                   | 533        |
| 56                                                          | (6) <i>Thánh Quả Nhất-Lai</i> .....                   | 534        |
| 57                                                          | (7) <i>Thánh Quả Bất-Lai</i> .....                    | 534        |
| 58                                                          | (8) <i>Thánh Quả A-la-hán</i> .....                   | 534        |
| 59                                                          | (9) <i>Sự Đạt Được Trí-Tuệ</i> .....                  | 534        |
| 60                                                          | (10) <i>Sự Phát Triển Trí-Tuệ</i> .....               | 535        |
| 61                                                          | (11) <i>Sự Gia Tăng Trí-Tuệ</i> .....                 | 535        |
| <b>NHÓM 7. NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’ (<i>Mahapañña-vagga</i>).....</b> |                                                       | <b>536</b> |
| 62                                                          | (1) <i>Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ</i> .....               | 536        |
| 63                                                          | (2) — 74 (13) <i>Sự Lớn Rộng... Của Trí-Tuệ</i> ..... | 536        |
| <b>Chương 56. Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐẾ).....</b>           |                                                       | <b>537</b> |
| <b>NHÓM 1. NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’ (<i>Samādhi-vagga</i>).....</b>  |                                                       | <b>539</b> |
| 1                                                           | (1) <i>Sự Định Tâm</i> .....                          | 539        |
| 2                                                           | (2) <i>Sự Tách Ly</i> (ẩn dật).....                   | 539        |
| 3                                                           | (3) <i>Những Người Họ Tộc (1)</i> .....               | 540        |
| 4                                                           | (4) <i>Những Người Họ Tộc (2)</i> .....               | 541        |
| 5                                                           | (5) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)</i> .....         | 542        |
| 6                                                           | (6) <i>Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)</i> .....         | 543        |
| 7                                                           | (7) <i>Những Ý Nghĩ</i> .....                         | 543        |
| 8                                                           | (8) <i>Sự Suy Xét</i> .....                           | 544        |
| 9                                                           | (9) <i>Nói Chuyện Tranh Cãi</i> .....                 | 545        |

|                                                          |                                                |            |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
| 10                                                       | (10) <i>Nói Chuyện Vô Bồ</i> .....             | 546        |
| <b>NHÓM 2. NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’</b>      |                                                |            |
| <b>(Dhamma-cakkavattana-vagga).....</b>                  |                                                | <b>548</b> |
| 11                                                       | (1) <i>Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp</i> ..... | 548        |
| 12                                                       | (2) <i>Những Như Lai</i> .....                 | 552        |
| 13                                                       | (3) <i>Các Uẩn</i> .....                       | 553        |
| 14                                                       | (4) <i>Những Giác Quan</i> .....               | 554        |
| 15                                                       | (5) <i>Nhớ (1)</i> .....                       | 555        |
| 16                                                       | (6) <i>Nhớ (2)</i> .....                       | 556        |
| 17                                                       | (7) <i>Vô Minh</i> .....                       | 557        |
| 18                                                       | (8) <i>Sự Hiểu Biết Đích Thực (minh)</i> ..... | 558        |
| 19                                                       | (9) <i>Hàm Ý</i> ... ..                        | 558        |
| 20                                                       | (10) <i>Là Thực</i> .....                      | 559        |
| <b>NHÓM 3. NHÓM ‘KOTIGĀMA’ (Koṭigāma-vagga).....</b>     |                                                |            |
| <b>561</b>                                               |                                                |            |
| 21                                                       | (1) <i>Làng Koṭi (1)</i> .....                 | 561        |
| 22                                                       | (2) <i>Làng Koṭi (2)</i> .....                 | 562        |
| 23                                                       | (3) <i>Bậc Toàn Giác</i> .....                 | 563        |
| 24                                                       | (4) <i>A-la-hán</i> .....                      | 564        |
| 25                                                       | (5) <i>Sự Tiêu Diệt Ô-Nhiễm</i> .....          | 565        |
| 26                                                       | (6) <i>Bạn Hữu</i> ... ..                      | 565        |
| 27                                                       | (7) <i>Là Thực</i> .....                       | 566        |
| 28                                                       | (8) <i>Thế Giới</i> .....                      | 566        |
| 29                                                       | (9) <i>Nên Được Hiểu Hoàn Toàn</i> ... ..      | 567        |
| 30                                                       | (10) <i>Gavampati</i> .....                    | 568        |
| <b>NHÓM 4. NHÓM ‘RỪNG SIMSAPĀ’ (Siṃsapā-vagga) .....</b> |                                                |            |
| <b>569</b>                                               |                                                |            |

|                                                                 |                                            |            |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|------------|
| 31                                                              | (1) <i>Rừng Sinsapā</i> .....              | 569        |
| 32                                                              | (2) <i>Lá Cây Acacia</i> .....             | 570        |
| 33                                                              | (3) <i>Khúc Cây</i> .....                  | 571        |
| 34                                                              | (4) <i>Quần Áo</i> .....                   | 572        |
| 35                                                              | (5) <i>Một Trăm Ngọn Giáo</i> .....        | 573        |
| 36                                                              | (6) <i>Chúng Sinh</i> .....                | 573        |
| 37                                                              | (7) <i>Mặt Trời (1)</i> .....              | 574        |
| 38                                                              | (8) <i>Mặt Trời (2)</i> .....              | 575        |
| 39                                                              | (9) <i>Cột Cửa Trời Indra</i> .....        | 576        |
| 40                                                              | (10) <i>Kiểm Chuyện Tranh Cãi</i> .....    | 577        |
| <b>NHÓM 5. NHÓM ‘VỰC NÚI’ (<i>Papāta-vagga</i>) .....</b>       |                                            | <b>579</b> |
| 41                                                              | (1) <i>Suy Xét Về Thế Giới</i> .....       | 579        |
| 42                                                              | (2) <i>Vực Núi</i> .....                   | 581        |
| 43                                                              | (3) <i>Đại Hỏa Ngục</i> .....              | 582        |
| 44                                                              | (4) <i>Ngôi Nhà Mái Nhọn</i> .....         | 584        |
| 45                                                              | (5) <i>Tóc</i> .....                       | 585        |
| 46                                                              | (6) <i>Sự Mùi Tối</i> .....                | 586        |
| 47                                                              | (7) <i>Khúc Gỗ Có Đục Lỗ (1)</i> .....     | 588        |
| 48                                                              | (8) <i>Khúc Gỗ Bị Đục Lỗ (2)</i> .....     | 589        |
| 49                                                              | (9) <i>Núi Tu-Di (1)</i> .....             | 590        |
| 50                                                              | (10) <i>Núi Tu-Di (2)</i> .....            | 591        |
| <b>NHÓM 6. NHÓM ‘SỰ ĐỘT-PHÁ’ (<i>Abhsamaya-vagga</i>) .....</b> |                                            | <b>592</b> |
| 51                                                              | (1) <i>Móng Tay</i> .....                  | 592        |
| 52                                                              | (2) <i>Hồ Nước</i> .....                   | 593        |
| 53                                                              | (3) <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)</i> ..... | 593        |

|    |                                            |     |
|----|--------------------------------------------|-----|
| 54 | (4) <i>Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)</i> ..... | 594 |
| 55 | (5) <i>Trái Đất (1)</i> .....              | 595 |
| 56 | (6) <i>Trái Đất (2)</i> .....              | 595 |
| 57 | (7) <i>Đại Dương (1)</i> .....             | 596 |
| 58 | (8) <i>Đại Dương (2)</i> .....             | 597 |
| 59 | (9) <i>Núi (1)</i> .....                   | 598 |
| 60 | (10) <i>Núi (2)</i> .....                  | 598 |

## **NHÓM 7. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’**

### **(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*) ..... 600**

|    |                                                   |     |
|----|---------------------------------------------------|-----|
| 61 | (1) <i>Cõi Khác</i> .....                         | 600 |
| 62 | (2) <i>Ở Những Nước Nằm Ngoài Biên Giới</i> ..... | 600 |
| 63 | (3) <i>Trí Tuệ</i> .....                          | 601 |
| 64 | (4) <i>Rượu Nặng Rượu Nhẹ</i> .....               | 601 |
| 65 | (5) <i>Sinh Trong Nước</i> .....                  | 602 |
| 66 | (6) <i>Kính Hiếu Mẹ</i> .....                     | 602 |
| 67 | (7) <i>Kính Hiếu Cha</i> .....                    | 602 |
| 68 | (8) <i>Tôn Kính Các Tu Sĩ</i> .....               | 603 |
| 69 | (9) <i>Tôn Kính Những Bà-la-môn</i> .....         | 603 |
| 70 | (10) <i>Kính Trọng Người Lớn Tuổi</i> .....       | 603 |

## **NHÓM 8. NHÓM ‘GẠO SỐNG’ THỨ HAI & LẶP LẠI’**

### **(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*) ..... 604**

|    |                                |     |
|----|--------------------------------|-----|
| 71 | (1) <i>Sát Sinh</i> .....      | 604 |
| 72 | (2) <i>Gian Cấp</i> .....      | 604 |
| 73 | (3) <i>Tà Dâm Tà Dục</i> ..... | 604 |
| 74 | (4) <i>Nói Dối</i> .....       | 605 |

|                                                          |                                          |            |
|----------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------|
| 75                                                       | (5) <i>Nói Lời Gây Chia Rẽ</i> .....     | 605        |
| 76                                                       | (6) <i>Nói Lời Gắt Gỏng</i> .....        | 605        |
| 77                                                       | (7) <i>Nói Lời Tầm Phào Vô Ích</i> ..... | 605        |
| 79                                                       | (9) <i>Không Đúng Thời</i> .....         | 606        |
| 80                                                       | (10) <i>Nước Hoa và Sơn Phấn</i> .....   | 606        |
| <b>NHÓM 9. NHÓM ‘GAO SỐNG’ THỨ BA &amp; LẶP LẠI’</b>     |                                          |            |
| <b>(<i>Tatiyaāmakadhañña Peyyāla-vagga</i>) .....</b>    |                                          | <b>607</b> |
| 81                                                       | (1) <i>Múa Hát</i> .....                 | 607        |
| 82                                                       | (2) <i>Giường Cao</i> ... ..             | 607        |
| 83                                                       | (3) <i>Vàng Bạc</i> .....                | 607        |
| 84                                                       | (4) <i>Gạo Sống</i> ... ..               | 608        |
| 85                                                       | (5) <i>Thịt Sống</i> .....               | 608        |
| 86                                                       | (6) <i>Con Gái</i> .....                 | 608        |
| 87                                                       | (7) <i>Nô Tỳ</i> .....                   | 608        |
| 88                                                       | (8) <i>Dê và Cừu</i> .....               | 609        |
| 89                                                       | (9) <i>Gia Cầm và Heo</i> .....          | 609        |
| 90                                                       | (10) <i>Voi</i> ... ..                   | 609        |
| <b>NHÓM 10. NHÓM ‘GAO SỐNG’ THỨ TƯ &amp; LẶP LẠI’</b>    |                                          |            |
| <b>(<i>Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga</i>) .....</b> |                                          | <b>611</b> |
| 91                                                       | (1) <i>Ruộng Đất</i> .....               | 611        |
| 92                                                       | (2) <i>Buôn Bán</i> .....                | 611        |
| 93                                                       | (3) <i>Báo Tin Tức</i> .....             | 611        |
| 94                                                       | (4) <i>Cân Đo Gian Lận</i> .....         | 612        |
| 95                                                       | (5) <i>Đút Lót Hối Lộ</i> ... ..         | 612        |
| 96                                                       | (6) — 101 (11) <i>Làm Tồn Hại</i> ... .. | 612        |

|                                                                    |                                                                         |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| <b>NHÓM 11. NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN &amp; LẬP LẠI’ (<i>Pañcagati</i></b> |                                                                         |
| <b><i>Peyyāla-vagga</i>) ..... 614</b>                             |                                                                         |
| 102                                                                | <i>(1) Là Người Chết Đi thành người (1)..... 614</i>                    |
| 103                                                                | <i>(2) Là Người Chết Đi thành người (2)..... 614</i>                    |
| 104                                                                | <i>(3) Là Người Chết Đi thành người (3)..... 615</i>                    |
| 105                                                                | <i>(4) — 107 (6) Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6)... 615</i>     |
| 108                                                                | <i>(7) — 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (1–3). 615</i>       |
| 111                                                                | <i>(10) — 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (4–6) 616</i> |
| 114                                                                | <i>(13) — 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3) 616</i>        |
| 117                                                                | <i>(16) — 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6) 616</i>   |
| 120                                                                | <i>(19) — 122 (21) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành người (1–3) 617</i>    |
| 126                                                                | <i>(25) — 128 (27) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành người (1–3) 617</i>     |
| 129                                                                | <i>(28) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4) ..... 618</i>       |
| 130                                                                | <i>(29) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5) ..... 618</i>       |
| 131                                                                | <i>(30) Từ Cõi Ngạ Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6) ..... 618</i>       |
| <b>BẢNG VIẾT TẮT..... 621</b>                                      |                                                                         |
| <b>CHÚ THÍCH ..... 627</b>                                         |                                                                         |

*Kính lễ Đức Thế Tôn,  
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

## **Chương 45**

### **Liên Kết CON-ĐƯỜNG**

*(45 Magga-saṃyutta)*

*(45 Tương ưng Đạo)*





# NHÓM 1

## NHÓM ‘VÔ MINH’

(*Avijjā-vagga*)

### 1 (1) Vô Minh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(I) “Này các Tỳ kheo, vô-minh<sup>1</sup>—đi kèm với sự không biết xấu-hổ và sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái bất-thiện.<sup>2</sup> (1) Đối với người ngu bị chìm đắm trong vô-minh thì cách-nhìn sai lạc (tà kiến) cứ phát sinh. (2) Người có cách-nhìn sai lạc thì ý-định sai lạc (tà tư duy) phát sinh. (3) Người có ý-định sai lạc thì lời-nói sai trái (tà ngữ) phát sinh. (4) Người có lời-nói sai trái thì hành-động sai trái (tà nghiệp) phát sinh. (5) Người có hành-động sai trái thì sự mưu-sinh sai trái (tà hạnh) phát sinh. (6) Người có sự mưu-sinh sai trái thì sự nỗ-lực sai lạc (tà tinh tấn) phát sinh. (7) Người có sự nỗ-lực sai lạc thì sự chú-tâm sai lạc (tà niệm) phát sinh. (8) Người có sự chú-tâm sai lạc thì sự định-tâm sai lạc (tà định) phát sinh.

(II) “Này các Tỳ kheo, trí-biết đích thực (minh, chân trí)—đi kèm với sự biết xấu-hổ và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái— là thứ dẫn đầu bước vào những trạng thái thiện-lành. (1) Đối với người có trí đã đạt tới trí-biết đích thực thì cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến)

khởi sinh. (2) Người có cách-nhìn đúng đắn thì ý-định đúng đắn (chánh tư duy) khởi sinh. (3) Người có ý-định đúng đắn thì lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) khởi sinh. (4) Người có lời-nói đúng đắn thì hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) khởi sinh. (5) Người có hành-động đúng đắn thì sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) khởi sinh. (6) Người có sự mưu-sinh đúng đắn thì sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn) khởi sinh. (7) Người có sự nỗ-lực đúng đắn thì sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm) khởi sinh. (8) Người có sự chú-tâm đúng đắn thì sự định-tâm đúng đắn (chánh định) khởi sinh.”

(SN 45:01)

## 2 (2) Một Nửa Đời Sống Tâm Linh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người xứ Thích-Ca trong một thị trấn của họ có tên là Nāgaraka.<sup>3</sup> Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào<sup>4</sup> đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa rằng: “Thưa đức Thế Tôn, đây là một-nửa của đời sống tâm linh [thánh thiện], đó là: sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”<sup>5</sup>

“Không phải vậy, Ānanda! Không phải như vậy, Ānanda! Đây Ānanda, đó chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, điều đó có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”<sup>6</sup>

“Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo với sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo [Tám Phần Thánh Thiện]? Ở đây, này Ānanda, một người đó tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... lời-nói đúng đắn (chánh ngữ) ... hành-động đúng đắn (chánh nghiệp) ... sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh) ... sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn)... sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm)... sự định-tâm đúng đắn

(chánh định), dựa vào *sự tách-ly* (sự sống tách-ly, sự ẩn-dật, sự lánh-trần), sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.<sup>7</sup> Nay Ānanda, theo cách này thì một Tỳ kheo với sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Nay Ānanda, với phương pháp sau đây thì cũng có thể hiểu được cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt, đó là: bằng cách dựa theo Ta đây (tức Phật) như một người bạn-tốt, nay Ānanda, những chúng sinh bị sinh sẽ được giải thoát khỏi sinh; những chúng sinh bị già được sẽ giải thoát khỏi già; những chúng sinh bị chết sẽ được giải thoát khỏi chết; những chúng sinh bị buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng sẽ được giải thoát khỏi sự bị buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nay Ānanda, với phương pháp này thì có thể hiểu được cách mà toàn bộ đời sống tâm linh chính là sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”

(SN 45:02)

### 3 (3) *Xá-lợi-phất*

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đây là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt.”<sup>8</sup>

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Đây chính là toàn-bộ đời sống tâm linh, đó là: sự có bạn-tốt, đồng-môn tốt, đồng-đạo tốt. Khi một Tỳ kheo có bạn-tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt, thì có thể trông đợi người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này Xá-lợi-phất, theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt, đạo hữu tốt, đồng môn tốt, thì người đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát

Thánh Đạo?”

[Phần còn lại giống như kinh kể trên, chỉ khác là thầy Ānanda đổi thành thầy Xá-lợi-phát.]

(SN 45:03)

#### 4 (4) Ông Bà-la-môn

Ở Sāvathī.

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvathī để khát thực. Thầy Ānanda nhìn thấy ông bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvathī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi mấy con ngựa cái. Những con ngựa kéo đều lông trắng, những đồ trang trí của chúng đều trắng, cỗ xe màu trắng, nệm yên trắng, dây cương, roi ngựa, và mái che cũng đều màu; khăn đóng, quần áo, và giày dép của ông ta đều trắng, và ông ta được hầu quạt bởi cái quạt màu trắng.<sup>9</sup>

Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: “Thực sự là cỗ xe thiên thánh! Nhìn nó đúng là một cỗ xe thiên thánh!”.

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khát thực trong thành Sāvathī và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng, con mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvathī để khát thực. Con nhìn thấy bà-la-môn Jāṇussoṇi đang đi ra khỏi thành Sāvathī trong một chiếc xe ngựa toàn trắng.... Sau khi nhìn thấy vậy, người ta nói: “Thực sự là cỗ xe thiên thánh! Nhìn nó đúng là một cỗ xe thiên thánh!”. Thưa Thế Tôn, có thể nào đức Thế Tôn chỉ ra một cỗ xe thiên thánh (phạm thừa) trong Giáo Pháp và Giới Luật này?”

“Có thể, này Ānanda”, đức Thế Tôn nói.

“Đây là một cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo: là ‘cỗ xe thiên thánh’ và ‘cỗ xe Giáo Pháp’, và là ‘cỗ xe tối thắng trong chiến trận’.

“Này Ānanda, cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự đẹp bỏ tham, sự đẹp bỏ sân, sự đẹp bỏ si là mục-tiêu cuối cùng của nó. Ý-định đúng đắn (chánh tư duy) ... Sự định-tâm đúng đắn (chánh định), khi được tu tập và tu dưỡng, có sự đẹp bỏ tham, sự đẹp bỏ sân, sự đẹp bỏ si là mục-tiêu cuối cùng của nó.

“Này Ānanda, theo cách này thì có thể hiểu được cách để chỉ con đường Bát Thánh Đạo này: là ‘cỗ xe thiên thánh’ và ‘cỗ xe Giáo Pháp’ và là ‘cỗ xe tối thắng trong chiến trận’.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Những phẩm chất của nó là niềm-tin và trí-tuệ,  
Luôn được liên kết [ách chung] ngang nhau.  
Sự biết xấu-hổ là cán xe, tâm là cái đòn ách,  
Sự chánh-niệm là người lái xe luôn quán sát.

“Trang hoàng của xe là đức-hạnh,  
Trục bánh xe là thiện-định [jhāna],<sup>10</sup>  
Sự nỗ-lực (tinh tấn) là những bánh xe;  
Sự buông-xả giữ tải trọng của xe được cân bằng,  
Sự vô-tham như nệm yên xe.

“Sự vô-sân [thiện ý], sự vô-hại, và sự sống tu ẩn-dật:  
Đó là những vũ khí của cỗ xe,  
Sự nhẫn-nghĩ là áo giáp và tấm khiêng bảo hộ,  
Và nó lẩn tránh tới sự an-toàn khỏi sự trôi-buộc.

“Đây là cỗ xe thiên thánh, tối thượng,

Bắt đầu từ trong chính mình.<sup>11</sup>

Người có trí lên đường thoát ra khỏi thế giới,  
Sẽ tất thắng, tối thắng.”

(SN 45:04)

## 5 (5) Vì Mục Đích Gì?

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, các Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Ở đây, thưa Thế Tôn, những du sĩ các giáo phái khác hỏi chúng con: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh (tu hành) theo/dưới sa-môn Cồ-đàm?’ Thưa Thế Tôn, khi chúng con được hỏi như vậy, chúng con trả lời các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, vì mục đích để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn’. Thưa Thế Tôn, chúng con hy vọng khi chúng con trả lời như vậy là đã nói đúng điều đức Thế Tôn đã nói và không diễn dịch sai lời đức Thế Tôn bằng bất cứ điều gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó; rằng chúng con đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị họ phê bình.”<sup>12</sup>

“Chắc chắn là vậy, này các Tỳ kheo, khi các thầy trả lời như vậy là các thầy là đã nói đúng điều Ta đã nói và không diễn dịch sai lời ta bằng bất cứ điều gì trái với điều đó; rằng các thầy đã giải thích đúng theo Giáo Pháp, và không để lại cơ sở có lý nào để bị họ phê bình. Bởi vì, này các Tỳ kheo, mục đích là để hoàn-toàn hiểu sự khổ nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới ta.

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ các giáo phái khác còn hỏi các thầy như vậy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường (đạo) nào, có đường-đi nào để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này?’—khi được hỏi

như vậy, các thầy nên trả lời như vậy: ‘Có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này.’

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ này? Đó là con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là con-đường, đây là đường-đi dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ các giáo phái khác đó theo cách như vậy.”

**(SN 45:05)**

## **6 (6) Một Tỳ kheo (1)**

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đời sống tâm linh, đời sống tâm linh’. Thưa Thế Tôn, cái gì là đời sống tâm linh? Cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh?”

“Này Tỳ kheo, con đường Bát Thánh Đạo này chính là đời sống tâm linh; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống tâm linh.”

**(SN 45:06)**

## **7 (7) Một Tỳ kheo (2)**

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si’. Thưa Thế Tôn, đây là một cách để chỉ cái gì?”

“Này Tỳ kheo, đây là một cách để chỉ yếu-tố của Niết-bàn, đó là: sự dẹp bỏ tham, sự dẹp bỏ sân, sự dẹp bỏ si. Sự tiêu diệt những ô-nhiễm được nói theo cách như vậy.”<sup>13</sup>

Sau khi điều này được nói ra, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự Bất Tử, sự Bất Tử’. Thưa Thế Tôn, bây giờ cái gì là sự Bất Tử? Cái gì là con đường dẫn tới sự Bất Tử?”

“Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây được gọi là sự Bất Tử. Bát Thánh Đạo này là con-đường dẫn tới sự Bất Tử; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.”

(SN 45:07)

## 8 (8) Phân Tích

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con đường Bát Thánh Đạo và ta sẽ phân tích nó cho các thầy. Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.”<sup>14</sup>

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách-nhìn đúng đắn? Đó là sự biết về khổ, sự biết về nguồn-gốc khổ, sự biết về sự chấm-dứt khổ, sự biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ: đây được gọi là cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến).

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là ý-định đúng đắn? Đó là ý định



từ-bỏ (vô tham), ý định không ác-ý (vô sân), ý định không gây-hại (vô hại): đây được gọi là ý-định đúng đắn (chánh tư duy).

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là lời-nói đúng đắn? Sự kiêng cử nói-dối nói sai, kiêng cử nói lời gây chia-rẽ, kiêng cử lời nói gắt-gông, kiêng cử nói chuyện tâm phào tán dóc: đây được gọi là lời-nói đúng đắn (chánh ngữ).

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là hành-động đúng đắn? Sự kiêng cử sát-sinh, kiêng cử gian-cấp, kiêng cử tà-dâm tà dục: đây được gọi là hành-động đúng đắn (chánh nghiệp).

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mưu-sinh đúng đắn? Ở đây một người đệ tử thánh thiện, sau khi đã dẹp bỏ sự mưu sinh sai trái, chỉ kiếm sống nuôi thân bằng sự mưu sinh đúng đắn: đây được gọi là sự mưu-sinh đúng đắn (chánh hạnh).

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực đúng đắn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh.... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh.... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và phẩn-đầu. Đây được gọi là sự nỗ-lực đúng đắn (chánh tinh tấn).

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chú-tâm đúng đắn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết (tinh giác), có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (ii) Người đó

sống quán sát *cảm-giác* (thọ) trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iii) Người đó sống quán sát tâm trong *tâm*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. (iv) Người đó sống quán sát *những hiện-tượng* (pháp) trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là sự chú-tâm đúng đắn (chánh-niệm). (Gồm *bốn nền-tảng chánh niệm*: thân, cảm-giác, tâm, những hiện-tượng)

(8) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự định-tâm đúng đắn? Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly.’

“Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, và có niềm hoan-hỷ và hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm.”

“Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ, người đó an trú buông-xả (xả), và có chánh-niệm và thường rõ-biết, người đó trải nghiệm niềm hạnh-phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiên), trạng thái mà những bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một hạnh phúc.’”

“Với sự dẹp bỏ sự sừng và sự khổ, và với sự phai biến trước đó của sự vui và buồn, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiên), trạng thái không còn sự sừng hay khổ, gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết có được nhờ yếu tố buông-xả.

Đây được gọi là sự định-tâm đúng đắn (chánh-định).”

(SN 45:08)

## 9 (9) *Đầu Hột Lúa*

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt sai hướng và đâm vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Vì đầu hột lúa bị đặt sai hướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng sai lạc (tà kiến, tà chấp), với sự tu-tập con đường đạo theo hướng bị sai lạc (tà đạo), thì có thể đâm thủng (bức màn) vô-minh, có thể phát khởi trí-biết đích thực và chứng ngộ Niết-bàn, hay không? – Không thể được. Vì lý do gì? Bởi vì cách-nhìn của người của người đó đã bị theo hướng sai lạc.

- “Này các Tỳ kheo, giả sử một đầu nhọn hột lúa hay hột lúa mì được đặt đúng hướng và đâm vào tay hay chân. Vậy nó có thể đâm thủng tay hay chân làm chảy máu hay không? – Có thể được. Vì lý do gì? Vì đầu nhọn của nó được đặt giữ đúng hướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn theo hướng đúng đắn (chánh kiến), với sự tu-tập con đường đạo theo hướng được đúng đắn (chánh đạo), thì có thể đâm thủng (bức màn) vô-minh, hay không? – Có thể được. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó đã được theo hướng đúng đắn.

“Và một Tỳ kheo làm như vậy theo cách nào? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến), dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa trên sự sống tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới

sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo với cách-nhìn được theo hướng đúng đắn, với sự tu-tập con đường đạo theo hướng đúng đắn, thì có thể đâm thủng (bức màn) vô-minh, trí-biết đích thực (minh), và chứng ngộ Niết-bàn.”

(SN 45:09)

## 10 (10) *Nandiya*

Ở Sāvathī.

Lúc đó có du sĩ tên là Nandiya đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, có bao nhiêu thứ gì, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng?”

“Này Nandiya, có tám phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng. Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới Niết-bàn, có Niết-bàn là đích-đến của chúng, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của chúng.”

Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Nandiya đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cồ-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 45:10)

## NHÓM 2

### NHÓM ‘AN TRÚ’

(*Vihāra-vagga*)

#### 11 (I) An Trú (I)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi sông ản dật một mình (nhập thất) trong nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khát thực.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khát thực.

Rồi, nửa tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ản dật, và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần của sự thiền trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ hoàn toàn.<sup>15</sup> Ta đã hiểu được như vậy: ‘Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) là điều-kiện.... Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc (tà định) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn (chánh định) là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn là điều-kiện, cũng có cảm-giác do ý-nghĩ (tâm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do nhận-thức (tướng) là điều-kiện.<sup>16</sup>

“(a) Khi sự tham-muốn *chưa* lắng lặn, và những ý-nghĩ *chưa* lắng lặn, và nhận-thức *chưa* lắng lặn, thì có cảm-giác do chúng là điều-kiện. [(b) Khi sự tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *chưa* lắng lặn, và nhận-thức *chưa* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện. (c) Khi sự tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *đã* lắng lặn, và nhận-thức *chưa* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện.]

Khi sự tham-muốn *đã* lắng lặn, và những ý-nghĩ *đã* lắng lặn, và nhận-thức *đã* lắng lặn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện. Có sự nỗ-lực để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được đạt đến, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện.”<sup>17</sup>

(SN 45:11)

## 12 (2) An Trú (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi sống ẩn dật một mình (nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang cho ta thức ăn khát thực.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, trừ người đưa thức ăn khát thực.

Rồi, ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn dật, và đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta đã an trú trong một phần của sự thiền trú mà ta đã an trú trong đó ngay sau khi ta mới giác-ngộ hoàn toàn. Ta đã hiểu được như vậy: ‘Có cảm-giác do cách-nhìn sai lạc (tà kiến) là điều-kiện (duyên), cũng có cảm-giác do có sự lắng lặn cách-nhìn sai lạc là điều-kiện.<sup>18</sup> Có cảm-giác do cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của cách-nhìn đúng đắn là điều-kiện ... Có cảm-giác do sự định-tâm sai lạc là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của sự định-tâm sai lạc là điều-kiện. Có cảm-giác do sự định-tâm đúng đắn là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của sự định-tâm đúng đắn là điều-kiện. Có cảm-giác do tham-muốn (dục) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của tham-muốn (dục) là điều-kiện (*là cảm-giác trong Nhất thiền*). Có cảm-giác do ý-nghĩ (tâm) là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lắng lặn của ý-nghĩ là điều-kiện (*là cảm-giác*

trong *Nhị thiên*). Có cảm-giác do nhận-thức là điều-kiện, cũng có cảm-giác do sự lảng lạn của nhận-thức là điều-kiện (*là cảm-giác trong Phi tướng phi phi tướng xứ*).

“(a) Khi sự tham-muốn chưa lảng lạn, và những ý-nghĩ chưa lảng lạn, và nhận-thức chưa lảng lạn, thì có cảm-giác do chúng là điều-kiện (duyên). [(b) Khi sự tham-muốn đã lảng lạn, và những ý-nghĩ chưa lảng lạn, và nhận-thức chưa lảng lạn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện. (c) Khi sự tham-muốn đã lảng lạn, và những ý-nghĩ đã lảng lạn, và nhận-thức chưa lảng lạn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện.] (d) Khi sự tham-muốn đã lảng lạn, và những ý-nghĩ đã lảng lạn, và nhận-thức đã lảng lạn, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện. Có sự nỗ-lực để chứng ngộ điều chưa được chứng ngộ. Khi giai đoạn đó đã được đạt đến, thì cũng có cảm-giác do chúng là điều-kiện.”

(SN 45:12)

### 13 (3) *Một Học Nhân*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một học nhân, một học nhân’. Theo cách nào một người là một học-nhân?” (tức người còn tu học, là những bậc thánh dưới A-la-hán)

“Ở đây, này Tỳ kheo, một người có được cách-nhìn đúng đắn của một học nhân ... sự định-tâm đúng đắn của một học-nhân. Đây là cách người đó là một học nhân.”

(SN 45:13)

#### **14 (4) Khởi Sinh (1)**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh nếu không có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này, được tu tập và tu dưỡng....”

**(SN 45:14)**

#### **15 (5) Khởi Sinh (2)**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thế). Tám đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này không khởi sinh....”

**(SN 45:14)**

#### **16 (6) Được Thanh Lọc (1)**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thánh tẩy, không tỳ vết, không còn những ô-nhiễm, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Tám đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này, được thanh lọc....”

**(SN 45:16)**



## 17 (7) *Được Thanh Lọc (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần này, được thanh lọc, được thánh tẩy, không tỳ vết, không còn những ô-nhiễm, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Tám đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này không khởi sinh....”

(SN 45:17)

## 18 (8) *Khu Vườn Gà (1)*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị) trong khu Vườn Gà (hay Tịnh xá Gà). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi chỗ ẩn tu, đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống phi thánh thiện, đời sống phi thánh thiện (không thánh thiêng).’ Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống phi thánh thiện?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự tài khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống phi thánh thiện, đời sống phi thánh thiện”.’ Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống phi thánh thiện?”

“Đúng rồi, này đạo hữu?”

“Này đạo hữu, con đường tám phần sai lạc (bát tà đạo) này là phi thánh thiện; đó gồm: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc

(tà định).”

(SN 45:18)

### 19 (9) Khu Vườn Gà (2)

Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị).

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiện, đời sống thánh thiện (thánh thiêng)’. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự khôn khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói “đời sống thánh thiện, đời sống thánh thiện”. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện?’”

“Đúng rồi, này đạo hữu.”

“Này đạo hữu, con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) chính là đời sống thánh thiện; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện.”

(SN 45:19)

### 20 (10) Khu Vườn Gà (3)

Ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị).

“Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiện, đời sống thánh thiện’. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiện và cái gì là một người đi theo đời sống thánh thiện, và cái gì là

mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự khôn khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, thường nghe nói ‘đời sống thánh thiện, đời sống thánh thiện’. Bây giờ, này đạo hữu, cái gì là đời sống thánh thiện và cái gì là một người đi theo đời sống thánh thiện, và cái gì là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện?’”

“Được, thưa đạo hữu.”

“Này đạo hữu, con đường Bát Thánh Đạo chính là đời sống thánh thiện; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Người có-được con đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là người sống đời sống thánh thiện. Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si: đây là mục-tiêu cuối cùng của đời sống thánh thiện.”

**(SN 45:20)**

### NHÓM 3

## NHÓM ‘SAI LẠC’

(*Micchatta-vagga*)

### 21 (1) Sự Sai Lạc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự sai lạc (tà) và sự đúng đắn (chánh). Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là sự sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là sự đúng đắn.”

(SN 45:21)

### 22 (2) Những Điều Bất Thiện

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều (phẩm chất, trạng thái, sự thực hành) bất thiện và những điều thiện lành. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều bất thiện? Chúng là: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... định-tâm sai lạc (tà định). Đây được gọi là những điều bất thiện.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều thiện lành? Chúng là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là những điều thiện lành.”

(SN 45:22)

### 23 (3) Con Đường (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con đường sai lạc (tà đạo) và con đường đúng đắn (chánh đạo). Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là con đường sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là con đường đúng đắn.”

(SN 45:23)

### 24 (4) Con Đường (2)

Ở Sāvathī.

- “Này các Tỳ kheo, dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta không đề cao con đường sai lạc (tà đạo). Dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, bởi do con đường tu tập sai lạc, người đó sẽ không đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành. Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là con đường sai lạc. Dù đó là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách sai lạc, bởi do con đường tu tập sai lạc, người đó sẽ không đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

- “Này các Tỳ kheo, dù đối với người tại gia hay xuất gia, ta luôn đề cao con đường đúng đắn (chánh đạo). Dù là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, bởi nhờ con đường tu tập đúng đắn, người đó sẽ đạt được phương pháp, đó là Giáo Pháp thiện lành. Và, này

các Tỳ kheo, cái gì là con đường đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là con đường đúng đắn. Dù đó là người tại gia hay xuất gia đang tu tập một cách đúng đắn, bởi nhờ con đường tu tập đúng đắn, người đó đạt được phương pháp, là Giáo Pháp thiện lành.

(SN 45:24)

## 25 (5) *Người Thấp Kém (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người thấp kém và người cao thượng. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người thấp kém? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc, ý-định sai lạc, lời-nói sai lạc, hành-động sai lạc, sự mưu-sinh sai lạc, sự nỗ-lực sai lạc, sự chú-tâm sai lạc, sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là người thấp kém.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người cao thượng? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là người cao thượng.”

(SN 45:25)

## 26 (6) *Người Thấp Kém (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy người thấp kém và người tệ hơn người thấp kém. Ta sẽ dạy cho các thầy người cao thượng và người tốt hơn người cao thượng. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người thấp kém? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc. Đây là được gọi là người thấp kém.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tệ hơn người thấp kém? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc, trí-biết sai lạc, sự giải-thoát sai lạc.<sup>19</sup> Đây là được gọi là người tệ hơn người thấp kém.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người cao thượng? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là được gọi là người cao thượng.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người còn tốt hơn người cao thượng? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, trí-biết đúng đắn, sự giải-thoát đúng đắn. Đây là được gọi là người tốt hơn người cao thượng.

(SN 45:26)

## 27 (7) *Cái Chậu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, như cái chậu không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn chậu có chân đứng thì khó bị ngã đổ; cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã đổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là chân đứng của tâm? Đó là con đường Tám phần Thánh thiện (Bát Thánh Đạo); đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là chân đứng của tâm.

“Này các Tỳ kheo, như cái chậu ... cũng giống như vậy, cái tâm không có chân đứng dễ bị ngã đổ, còn cái tâm có chân đứng khó bị ngã

đồ.”

(SN 45:27)

## 28 (8) Sự Định-Tâm

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự định-tâm đúng đắn thánh thiện (thánh chánh-định) với những sự hỗ-trợ của nó và những điều-kiện tiên quyết của nó. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện với những sự hỗ-trợ của nó và những điều-kiện tiên quyết của nó? Đó là: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự chú-tâm đúng đắn (chánh niệm). Sự nhất-điểm của tâm được trang bị với bảy yếu-tố (chi, phần) này thì được gọi là sự định-tâm đúng đắn thánh thiện ‘cùng với những sự hỗ-trợ của nó’, và ‘cùng với những điều-kiện tiên quyết của nó.’”<sup>20</sup>

(SN 45:28)

## 29 (9) Cảm-giác

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có ba cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính. Đó là ba cảm-giác.”

“Này các Tỳ kheo, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu ba cảm-giác này. Cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự hoàn-toàn hiểu ba cảm-giác này.”

(SN 45:29)

## 30 (10) Uttiya



Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con ở một mình ở nơi tách-ly (ẩn dật, ẩn cư, ẩn tu) thì một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm con như vậy: ‘Năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc) đã được nói bởi đức Thế Tôn’. Nhưng giờ cái gì là năm dây khoái-lạc giác-quan?”

“Tốt, tốt, này Uttiya! Năm dây khoái-lạc giác-quan này đã được nói bởi ta. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những chạm-xúc được nhận biết bởi thân ... Những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan.

“Này Uttiya, Bát Thánh Đạo được tu tập để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác-quan này. Và cái gì là Bát Thánh Đạo? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Bát Thánh Đạo được tu tập là để đạt tới sự dẹp-bỏ năm dây khoái-lạc giác-quan này.”

**(SN 45:30)**

## NHÓM 4

### NHÓM ‘SỰ TU TẬP’

(*Paṭipatti-vagga*)

#### **31 (1) Sự Tu Tập (1)**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu-tập sai lạc và sự tu-tập đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập sai lạc? Đó là: cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là sự tu tập sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập đúng đắn? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.”

(SN 45:31)

#### **32 (2) Sự Tu Tập (2)**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về người tu-tập một cách sai lạc và người tu-tập một cách đúng đắn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu tập một cách sai lạc? Ở đây có người có cách-nhìn sai lạc ... sự định-tâm sai lạc. Đây được gọi là người tu-tập một cách sai lạc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người tu tập một cách đúng đắn? Ở đây có người có cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là người tu-tập một cách đúng đắn.”

(SN 45:32)

### 33 (3) *Bỏ Lơ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (bỏ lỡ, bỏ mặc, bỏ mất, không tu tập) con đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con đường thánh thiện<sup>21</sup> dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Những ai đã bỏ lơ con đường Bát Thánh Đạo là bỏ lơ con đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận con đường Bát Thánh Đạo là đảm nhận con đường thánh thiện dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 45:33)

### 34 (4) *Vượt Qua Bờ Bên Kia*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có tám phần, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt qua khỏi bờ bên-này (thử ngạn) đến bờ bên-kia (bỉ ngạn). Tám đó là gì? Đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Tám phần này, nếu được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự vượt qua khỏi bờ bên này đến bờ bên kia.”<sup>22</sup>

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Chỉ ít người trong nhân gian,  
Qua được bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).  
Mọi người chỉ đi lên đi xuống

Lần quân bên bờ này.

“Khi Giáo Pháp được giảng bày một cách đúng đắn,  
Những ai tu tập theo Giáo Pháp,  
Là những người sẽ vượt qua cõi Chết,  
Vốn rất khó vượt qua.

“Sau khi bỏ lại những phẩm chất tối,  
Người có trí tu dưỡng những phẩm chất sáng.  
Sau khi bỏ lại đời tại gia để sống đời xuất gia:  
Nơi khó tìm sự thích thú, khoái lạc—

“Tìm sự vui thích trong sự tách-ly, ẩn-dật,  
Sau khi đã từ bỏ những khoái-lạc giác-quan.  
Không còn vướng nợ gì, người có trí tu tập,  
Để thanh tẩy bản thân hết những ô-nhiễm trong tâm.

“Những ai có tâm được tu tập khéo léo,  
Về những yếu-tố giác-ngộ,  
Ai tìm thấy sự vui thích thông qua sự không-còn dính-chấp,  
Trong sự từ-bỏ sự nắm-giữ (chấp thủ):  
Những bậc tòa sáng đó, với ô-nhiễm đã diệt sạch,  
Đã giải hết sự thèm-khát trong thế gian.”

(SN 45:34)

### 35 (5) *Đời Sống Tu Sĩ (1)*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tu sĩ (sa-môn) và những kết quả của đời sống tu sĩ (sa-môn quả). Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tu sĩ? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống tu sĩ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống tu sĩ? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống tu sĩ.”

(SN 45:35)

### **36 (6) Đời Sống Tu Sĩ (2)**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tu sĩ (sa-môn) và mục-tiêu của đời sống tu sĩ (sa-môn đích). Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tu sĩ? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống tu sĩ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống tu sĩ? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục-tiêu của đời sống tu sĩ.”

(SN 45:36)

### **37 (7) Đời Sống Bà-la-môn (1)**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống bà-la-môn (đích thực) và những kết quả của đời sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống bà-la-môn? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống bà-la-môn (đích thực).

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống bà-la-môn? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống bà-la-môn.”

(SN 45:37)

### **38 (8) Đời Sống Bà-la-môn (2)**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống bà-la-môn và mục-tiêu của đời sống bà-la-môn. Hãy lắng nghe điều đó...”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống bà-la-môn? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống bà-la-môn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống bà-la-môn? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục-tiêu của đời sống bà-la-môn.”

(SN 45:38)

### **39 (9) Đời Sống Tâm Linh (1)**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tâm linh và những kết quả của đời sống tâm linh. Hãy lắng nghe điều đó...”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tâm linh? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-

tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống tâm linh.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những kết quả của đời sống tâm linh? Đó là kết quả Nhập-lưu, kết quả Nhất-lai, kết quả Bất-lai, kết quả A-la-hán. Đây là được gọi là những kết quả của đời sống tâm linh.”

(SN 45:39)

#### **40 (10) Đời Sống Tâm linh (2)**

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về đời sống tâm linh và mục-tiêu của đời sống tâm linh. Hãy lắng nghe điều đó...”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đời sống tâm linh? Chính là con đường Bát Thánh Đạo này; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là đời sống tâm linh.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là mục-tiêu của đời sống tâm linh? Đó là sự tiêu-diệt tham, sự tiêu-diệt sân, sự tiêu-diệt si. Đây là được gọi là mục-tiêu của đời sống tâm linh.”

(SN 45:40)

## NHÓM 5

### NHÓM ‘NHỮNG DU SĨ KHÁC ĐẠO’

(*Aññatitthiya-vagga*)

#### **41 (1) Sự Phai Biến Tham-Dục**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ-đàm [Gotama, tức Phật]?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới sự phai biến tham-dục nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’”

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào để dẫn tới sự phai biến tham dục đó?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục.’”

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục đó? Chính là Bát Thánh Đạo; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là con-đường (đạo), đây là đường-đi để dẫn tới sự phai biến tham-dục.”

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.”

(SN 45:41)

#### **42 (2) — 48 (8) Sự Dẹp Bỏ Các Gông-Cùm...**

Ở Sāvathī.



“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cồ-đàm [Gotama, tức Phật]?’—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, đó là để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm (kiết sử) ... để dẫn tới sự bùng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) ... để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu cái hành trình (quá trình sinh tử) ... để dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-nhiễm (lậu tận) ... để dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là sự thấy-biết (minh) và sự giải-thoát ... để đạt tới trí-biết và tầm-nhìn ... để đạt tới Niết-bàn không còn dính-chấp, nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.’<sup>23</sup>

“Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ khác đạo có hỏi các thầy: ‘Nhưng, này các bạn, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào để dẫn tới sự dẹp-bỏ các gông-cùm ... để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính-chấp đó—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, có một con-đường, có một đường-đi để dẫn tới ... để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính-chấp đó.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi để dẫn tới ... để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính-chấp. Đó chính là Bát Thánh Đạo; đó là: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây là con-đường (đạo), đây là đường-đi để dẫn tới ... để đạt tới Niết-bàn không còn sự dính-chấp đó.

“Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ theo cách như vậy.”

(SN 45:42—48)

## NHÓM 6

### NHÓM ‘MẶT TRỜI’ LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Sūriya Peyyāla-vagga*)<sup>24</sup>

#### [i] THEO MẪU ‘TÁCH-LY...’]

#### 49 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:49)

#### 50 (2) — 55 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự

mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý)<sup>25</sup> là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:50—55)

## [ (ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM...’ ]

### 56 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:56)

### 57 (2) — 62 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...

Ở Sāvattihī.

“Nay các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Khi một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại bỏ sân, loại bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

**(SN 45:57–62)**

## NHÓM 7

### NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ NHẤT

#### LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Ekadhamma-Peyyāla-vagga*)

#### [(i) THEO MẪU ‘TÁCH-LY...’]

### 63 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *một thứ [một pháp]* là *rất hữu ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:51)

### 64 (2) — 69 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, *một thứ [một pháp]* là *rất hữu-ích* cho sự khởi-

sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:50—55)

## [ (ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM...’ ]

### 70 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvattihī.

“Nay các Tỳ kheo, *một thứ [một pháp]* là *rất hữu ích* cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con

đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại bỏ sân, loại bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:56)

## 71 (2) — 76 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỳ kheo, *một thứ [một pháp]* là rất hữu-ích cho sự khởi-sinh của Bát Thánh Đạo. Cái gì là một thứ? Đó là sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại bỏ sân, loại bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:59—62)



## NHÓM 8

### NHÓM ‘MỘT PHÁP’ THỨ HAI

#### LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Dutiyaekadhamma-Peyyāla-vagga*)

#### [(i) THEO MẪU ‘TÁCH-LY...’]

#### 77 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ [một pháp]* nào thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:53)

#### 78 (2) — 83 (7) *Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ [một pháp]* nào thông

qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:78—83)

## [ (ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM...’ ]

### 84 (1) *Bạn Tốt*

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ [một pháp] nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt). Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có bạn-tốt tu tập và tu dưỡng con

đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại bỏ sân, loại bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có bạn-tốt sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:84)

### 85 (2) — 90 (7) Sự Thành Tựu về Giới Hạnh...

Ở Sāvattthī.

“Nay các Tỳ kheo, *ta không thấy một thứ [một pháp] nào* thông qua đó Bát Thánh Đạo chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và Bát Thánh Đạo đã khởi sinh sẽ đi đến hoàn-thiện, đó là: sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về mong-muốn ... sự thành-tựu về bản-thân ... sự thành-tựu về cách-nhìn ... sự thành-tựu về sự chuyên-cần ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo có sự thành-tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ... Người đó tu tập sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo có sự thành tựu về giới-hạnh ... sự thành-tựu về sự chú-tâm kỹ càng sẽ tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.”

(SN 45:85—90)

**NHÓM 9**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ NHẤT**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
*(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)<sup>26</sup>*

**[(i) THEO MẪU ‘TÁCH-LY ...’]**

**91 (1) Đổ Về Hướng Đông (1)**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, và *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập *sự định-tâm* đúng đắn (chánh định) dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, và *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

**(SN 45:91)**

**92 (2) — 96 (6) Đổ Về Hướng Đông**

“Này các Tỳ kheo, như sông Yamunā ... sông Aciravatī ... sông Sarabhū ... sông Mahī ... hay bất kỳ sông lớn nào— tất cả đều đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo

tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Tiếp tục như kinh 91 kể trên.*]

(SN 45:92—96)

### **97 (7) — 102 (12) Đổ Ra Đại Dương**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng ... hay bất kỳ sông lớn nào—tất cả đều đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đại dương; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Tiếp tục như kinh 91—96 ở trên.*]

(SN 45:92—102)

**NHÓM 10**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ HAI**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
(*Dutiyagaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM...’]

**103 (1) — 108 (6) Đổ Về Hướng Đông**

**109 (7) — 114 (12) Đổ Ra Đại Dương**

[Trong phiên mẫu ‘LOẠI-BỎ THAM...’ này, các kinh **103—108** là giống hệt các kinh **91—96**, và các kinh **109—114** giống hệt các kinh **97—102**, ngoại trừ chỉ có sự thay đổi lời kinh bằng mẫu đoạn kinh như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng của nó là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si.*”

(SN 45:103—108)

(SN 45:109—114)

## NHÓM 11

### NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ BA

#### LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Tatiya-Peyyāla-vagga*)

**[(iii) THEO MẪU ‘SỰ BẤT-TỬ’ LÀ NỀN-TẢNG...]**

**115 (1) — 120 (6) *Đỗ Về Hướng Đông***

**121 (7) — 126 (12) *Đỗ Ra Đại Dương***

[Trong phiên mẫu ‘SỰ BẤT-TỬ’ LÀ NỀN TẢNG...’ này, các kinh **115—120** là giống hệt các kinh **91—96**, và các kinh **121—126** giống hệt các kinh **97—102**, ngoại trừ chỉ có sự thay đổi bằng mẫu đoạn kinh như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), có sự Bất-tử là nền-tảng của nó, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”<sup>27</sup>

**(SN 45:115—120)**

**(SN 45:121—126)**

**NHÓM 12**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ THỨ TƯ**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
*(Catuttha-Peyyāla-vagga)*

[(iv) THEO MẪU ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN...’]

**127 (1) — 132 (6) Đổ Về Hướng Đông**

**133 (7) — 138 (12) Đổ Ra Đại Dương**

[Trong phiên mẫu ‘ĐỔ VỀ NIẾT-BÀN...’ này, các kinh **127—132** là giống hệt các kinh **91—96**, và các kinh **133—138** giống hệt các kinh **97—102**, ngoại trừ chỉ có sự thay đổi bằng mẫu đoạn kinh như sau:]

“Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm (chánh định), chúng [những phần tu đó] đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 45:127—132)

(SN 45:133—138)



## NHÓM 13

### NHÓM ‘CHUYÊN CẦN’

(*Appamāda-vagga*)<sup>28</sup>

#### 139 (1) *Như Lai*

#### [(i) THEO MẪU ‘TÁCH-LY...’]

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh—dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có thân-sắc hay không có thân-sắc, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng)—thì Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả mọi loài. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-cần (chuyên chú, chuyên tâm tu tập), hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.<sup>29</sup> Khi một Tỳ kheo chuyên cần, thì có thể trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên-cần, tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”

#### [(ii) THEO MẪU ‘LOẠI BỎ THAM...’]

... “Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định) có mục-tiêu cuối cùng là *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si...*”

### [ (iii) THEO MẪU ‘SỰ BẮT-TỬ LÀ NỀN-TẢNG...’ ]

... “Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), có *sự Bắt-tử là nền tảng* của nó, sự Bắt-tử là đích đến của nó, sự Bắt-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

### [ (iv) THEO MẪU ‘ĐỒ VÈ NIẾT-BÀN...’ ]

... “Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), chúng [những phần tu đó] *đồ vè, nghiêng vè, và ngã vè Niết-bàn...*”

(SN 45:139)

► [Mỗi bài kinh sau đây, từ **140–148**, được lặp lại theo bốn phiên mẫu giống như kinh **139** kể trên:]

## **140 (2) Dấu Chân**

“Này các Tỳ kheo, giống như những dấu chân của mọi loài chúng sinh biết đi đều lọt lòng trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu trong tất cả chúng, đó là, về mặt kích cỡ. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-cần, hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần là được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên cần, thì có thể

trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo....”

[*Tiếp tục phần còn lại, với đây đủ 04 “phiên mẫu” (i)-(iv), giống như kinh 139 kể trên. Từ kinh 141–148 cũng như vậy.*]

(SN 45:140)

### **141 (3) Đỉnh Mái Nhà**

“Này các Tỳ kheo, giống như tất cả những thanh xà của căn nhà mái nhọn đều dựa vào đỉnh mái nhà, đổ về đỉnh mái nhà, hội tụ về đỉnh mái nhà, và đỉnh mái nhà được tuyên bố là đứng đầu (nắm đầu) trong số chúng.<sup>30</sup> Cũng giống như vậy.... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ...”

(SN 45:141)

### **142 (4) Rễ Cây**

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được tuyên bố là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy....”

(SN 45:142)

### **143 (5) Gỗ Lỡ**

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại gỗ lỡ có hương thơm, gỗ cây chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy....”

(SN 45:143)

### **144 (6) Hoa Lài**

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loài hoa có hương thơm, hoa lài được tuyên bố là thơm nhất trong số chúng. Cũng giống như vậy....”

(SN 45:144)

### **145 (7) Vị Vua**

“Này các Tỳ kheo, giống như tất cả những hoàng tử nhỏ là chư thân của vị vua quay chuyển bánh xe (giáo pháp), vị vua quay chuyển bánh xe được tuyên bố là người đứng đầu của họ. Cũng giống như vậy....”

(SN 45:145)

### **146 (8) Mặt Trăng**

“Này các Tỳ kheo, giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được tuyên bố là sáng đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy....”

(SN 45:146)

### **147 (8) Mặt Trời**

“Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tanh, mặt trời mọc lên, xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng (ý nói ánh sáng mặt trời được tuyên bố là hàng đầu trong bầu trời đó). Cũng giống như vậy....”

(SN 45:147)

**148 (10) Vải**

“Này các Tỳ kheo, giống như trong tất cả loại vải dệt, vải Kāsi được tuyên bố là tốt đứng đầu trong số chúng. Cũng giống như vậy, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-cần, hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo chuyên cần, thì có thể trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên-cần, tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”....

**(SN 45:148)**

## NHÓM 14

### NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

► [Mỗi bài kinh sau đây, từ **149–160**, cũng được lặp lại theo 04 “phiên mẫu” giống như kinh **139** ở trên.]

#### **149 (1) Khó Nhọc**

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, giống như việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”....

**(SN 45:149)**

#### **150 (2) Hạt Giống**

“Này các Tỳ kheo, giống như tất cả mọi hạt giống và cây cối đạt được sự lớn lên, sự tăng trưởng, và sự gia tăng, tất cả đều làm như vậy

dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lên, sự tăng trưởng, và sự gia tăng về những trạng thái [thiện lành].

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”....

(SN 45:150)

### 151 (3) *Ròng Nāga*

“Nay các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh.<sup>31</sup> Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân thể của chúng và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào những ao nước. Từ những ao nước chúng tiến vào những hồ nước; từ những hồ nước chúng tiến vào những suối, rồi những sông, và cuối cùng chúng tiến ra biển. Ở đó chúng đạt tới sự to lớn và trưởng thành của thân. Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn lao và sự tăng trưởng về những trạng thái [thiện lành].

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”....

(SN 45:151)

### 152 (4) *Cây Cối*

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cây đang đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, thì nó sẽ đổ xuống hướng nào?”

“Nó sẽ đổ xuống theo bất cứ hướng nó đang đổ về, nghiêng về, và ngã về, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo người tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là đang đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là đang đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 45:152)

### 153 (5) *Bình Nước*

“Này các Tỳ kheo, giống như một cái bình đã được trở đầu trút bỏ nước ra và không chứa nước lại. Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện và không thu nhập chúng trở lại.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi



tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là từ bỏ những trạng thái xấu ác bất thiện và không thu nhập chúng trở lại.”

**(SN 45:153)**

### **154 (6) Đầu Hột Lúa**

“Này các Tỳ kheo, giả sử có đầu hột lúa hay đầu hột lúa mỳ được giữ thẳng và ấn vào bàn tay hay bàn chân. Như vậy nó có thể đâm bàn tay hay bàn chân và làm chảy máu: điều này là có thể. Vì lý do gì? Bởi vì đầu nhọn được giữ hướng đâm thẳng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo có cách-nhìn được giữ một cách đúng đắn (chánh thẳng), với sự tu tập con đường đạo một cách đúng đắn, thì có thể đâm thủng vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực (chân trí, minh), và chứng ngộ Niết-bàn: điều này là có thể. Vì lý do gì? Vì cách-nhìn của người đó được giữ một cách đúng đắn (thuộc loại chánh-kiến).

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo có cách-nhìn được giữ một cách đúng đắn, với sự tu tập con đường đạo một cách chánh thẳng, thì có thể đâm thủng vô-minh, phát khởi trí-biết đích thực, và chứng ngộ Niết-bàn.”

**(SN 45:154)**

### **155 (7) Trong Bầu Trời**

“Này các Tỳ kheo, như nhiều thứ gió thổi trong bầu trời: gió từ

phía nam, gió từ phía bắc, gió từ phía tây, gió từ phía nam, gió bụi và gió không bụi, gió lạnh và gió nóng, gió nhẹ và gió mạnh<sup>32</sup>— cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì đối với người đó “*bốn nền-tảng chánh-niệm*” (tứ niệm xứ) ... “*bốn sự phán-đầu đúng đắn*” (tứ chánh cần) ... “*bốn cơ-sở năng-lực tâm linh*” (tứ thần túc) ... “*năm căn tâm linh*” (ngũ căn) ... “*năm năng-lực*” (ngũ lực) ... “*bảy yếu-tố giác-ngộ*” (thất giác chi) sẽ đi tới hoàn-thiện nhờ sự tu tập.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì đối với người đó “*bốn nền tảng chánh niệm*” ... “*bảy yếu-tố (trợ giúp) giác ngộ*” sẽ đi tới hoàn-thiện nhờ sự tu tập.”

(SN 45:155)

### 156 (8) *Mây Mưa (I)*

“Này các Tỳ kheo, giống như, vào tháng cuối của mùa nóng, khi một đống bụi đất vừa cuốn bay lên, một đám mây mưa lớn sẽ phá tan và dập tắt nó ngay tại chỗ; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.”

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi

tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là để mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ giải tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.”

(SN 45:156)

### 157 (9) *Mây Mưa (2)*

“Này các Tỳ kheo, giống như, khi một đám mây mưa lớn vừa khởi sinh, thì một cơn gió mạnh thổi xen ngang sẽ giải tán và dập tắt nó; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ xen vào để giải tán chúng và dập tắt chúng.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo là để mỗi khi những trạng thái xấu ác bất thiện khởi lên, người đó sẽ xen vào để giải tán chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ.”

(SN 45:157)

### 158 (10) *Con Thuyền*

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt bởi mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ

kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì (dần dần) những công-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt.”<sup>33</sup>

“Và theo cách nào một Tỳ kheo làm được như vậy? Nay các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muối tới sự buông bỏ giải thoát. Nay các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo để cho những công-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng bị tàn rụi và gãy rớt.”

(SN 45:158)

### 159 (11) Nhà Khách

“Nay các Tỳ kheo, giả sử có một nhà khách. Có những người từ phía đông, tây, nam, bắc đến và trọ ở đó; những người giai cấp chiến-sĩ, những người giai cấp bà-la-môn, những người giai cấp nông-thương, những người giai cấp bần-lao đến và trọ ở đó.<sup>34</sup> Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết; người đó sẽ dẹp bỏ bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được dẹp bỏ bằng sự trực-tiếp biết; người đó sẽ chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết; người đó sẽ tu dưỡng bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được tu dưỡng bằng sự trực-tiếp biết.”

(1) “Và, nay các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết? Nên nói rằng đó là: *nãm-uẩn* bị dính chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn-thức bị dính chấp. Đây là những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết.

(2) “Và, nay các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự trực-tiếp biết? Đó là: *vô-minh* và *dục-vọng muốn được hiện-*

*hữu*. Đây là những điều nên được dẹp bỏ bằng sự trực-tiếp biết.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết? Đó là: *trí-biết đích thực* (chân trí, minh) và *sự giải-thoát*. Đây là những điều nên được chứng ngộ bằng sự trực-tiếp biết.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được tu dưỡng bằng sự trực-tiếp biết? Đó là: *sự vắng-lặng* (thiền định) và *sự minh-sát* (thiền quán). Đây là những điều nên được tu dưỡng bằng sự trực-tiếp biết.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo thì người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết ... người đó sẽ tu dưỡng những điều nên được tu dưỡng bằng sự trực-tiếp biết? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo để cho người đó sẽ hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết những điều nên được hoàn-toàn hiểu bằng sự trực-tiếp biết ... người đó sẽ tu dưỡng những điều nên được tu dưỡng bằng sự hiểu-biết trực.”

(SN 45:159)

## 160 (12) Dòng Sông

“Này các Tỳ kheo, giả sử khi sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy

về phía tây được không?”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng con đường Bát Thánh Đạo, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó nhận lấy của cải, họ nói rằng: ‘Này người tốt, sao cứ phải vương vীu với cái áo cà sa như vậy? Sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Này, hãy trở lại đời sống thấp tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì, người đó không thể nào từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống thấp tục. Vì lý do gì? Bởi vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự sống tách-ly (lánh trần). Như vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống trần tục.”<sup>35</sup>

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, dựa vào *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng Bát Thánh Đạo.”

**(SN 45:160)**

## NHÓM 15

### NHÓM ‘TÌM KIẾM’

(*Esanā-vagga*)

#### 161 (1) *Sự Tìm Kiếm*

Ở Sāvathī.

#### [i. *Sự Trực-Tiếp Biết*]

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tầm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm-linh (phạm hạnh).<sup>36</sup> Đây là ba sự tìm-kiếm. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba sự tìm kiếm này.

(i) “Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định), [các phần tu đó] (i) dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chặm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết ba sự tìm-kiếm này.”

(ii) ... “Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] (ii) có mục-tiêu cuối cùng của chúng là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.” ...

(iii) ... “Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] (iii) có sự *Bất-tử là nền-tảng* của chúng, sự Bất-tử là đích-đến của chúng, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của chúng.” ...

(iv) ... “Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ

kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] **(iv) đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn**. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết ba sự tìm kiếm này.”

► [Mỗi chi-mục tiếp theo **[ii...]**, **[iii...]** và **[iv...]** dưới đây được lặp lại giống tương tự như như đoạn mẫu kể trên về **[1. Sự Trực-Tiếp Biết].**]

### **[ii. Sự Hoàn-Toàn Hiểu]**

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm-linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* ba sự tìm-kiếm này.”...

### **[iii. Sự Diệt-Sạch]**

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm-linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự diệt-sạch* ba sự tìm kiếm này.”...

### **[iv. Sự Đẹp-Bỏ]**

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan, tìm kiếm sự hiện-hữu, tìm kiếm đời-sống tâm-linh. Đây là ba sự tìm-kiếm. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự đẹp-bỏ* ba sự tìm-kiếm này.”...

**(SN 45:161)**



► [Mỗi bài kinh sau đây được lặp lại theo khuôn mẫu bốn-mục [i...], [ii...], [iii...], [iv...] như kinh **SN 45:161** kể trên.]

### **162 (2) Sự Phân Biệt**

“Này các Tỳ kheo, có ba sự phân-biệt này. Ba đó là gì? Sự phân biệt ‘Ta hơn tốt hơn’, sự phân biệt ‘Ta kém hơn’, sự phân biệt ‘Ta ngang bằng’. Đây là ba sự phân-biệt. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.

“Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* ba sự phân-biệt này; dẫn tới *sự diệt-sạch* ba sự phân-biệt này; dẫn *sự dẹp-bỏ* ba sự phân biệt này.”

**(SN 45:162)**

### **163 (3) Những Ô Nhiễm**

“Này các Tỳ kheo, có ba sự ô-nhiễm (lậu hoặc) này. Ba đó là gì? Ô nhiễm của tham-dục (nhục dục), ô nhiễm của (do dính trong) sự hiện-hữu, ô nhiễm của vô-minh. Đây là ba sự ô-nhiễm. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba sự ô-nhiễm này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

**(SN 45:163)**

### 164 (4) Sự Hiện Hữu

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự hiện-hữu này. Ba đó là gì? Sự hiện-hữu thuộc cõi dục-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi sắc-giới, sự hiện-hữu thuộc cõi vô-sắc-giới. Đây là ba sự hiện-hữu. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại sự hiện-hữu này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:164)

### 165 (5) Khổ

“Này các Tỳ kheo, có ba loại khổ này. Ba đó là gì? Khổ do đau khổ (khổ khổ), khổ do những sự tạo-tác cố-ý (hành khổ), khổ do sự thay đổi biến đổi (vô thường khổ). Đây là ba loại khổ. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại khổ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”<sup>37</sup>

(SN 45:165)

### 166 (6) Sự Cắn Cối

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự cắn-cối này. Ba đó là gì? Đó là sự cắn cối do tham, sự cắn cối do sân, sự cắn cối do si. Đây là ba sự cắn-cối. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại sự cắn-cối này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:166)

### 167 (7) Những Vết Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có ba vết-nhiễm (vết ó, vết nhờn) này. Ba đó là gì? Đó là vết nhiễm tham, vết nhiễm sân, vết nhiễm si. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba vết-nhiễm này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:167)

### 168 (8) Những Sự Rắc Rối

“Này các Tỳ kheo, có ba loại sự rắc-rối (vấn nạn, khó khổ) này. Ba đó là gì? Đó là sự rắc rối của tham, sự rắc rối của sân, sự rắc rối của si. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại sự rắc-rối này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:168)

### 169 (9) Những Cảm Giác

“Này các Tỳ kheo có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ, cảm-giác trung tính (không sướng không khổ). Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại cảm-giác này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:169)

### 170 (10) Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo có ba loại dục-vọng này. Ba đó là gì? Dục-vọng

khoái-lạc giác-quan (nhục dục), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu dục), dục-vọng muốn/vì bị hủy-diệt (vô-hữu dục). Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại dục-vọng này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

“Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại dục-vọng này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:170)

### 170 (11) *Sự Thèm Khát*<sup>38</sup>

“Này các Tỳ kheo có ba sự thèm-khát này. Ba đó là gì? Sự thèm-khát khoái-lạc giác-quan, sự thèm-khát được hiện hữu, sự thèm-khát muốn/vì bị hủy-diệt. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại sự thèm khát này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.

“Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* ba loại sự thèm khát này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:170)

## NHÓM 16

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’

(*Ogha-vagga*)

#### 171 (1) *Những Dòng Lũ*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng lũ của tham-dục (nhục dục), dòng lũ của sự hiện-hữu, dòng lũ của quan-điểm này nọ (tà-kiến), dòng lũ của vô-minh. Đây là bốn dòng-lũ. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* bốn dòng-lũ này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:171)

#### 172 (2) *Những Sự Trói Buộc*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự trói-buộc này. Bốn đó là gì? Sự trói buộc bởi tham-dục (nhục dục), sự trói buộc bởi sự hiện-hữu, sự trói buộc bởi những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự trói buộc bởi vô-minh. Đây là bốn sự trói-buộc. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* bốn sự trói-buộc này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:172)

#### 173 (3) *Những Sự Dính Chấp*

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự dính-chấp (chấp thủ) này. Bốn đó là gì? Sự dính chấp vào tham-dục (nhục dục), sự dính chấp vào sự hiện-

hữu, sự dính chấp vào những quan-điểm này nọ (tà kiến), sự chấp-thủ sai lạc vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới cấm thủ). Đây là bốn sự dính-chấp. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* bốn sự dính chấp này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:173)

### 174 (4) Những Gút Mắc

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự gút-mắc này. Bốn đó là gì? Sự gút mắc về thân (hành động) của sự thèm-khát (tham), sự gút mắc về thân của sự ác-ý (sân), sự gút mắc về thân của sự chấp-thủ sai lạc vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới cấm thủ), sự gút mắc về thân của sự cố-chấp giáo lý giáo điều này nọ [chấp rằng chúng là đúng, là phải đúng].<sup>39</sup> Đây là bốn sự gút-mắc. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* bốn sự gút mắc này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:174)

### 175 (5) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn

“Này các Tỳ kheo, có bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Bảy đó là gì? Khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham,<sup>40</sup> khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sân, khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) những quan-điểm này nọ (tà kiến), khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự nghi-ngờ, khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) tham-muốn được hiện-hữu, khuynh hướng tiềm ẩn (tạo ra) sự vô-minh. Đây là bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* bảy khuynh-hướng tiềm-ẩn này; dẫn tới

*sự hoàn-toàn hiểu chúng; dẫn tới sự diệt-sạch chúng; dẫn sự đẹp-bỏ chúng.”*

(SN 45:175)

### **176 (6) Năm Dây Khoái Lạc Giác Quan**

“Này các Tỳ kheo, có năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc) này. Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn.

“Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân ... Những hiện-tượng thuộc tâm được nhận biết bởi tâm thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái lạc giác quan. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm dây khoái lạc giác quan này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:176)

### **177 (7) Năm Chương Ngại**

“Này các Tỳ kheo, có năm chương-ngại này. Năm đó là gì? Chương ngại là tham-dục, chương ngại là sự ác-ý, chương ngại sự buồn-ngủ và đờ-đần, chương ngại là sự bất-an và hối-tiếc, chương ngại là sự nghi-ngờ. Đây là năm chương-ngại. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm chương-ngại này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự đẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:177)

### 178 (8) Năm Uẩn Bị Dính Chấp

“Này các Tỳ kheo, có năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn) này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Đây là năm-uẩn bị dính-chấp. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm-uẩn bị dính-chấp này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:178)

### 179 (9) Năm Gông Cùm Thấp Hơn

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) này.<sup>41</sup> Năm đó là gì? Cách-nhìn danh-tính (thân kiến), sự nghi-ngờ, sự chấp-thủ sai lạc vào những tục lệ cấm kỵ, cúng bái, và những thệ nguyện (giới cấm thủ), tham-dục, và sự ác-ý. Đây là năm gông-cùm thấp hơn. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm gông-cùm thấp hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(SN 45:179)

### 180 (10) Năm Gông Cùm Cao Hơn

“Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử) này.<sup>42</sup> Năm đó là gì? Tham muốn (tái sinh) cõi sắc-giới, tham muốn (tái sinh) cõi vô-sắc-giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.



(i) “Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] **(i)** dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, và *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

(ii)-(iv) “Này các Tỳ kheo, cái gì là năm gông-cùm cao hơn này. Năm đó là gì? ... Con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.

“Cái gì là con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn, [các phần tu đó] **(ii)** có mục-tiêu cuối cùng là *loại-bỏ tham*, *loại-bỏ sân*, *loại-bỏ si* ... [các phần tu đó] **(iii)** có *sự Bất-tử là nền-tảng*, sự Bất-tử là đích-đến, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng ... [các phần tu đó] **(iv)** là *đổ về*, *ngiêng về*, và *ngã về Niết-bàn*. Đây là con đường Bát Thánh Đạo được tu tập để dẫn tới *sự trực-tiếp biết* năm gông-cùm cao hơn này; dẫn tới *sự hoàn-toàn hiểu* chúng; dẫn tới *sự diệt-sạch* chúng; dẫn *sự dẹp-bỏ* chúng.”

**(SN 45:180)**



## Chương 46

# Liên Kết CÁC YẾU-TỐ GIÁC-NGỘ

(46 *Bojjhaṅga-saṃyutta*)

(46 *Tương ứng Giác-Chi*)



# NHÓM 1

## NHÓM ‘NÚI’

(*Pabbata-vagga*)

### 1 (I) *Núi Himalaya*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, dựa trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, những con rồng nāga nuôi dưỡng thân và đạt được sức mạnh. Sau khi chúng đã nuôi dưỡng thân và đạt được sức mạnh, chúng tiến vào các ao hồ. Từ các ao hồ chúng tiến vào các hồ lớn, rồi các suối, các sông, và cuối cùng tiến ra đại dương. Ở đó chúng đạt tới sự lớn mạnh và lớn rộng của thân.<sup>43</sup> Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố (giúp) giác-ngộ (thất giác chi), và nhờ đó người tu đạt tới sự lớn mạnh (lớn lao, đại) và sự mở rộng (lớn rộng, khuếch trương) trong những trạng thái [thiện lành].<sup>44</sup>

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [nó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng-thái* (trạch pháp) ... yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [các phần tu] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ, và nhờ đó người đó đạt tới sự lớn mạnh và mở rộng trong những trạng thái [thiện lành].”

## 2 (2) Thân

### [i. Dưỡng Chất cho Năm Chương-Ngay]

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; năm chương-ngay cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.<sup>45</sup>

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *tham-dục* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh *tham-dục* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự-đẹp* (sắc đẹp, vẻ đẹp, tướng đẹp):<sup>46</sup> sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” (tác ý không đúng pháp, không thiện khéo; phi như lý tác ý) tới điều đó chính là dưỡng chất làm khởi sinh *tham-dục* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh *tham-dục* đã khởi sinh.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *ác-ý* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh *ác-ý* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự-chê-ghét* (ghét, từ chối, không ưa, bực tức):<sup>47</sup> sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất làm khởi sinh *ác-ý* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh *ác-ý* đã khởi sinh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những sự bất mãn, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ (hôn trầm) sau khi ăn, sự lười biếng của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó

chính là dưỡng chất làm khởi sinh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh sự đờ-dẫn và buồn-ngủ đã khởi sinh.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *sự bất-an và hối-tiếc* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bất an ổn của tâm:<sup>48</sup> sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất làm khởi sinh sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm khởi sinh *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh sự nghi-ngờ đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở cho sự nghi-ngờ: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất làm khởi sinh sự nghi-ngờ chưa khởi sinh và làm gia tăng và lớn mạnh sự nghi-ngờ đã khởi sinh.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; năm chướng-ngại cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.

### **[ii. Dưỡng Chất cho Bảy Yếu-Tố Giác-Ngộ]**

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; bảy yếu-tố giác-ngộ cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện

yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua (nhờ, bởi) sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, do có những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm:<sup>49</sup> sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” (tác ý một cách thiện khéo, đúng pháp; như lý tác ý) tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái thấp kém (nhược) và trạng thái thấp tốt hơn (ưu), những trạng thái thuộc bên tối và trạng thái thuộc bên sáng, và những trạng thái ứng với chúng:<sup>50</sup> sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực (tinh tấn) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố phấn-đấu, yếu tố cố-gắng:<sup>51</sup> sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỳ



kheo, có những thứ là cơ-sở giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh-lặng của thân, sự tĩnh-lặng của tâm:<sup>52</sup> sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có dấu-hiệu của sự vắng-lặng, dấu-hiệu của sự không phân-tán (của tâm):<sup>53</sup> sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ sở giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng

chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; bảy yếu-tố giác-ngộ cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.”

(SN 46:02)

### 3 (3) Giới Hạnh

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào thành tựu về giới-hạnh, thành tựu về sự định-tâm, thành tựu về trí-tuệ, thành tựu về sự giải-thoát, thành tựu về trí-biết và tầm-nhìn của sự giải-thoát: ngay cả việc nhìn thấy những Tỳ kheo đó cũng là hữu ích, ta nói vậy; ngay cả việc lắng nghe họ ... ngay cả việc đến gặp họ ... ngay cả việc kính lễ họ ... ngay cả việc tưởng nhớ họ ... ngay cả việc xuất gia theo họ cũng là hữu ích, ta nói vậy. Vì lý do gì? Bởi vì khi một người đã nghe Giáo Pháp từ những Tỳ kheo đó thì họ sẽ sống thu mình (lui về) theo cách của hai sự thu mình—sự thu mình về thân và sự thu mình về tâm.

(1) “Sau khi sống thu-mình như vậy, họ tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy niệm kỹ về nó. Này các Tỳ kheo, hễ khi một Tỳ kheo sống thu mình như vậy và tưởng niệm Giáo Pháp đó và suy niệm kỹ về nó, thì trong thời đó đó yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* (niệm) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.<sup>54</sup>

(2) “Sau khi an trú một cách có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó. Này các Tỳ kheo, hễ khi một Tỳ kheo sống một cách có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng thái* (trạch pháp) được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập

yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt những trạng thái sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(3) “Trong khi vị Tỳ kheo đó phân biệt Giáo Pháp đó, xem xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Nay các Tỳ kheo, hễ khi sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(4) “Sau khi sự nỗ-lực (tinh tấn) của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh. Nay các Tỳ kheo, hễ khi sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(5) “Đối với người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Nay các Tỳ kheo, hễ khi thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(6) “Đối với người tu có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh

phúc thì tâm trở nên đạt-định. Nay các Tỳ kheo, hễ khi tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh-lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(7) “Người đó nhìn sát sao vào cái tâm được đạt-định như vậy với một sự buông-xả. Nay các Tỳ kheo, hễ khi một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm được đạt-định như vậy, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

“Nay các Tỳ kheo, khi bảy yếu-tố giác-ngộ này đã được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi. Cái gì là bảy thánh quả và ích lợi đó?

**(i)** “Người tu *chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này*.

**(ii)** “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, thì người đó *sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng vào lúc chết*.

**(iii)** “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc vào lúc chết, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (một trong năm cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho bậc thánh Bất-lai).

**(iv)** “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt

năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch*.

(v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm*.

(vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó *sẽ chứng ngộ Niết-bàn bằng sự cố-gắng thêm*.

(vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn bằng sự cố-gắng thêm, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn người đó (tái sinh lần lượt qua các (05) cõi trời trong-sạch, và) *cuối cùng sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong 05 cõi trời trong-sạch (tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).*”<sup>55</sup>

“Này các Tỳ kheo, khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi này.”

(SN 46:03)

#### 4 (4) *Quần Áo*

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvattṭhī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Ở đó thầy Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa đạo hữu”, họ đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, có bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp), yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn), yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*, yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng*, yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm*, yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là bảy yếu-tố giác-ngộ.<sup>56</sup>

“Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ yếu-tố nào của bảy yếu-tố giác-ngộ trong buổi sáng, thì tôi thiền trú trong yếu-tố đó trong buổi sáng. Nếu tôi muốn thiền trú trong bất kỳ yếu-tố nào của bảy yếu-tố giác-ngộ trong buổi trưa, thì tôi thiền trú trong yếu-tố đó trong buổi trưa. Nếu tôi muốn an trú trong bất kỳ yếu-tố nào của bảy yếu-tố giác-ngộ trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong yếu-tố đó trong buổi chiều.

- “Này các đạo hữu, nếu đó là yếu-tố *chánh-niệm*, tôi biết ‘nó là vô lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó duy trì, tôi hiểu ‘nó duy trì trong tôi’. Nếu nó sụt giảm, tôi hiểu ‘nó sụt giảm trong tôi vì có lý do nào đó’.” ... ..

- “Này đạo hữu, nếu đó là yếu-tố *buông-xả*, tôi biết ‘nó là vô lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó duy trì, tôi hiểu ‘nó duy trì trong tôi’. Nếu nó sụt giảm, tôi hiểu ‘nó sụt giảm trong tôi vì có lý do nào đó’.”

“Này các đạo hữu, giả sử có một nhà vua [hay một quan thần] có một tủ quần áo với nhiều loại quần áo nhiều màu sắc khác nhau. Bất kỳ bộ nào ông ấy muốn mặc trong buổi sáng, ông ấy mặc nó trong buổi sáng. Bất kỳ bộ nào ông ấy muốn mặc trong buổi trưa, ông ấy mặc nó trong buổi trưa. Bất kỳ bộ nào ông ấy muốn mặc trong buổi chiều, ông ấy mặc nó trong buổi chiều. Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, tôi muốn thiền trú trong bất kỳ yếu-tố nào của bảy yếu-tố giác-ngộ trong buổi sáng ... trong buổi trưa ... trong buổi chiều, thì tôi thiền trú trong

yếu-tố đó trong buổi chiều.

- “Này các đạo hữu, nếu đó là yếu-tố *chánh-niệm*....

- “Này đạo hữu, nếu đó là yếu-tố *buông-xả*, tôi biết ‘nó là vô lượng’; tôi biết ‘nó được hoàn thiện một cách tròn đầy’. Nếu nó duy trì, tôi hiểu ‘nó duy trì trong tôi’. Nếu nó sụt giảm, tôi hiểu ‘nó sụt giảm trong tôi vì có lý do nào đó’.”

(SN 46:04)

## 5 (5) Một Tỳ Kheo

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các yếu-tố giác-ngộ, các yếu-tố giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các yếu-tố giác-ngộ?”

“Này Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các yếu-tố giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, người tu tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... người tu tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự *buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chám-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Khi người tu tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ, thì tâm người đó được giải thoát khỏi ô nhiễm tham-dục, khỏi ô nhiễm (do dính trong) sự hiện-hữu, khỏi ô nhiễm vô-minh. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.” Này Tỳ kheo, do chúng dẫn tới sự giác-ngộ, nên chúng được gọi là các yếu-tố giác-ngộ.”

## 6 (6) *Kuṇḍaliya*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa trong khu Vườn Nai, trong Khu Vườn Añjana. Lúc đó có bà-la-môn tên là Kuṇḍaliya đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và thưa với Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi là người sống gần các khu tịnh xá và thường xuyên ghé tới các buổi hội họp của các tu sĩ. Sau khi ăn, sau khi tôi ăn sáng xong, thói quen của tôi là đi vòng quanh ghé thăm các tịnh xá, các khu vườn. Ở đó tôi nhìn thấy nhiều tu sĩ và bà-la-môn tham gia thảo luận vì lợi ích bảo vệ những giáo thuyết của mình và bài bác những giáo thuyết của người khác. Còn Thầy Cồ-đàm thì sống vì lợi ích gì?”

1- “Này Kuṇḍaliya, Như Lai sống vì lợi ích và đạo quả là *trí-biết đích thực* (chân trí) và *sự giải-thoát*.”<sup>57</sup>

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu trí-biết đích thực và sự giải-thoát?”

2- “Này Kuṇḍaliya, đó là *bảy yếu-tố giác-ngộ*, nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu bảy yếu-tố giác-ngộ đó?”

3- “Này Kuṇḍaliya, đó là *bốn nền-tảng chánh-niệm*, nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu bảy yếu-tố giác-ngộ.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu bốn nền-tảng chánh-niệm?”

4- “Này Kuṇḍaliya, đó là *ba loại hành-vi thiện lành*, nếu được tu



tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu bốn nền-tảng hánh-niệm.”

“Nhưng, Thầy Cồ-đàm, khi tu tập và tu dưỡng những thứ gì thì sẽ thành tựu ba loại hành-vi thiện lành đó?”

5- “Này Kuṇḍaliya, đó là *sự kiểm-chế các căn cảm-nhận* (các giác-quan) nếu được tu tập và tu dưỡng thì sẽ thành tựu ba loại hành-vi thiện lành.

5-4 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào *sự kiểm-chế các căn cảm nhận* được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được ba loại hành-vi thiện lành? Ở đây, này Kuṇḍaliya, khi nhìn thấy một *hình-sắc dễ chịu* bằng mắt, một Tỷ kheo không ham muốn nó, không thích thú, không khởi tạo tham-dục đối với nó (*không tham*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. Khi nhìn thấy một *hình-sắc khó chịu*, người đó không ghê sợ bởi nó, không cương ngạnh, không từ chối, không ác ý gì với nó (*không sân*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo.

“Cũng tương tự như vậy, này Kuṇḍaliya, khi nghe thấy một *âm-thanh dễ chịu* bằng tai ... khi ngửi thấy một *mùi-hương dễ chịu* bằng mũi ... khi nếm thấy một *mùi-vị dễ chịu* bằng lưỡi ... khi cảm nhận một *chạm-xúc dễ chịu* bằng thân ... khi nhận biết *hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu* bằng tâm, người đó không ham muốn nó, không thích thú nó, không khởi tạo tham-dục đối với nó (*không tham*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo. Khi nghe thấy một *âm-thanh khó chịu* ... một *hiện-tượng thuộc tâm khó chịu*, người đó không ghê sợ bởi nó, không cương ngạnh, không từ chối, không ác ý gì với nó (*không sân*). Thân người đó ổn định và tâm người đó ổn định, nội tâm bình tĩnh và được giải thoát khéo léo.

- “Này Kuṇḍaliya, nếu mà, sau khi nhìn thấy một hình-sắc bằng mắt, thân của một Tỷ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, trong nội

tâm bình tĩnh và được giải thoát một cách khéo léo đối với cả những hình-sắc dễ chịu và những hình-sắc khó chịu.

Nếu mà, sau khi nghe thấy một mùi-hương bằng tai ... ngửi thấy một mùi-vị bằng mũi ... nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi ... cảm nhận một đối-tượng chạm xúc bằng thân ... nhận biết một hiện-tượng thuộc tâm bằng tâm, thân của một Tỷ kheo ổn định và tâm người đó ổn định, trong nội tâm bình tĩnh và được giải thoát một cách khéo léo đối với cả những hiện-tượng thuộc tâm dễ chịu và những hiện-tượng thuộc tâm khó chịu, thì sự kiểm-chế các căn cảm-nhận của người đó đã được tu tập và tu dưỡng theo một cách để nó thành tựu được ba loại hành-vi thiện lành.

4-3 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào *ba loại hành-vi thiện lành* được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được bốn nền-tảng chánh-niệm? Ở đây, này Kuṇḍaliya, sau khi đã dẹp bỏ hành vi thân bất thiện, một Tỷ kheo tu tập hành vi thân thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành vi lời-nói bất thiện, một Tỷ kheo tu tập hành vi lời-nói thiện lành; sau khi đã dẹp bỏ hành vi tâm bất thiện, một Tỷ kheo tu tập hành vi tâm thiện lành. Chính theo cách như vậy là ba loại hành-vi thiện lành được tu tập và tu dưỡng để nó thành tựu được bốn nền-tảng chánh-niệm.

3-2 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào *bốn nền-tảng chánh-niệm* được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây, này Kuṇḍaliya, một Tỷ kheo sống quán niệm (quán sát, thiền quán) **thân** trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết và có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán niệm những **cảm-giác** trong những cảm-giác ... **tâm** trong tâm ... **những hiện-tượng** trong những hiện-tượng, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và phiền-buồn (ưu) đối với thế giới. Chính theo cách như vậy là bốn nền-tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng để thành tựu được bảy yếu-tố giác-ngộ.

2-1 “Và, này Kuṇḍaliya, theo cách nào *bảy yếu-tố giác-ngộ* được tu tập và tu dưỡng để thành tựu trí-biết đích thực và sự giải-thoát? Ở đây, này Kuṇḍaliya, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) ... *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... *sự hoan-hỷ* ... *sự tĩnh-lặng* ... *sự định-tâm* ... *sự buông-xả*, [những sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.”

Sau khi điều này được nói ra, du sĩ Kuṇḍaliya đã nói với đức Thế Tôn: “Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Thật kỳ diệu, thưa thầy Cồ-đàm! Giáo Pháp đã được làm sáng tỏ theo nhiều cách bởi đức Thế Tôn, cứ như đức Thế Tôn đang dựng đứng lại những thứ đã bị lộn đầu, khai mở điều đã bị che giấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hay soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được các thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo đức Thế Tôn, và theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn Tỳ kheo. Kể từ hôm nay xin đức Thế Tôn ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 46:06)

## 7 (7) *Ngôi Nhà Mái Nhọn*

“Này các Tỳ kheo, cũng như tất cả thanh xà dọc của một ngôi nhà mái nhọn đều đổ về, nghiêng về, và ngã về đỉnh mái nhà; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ thì người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào có được điều này? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu

tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, và sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 46:07)

## 8 (8) *Upavāṇa*

Trong một lần có Ngài Upavāṇa và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá Ghosita. Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi nơi ẩn cư và đến gặp thầy Upavāṇa. Thầy ấy chào hỏi với thầy Upavāṇa, và sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Upavāṇa:

“Này đạo hữu Upavāṇa, liệu một Tỳ kheo có thể tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), bảy yếu-tố giác-ngộ đã được ta hoàn thiện theo một cách để chúng dẫn tới sự an trú lạc trú?’”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo có thể tự mình biết được điều đó. Này đạo hữu, khi phát khởi yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã búng bỏ (chướng ngại) sự buồn-ngủ và đờ-đẫn và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (kỹ càng) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lơ lửng lơ là.’ ... Khi phát khởi yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, người đó hiểu: ‘Tâm ta đã khéo được giải thoát; ta đã búng bỏ (chướng ngại) sự buồn-ngủ và đờ-đẫn và đã hoàn toàn loại bỏ sự bất-an và hối-tiếc. Sự nỗ-lực (tinh tấn) của ta đã được phát khởi. Ta chú-tâm (kỹ càng) một cách như vấn đề sống-còn, không hề lơ lửng lơ là.’”

“Này đạo hữu, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tự mình biết được: ‘Nhờ sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), bảy yếu-tố giác-ngộ

đã được ta hoàn thiện theo một cách để chúng dẫn tới sự an trú lạc trú. ”

(SN 46:08)

### 9 (9) Khởi Sinh (1)

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Bảy yếu-tố giác-ngộ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 46:09)

### 10 (10) Khởi Sinh (2)

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của một bậc Phúc Lành [bậc Thiện Thệ]. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Bảy yếu-tố giác-ngộ này, được tu tập và tu dưỡng, nếu chưa khởi sinh sẽ không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của một bậc Phúc Lành.”

(SN 46:10)

## NHÓM 2

### NHÓM ‘BỆNH’

(*Gilāna-vagga*)

#### 11 (1) *Chúng Sinh*

“Này các Tỳ kheo, mọi loài chúng sinh nào dùng bốn tư thế—lúc đi, lúc đứng, lúc ngồi, lúc nằm—thì tất cả đều dùng bốn tư thế đó trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và theo cách nào người đó làm điều đó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:11)

#### 12 (2) *Ví Dụ Mặt Trời (1)*

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy yếu-tố giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có một người bạn-tốt,

tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có một người bạn-tốt, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:12)

### 13 (3) Ví Dụ Mặt Trời (2)

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy yếu-tố giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người có một người bạn-tốt, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:13)

**14 (4) Bệnh (1)**<sup>58</sup>

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bảy giờ, lúc đó có Ngài Đại Ca-diếp (*Mahākassapa*) đang sống ở Hang Động Pippali—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến gặp thầy Đại Ca-diếp. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và nói với thầy Đại Ca-diếp:

“Này Ca-diếp, ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Này Ca-diếp, *bảy yếu-tố giác-ngộ* này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy yếu-tố giác-ngộ này đã được ta giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.”

“Chắc chắn là vậy, thưa Thế Tôn, chúng là những yếu-tố giác-ngộ! Chắc chắn như vậy, thưa bậc Phúc Lành, chúng là những yếu-tố



giác-ngộ!”

“Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ca-diếp phấn khởi và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và thầy Đại Ca-diếp đã phục hồi khỏi sự bệnh đau đó. Theo cách như vậy thầy Đại Ca-diếp đã được trị hết bệnh.”

(SN 46:14)

### 15 (5) Bệnh (2)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên (*Mahāmoggallāna*) đang sống trên Đỉnh Núi Kền Kền—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi, vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và đi đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên ... [*Phần còn lại giống hệt bài kinh kể trên, chỉ khác tên người bệnh*] ... Theo cách như vậy thầy Đại Mục-kiền-liên đã được trị hết bệnh.”

(SN 46:15)

### 16 (6) Bệnh (3)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Lúc đó có Ngài Đại Cunda (*Mahācunda*) đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Đại Cunda.

“Này Cunda, hãy tụng đọc bảy yếu-tố giác-ngộ.”

“Thưa đức Thế Tôn, bảy yếu-tố giác-ngộ này đã được đức Thế

Tôn giảng giải một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bấy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bấy yếu-tố giác-ngộ này đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách đúng đắn; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn.”

“Chắc chắn là vậy, này Cunda, chúng là những yếu-tố giác-ngộ!”

“Đây là lời thầy Đại Cunda đã nói. Vị Sư Thầy chấp thuận. Và đức Thế Tôn đã phục hồi khỏi bệnh. Theo cách như vậy đức Thế Tôn đã được trị hết bệnh.”

(SN 46:16)

### 17 (7) *Vượt Qua Bờ*

“Này các Tỷ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt qua bờ này (thử nạn) đến bờ bên kia (bỉ nạn). Bấy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là bảy yếu-tố giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới vượt qua bờ này đến bờ bên kia.”

[*Tiếp theo là các dòng thi kệ, giống hệt như ở cuối kinh SN 45:34 ở trên.*]

(SN 46:17)

### 18 (8) *Bỏ Lơ*

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ (lơ là, không tu tập) bảy yếu-tố giác-ngộ là (coi như) đã bỏ lơ con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận bảy yếu-tố giác-ngộ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*.

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ lơ ... những ai đã đảm nhận bảy yếu-tố giác-ngộ là (coi như) đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 46:18)

### 19 (9) *Thánh Thiện*

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Bảy yếu-tố giác-ngộ này ... sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 46:19)

### 20 (10) *Sự Ghê Sợ*

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, dẫn tới sự chám-dứt, dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-ngộ, dẫn tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Bảy yếu-tố giác-ngộ này ... dẫn tới Niết-bàn.”

(SN 46:20)



### NHÓM 3

### NHÓM ‘UDĀYĪ’

(*Udāyi-vagga*)

#### 21 (1) Dẫn Tới Sự Giác Ngộ

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn.... Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘các yếu-tố giác-ngộ, các yếu-tố giác-ngộ’. Theo nghĩa nào chúng được gọi là các yếu-tố giác-ngộ?”

“Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các yếu-tố (giúp) giác-ngộ. Ở đây, này Tỳ kheo, người tu tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người tu tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này Tỳ kheo, chúng dẫn tới sự giác-ngộ, do vậy chúng được gọi là các yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:21)

#### 22 (2) Một Giáo Lý

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy yếu-tố giác-ngộ. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy yếu-tố giác-ngộ? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:22)

### 23 (3) Một Cơ Sở

“Này các Tỳ kheo, (i) do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ sở tạo ra (chướng-ngại) *tham-dục*, cho nên tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (ii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ sở tạo ra *sự ác-ý*, cho nên sự ác-ý chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-ý đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (iii) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ sở tạo ra *sự buồn-ngủ và đờ-dẫn*, cho nên sự buồn-ngủ và đờ-dẫn chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự buồn-ngủ và đờ-dẫn đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (iv) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ sở *sự bất-an và hối-tiếc*, cho nên sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (v) Do sự thường xuyên chú-tâm đến những thứ là cơ sở *sự nghi-ngờ*, cho nên sự nghi-ngờ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

“Này các Tỳ kheo, (i) bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ sở tạo ra yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, cho nên yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh thì khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) Bằng cách thường xuyên chú-tâm vào những thứ là cơ sở tạo ra yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, cho nên yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh thì khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:23)

### 24 (4) Sự Chú Tâm Không Kỹ Càng

(1) “Này các Tỳ kheo, (i) khi người tu chú-tâm một cách không

kỹ-càng (không đúng pháp, không khéo léo; phi như lý tác ý), (chương-ngại) *tham-dục* chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (ii) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng, *sự ác-y* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự ác-y đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (iii) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng, *sự buồn-ngủ và đờ-dẫn* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự buồn-ngủ và đờ-dẫn đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (iv) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng, *sự bất-an và hối-tiếc* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh. (v) Khi người tu chú-tâm một cách không kỹ-càng, *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

- “Cũng bởi do như vậy, nên yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thì bị mất đi ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thì bị mất đi.”

(2) “Này các Tỳ kheo, (i) bằng cách chú-tâm một cách kỹ-càng (đúng pháp, một cách thiện khéo; như lý tác ý), *tham-dục* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và tham-dục đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ. (ii)-(v) Khi người tu chú-tâm một cách kỹ-càng, *sự ác-y ... sự buồn-ngủ và đờ-dẫn ... sự bất-an và hối-tiếc ... sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì không khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì bị dẹp bỏ.

- “Cũng bởi do như vậy, nên yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* chưa khởi sinh thì khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh thì khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thì đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

**(SN 46:24)**

## 25 (5) Sự Không Sa Sút

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút. Hãy lắng nghe điều đó...<sup>59</sup>

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút? Đó là: bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là bảy thứ dẫn tới sự không sa-sút.”

(SN 46:25)

## 26 (6) Sự Tiêu Diệt Dục Vọng

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự tiêu-diệt dục-vọng. Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự tiêu-diệt dục-vọng? Đó là: bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng dẫn tới sự tiêu-diệt dục-vọng?”

“Ở đây, này Udāyī, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn ác-ý (vô sân). Khi người đó tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly* ... không còn ác-ý, thì dục-vọng sẽ bị dẹp bỏ. Khi dục-vọng bị dẹp bỏ, thì nghiệp (*kamma*) bị dẹp bỏ. Khi nghiệp bị dẹp bỏ, thì sự khổ bị dẹp bỏ.”

...

“Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó]



dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn ác-ý (vô sân). Khi người đó tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly* ... không còn ác-ý, thì dục-vọng sẽ bị dẹp bỏ. Khi dục-vọng bị dẹp bỏ, thì nghiệp bị dẹp bỏ. Khi nghiệp bị dẹp bỏ, thì sự khổ bị dẹp bỏ.”

“Như vậy đó, này Udāyī, do có sự tiêu-diệt dục-vọng nên có sự tiêu-diệt nghiệp; do có sự tiêu-diệt nghiệp nên có sự tiêu-diệt sự khổ.”

(SN 46:26)

## 27 (7) *Sự Chấm Dứt Dục Vọng*

Này các Tỳ kheo, hãy tu tập con-đường (đạo) và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng. Và cái gì là con-đường và phương-cách dẫn tới sự chấm dứt dục-vọng? Đó là: bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*.”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bảy yếu-tố giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng?

“Ồ đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [những sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính là, khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy thì chúng dẫn tới sự chấm-dứt dục-vọng.”

(SN 46:27)

## 28 (8) *Góp Phần Thâm Nhập*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) góp phần vào sự thâm-nhập.<sup>60</sup> Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường góp phần vào sự thâm-nhập? Đó là: bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*.”

Khi điều này được nói ra, Ngài Udāyī đã hỏi đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự thâm-nhập?”

“Ồ đây, này Udāyī, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn ác-ý (vô sân). Với một cái tâm đã được tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ *đống-tham* (tham-uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ *đống-sân* (sân-uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây; người đó thâm nhập và phá vỡ *đống-si* (si-uẩn) mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.” ...

“Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát; [sự tu tập đó] là rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không còn ác-ý. Với một cái tâm đã được tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, người đó có thể thâm nhập và phá vỡ *đống-tham* ... *đống-sân* ... *đống-si* mà người đó chưa từng thâm nhập và phá vỡ trước đây.”

“Chính là vậy, này Udāyī, khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dẫn tới sự thâm-nhập.”

(SN 46:28)

## 29 (9) Một Thứ

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy có một thứ (pháp) nào khác, mà

khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm một cách hiệu quả như thứ này: đó là bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để chúng có thể dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát ... Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính là vậy, khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy là chúng dẫn tới sự dẹp-bỏ những thứ gông cùm.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm? *Mắt* là một thứ gông cùm (trói buộc); chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kep này khởi sinh. *Tai* là một thứ gông cùm ... *Tâm* là một thứ gông cùm; chính tại đây những gông-cùm, những xiềng-xích, những kiềm-kep này khởi sinh. Đó được gọi là những thứ gông cùm.”

(SN 46:29)

### 30 (10) Udāyī

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Sumbha, trong một thị trấn của họ tên là Sedaka. Lúc đó Ngài Udāyī đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt vời, thưa Thế Tôn; sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn thật là hữu ích; sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái của con thật là hữu ích. Thưa Thế Tôn, trong quá khứ, khi con còn là một gia chủ, con không

quan tâm (coi trọng) nhiều đến Giáo Pháp hay Tăng Đoàn. Nhưng sau khi con đã suy xét về sự kính mộ của con đối với đức Thế Tôn, và sự biết xấu-hổ (về mặt đạo đức) và sự biết sợ-hãi việc làm sai trái, con đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Đức Thế Tôn đã dạy cho con Giáo Pháp như vậy: ‘Đây là thân-sắc, đây là nguồn gốc của nó, đây là sự biến diệt của nó; đây là cảm-giác ... đây là nhận-thức ... đây là những sự tạo-tác cố-ý ... đây là thức, đây là nguồn gốc của nó, đây là sự biến diệt của nó.’

“Rồi, thưa Thế Tôn, trong khi con đang ở trong chòi trống theo dõi sự trôi lên và sụt xuống<sup>61</sup> của năm-uẩn bị dính chấp, con đã trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; con trực-tiếp biết đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Thưa Thế Tôn, con đã làm-nên sự đột-phá vào Giáo Pháp (ngộ Pháp) và đã đạt được phần đạo (đắc Đạo),<sup>62</sup> mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (đạo), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó sẽ dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(i) “Con đã đắc được yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự chánh-niệm), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’ ...

(vii) “Con đã đắc được yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó (sự buông-xả), và trong khi con đang an trú một cách phù hợp, thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

“Thưa Thế Tôn, đây là phần đạo mà con đã đắc được, mà sau khi con đã tu tập và tu dưỡng nó ... thì nó dẫn dắt con tới một trạng thái mà con hiểu được: ‘Sinh đã tận ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

“Lành thay, lành thay, này Udāyī! Đúng thực vậy, này Udāyī, đây là phần đạo mà thầy đã đắc được, và sau khi thầy đã tu tập và tu dưỡng nó, và trong khi thầy đang an trú một cách thích hợp, thì nó sẽ dẫn dắt thầy tới một trạng thái mà thầy hiểu được: ‘Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

**(SN 46:30)**

## NHÓM 4

### NHÓM ‘CHƯƠNG NGẠI’

(*Nīvaraṇa-vagga*)

#### 31 (1) *Thiện Lành (1)*

“Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành, thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chuyên-cần (chuyên chú, chuyên tâm tu tập), hội tụ ở sự chuyên-cần, và sự chuyên-cần được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng.<sup>63</sup> Khi một Tỳ kheo chuyên cần, thì có thể trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người chuyên cần, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [những sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, là người chuyên cần, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:31)

#### 32 (2) *Thiện Lành (2)*

“Này các Tỳ kheo, mọi phẩm chất thiện lành nếu có, góp phần trong sự thiện lành, thuộc về sự thiện lành, thì tất cả chúng đều bắt rễ từ sự chú-tâm kỹ càng (đúng pháp, một cách thiện khéo; như lý tác ý), hội tụ ở sự chú-tâm kỹ càng, và sự chú-tâm kỹ càng được tuyên bố là đứng đầu trong số chúng. Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, là người thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây ... [Tiếp tục giống kinh kể trên]...”

(SN 46:32)

### 33 (3) Sự Hư Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm thứ làm hư nhiễm vàng, do bị tạp nhiễm như vậy nên vàng không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy (cứng giòn, không tinh dẻo) và không thích hợp để sử dụng. Năm đó là gì? Sắt ... đồng ... thiết ... chì ... bạc là một thứ hư nhiễm của vàng. Đây là năm thứ hư nhiễm của vàng, do bị tạp nhiễm như vậy nên vàng không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể gãy và không thích hợp để sử dụng.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có năm thứ làm hư nhiễm cái tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể rạc và không đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. Năm đó là gì? (chương-ngại) *Tham-dục* là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể rạc và không đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm. [*Sự ác-ý* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự buồn-ngủ* và *đờ-đần* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự bất-an* và *hối-tiếc* là một thứ hư nhiễm của tâm ... *sự nghi-ngờ* là một thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể rạc và không đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.]<sup>64</sup> Đây là năm thứ hư nhiễm của tâm, do bị hư nhiễm như vậy nên tâm không dễ uốn nắn, không dễ điều khiển, không sáng sủa, mà dễ bị bể rạc và không đạt định một cách thích hợp để tiêu diệt những ô-nhiễm.”

(SN 46:33)

**34 (4) Sự Không Hư Nhiễm**

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy yếu-tố giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:34)

**35 (5) Sự Chú-tâm kỹ càng<sup>65</sup>**

(1) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm không kỹ càng (không đúng pháp, một cách không thiện khéo; phi như lý tác ý), (i) (chướng ngại) *tham-dục* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *tham-dục* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh; (ii) *sự ác-ý* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự ác-ý* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh; (iii) *sự buồn-ngủ* và *đờ-đần* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự buồn-ngủ* và *đờ-đần* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh; (iv) *sự bắt-an* và *hối-tiếc* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự bắt-an* và *hối-tiếc* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh; (v) *sự nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và *sự nghi-ngờ* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

(2) “Này các Tỳ kheo, khi một người tu chú-tâm kỹ càng (đúng pháp, một cách thiện khéo; như lý tác ý), (i) yếu-tố giác-ngộ là *sự*



*chánh-niệm* chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh sẽ khởi sinh và yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh sẽ đi đến sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:35)

### 36 (6) Sự Tăng Trưởng

“Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ, sau khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là bảy yếu-tố giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tăng-trưởng, sự không sa-sút.”

(SN 46:36)

### 37 (7) Những Trở Ngại

(1) “Này các Tỳ kheo, có năm thứ trở-ngại, chướng-ngại, hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) *Tham-dục* là một trở-ngại, chướng-ngại, hư-nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) *Sự ác-ý* là một trở-ngại ... (iii) *sự buồn-ngủ và đờ-đần* là một trở-ngại ... (iv) *sự bất-an và hối-tiếc* là một trở-ngại ... (v) *sự nghi-ngờ* là một trở-ngại, chướng-ngại, hư-nhiễm của tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, chướng-ngại, hư-nhiễm của tâm, là những thứ làm suy yếu trí-tuệ.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-

ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm ... (vii) Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy yếu-tố giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không hư-nhiễm của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:37)

### 38 (8) Không Có Chướng Ngại <sup>66</sup>

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó năm chướng-ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó bảy yếu-tố giác-ngộ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(1) “Và cái gì là năm chướng-ngại không có mặt trong thời (lúc) đó? Đó là, chướng ngại là *tham-dục* không có mặt trong thời đó; chướng ngại là *sự ác-ý* ... chướng ngại là *sự buồn-ngủ và đờ-đần* ... chướng ngại là *sự bất-an và hối-tiếc* ... chướng ngại là *sự nghi-ngờ* không có mặt lúc đó. Đây là năm chướng ngại không có mặt trong thời đó.

(2) “Và cái gì là bảy yếu-tố giác-ngộ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập ... (vii) Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập. Đây là bảy yếu-tố giác-ngộ trong thời đó sẽ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện lắng nghe Giáo Pháp bằng cả hai tai nhiệt thành, chú tâm lắng nghe một cách như vấn

đề sống-còn, hướng toàn bộ tâm trí vào nó, thì trong thời đó đó năm chướng-ngại không có mặt trong người đó; trong thời đó bảy yếu-tố giác-ngộ đi đến hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:38)

### 39 (9) Cây Cối

“Này các Tỳ kheo, có những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao bám những cây khác, và những cây bị bao bám thì bị bẻ cong, bị vắn vẹo, và bị ngã đổ. Và cây nào là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to? Đó là cây bồ-đề (*assattha*), cây đa (*banyan, nigrodha*), cây vả (*pilakkha*), và cây sung (*udumbara*)<sup>67</sup>: đây là những cây to lớn có hạt nhỏ và thân to, bao bám những cây khác, và những cây bị bao bám thì bị bẻ cong, bị vắn vẹo, và bị ngã đổ. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một người họ tộc ở đây dẹp bỏ những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, thì người đó thường (vẫn còn) bị bẻ cong, bị vắn vẹo, và bị ngã đổ bởi những khoái-lạc giác-quan đó, hoặc bởi những thứ tệ hại tục hại hơn chúng.

(1) “Này các Tỳ kheo, năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-bám của cái tâm, là năm thứ làm suy yếu trí-tuệ. Năm đó là gì? (i) *Tham-dục* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-bám của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. (ii) *Sự ác-y* ... (iii) *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* ... (iv) *sự bất-an và hối-tiếc* ... (v) *sự nghi-ngờ* là một thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-bám của cái tâm, là một thứ làm suy yếu trí-tuệ. Đây là năm thứ trở-ngại, thứ chướng-ngại, thứ bao-bám của cái tâm, là năm thứ làm suy yếu trí-tuệ.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không bao-bám của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-

ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không bao-bám của tâm ... (vii) Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại ... sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát. Bảy yếu-tố giác-ngộ này là sự không trở-ngại, là sự không chướng-ngại, là sự không bao-bám của tâm; sau khi được tu tập và tu dưỡng chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.”

(SN 46:39)

#### 40 (10) Những Chướng Ngại

(1) “Này các Tỳ kheo, năm chướng-ngại này là những tác nhân của sự mù-tối, gây ra sự thiếu tầm-nhìn, gây ra sự thiếu hiểu-biết, cản phá trí-tuệ, dẫn tới sự buồn-phiền (uru), dẫn lạc khỏi hướng Niết-bàn. Năm đó là gì? (i) Chướng ngại *tham-dục* là một tác nhân của sự mù-tối.... (ii) Chướng ngại *ác-ý* ... (iii) Chướng ngại *buồn-ngủ và đờ-đần* ... (iv) Chướng ngại *bất-an và hối-tiếc* ... (v) Chướng ngại *ngghi-ngờ* là một tác nhân của sự mù-tối ... dẫn lạc khỏi hướng Niết-bàn. Năm chướng ngại này là những tác nhân của sự mù-tối, gây ra sự thiếu tầm-nhìn, gây ra sự thiếu hiểu-biết, cản phá trí-tuệ, dẫn tới sự buồn-phiền, dẫn lạc khỏi hướng Niết-bàn.

(2) “Này các Tỳ kheo, bảy yếu-tố giác-ngộ này là những tác nhân của tầm-nhìn, những tác nhân của sự hiểu-biết, phát huy gia tăng trí-tuệ, thoát khỏi sự buồn-phiền (uru), dẫn dắt hướng tới Niết-bàn. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là một tác nhân của tầm-nhìn ... (vii) Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* là một tác nhân của tầm-nhìn ... dẫn dắt hướng tới Niết-bàn. Bảy yếu-tố giác-ngộ này là những tác nhân của tầm-nhìn, những tác nhân của sự hiểu-biết, phát huy sự gia tăng trí-tuệ, thoát khỏi sự buồn-phiền, dẫn dắt hướng tới Niết-bàn.”

(SN 46:40)



## NHÓM 5

### NHÓM ‘CHUYỂN LUÂN VƯƠNG’

(Cakkavatti-vagga)

#### 41 (1) Những Phân Biệt

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã dẹp bỏ ba sự phân-biệt<sup>68</sup>, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại dẹp bỏ ba sự phân-biệt, tất cả họ làm được vậy là nhờ họ có tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:41)

#### 42 (2) Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe

“Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của một vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương) thì xuất hiện bảy báu vật. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của bánh xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, phụ nữ báu, người tài quản báu, và tướng lĩnh báu.<sup>69</sup>

“Này các Tỳ kheo, với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy báu vật. Bảy đó là gì? Đó là sự xuất hiện của báu vật là (i) yếu-tố giác-ngộ *sự chánh-niệm* ... báu vật là (vii)

yếu-tố giác-ngộ *sự buông-xả*. Với sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác thì xuất hiện bảy báu vật là bảy yếu-tố giác-ngộ này.”

(SN 46:42)

### 43 (3) Ma Vương

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy con-đường (đạo) để nghiên nát đội quân của Ma Vương. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường nghiên nát đội quân của Ma Vương? Đó là bảy yếu-tố giác-ngộ. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Đây là con đường để nghiên nát đội quân của Ma Vương.”

(SN 46:43)

### 44 (4) Vô Trí

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ ngu vô trí, kẻ ngu vô trí’ Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘kẻ ngu vô trí’?”

“Này các Tỳ kheo, đó là do một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó bị gọi là ‘kẻ ngu vô trí’. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính do một người chưa tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó bị gọi là ‘kẻ ngu vô trí’.”

(SN 46:44)

#### 45 (5) Có Trí

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người có trí và cảnh giác, người có trí và cảnh giác’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một ‘người có trí và tỉnh giác’?”

“Này các Tỳ kheo, đó là do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘người có trí và cảnh giác’. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘người có trí và cảnh giác’.”

(SN 46:45)

#### 46 (6) Nghèo Nàn

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘kẻ nghèo nàn, kẻ nghèo nàn’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘kẻ nghèo nàn’?”

“Này các Tỳ kheo, đó là do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘kẻ nghèo nàn’. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘kẻ nghèo nàn’.”

(SN 46:46)

#### 47 (7) Giàu Có

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người giàu có, người giàu có’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người bị gọi là một ‘người giàu có’?”



“Này các Tỳ kheo, đó là do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘người giàu có’. Bảy đó là gì? (i) Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... (vii) yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Chính do một người đã tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ nên người đó được gọi là ‘người giàu có’.”

(SN 46:47)

#### 48 (8) Mặt Trời

“Này các Tỳ kheo, như rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, sự có bạn-tốt (đồng đạo, đồng môn, đạo hữu tốt) là cái đi trước và tiền thân của sự khởi-sinh của bảy yếu-tố giác-ngộ. Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi Tỳ kheo đó sẽ tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo, là người có bạn-tốt, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... Người đó tu tập và tu dưỡng yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [những sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy một Tỳ kheo, là người có bạn-tốt, tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

(SN 46:48)

#### 49 (9) Yếu Tố Bên Trong

“Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên trong, ta không thấy có yếu-tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh bảy yếu-tố giác-ngộ như thứ này, đó là: sự chú-tâm kỹ càng (đúng pháp, một cách thiện khéo; như lý tác ý). Khi một Tỳ kheo thành tựu sự chú-tâm kỹ càng, thì có thể

trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

[*Tiếp tục đoạn sau giống kinh SN 46:13 ở trên.*]

**(SN 46:49)**

### **50 (10) Yếu Tố Bên Ngoài**

“Này các Tỳ kheo, khi nói về yếu-tố bên ngoài, ta không thấy có yếu-tố nào khác thật hữu ích để giúp khởi sinh bảy yếu-tố giác-ngộ như thứ này, đó là: sự có bạn-tốt. Khi một Tỳ kheo có một người bạn-tốt, thì có thể trông đợi người đó tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ.”

[*Tiếp tục đoạn sau giống kinh SN 46:12 ở trên.*]

**(SN 46:50)**

## NHÓM 6

### NHÓM ‘THẢO LUẬN’

(Sāḱaccha-vagga)

#### 51 (1) Dưỡng Chất

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy dưỡng-chất và phi dưỡng-chất đối với năm chướng-ngại và bảy yếu-tố giác-ngộ. Hãy lắng nghe điều đó....

#### [i. Dưỡng Chất cho Năm Chướng Ngại]<sup>70</sup>

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất để làm cho sự *tham-dục* chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục *đã* khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự-đẹp* (sắc đẹp, vẻ đẹp, tướng đẹp): sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” (không đúng pháp, một cách không thiện khéo; phi như lý tác ý) vào nó chính là dưỡng chất làm cho tham-dục chưa khởi sinh thì khởi sinh và tham-dục *đã* khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất để làm cho sự *ác-ý* chưa khởi sinh thì khởi sinh và làm cho sự *ác-ý* *đã* khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu đáng chê-ghét* (ghét, từ chối, không ưa): sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào nó chính là dưỡng chất làm cho sự *ác-ý* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự *ác-ý* *đã* khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm cho sự *buồn-ngủ và đờ-đẫn* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự *buồn-ngủ và đờ-đẫn* *đã* khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh? Này các Tỳ kheo, có những sự bất mãn, sự lờ đờ, sự lười biếng, sự buồn ngủ (hôn trầm) sau khi ăn, sự lười biếng của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới

những điều đó chính là dưỡng chất làm cho sự buồn-ngủ và đờ-đần chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự buồn-ngủ và đờ-đần đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm cho sự *bất-an* và *hối-tiếc* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh? Này các Tỳ kheo, có sự bất an ổn của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất làm cho sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất làm cho sự *nghi-ngờ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự nghi-ngờ đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh? Này các Tỳ kheo, có những thứ (điều, lý) là cơ-sở cho (sinh ra) sự nghi-ngờ: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất làm cho sự nghi-ngờ chưa khởi sinh thì khởi sinh và sự *nghi-ngờ* đã khởi sinh thì gia tăng và lớn mạnh.

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; năm chướng-ngại cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.

### [ii. Dưỡng Chất cho Bảy Yếu-Tố Giác-Ngộ]

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất; bảy yếu-tố giác-ngộ cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự *chánh-niệm* chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện

yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỷ kheo, có những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” (một cách thiện khéo, đúng pháp; như-lý tác-ý) tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>71</sup>

(2) “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỷ kheo, có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái tốt hơn (ưu) và những trạng thái thấp kém (nhược), những trạng thái sáng và những trạng thái tối; : sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>72</sup>

(3) “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn) chưa khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỷ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố phân-đầu, yếu tố cố-gắng: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>73</sup>

(4) “Và, này các Tỷ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Nay các Tỷ kheo, có những thứ là cơ-sở giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-

ngộ là *sự hoan-hỷ*: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>74</sup>

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh lặng của thân, sự tĩnh lặng của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là sự tĩnh-lặng chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố tĩnh-lặng đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>75</sup>

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự vắng lặng*, *dấu-hiệu sự không phân-tán* (của tâm): sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>76</sup>

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những cơ-sở giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” tới điều đó chính là dưỡng chất giúp làm cho yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả chưa khởi sinh thì khởi sinh và giúp hoàn thiện yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả đã khởi sinh thông qua sự tu-tập.<sup>77</sup>

“Này các Tỳ kheo, cũng như thân này, được duy trì nhờ dưỡng chất, tồn tại phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có

dưỡng chất; bảy yếu-tố giác-ngộ cũng giống như vậy, được duy trì nhờ dưỡng chất, phụ thuộc vào dưỡng chất, và không tồn tại mà không có dưỡng chất.”

### [iii. Cắt Dưỡng Chất của Năm Chương-Ngại]<sup>78</sup>

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng-chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *tham-dục* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *tham-dục* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *dấu-hiệu sự ô-uế* (dơ bẩn, không sạch, bất tịnh: như của thân thể...): sự thường xuyên chú-tâm kỹ càng vào điều đó chính là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *tham-dục* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *tham-dục* đã khởi sinh.<sup>79</sup>

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự ác-ý* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *sự ác-ý* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” vào điều đó chính là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh *sự ác-ý* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *sự ác-ý* đã khởi sinh.<sup>80</sup>

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có yếu tố phát-khởi, yếu tố phân-đầu (tinh cần), yếu tố cố-gắng: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *sự buồn-ngủ và đờ-đẫn* đã khởi sinh.<sup>81</sup>

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của *sự bất-an và hối-tiếc* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của *sự bất-an và hối-tiếc* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có sự bình-an của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng”

vào nó chính là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự bất-an và hối-tiếc chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của sự bất-an và hối-tiếc đã khởi sinh.<sup>82</sup>

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự *ngghi-ngờ* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của sự *ngghi-ngờ* đã khởi sinh? Này các Tỳ kheo, do có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những trạng thái tốt hơn (ưu) và những trạng thái thấp kém (nhược), những trạng thái sáng và những trạng thái tối, và những trạng thái ứng với chúng: sự thường xuyên “chú-tâm kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất để ngăn chặn sự khởi sinh của sự *ngghi-ngờ* chưa khởi sinh và ngăn chặn sự gia tăng và lớn mạnh của sự *ngghi-ngờ* đã khởi sinh.<sup>83</sup>

#### [iv. Cắt Dưỡng Chất của Các Yếu-Tố Giác-Ngộ]

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự *chánh-niệm* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự *chánh-niệm* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là sự *chánh-niệm*: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự *chánh-niệm* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ *chánh-niệm* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự *phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự *phân-biệt các trạng thái* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những trạng thái thiện lành và trạng thái bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và trạng thái tội lỗi, những



trạng thái tốt hơn (ưu) và những trạng thái thấp kém (nhược), những trạng thái sáng và những trạng thái tối, và những trạng thái ứng với chúng.<sup>84</sup> sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn) chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những yếu tố phát-khởi, yếu tố phấn-đấu (tinh cần), yếu tố cố-gắng: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự nỗ-lực đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ giác-ngộ là sự hoan-hỷ đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là sự *tĩnh-lặng* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là sự *tĩnh-lặng* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có sự tĩnh lặng của thân, có sự tĩnh lặng của tâm: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ

càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(6) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có *dấu hiệu sự vắng-lặng*, có *dấu hiệu sự không phân-tán* (của tâm): sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.

(7) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập? Này các Tỳ kheo, có những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*: sự thường xuyên “chú-tâm không kỹ càng” vào chúng chính là sự cắt dưỡng chất làm ngăn chặn sự khởi sinh của yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* chưa khởi sinh và làm ngăn chặn yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* đã khởi sinh đạt tới sự hoàn-thiện thông qua sự tu-tập.”

(SN 46:51)

## 52 (2) Một Phương Pháp Thuyết Giảng

Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvathī (Xá-vệ) để khát thực. Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thành Sāvathī. Hay chúng ta ghé qua khu ở của các du sĩ giáo phái khác.”

Rồi các Tỳ kheo đó đã đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ:

“Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vậy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hu-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng bảy yếu-tố giác-ngộ’. Bên chúng tôi cũng dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình như vậy: ‘Này, các bạn tu, hãy dẹp bỏ năm chướng-ngại, là những sự hu-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy tu tập một cách chánh đúng bảy yếu-tố giác-ngộ’. Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về vấn đề chỉ dạy một Giáo Pháp này và về cách thức chỉ dạy?”<sup>85</sup>

Lúc đó các Tỳ kheo không vui thích cũng không phản kháng với câu nói của các du sĩ đó. Rồi không vui thích cũng không phản kháng, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu họ nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn.” Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thành và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: ‘Này các bạn, có một phương pháp thuyết giảng nào thông qua nó năm chướng-ngại trở thành mười, và bảy yếu-tố giác-ngộ trở thành mười bốn, hay không?’ Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một

câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

### [i. Năm Trở Thành Mười]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp thuyết giảng thông qua nó năm chướng-ngại trở thành mười?”

(1) “Mọi *tham-dục* đối với *bên trong* đều là chướng-ngại. Mọi *tham-dục* đối với *bên ngoài* đều là chướng-ngại.<sup>86</sup> Như vậy, cái được nói gọn là chướng ngại *tham-dục* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(2) “Mọi sự *ác-ý* đối với *bên trong* đều là chướng-ngại. Mọi *ác-ý* đối với *bên ngoài* đều là chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là chướng ngại *ác-ý* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(3) “Mọi sự *buồn-ngủ* và *đờ-đẫn* đối với *bên trong* đều là chướng-ngại. Mọi sự *buồn-ngủ* và *đờ-đẫn* đối với *bên ngoài* đều là chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là chướng ngại *buồn-ngủ* và *đờ-đẫn* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(4) “Mọi sự *bất-an* và *hối-tiếc* đối với *bên trong* đều là chướng-ngại. Mọi sự *bất-an* và *hối-tiếc* đối với *bên ngoài* đều là chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là chướng ngại *bất-an* và *hối-tiếc* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(5) “Mọi sự *nghi-ngờ* đối với *bên trong* đều là chướng-ngại. Mọi sự *nghi-ngờ* đối với *bên ngoài* đều là chướng-ngại. Như vậy, cái được nói gọn là chướng ngại *nghi-ngờ* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

### [ii. Bảy Trở Thành Mười Bốn]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp thuyết giảng thông qua nó bảy yếu-tố giác-ngộ trở thành mười bốn?”<sup>87</sup>

(1) “Mọi yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* về những thứ *bên*

trong đều là yếu-tố giác-ngộ chánh-niệm. Mọi yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm về những thứ *bên ngoài* đều là yếu-tố giác-ngộ chánh-niệm. Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ *chánh-niệm* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(2) “Mỗi khi người tu phân biệt những thứ *bên trong* bằng trí-tuệ, soi xét chúng, điều tra về chúng, thì đó là yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp); mỗi khi người tu phân biệt những thứ *bên ngoài* bằng trí-tuệ, soi xét chúng, điều tra về chúng, thì đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái. Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ là sự phân-biệt các trạng thái là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(3) “Mỗi khi có sự nỗ-lực thuộc thân, đó là yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn); mỗi khi có sự nỗ-lực thuộc tâm, đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực. Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(4) “Mỗi khi có sự hoan-hỷ đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó là yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*, (thuộc tầng thiền định thứ nhất: có tâm, tứ, hỷ, lạc); mỗi khi có sự hoan-hỷ không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ, (thuộc tầng thiền định thứ hai: có hỷ, lạc; hết tâm, tứ).<sup>88</sup> Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ là sự hoan-hỷ là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(5) “Mỗi khi có sự tĩnh lặng của thân, đó là yếu-tố giác-ngộ là sự *tĩnh-lặng*; mỗi khi có sự tĩnh lặng của tâm, đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là sự *tĩnh-lặng*.<sup>89</sup> Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ tĩnh-lặng là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(6) “Mỗi khi có sự định-tâm đi kèm bởi ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó là yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm*, (*trạng thái định và cận-định thuộc tầng thiền định thứ nhất*); mỗi khi có sự định-tâm không đi

kèm bởi ý-nghi (tâm) và sự soi-xét (tứ), đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là sự định-tâm, (*trạng thái định thuộc tầng thiền định thứ hai và cao hơn*).<sup>90</sup> Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ định-tâm là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

(7) “Mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ *bên trong*, đó là yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*; mỗi khi có sự buông-xả đối với những thứ *bên ngoài*, đó cũng là yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*. Như vậy, cái được nói gọn là yếu-tố giác-ngộ là *buông-xả* là gồm có hai, theo phương pháp thuyết giảng này.

“Này các Tỳ kheo, đây là phương pháp thuyết giảng thông qua nó bảy yếu-tố giác-ngộ trở thành mười bốn.”

(SN 46:52)

### 53 (3) *Lửa*

Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvattthī (Xá-vệ) để khát thực ... [*Tiếp tục như kinh 46:52 kể trên, cho tới:*] ... [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ rằng: ‘Này các bạn, (1) khi tâm trở nên thụ-động (chậm chạp, nặng nề, chìm ngấm, bị động, lười nhát, lu mờ), thì (i) tu tập những yếu-tố giác-ngộ nào là không hợp lúc, và (ii) tu tập những yếu-tố giác-ngộ nào là hợp lúc? Rồi nữa, này các bạn, (2) khi tâm trở nên kích-động (phấn khích, dao động, năng động), thì (i) tu tập những yếu-tố giác-ngộ nào là không hợp lúc, và (ii) tu tập những yếu-tố giác-ngộ nào là hợp lúc?’ Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời

Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

### **[i. Khi Tâm Thụ-động: Không Hợp Lúc]**

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó khó phát khởi nó bằng những yếu-tố đó.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người muốn nhóm lửa nhỏ thành đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ ướt, phân bò ướt, và củi cây ướt vô đó, còn rưới thêm nước vô đó, và rải đất lên đó, vậy người đó có thể nhóm thành đồng lửa lớn hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó khó phát khởi nó bằng những yếu-tố đó.

### **[ii. Khi Tâm Thụ-động: Hợp Lúc]**

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp), sự nỗ-lực (tinh tấn), và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó dễ phát khởi nó bằng những yếu-tố đó.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người muốn nhóm lửa nhỏ thành đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ khô, phân bò khô, và củi cây khô vô đó, còn thổi gió thêm vô đó, và không rải đất lên đó, vậy người đó có thể nhóm thành đồng lửa lớn hay không?”

“Có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên thụ-động, thì lúc đó hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự phân-biệt các trạng thái, sự nỗ-lực (tinh tấn), và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang thụ-động và lúc đó dễ phát khởi nó bằng những yếu-tố đó.

### **[iii. Khi Tâm Khích-Động: Không Hợp Lúc]**

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp), sự nỗ-lực (tinh tấn), và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi vì tâm đang bị khích-động và lúc đó khó làm nó tĩnh tại bằng những yếu-tố đó.

“Này các Tỳ kheo, giả sử một người muốn đập tắt đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ khô, phân bò khô, và củi cây khô vô đó, và còn thổi gió thêm vô đó, và không rải đất lên đó, vậy người đó có thể đập tắt đồng lửa hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó không hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự phân-biệt các trạng thái (trạch pháp), sự nỗ-lực (tinh tấn), và sự hoan-hỷ. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi vì tâm đang bị khích-động và lúc đó khó làm nó tĩnh tại bằng những yếu-tố đó.

### **[iv. Khi Tâm Khích-Động: Hợp Lúc]**

“Trong trường hợp, này các Tỳ kheo, khi tâm trở nên khích-động, thì lúc đó là hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự tĩnh-lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang khích-động và lúc đó dễ làm nó tĩnh tại bằng những yếu-tố đó.



“Này các Tỳ kheo, giả sử một người muốn dập tắt đồng lửa lớn. Nếu người đó quăng cỏ ướt, phân bò ướt, và củi cây ướt vô đó, và còn rưới nước thêm vô đó, và rải đất lên đó, vậy người đó có thể dập tắt đồng lửa hay không?”

“Có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong trường hợp khi tâm trở nên kích-động, thì lúc đó hợp lúc để tu tập yếu-tố [giác-ngộ là] sự tĩnh lặng, sự định-tâm, và sự buông-xả. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì tâm đang kích-động và lúc đó dễ làm nó tĩnh tại bằng những yếu-tố đó.

— “Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng *sự chánh-niệm* là luôn luôn luôn hữu-dụng.” (trong mọi tình huống của tâm)<sup>91</sup>

(SN 46:53)

#### 54 (4) Cùng Với Tâm-Từ...

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Koliya (Câu-lợi), ở đó có một thị trấn của họ tên là Haliddavasana. Lúc đó, vào buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thị trấn Haliddavasana để khát thực. Rồi ý nghĩ này xảy đến với họ: “Giờ vẫn còn quá sớm để đi khát thực trong thị trấn Haliddavasana. Hay chúng ta ghé qua khu ở của các du sĩ giáo phái khác.”<sup>92</sup>

Rồi các Tỳ kheo đó đã đi đến khu ở của các du sĩ khác đạo ở đó. Họ chào hỏi với các du sĩ đó, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên. Các du sĩ đã nói với họ:

“Này các bạn, sa-môn Cồ-đàm dạy Giáo Pháp cho những đệ tử của mình như vậy: ‘Này, các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ *năm chướng-ngại*, đó là những sự hư-nhiễm của tâm làm suy yếu trí-tuệ, và hãy sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *từ-ái* (tâm từ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương

thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống với một cái tâm thắm đẫm sự *từ-ái*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn hung dữ, không còn ác ý.

‘... Hãy sống bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự *bi-mẫn* (tâm bi), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống với một cái tâm thắm đẫm sự *bi-mẫn*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn hung dữ, không còn ác ý.

‘... Hãy sống bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự *tùy-hỷ* (tâm hỷ), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống với một cái tâm thắm đẫm sự *tùy-hỷ*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn hung dữ, không còn ác ý.

‘... Hãy sống bao trùm một phương với một cái tâm thắm đẫm sự *buông-xả* (tâm xả), cũng tương tự như vậy đối với phương thứ hai, phương thứ ba, và phương thứ tư. Như vậy là trên, dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống với một cái tâm thắm đẫm sự *buông-xả*, lớn rộng, cao thượng, vô lượng, không còn hung dữ, không còn ác ý.’

“Này các bạn, chúng tôi cũng vậy, cũng chỉ dạy Giáo Pháp cho các đệ tử của mình giống như vậy: ‘Này, các bạn, hãy dẹp bỏ *năm chướng-ngại* ... [*giống hệt đoạn kể trên*] ... không còn ác-ý.’ Như vậy, này các bạn, ở đây, cái gì là sự khác nhau, sự khác biệt, sự không tương đồng giữa sa-môn Cồ-đàm và chúng tôi về vấn đề chỉ dạy một Giáo Pháp và về cách thức chỉ dạy?”<sup>93</sup>

Lúc đó các Tỳ kheo không vui thích cũng không phản kháng với

câu nói của các du sĩ đó. Rồi, không vui thích cũng không phản kháng, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi và đi ra; trong đầu họ nghĩ rằng: “Chúng ta sẽ học ý nghĩa của câu nói này khi có mặt (khi gặp) đức Thế Tôn.” Rồi, sau khi các Tỳ kheo đó đã đi khát thực trong thành và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và thưa lại toàn bộ cuộc nói chuyện giữa họ và các du sĩ khác đạo đó. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này các Tỳ kheo, khi những du sĩ khác đạo nói như vậy, các thầy nên hỏi họ: ‘Này các bạn, theo cách nào tu tập “sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-từ*”? Nó có gì là đích-đến của nó, là tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’<sup>94</sup>

‘Theo cách nào tu tập “sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-bi*”? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

‘Theo cách nào tu tập “sự giải-thoát của tâm bằng *tâm tùy-hỷ*”? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

‘Theo cách nào tu tập “sự giải-thoát của tâm bằng *tâm buông-xả*”? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó?’

Khi được hỏi như vậy, các du sĩ đó chắc không thể trả lời, và hơn nữa, họ sẽ thấy phiền bức. Vì lý do gì? Bởi vì điều đó chắc không thuộc lĩnh vực (trú xứ, chuyên môn) của họ. Này các Tỳ kheo, ta không thấy có ai trong thế gian này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, có thể làm thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai hoặc các đệ tử của Như Lai hoặc người đã nghe được câu trả lời từ các vị đệ tử đó.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của

tâm bằng *tâm-từ*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có đi kèm bởi *tâm-từ* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có đi kèm bởi *tâm-từ*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.<sup>95</sup> (i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét (nhàm chán, đáng ghét, khó ưa, đáng ghê) trong những thứ không đáng chê-ghét (đáng thích, dễ chịu, đáng mong ước)’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong đó. (ii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ không đáng chê-ghét trong những thứ đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những không đáng chê-ghét trong đó. (iii) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong những thứ đáng chê-ghét và những thứ không đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong đó. (iv) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ không đáng chê-ghét trong những thứ đáng chê-ghét và những thứ không đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những thứ chê-ghét trong đó. (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-ghét và không đáng chê-ghét, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.<sup>96</sup> Hoặc khác, người đó chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát của thứ đẹp-đẽ. Này các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ có vẻ-đẹp là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo trí tuệ ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao hơn.<sup>97</sup>

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-bi*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có đi kèm bởi *tâm-bi* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có đi kèm bởi *tâm-bi*, [sự tu tập đó]

dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chắm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. (i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong những thứ không đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) ... thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. [*Y hết đoạn kể trên*]. Hoặc khác, với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về sắc-giới (vật chất), với sự biến mất của những nhận-thức về những chạm xúc giác quan, với sự không-còn chú tâm tới những nhận-thức về sự khác biệt, chỉ ý thức rằng ‘không gian là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của không gian (không vô biên xứ). Nay các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-bi có cảnh xứ vô biên của không gian là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo trí tuệ ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao hơn.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-hỷ*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có đi kèm bởi *tâm tùy-hỷ* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có đi kèm bởi *tâm tùy-hỷ*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chắm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. (i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong những thứ không đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) ... thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. [*Y hết đoạn kể trên*]. Hoặc khác, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, chỉ ý thức rằng ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ). Nay các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-hỷ có cảnh xứ vô biên của thức là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo trí tuệ ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao

hơn.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào tu tập sự giải-thoát của tâm bằng *tâm-xả*? Nó có gì là đích-đến của nó, tuyệt-đỉnh của nó, kết-quả của nó, mục-tiêu cuối cùng của nó? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có đi kèm bởi *tâm-xả* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có đi kèm bởi *tâm-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. (i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong những thứ không đáng chê-ghét’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong đó. (ii) ... (iii) ... (vi) ... (v) ... thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết. [*Y hệt đoạn kể trên*]. Hoặc khác, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, chỉ ý thức sự ‘không-có-gì’, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ). Này các Tỳ kheo, *sự giải-thoát của tâm bằng tâm-xả có cảnh xứ trống-không là tuyệt-đỉnh của nó*, ta nói vậy, đối với một Tỳ kheo trí tuệ ở đây là người chưa thâm nhập tới sự giải-thoát cao hơn.”

(SN 46:54)

## 55 (5) Bà-la-môn Saṅgāra

Ở Sāvattihī.<sup>98</sup>

Lúc đó có bà-la-môn tên là Saṅgāra đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, (I) cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? (II) Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn nhớ được lâu

trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?”

(I) [*Tại sao một người không nhớ được những kinh kệ?*]

(1) “Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm **bị** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục*, bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi *tham-dục*,<sup>99</sup> thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc; (*hàm chỉ tham-dục đủ loại*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó (khuôn mặt) đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(2) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-y*, bị chiếm ngự bởi *sự ác-y*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi *sự ác-y* đã khởi sinh, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục; (*hàm chỉ sự ác-y, sân hận*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu

nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(3) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, bị chiếm ngự bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là *sự thoát-khỏi sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là *sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người*. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo; (*hàm chỉ sự đờ-đẫn và buồn-ngủ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ-đẫn và buồn-ngủ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

(4) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc*, bị chiếm ngự bởi *sự bất-an và hối-tiếc*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là *sự thoát-khỏi sự bất-an và hối-tiếc*, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là *sự tốt-lành của mình, hoặc sự tốt-lành của người khác, hoặc sự tốt-lành của cả mình và người*. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.



“Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ; (*hàm chỉ sự bất-an và hối-tiếc*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự bất-an và hối-tiếc* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(5) “Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ*, bị chiêm ngợ bởi *sự nghi-ngờ*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là *sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là *sự tốt-lành của mình*, hoặc *sự tốt-lành của người khác*, hoặc *sự tốt-lành của cả mình và người*. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước đục ngầu, không lắng đọng, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối; (*hàm chỉ sự nghi-ngờ, sự không rõ*). Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi-ngờ* ... mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày, chúng vẫn không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

(II) [*Tại sao một người nhớ được những kinh kệ?*]

(1)-(5) “Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm **không bị** ám muội bởi (chướng-ngại) *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước *không bị* pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; được trong sạch, lắng tĩnh, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó thực là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một sống với một cái tâm *không bị* ám muội bởi *tham-dục, sự ác-ý, sự đờ-đẫn và buồn-ngủ, sự bất-an và hối-tiếc*, và *sự nghi-ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

“Này bà-la-môn, đây là nguyên nhân và lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày vẫn được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

(III) “Này bà-la-môn, có bảy yếu-tố giác-ngộ này là sự không trở-ngại, sự không chướng-ngại, sự không hư-nhiễm của tâm; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực (chân trí, minh) và sự giải-thoát. Bảy đó là gì? Yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là sự không trở-ngại ... Yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* là sự không trở-ngại, sự không chướng-ngại, sự không hư-nhiễm của tâm; khi được tu tập và tu dưỡng, chúng sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả là trí-biết đích thực và sự giải-thoát.

Sau khi lời tuyên thuyết này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: “Thật kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm!... Mong Thầy

Cồ-đàm ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 46:55)

## 56 (6) *Abhaya*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Lúc đó Hoàng tử Abhaya đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:<sup>100</sup>

“Thưa Thế Tôn, ông Pūraṇa Kassapa (Phú-lan-na Ca-diếp) nói rằng: ‘Không có nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) nào gây ra sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn; sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn là không có nguyên nhân và điều kiện. Không có nguyên nhân và điều kiện nào làm ra sự hiểu-biết và tầm-nhìn; sự hiểu-biết và tầm-nhìn là không có nguyên nhân và điều kiện.’<sup>101</sup> Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”

- “Này hoàng tử, có nguyên nhân và điều kiện gây ra sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn; sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện. Có nguyên nhân và điều kiện làm ra sự hiểu-biết và tầm-nhìn; sự hiểu-biết và tầm-nhìn có nguyên nhân và điều kiện.”

### [i. Nguyên Nhân của sự Thiếu Hiểu-biết và Tầm-nhìn]

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện gây ra sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn? Theo cách nào thì sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện?”

- “Này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *tham-dục*, bị chiếm ngự bởi *tham-dục*, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi *tham-dục*: đây là nguyên nhân và điều kiện gây ra sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn; chính theo cách như vậy sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện.

“Lại nữa, này hoàng tử, trong trường hợp khi một người sống với cái tâm bị ám muội bởi *sự ác-ý ... sự buồn-ngủ và đờ-đẫn ... sự bất-an và hối-tiếc ... sự nghi-ngờ*, bị chiếm ngự bởi sự nghi-ngờ, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự thoát-khỏi sự nghi-ngờ: đây là nguyên nhân và điều kiện gây ra sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn; chính theo cách như vậy sự thiếu hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

- “Này hoàng tử, đây được gọi là *những chướng-ngại*.”

“Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những chướng-ngại, thưa Bạc Phúc Lành! Người bị chi phối thậm chí bởi một trong những chướng-ngại đó cũng không biết và thấy mọi thứ đúng như chúng thực là, nói chi đến người bị chi phối bởi cả năm chướng-ngại.

### **[ii. Nguyên Nhân của Sự Hiểu-Biết và Tầm-nhìn]**

“Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện của sự hiểu-biết và tầm-nhìn? Theo cách nào sự hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện?”

- (1) “Ở đây, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập yếu-tổ giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập yếu-tổ giác-ngộ là sự chánh-niệm, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự hiểu-biết và tầm-nhìn; chính theo cách như vậy sự hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện. ...

- (7) “Lại nữa, này hoàng tử, một Tỳ kheo tu tập yếu-tổ giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Với một cái tâm đã tu tập

yếu-tố giác-ngộ là sự buông-xả, người đó biết và thấy mọi sự đúng như chúng thực là. Đây là nguyên nhân làm nên sự hiểu-biết và tầm-nhìn; chính theo cách như vậy sự hiểu-biết và tầm-nhìn là có nguyên nhân và điều kiện.”

“Thưa Thế Tôn, lời giảng giải Giáo Pháp này được gọi là gì?”

“Này hoàng tử, đây được gọi là *những yếu-tố giác-ngộ*.”

“Chắc chắn chúng là những yếu-tố giác-ngộ, thưa Thế Tôn! Chắc chắn chúng là những yếu-tố giác-ngộ, thưa Bạc Phúc Lành! Người có-được thậm chí một yếu-tố giác-ngộ cũng thấy và biết mọi sự đúng như chúng thực là, nói chi đến người có-được bảy yếu-tố giác-ngộ. Sự mệt mỏi của thân và sự mệt mỏi của tâm con đã nếm trải khi leo lên Đỉnh Núi Kền Kền này giờ đã lặn mất. Con đã thâm nhập vào Giáo Pháp.”  
(tức chúng nhập thánh quả Nhập-lưu)<sup>102</sup>

**(SN 46:56)**

## NHÓM 7

### NHÓM ‘THỞ VÀO–THỞ RA’

(*Ānāpāna-vagga*)

#### 57 (1) Bộ Xương

##### [i. Có Kết-Quả Lớn Lao]

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một bộ xương* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết-quả lớn lao và ích-lợi lớn lao.<sup>103</sup>

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết-quả và ích-lợi lớn lao? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương* ... người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự *buông bỏ* giải thoát. Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết-quả và ích-lợi lớn lao.”

##### [ii. Một trong hai Thánh Quả]

“Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai? Ở đây, một Tỳ kheo

tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương* ... người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chám-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai.”

### [iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao]

“Này các Tỳ kheo, khi nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương* ... người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có kèm theo *nhận-thức về một bộ xương*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chám-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.”

### [iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao khỏi sự trói-buộc; (trói buộc của vòng luân hồi sinh tử).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc? ... [Tiếp tục y hết đoạn trên.]

### [v. Cảm-Nhận về sự Cấp-Bách]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập

và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách; (tức nhìn thấy thân sắc là mong manh và vô thường, người nên mau chóng tìm đường thoát khỏi sự tái-sinh đầy khổ đau và sự hiện-hữu).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách? ... [Tiếp tục y hết đoạn trên.]

### **[vi. An-Trú trong Sự An-Nhiên]**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về một bộ xương được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên? ... [Tiếp tục y hết đoạn trên.]

**(SN 46:57)**

► [Mỗi kinh sau đây (từ **58—76**) được lặp lại theo mẫu kinh sáu-phần như bài kinh **57** kể trên.]

### **58 (2) Xác Chết Bị Giò Đục**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị giò đục* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

### **59 (3) Xác Chết Bị Xanh Tím**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị xanh tím* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

### **60 (4) Xác Chết Bị Bung Rữa**



“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị bung rữa* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**61 (5) *Xác Bị Sinh Chảy***

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *một xác chết bị sinh chảy* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**62 (6) *Tâm Từ***

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-từ* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**63 (7) *Tâm-Bi***

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-bi* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**64 (8) *Tâm Hỷ***

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-(tùy) hỷ* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**65 (9) *Tâm Xả***

“Này các Tỳ kheo, khi *tâm-xả* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại ...”

**66 (10) *Sự Thở Vào-Thở Ra***

“Này các Tỳ kheo, khi *sự thở-vào thở-ra* được tu tập và tu dưỡng,

thì nó mang lại ...”

(SN 46:58—66)

## NHÓM 8

### NHÓM ‘SỰ CHẤM DỨT’

(Nirodha-vagga)<sup>104</sup>

#### **67 (1) Sự Không Sạch**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự không-sạch ô-uế của thân* được tu tập và tu dưỡng ....

[*Tiếp tục lời kinh và bốn phân đoạn giống như kinh 76 ở cuối NHÓM này; và tất cả các kinh tiếp theo 68—75 cũng đều tiếp tục như vậy.*] ...”

#### **68 (2) Cái Chết**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *cái chết* được tu tập và tu dưỡng....”

#### **69 (3) Sự Gớm Ghé của Thức Ăn**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự gớm-ghé của thức ăn* được tu tập và tu dưỡng....”

#### **70 (4) Sự Không Khoái-Thích Trong Toàn Bộ Thể Gian**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn-bộ thể gian* được tu tập và tu dưỡng....”

#### **71 (5) Vô Thường**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự vô-thường* được tu tập

và tu dưỡng....”

## 72 (6) *Khổ*

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự khổ* được tu tập và tu dưỡng....”

## 73 (7) *Vô Ngã*

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự vô-ngã* được tu tập và tu dưỡng....”

## 74 (8) *Sự Đẹp Bỏ*

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự đẹp-bỏ* được tu tập và tu dưỡng....”

## 75 (9) *Sự Chán Bỏ*

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chán-bỏ* được tu tập và tu dưỡng....”

## 76 (10) *Sự Chấm Dứt*

### [i. Có Kết-Quả Lớn Lao]

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở

đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* có kèm theo *nhận-thức về sự chấm-dứt* ... người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* có kèm theo *nhận-thức về sự chấm-dứt*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Chính theo cách như vậy là nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

### **[ii. Một trong hai Thánh Quả]**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả là: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để có thể trông đợi một trong hai thánh quả ... [Tiếp tục tương tự như đoạn [i] ở trên.] ...”

### **[iii. Sự Tốt-Lành Lớn Lao]**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự tốt-lành lớn lao? ... [Tiếp tục tương tự như đoạn [i] ở trên.] ...”

### **[iv. Sự An-Toàn khỏi Sự Trói-Buộc]**

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc; (trói buộc của vòng luân hồi sinh tử).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-toàn lớn lao thoát khỏi sự trói-buộc? ... [Tiếp tục tương tự như đoạn [i] ở trên.] ...”

### [v. Cảm Nhận về sự Cấp-Bách]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới cảm-nhận về sự cấp-bách; (tức nhìn thấy thân sắc là mong manh và vô thường, người nên mau chóng tìm đường thoát khỏi sự tái-sinh đầy khổ đau và sự hiện-hữu).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới cảm nhận về sự cấp-bách? ... [Tiếp tục tương tự như đoạn [i] ở trên.] ...”

### [vi. An-Trú trong Sự An-Nhiên]

“Này các Tỳ kheo, khi sự nhận-thức về *sự chấm-dứt* được tu tập và tu dưỡng, thì nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự nhận-thức về sự chấm-dứt được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự an-trú trong sự an-nhiên? ... [Tiếp tục tương tự như đoạn [i] ở trên.] ...”

(SN 46:67—76)

**NHÓM 9**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’**  
(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)

**77 (1) — 88 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng *bảy yếu-tố giác-ngộ* là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng *bảy yếu-tố giác-ngộ* để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập *yếu-tố giác-ngộ* là *sự chánh-niệm* ... người đó tu tập *yếu-tố giác-ngộ* là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, *sự chán-bỏ*, *sự chấm-dứt*, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng *bảy yếu-tố giác-ngộ* là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này đều được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:92–102.*]

(SN 46:78–88)

Sáu đổ ra hướng đông,  
Và sáu đổ ra đại dương.  
Hai lần sáu là mười hai:  
NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

**NHÓM 10**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**89 (1) — 98 (10) Như Lai...**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loài chúng sinh— dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có thân-sắc hay không có thân-sắc, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức ....”

[*Tiếp tục là lặp lại, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ”, một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:139–148.*]

**(SN 46:89–98)**

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mươi.



## NHÓM 11

### NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

**99 (1) — 110 (12) Khó Nhọc...** <sup>105</sup>

“Này các Tỷ kheo, giống như việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng bảy yếu-tố giác-ngộ...”

[*Tiếp tục là lặp lại, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ”, một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149–60.*]

(SN 46:99–110)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

**NHÓM 12**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**111 (1) — 120 (10) Sự Tìm Kiếm ...**

“Này các Tỷ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tâm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm-linh (phạm hạnh, thánh thiện) ....

[*Tiếp tục là lặp lại, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ”, một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:161—70.*]

**(SN 46:111—120)**

Những Sự Tìm Kiếm, Những Sự Phân Biệt, Những Ô Nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Dạng Khổ,  
Sự Căn Cỗi, Những Ó Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,  
Những Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

## NHÓM 13

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’

(Ogha-vagga)

#### 121 (1) — 129 (9) Những Dòng Lũ ...

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng-lũ này. Bốn đó là gì? Dòng lũ của tham-dục (nhục dục), dòng lũ của sự hiện-hữu, dòng lũ của quan-điểm này nọ (tà-kiến), dòng lũ của vô-minh...”

[Tiếp tục là lặp lại, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ”, một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:171–79**.]

(SN 46:121–129)

#### 130 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muôn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muôn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. *Bảy yếu-tố giác-ngộ* được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.

“Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Bảy yếu-tố giác-ngộ này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.”

(SN 46:130)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chương Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

**NHÓM 14**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG**  
**LẶP LẠI & TÓM LƯỢC’**  
(*Gaṅgā-peyyāla-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM...’]

**131 (1) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập bảy yếu-tố giác-ngộ là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào người đó làm được như vậy? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm ... yếu-tố giác-ngộ là *buông-xả*, [sự tu tập đó] có mục-tiêu của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo ... ngã về hướng Niết-bàn.”

(SN 46:131)

**132 (2) — 142 (12) Đổ Về Hướng Đông...**

[*Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ” và phiên mẫu ‘loại-bỏ tham...’.*]

(SN 46:132—142)

Sáu đổ ra hướng đông  
Và sáu đổ ra đại dương.  
Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

**NHÓM 15**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÂN’**  
(*Appamāda-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM...’]

**143 (1) — 152 (10) Như Lai...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ” và phiên mẫu ‘loại-bỏ tham...’.]

(SN 46:143—152)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 16**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM...’]**

**153 (1) — 164 (10) Khó Nhọc...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ” và phiên mẫu ‘loại-bỏ tham...’.]

**(SN 46:153—164)**

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.



**NHÓM 17**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

[THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM...’]

**165 (1) — 174 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ” và phiên mẫu ‘loại-bỏ tham...’.]

(SN 46:165—174)

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Căn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,  
Các Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

## NHÓM 18

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’

(Ogha-vagga)

#### [THEO MẪU ‘LOẠI-BỎ THAM...’]

#### 175 (1) — 183 (10) Những Dòng Lũ...

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “bảy yếu-tố giác-ngộ” và phiên mẫu ‘loại-bỏ tham...’.]

(SN 46:175—183)

#### 184 (10) Những Gong Cùm Cao hơn...

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muôn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muôn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. *Bảy yếu-tố giác-ngộ* được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.

“Bảy đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, [sự tu tập đó] có mục-tiêu của nó là *sự loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si* ... có *sự Bất-tử* là *nền-tảng của nó*, sự Bất-tử là đích-đến của nó, sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của nó ... [những sự tu tập đó] là *đổ về*, nghiêng về, và ngã về *Niết-bàn*. Bảy yếu-tố giác-ngộ này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.”<sup>106</sup>

**(SN 46:184)**

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.



## Chương 47

# Liên Kết CÁC NỀN TẢNG CHÁNH-NIỆM

*(47 Satīpaṭṭhāna-saṃyutta)*

*(47 Tương ứng Niệm Xứ)*



# NHÓM 1

## NHÓM ‘AMBAPĀLĪ’

(*Ambapālī*)

### 1 (I) *Ambapālī*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Khu Vườn của cô Ambapālī (về sau là Tỳ kheo ni Ambapālī). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:<sup>107</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để chấm dứt sự khổ đau và ưu phiền, để đạt được một phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm.<sup>108</sup> Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát **thân** trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những **cảm-giác** trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và sự buồn phiền đối với thế giới. Người đó sống quán sát **tâm** trong tâm, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và sự buồn phiền đối với thế giới. Người đó sống quán sát **những hiện-tượng** trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới.”

“Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để chấm dứt sự khổ đau và ưu phiền, để đạt được một phương pháp, để

chúng ngộ Niết-bàn, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hân hoan và vui lòng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

(SN 47:01)

## 2 (2) Có Chánh Niệm

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong Khu Vườn của cô Ambapālī (về sau là Tỳ kheo ni Ambapālī). Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống (trú, an trú) có chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác): đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.<sup>109</sup>

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là có chánh-niệm? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

- “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo thực tập sự thường rõ-biết? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người hành động (làm) với sự rõ-biết khi đang đi tới và đang đi lui; khi đang nhìn thẳng và đang nhìn ngang; khi đang co hay đang duỗi tay chân; khi đang mặc quần áo và khi đang mang cà sa và bình bát; khi đang ăn, khi đang



uống, khi đang nhai thức ăn, và khi đang nếm; khi đang đại tiện và khi đang tiểu tiện; khi đang đi, khi đang đứng, khi đang nằm, khi đang ngồi, khi đang đi ngủ, khi đang thức dậy, khi đang nói, và khi đang im lặng. Chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo thực tập sự thường rõ-biết.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:02)

### 3 (3) *Một Tỳ Kheo*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

- “Có mấy người ngu ở đây cũng hay thỉnh cầu ta theo kiểu này, nhưng sau khi Giáo Pháp đã được nói cho họ, họ chỉ nghĩ tới việc quanh quẩn đi theo ta mà thôi; (chứ không chịu lui về ẩn dật tu hành).”<sup>110</sup>

“Mong đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Mong bậc Phúc Lành chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn! Có lẽ con có thể hiểu được ý nghĩa của lời dạy của đức Thế Tôn; có lẽ con có thể trở thành người thừa hưởng lời dạy của đức Thế Tôn.”

- “Vậy được rồi, này Tỳ kheo, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh (đức-hạnh) phải được thanh lọc tốt và

cách-nhìn phải được chánh thẳng.<sup>111</sup> Rồi, này Tỳ kheo, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh thẳng, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách ba-phần.

- “Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy sống quán sát *thân* trong thân ở (i) *bên-trong*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Hãy sống quán sát *thân* trong thân ở (ii) *bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy sống quán sát thân trong thân ở (iii) *bên-trong* và *bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Hãy sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy sống quán sát *tâm* trong tâm ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Hãy sống quán sát *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng ... ở bên-trong và bên-ngoài, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

- “Này Tỳ kheo, khi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách ba-phần (bên-trong, bên-ngoài, và bên-trong và bên ngoài) như vậy, thì, dù là ngày hay đêm, thì có thể trông đợi sự gia tăng những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự gia giảm.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra.

Rồi, sau khi sống tu một mình, lui về (thu mình), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, vị Tỳ kheo đó, bằng cách tự mình chứng ngộ nó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đả rời khỏi đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Người đó hiểu rằng: “*Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.*”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 47:03)

#### 4 (3) Ở *Sālā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) trong ngôi làng của những bà-la-môn, làng *Sālā*. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

(1) “*Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là những người mới thụ giới, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng (giáo giới, giáo huấn) cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì?*

- (Các thầy nên khởi xướng cho họ như vậy:) “*Này các đạo hữu, hãy sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Hãy sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... để biết những cảm-giác đúng như chúng thực là. Hãy sống quán sát tâm trong tâm ... để biết tâm đúng như nó thực là. Hãy sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng ... để biết những hiện-tượng đúng như chúng thực là.*’

(2) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những bậc học-nhân* (đã lọt vào dòng thánh đạo), là những người chưa đạt tới lý tưởng của tâm, những người sống tâm nguyện đạt tới sự an-toàn tối thượng thoát khỏi sự trói-buộc: thì họ cũng vậy, họ cũng sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, để biết thân đúng như nó thực là. Họ sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... để biết những cảm-giác đúng như chúng thực là. Họ sống quán sát tâm trong tâm ... để biết tâm đúng như nó thực là. Họ sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng ... để biết những hiện-tượng đúng như chúng thực là.’

(3) “Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo đã là *những bậc A-la-hán* (bậc vô-học nhân), những người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá-sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì họ cũng vậy, họ cũng sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, được hợp nhất, với một cái tâm sáng rõ, đạt định, với một cái tâm nhất-điểm, đã tách-ly khỏi thân. Họ cũng sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... đã tách-ly khỏi những cảm-giác. Họ cũng sống quán sát tâm trong tâm ... đã tách-ly khỏi tâm. Họ cũng sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng ... đã tách-ly khỏi những hiện-tượng.

“Này các Tỳ kheo, đối với những Tỳ kheo là *những người mới thụ giới*, chưa xuất gia lâu ngày, vừa mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật, các thầy nên khởi xướng cho họ, ổn định họ, và thiết lập họ trong sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.”

**(SN 47:04)**

## 5 (5) Một Đồng Thiện

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đồng bất thiện’ mà chỉ *năm chướng-ngại* (ngũ triền cái) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn bất thiện, đó là, năm chướng-ngại. Năm đó là gì? Chướng ngại tham-dục, chướng ngại ác-ý, chướng ngại buồn-ngủ và đờ-đẫn, chướng ngại bất-an và hối-tiếc, chướng ngại nghi-ngờ. Nếu ai nói ‘một đồng bất thiện chính là năm chướng-ngại’ thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn bất thiện, đó là, năm chướng-ngại.”

(2) “Này các Tỳ kheo, nếu ai nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ *bốn nền-tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ) thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, bốn nền-tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Nếu ai nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ bốn nền-tảng chánh-niệm thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, bốn nền-tảng chánh-niệm.”

(SN 47:05)

## 6 (6) Điều Hâu

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một con điều hâu đột kích bay xuống và gắp bắt một con chim.<sup>112</sup> Rồi, trong khi chim cút đang bị gắp

đi bởi điều hâu, nó mới than khóc: ‘Tôi thật xui xẻo, thật ít phước đức (nên mới bị như vậy)! Tôi đã ra khỏi khu vực (lãnh địa, trú xứ) của mình, đã lạc qua lãnh địa của người khác. Nếu hôm nay tôi ở trong khu vực của mình, trong lãnh địa của tổ tiên tôi, thì con điều hâu không có cơ hội nào để thắng tôi, nếu có đánh nhau.’

- ‘Nhưng, này chim cú, khu vực của ngươi là đâu, lãnh địa của tổ tiên ngươi ở đâu?’

- ‘Là đồng cỏ mới cày có những ụ đất lồi lõm.’

“Rồi con điều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình, mới thả con chim cú ra và nói: ‘Ê, chim cú, giờ thì chạy đi, coi thử ở (lãnh địa) đó ngươi có trốn thoát khỏi ta hay không.’

“Rồi, này các Tỳ kheo, lúc đó con chim cú liền chạy tới đồng cỏ mới cày có những ụ đất lồi lõm. Sau khi trèo lên một ụ đất lớn, nó đứng đó và nói với điều hâu: ‘Đến bắt ta đi, điều hâu! Đến bắt ta đi, điều hâu!’

“Rồi con điều hâu, tin tưởng vào sức mạnh của mình, không khoác lác về sức mạnh của mình, mới xếp đôi cánh lại và lao nhanh xuống và gấp lấy con chim cú. Nhưng khi chim cú biết ‘Điều hâu đã áp sát’, trong giây khắc đó nó lủi ngay xuống bên dưới ụ đất, và con điều hâu lỡ trớn đập vào ụ đất, bị bẻ ngược ngay tại chỗ. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, hễ khi ai (lúc này là điều hâu) ra khỏi khu vực của mình và lạc qua lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy.

(1) “Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ tiếp cận ngay những ai ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt họ ngay.<sup>113</sup>

“Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là *năm dây khoái-lạc giác-quan* (dục lạc). Năm đó

là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Đây là những thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác.

(2) “Này các Tỳ kheo, hãy vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể tiếp cận những người vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ.

“Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là *bốn nền tảng chánh-niệm*. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình.”

(SN 47:06)

## 7 (7) Con Khỉ

“Này các Tỳ kheo, trên dãy núi Himalaya, vua của các ngọn núi, có những vùng gập ghềnh và hiểm trở mà những con khỉ và con người không thể đi qua; có những vùng gập ghềnh và hiểm trở khi có thể đi qua, nhưng người không thể đi qua; có những vùng bằng phẳng và đáng mê thích cả khỉ và người đều có thể đi lại được. Ở đó, dọc theo đường

mòn khi đi, những thợ săn đã đặt nhiều bẫy nhựa dính (keo dính) để bắt khi.

“Một con khi không ngu dại thấy được cái bẫy và tránh nó từ xa. Nhưng con khi ngu dại thì sờ tay vào bẫy dính và bị dính tay. Nó nghĩ “Ta phải gỡ tay ra”, con khi dùng tay kia để gỡ; bị dính tay đó luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay của ta ra”, con khi dùng chân để đạp cái bẫy, bị dính chân luôn. Nó nghĩ “Ta phải gỡ hai tay và hai chân”, con khi dùng miệng để đẩy cái bẫy; và nó bị dính miệng luôn ở đó đó.

“Này các Tỳ kheo, con khi nằm đó kêu la, với năm-chỗ bị dính chặt. Nó đã bị dính vào tai nạn và thảm họa, và giờ người thợ săn muốn làm gì nó thì làm. Lúc đó thợ săn chỉ việc đâm chết con khi, cột nó vào tấm gỗ dính đó, rồi muốn (mang, vác, chở nó) đi đâu thì đi. Như vậy đó, này các Tỳ kheo, nếu ai đi ra khỏi trú xứ của mình và đi lạc vào lãnh địa của người khác thì sẽ bị như vậy.

(1) “Do vậy, này các Tỳ kheo, đừng ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác. Ma Vương sẽ tiếp cận ngay những ai ra khỏi trú xứ của mình và lạc qua lãnh địa của người khác; Ma Vương sẽ bắt họ ngay.

“Và cái gì không phải là trú xứ của một Tỳ kheo mà là lãnh địa của người khác? Đó là *năm dây khoái-lạc giác-quan* (ngũ dục lạc). Năm đó là gì? Những hình-sắc được nhận biết bởi mắt thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Những âm-thanh được nhận biết bởi tai ... Những mùi-hương được nhận biết bởi mũi ... Những mùi-vị được nhận biết bởi lưỡi ... Những đối-tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân thì như là: đáng ước, đáng yêu, dễ chịu, dễ thương, liên hệ đến nhục dục, hấp dẫn. Đây là năm dây khoái-lạc giác-quan. Đây là thứ không phải là trú xứ của các Tỳ kheo mà thuộc lãnh địa của người khác.

(2) “Này các Tỳ kheo, hãy vào ở trong trú xứ của mình, trong trú



xứ của tổ tiên mình. Ma Vương không thể tiếp cận những người vào ở trong trú xứ của mình, trong trú xứ của tổ tiên mình; Ma Vương sẽ không bắt được họ.

“Và cái gì là trú xứ của các Tỳ kheo? Đó là *bốn nền tảng chánh-niệm*. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là trú xứ của một Tỳ kheo, là trú xứ của tổ tiên mình.”

(SN 47:07)

## 8 (8) Người Đầu Bếp

### [i. Đầu Bếp Dở]

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đầu bếp dở, ngu dốt, không khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt.

“Người đầu bếp dở, ngu dốt, không khéo léo đó không thu nhận dấu-hiệu về chủ của mình thích món nào, như: ‘Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng ... hoặc món cà-ri cay ... hoặc món cà-ri ngọt ... hoặc món cà-ri nặng mùi ... hoặc món cà-ri ... hoặc món cà-ri nhẹ mùi ... hoặc món cà-ri mặn ... hoặc món cà-ri lạt.’

“Người đầu bếp dở, ngu dốt, không khéo léo đó sẽ không được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp dở, ngu dốt, không khéo léo đó không biết thu nhận dấu-hiệu chủ mình thích món nào. (để nấu và phục vụ những món mà chủ mình ưa thích)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo dở, ngu dốt, không thiện khéo sống quán sát *thân* trong thân—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Trong khi họ đó sống quán sát thân trong thân, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, nhưng họ không thu nhận dấu-hiệu đó.<sup>114</sup> Họ sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng, tâm của họ không đạt-định, những hư-nhiễm của họ không được dẹp-bỏ, họ không thu nhận dấu-hiệu đó.

“Mấy Tỳ kheo dở, ngu dốt, không thiện khéo đó không có được những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này; cũng không có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó không biết thu nhận dấu-hiệu của tâm mình.

### [ii. Đầu Bếp Giỏi]

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo, dâng lên một nhà vua hay một đại thần nhiều món cà-ri khác nhau: chua, đắng, cay, ngọt, nặng mùi, nhẹ mùi, mặn, lạt.<sup>115</sup>

“Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó thu nhận dấu-hiệu về chủ của mình thích món nào, như: ‘Bữa nay món cà-ri này làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món này, hoặc chủ mình ăn món này nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món này; hoặc món cà-ri

chua làm hài lòng chủ mình, hoặc chủ mình đã chọn ăn món cà-ri chua, hoặc chủ mình ăn món cà-ri chua nhiều, hoặc chủ mình nói lời khen món cà-ri chua; hoặc món cà-ri đắng ... hoặc món cà-ri cay ... hoặc món cà-ri ngọt ... hoặc món cà-ri nặng mùi ... hoặc món cà-ri ... hoặc món cà-ri nhẹ mùi ... hoặc món cà-ri mặn ... hoặc món cà-ri lạt.’

“Người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó sẽ được nhận [ban thưởng] quần áo, lương bổng, và tiền thưởng. Vì lý do gì? Vì người đầu bếp giỏi, khôn ngoan, khéo léo đó biết thu nhận dấu-hiệu chủ mình thích món nào.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ở đây có mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo, sống quán sát *thân* trong thân—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ sống quán sát thân trong thân, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ thu nhận dấu-hiệu đó. Họ sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi họ sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng, tâm của họ đạt-định, những hư-nhiễm của họ được dẹp-bỏ, họ thu nhận dấu-hiệu đó.

“Mấy Tỳ kheo giỏi, khôn trí, thiện khéo đó có được những sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này, họ cũng có được sự chánh-niệm và sự rõ-biết. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, mấy Tỳ kheo đó biết thu nhận dấu-hiệu của tâm mình.”

(SN 47:08)

## 9(9) Bệnh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī

(Tỳ-xá-ly) trong một ngôi làng nhỏ tên là làng Beluva (*Beluvagāma*). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Nào, này các Tỳ kheo, hãy nhập trú kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở chỗ nào các thầy có bạn bè, hay có người quen biết, và có người thân thuộc ở lân cận thành Vesālī. Còn ta sẽ nhập trú kỳ an cư mùa mưa ở làng Beluva.”<sup>116</sup>

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại, và họ đã đi trú qua kỳ an cư mùa mưa ở nơi họ có bạn bè, có người quen biết, và có người thân thuộc ở lân cận thành Vesālī, trong khi đức Thế Tôn nhập trú mùa mưa ngay trong làng Beluva đó.

Rồi, sau khi đức Thế Tôn nhập trú kỳ an cư mùa mưa, một cơn bệnh nặng đã khởi sinh trong đức Thế Tôn và những sự đau đớn kinh khủng gần như chết đã tấn công đức Thế Tôn. Nhưng đức Thế Tôn đã chịu đựng chúng, có chánh-niệm và thường rõ-biết, không để bị sàu nào. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với đức Thế Tôn: “Thật không phù hợp với ta nếu ta Bát niết-bàn mà không nói cho những người phụ cận và không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo. Vậy ta sẽ không chế cơn bệnh bằng sự nỗ-lực (tinh tấn) và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng).”<sup>117</sup> Rồi đức Thế Tôn đã không chế cơn bệnh bằng phương tiện là sự nỗ-lực (năng lượng tinh tấn), và sống tiếp, sau khi đã ổn định sự tạo-tác sự-sống.

Rồi đức Thế Tôn đã hồi phục hồi khỏi cơn bệnh. Ngay sau khi hồi phục, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn cư và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn dưới mái hiên phía sau nơi ở. Rồi Ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thật tuyệt vời rằng Thế Tôn, đang chịu đựng tốt; thật tuyệt vời rằng Thế Tôn đã hồi phục! Nhưng, thưa Thế Tôn, khi Thế Tôn bị bệnh thì thân con như bị trúng thuốc vậy, con bị mất phương

hướng, mọi giáo lý đều không rõ ràng với con. Tuy nhiên con vẫn còn nhiều an ủi rằng: ‘Chắc đức Thế Tôn sẽ không bát niết-bàn mà không nói vài lời tuyên bố (di huấn, di chúc, chỉ thị, căn dặn...) với Tăng Đoàn các Tỳ kheo.’”

- “Này Ānanda, Tăng Đoàn các Tỳ kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Này Ānanda, ta đã chỉ dạy Giáo Pháp mà không phân biệt bên trong và bên ngoài.<sup>118</sup> Đối với những giáo lý, Như Lai đâu còn giấu gì trong nắm tay của người thầy. Này Ānanda, nếu có ai nghĩ rằng ‘Mình sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo’ hoặc ‘Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ chịu sự chỉ đạo của mình’, thì đó mới là người nên nói mấy lời tuyên bố liên quan tới Tăng Đoàn Tỳ kheo. Nhưng, này Ānanda, đối với Như Lai điều đó là không có, không có cái sự ‘Ta sẽ lãnh đạo Tăng Đoàn Tỳ kheo’ hay ‘Tăng Đoàn Tỳ kheo sẽ theo sự chỉ đạo của ta’, do vậy, tại sao Như Lai phải nói mấy lời tuyên bố liên quan đến Tăng Đoàn Tỳ kheo? Này Ānanda, giờ ta đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã gần hết cuộc đời, đang đến giai đoạn cuối. Giờ ta đã tám mươi tuổi. Giống như một cỗ xe già cỗi chỉ chạy được nhờ những sợi dây chằng giữ, thân của Như Lai cũng giống như một cỗ xe còn chạy được nhờ những dây chằng giữ (để khỏi bị bung rã...).

- “Này Ānanda, khi nào, nhờ sự không chú-tâm (không tác-ý) tới mọi dấu-hiệu (hình tướng) và nhờ sự chấm-dứt một số cảm-giác, Như Lai chứng nhập và an trú trong sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm (vô tướng định), thì khi đó, này Ānanda, thân của Như Lai được dễ chịu hơn.<sup>119</sup> Vì vậy, này Ānanda, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. Và, này Ānanda, theo cách nào một Tỳ kheo sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình,

không nương tựa chỗ khác? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người biết sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập.”

(SN 47:09)

## 10 (10) Khu Ở Của Các Tỳ Kheo Ni

Lúc đó, vào buổi sáng Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo cà sa và bình bát, thầy ấy đi đến khu ở của các Tỳ kheo ni, và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi một số Tỳ kheo ni đã đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy Ānanda, ở đây có một số Tỳ kheo ni sống với tâm được khéo thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm, họ nhận-thức (chứng ngộ) lần lượt những giai đoạn khác-biệt cao hơn so với trước.<sup>120</sup>

“Phải vậy, này các ni, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai, này các ni—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm được khéo thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm, thì người đó sẽ đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn so với trước.”

Rồi thầy Ānanda đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm

hoan hỷ các Tỳ kheo ni bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp, sau đó thầy ấy đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi thầy Ānanda đi khát thực trong thành Sāvattthī. Sau khi đã đi một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn mọi chuyện đã xảy ra. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Phải vậy, này Ānanda, phải là vậy! Điều đó có thể trông đợi từ bất cứ ai—dù là Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni—ai sống với một cái tâm được khéo thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm, thì người đó sẽ đạt tới những giai đoạn khác-biệt cao hơn so với trước.”

(1) “Bốn đó là gì? Này Ānanda, ở đây một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát thân trong thân, thì dựa vào cơ-sở là thân có khởi sinh cơn-sốt trong thân, hoặc có sự thụ-động (chậm chạp, biếng nhác) của tâm, hoặc tâm bị xao lãng với bên ngoài. Thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ khác.<sup>121</sup> Khi người đó hướng tâm tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự hoan-hỷ sinh ra. Khi người đó được hoan hỷ, thì niềm khoan-khoái sinh ra. Khi tâm được nâng bổng bởi niềm khoan-khoái, thì thân trở nên tĩnh-lặng. Người được tĩnh lặng trong thân thì trải nghiệm niềm hạnh-phúc. Tâm của một người hạnh phúc thì trở nên đạt-định. Người đó quán chiếu như vậy: *‘Mục đích, vì nó mà ta đã hướng tâm mình, giờ đã đạt được. Giờ ta rút lui khỏi nó.’*<sup>122</sup> Vì vậy người đó rút lui tâm, và không nghĩ (tầm) hay soi xét (tứ) nữa. Người đó hiểu: ‘Không còn ý-nghĩ (tầm) và sự soi-xét (tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh phúc.’<sup>123</sup>

“Lại nữa, một Tỳ kheo sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Trong khi người đó đang quán sát những hiện-tượng, thì dựa vào cơ-sở là các hiện-tượng có khởi

sinh con-sốt trong thân, hoặc có sự thụ-động của tâm, hoặc tâm bị xao lãng với bên ngoài. Thì Tỳ kheo đó nên hướng tâm mình tới ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ khác. Khi người đó hướng tâm tới một dấu-hiệu tạo cảm hứng, thì sự hoan-hỷ sinh ra ... .. Người đó hiểu: ‘Không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có chánh-niệm bên trong, ta hạnh phúc.’

“Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền tập bằng sự định-hướng.<sup>124</sup>

(2) “Và bây giờ, này Ānanda, theo cách nào thì có sự thiền tập không định-hướng?

(i) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị o ép, nó được giải thoát, không bị hướng (ngoại)’.<sup>125</sup> Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta sống quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc.’

(ii) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị o ép, được giải thoát, không bị hướng (ngoại)’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta sống quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc.’

(iii) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị o ép, được giải thoát, không bị hướng (ngoại)’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta sống quán sát *tâm trong tâm*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh phúc.’

(iv) “Không hướng tâm mình ra bên ngoài, một Tỳ kheo hiểu: ‘Tâm của ta không bị hướng ra bên ngoài’. Rồi người đó hiểu: ‘Tâm trước và sau không bị o ép, được giải thoát, không bị hướng (ngoại)’. Rồi người đó hiểu thêm: ‘Ta sống quán sát *những hiện-tượng trong những hiện-tượng*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm; ta hạnh



phúc.’

“Này Ānanda, chính theo cách như vậy là có sự thiền tập không sự định-hướng.

“Như vậy, này Ānanda, ta đã chỉ dạy sự thiền tập bằng sự định-hướng, ta đã chỉ dạy sự thiền tập không sự định-hướng. Này Ānanda, những gì cần làm bởi một người thầy bi-mẫn vì lòng bi-mẫn đối với những đệ tử, mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong. Này Ānanda, đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này Ānanda, đừng lơ tâm xao lãng để sau này hối tiếc. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Thầy Ānanda hân hoan và hài lòng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn.

**(SN 47:10)**

## NHÓM 2

### NHÓM ‘NĀLANDĀ’

(*Nālanda-vagga*)

#### 11 (1) *Vĩ Nhân*

Ở Sāvathī.

Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một vĩ nhân, một vĩ nhân’.<sup>126</sup> Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là vĩ nhân?”

- “Này Xá-lợi-phất, với một cái tâm được giải-thoát, một người là một vĩ nhân, ta nói vậy. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy.

- “Và, này Xá-lợi-phất, theo cách nào một người có một cái tâm được giải-thoát? Ở đây, này Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát thân trong thân, tâm trở nên chán-bỏ, và nhờ sự không còn dính-chấp, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm.

“Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng, tâm trở nên chán-bỏ, và nhờ sự không còn dính-chấp, tâm được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm.

“Chính theo cách như vậy, này Xá-lợi-phất, là một người có tâm được giải-thoát. Với một cái tâm được giải-thoát, một người là một vĩ

nhân. Không có một cái tâm được giải-thoát, một người không phải là một vĩ nhân, ta nói vậy.”

(SN 47:11)

## 12 (2) *Nālandā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nālandā trong khu Vườn Xoài của Pāvārika. Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:<sup>127</sup>

“Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại, có sự hiểu-biết siêu việt hơn đức Thế Tôn về vấn đề giác-ngộ.”

“Này Xá-lợi-phất, lời của thầy cất lên thật cao quý, thầy đã cất tiếng gầm sư tử đồng đạc, dứt khoát, rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại, có sự hiểu-biết siêu việt hơn đức Thế Tôn về vấn đề giác-ngộ.’ Này Xá-lợi-phất, liệu đến bây giờ thầy đã bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, đã xuất hiện trong *quá khứ*, và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy’ hay chưa?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Rồi, này Xá-lợi-phất, liệu đến bây giờ thầy đã bằng tâm mình bao trùm các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, sẽ xuất hiện trong *tương lai*, và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Những bậc Thế Tôn đó với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy,

hoặc với sự giải-thoát như vậy ' hay chưa?"

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Rồi, này Xá-lợi-phất, liệu đến bây giờ thầy đã bằng tâm mình bao trùm tâm của Ta—Ta hiện tại là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác—và thầy đã biết rõ như vậy: ‘Ta với giới-hạnh như vậy, hoặc với những phẩm-hạnh như vậy, hoặc với trí-tuệ như vậy, hoặc với những sự an-trú (thiền trú) như vậy, hoặc với sự giải-thoát như vậy ' hay chưa?"

“Dạ không, thưa Thế Tôn”,

“Này Xá-lợi-phất, khi thầy chưa có sự hiểu-biết nào bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, thì tại sao thầy có thể cất lên lời phát biểu đó và cất lên tiếng gầm sư tử một cách đồng dục rằng: ‘Thưa Thế Tôn, con có sự tự-tin vào đức Thế Tôn, con tin rằng không có tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ, trong tương lai, và trong hiện tại, có sự hiểu-biết siêu việt hơn đức Thế Tôn về vấn đề giác-ngộ ' như vậy?"

“Thưa Thế Tôn, con không có trí-biết nào bao trùm các tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, nhưng con vẫn hiểu được điều này bằng cách suy luận từ Giáo Pháp.<sup>128</sup> Thưa Thế Tôn, giả như có một thành trì ở biên cương của một nhà vua, có những thành lũy và tháp canh được xây trên những nền tảng kiên cố, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, kinh nghiệm và cảnh giác, người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Khi người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành, ông ấy không nhận thấy có một lỗ hờ hay kẽ hở nào thậm chí đủ lớn để một con mèo có thể chui qua được. Do vậy ông ấy (suy luận) biết chắc rằng: ‘Mọi sinh vật lớn hơn (như người và vật lớn hơn mèo) muốn ra vào thành trì này thì phải đi qua một cổng chính đó mà thôi. ”

“Cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, con đã hiểu được điều đó

bằng cách suy luận từ Giáo Pháp như vậy: Những A-la-hán, bậc Toàn Giác đã xuất hiện trong *quá khứ*, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết đã dẹp bỏ *năm chướng-ngại* (ngũ triền cái) đó là những suy đồi của tâm, vốn làm suy yếu trí-tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong *bốn nền-tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ), họ đã tu tập *bảy yếu-tố giác-ngộ* (thất giác chi) một cách chánh đúng; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.<sup>129</sup>

“Và, thưa Thế Tôn, những A-la-hán, bậc Toàn Giác sẽ xuất hiện trong *tương lai*, tất cả những bậc Thế Tôn đó đều trước hết đã dẹp bỏ *năm chướng-ngại*, đó là những suy đồi của tâm, vốn làm suy yếu trí tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong *bốn nền-tảng chánh-niệm*, họ sẽ tu tập *bảy yếu-tố giác-ngộ* một cách chánh đúng; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.

“Và, thưa Thế tôn, đức Thế Tôn, là một A-la-hán, bậc Toàn Giác đang xuất hiện trong *hiện tại*, đức Thế Tôn cũng trước hết đã dẹp bỏ *năm chướng-ngại*, đó là những suy đồi của tâm, vốn làm suy yếu trí tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết-lập vững chắc trong *bốn nền-tảng chánh-niệm*, đức Thế Tôn đã tu tập *bảy yếu-tố giác-ngộ* một cách chánh đúng; và nhờ đó đức Thế Tôn đã tỉnh thức tới một mức độ giác-ngộ hoàn thiện vô thượng.

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Vậy là, này Xá-lợi-phát, thầy nên lặp lại lời thuyết giảng Giáo Pháp này một cách đều đặn cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cho những người đệ tử tại gia nam và nữ. Và nếu có những người ngu si còn có sự nghi ngờ hay không chắc chắn về Như Lai, khi họ nghe lời thuyết Pháp này, sự nghi ngờ hay sự không chắc chắn đó sẽ được dẹp bỏ.”<sup>130</sup>

(SN 47:12)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).<sup>131</sup> Bấy giờ, lúc đó có Ngài Xá-lợi-phất đang sống giữa xứ dân Ma-kiệt-đà (Magadha), trong làng Nālaka (Nālakagāma)—đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết—và sa-di Cunda là người hầu cận của thầy ấy. Rồi do cơn bạo bệnh đó, thầy Xá-lợi-phất đã Bát-niết-bàn.<sup>132</sup>

Sa-di Cunda đã mang bình bát và cà sa của thầy Xá-lợi-phất đi đến Sāvathī (Xá-vệ), đến Khu Vườn của thái tử Jeta, chỗ Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Rồi thầy ấy đến gặp Ngài Ānanda, kính chào, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Thưa thầy, thầy Xá-lợi-phất đã Bát-niết-bàn. Đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy.”

“Này đạo hữu Cunda, về tin tức này chúng ta nên đến gặp đức Thế Tôn. Này, đạo hữu Cunda, chúng ta hãy cùng đến chỗ đức Thế Tôn và báo lại sự việc này cho đức Thế Tôn.”

“Được, thưa thầy”, sa-di Cunda đáp lại.

Rồi thầy Ānanda và sa-di Cunda đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy sa-di Cunda nói thầy Xá-lợi-phất đã Bát-niết-bàn, và đây là bình bát và cà-sa của thầy ấy. Thưa Thế Tôn, từ lúc con nghe thầy Xá-lợi-phất đã Bát-niết-bàn, thân con như bị dính thuốc, con bị mất phương hướng, những giáo lý không còn rõ ràng với con.”

- “Tại sao vậy, này Ānanda, khi thầy Xá-lợi-phất Bát-niết-bàn thầy ấy có lấy đi mớ [đồng, uẩn] giới-hạnh nào của thầy, hay mớ thiên-định nào của thầy, hay mớ trí-tuệ nào của thầy, hay mớ giải-thoát nào của thầy, hay mớ trí-biết và tâm-nhìn nào của thầy, hay không?”

“Không, không có vậy, thưa Thế Tôn. Nhưng đối với con thầy

Xá-lợi-phất là người cố vấn và người chỉ giáo, người đã chỉ dạy, khởi xướng, tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ con. Thầy ấy đã không biết mệt mỏi trong việc chỉ dạy Giáo Pháp; thầy ấy giúp ích cho các huynh đệ trong đời sống tu hành thánh thiện. Chúng con tưởng nhớ dưỡng chất Giáo Pháp, tài sản Giáo Pháp, sự giúp ích của Giáo Pháp đã được thầy Xá-lợi-phất ban cho.”

- “Nhưng, này Ānanda, bộ ta đã chưa từng nói rằng chúng ta đều sẽ bị chia cách, bị xa cách, và bị cắt đứt với tất cả mọi người thân thuộc và mọi thứ mình yêu thích, hay sao? Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện (hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Cũng như một cây lớn có lõi cây đang đứng thẳng, một nhánh cây lớn nhất đã rút rụng khỏi cây; cũng giống như vậy, này Ānanda, trong Tăng Đoàn lớn đứng thẳng như lõi cây, Xá-lợi-phất đã (rời đi) Bát-niết-bàn. Này Ānanda, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện, và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể.

“Do vậy, này Ānanda, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. ... [*tiếp tục như kinh SN 47:09 ở trên*] ...

“Này Ānanda, những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người biết sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta, này Ānanda, chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập.”

(SN 47:13)

## 14 (4) Ở Ukkacelā

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ) ở Ukkacelā, bên bờ sông Hằng, cùng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo, không lâu sau khi Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Mục-kiền-liên đã Bát-niết-bàn. Bây giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang ngồi ở ngoài trời giữa các Tỳ kheo xung quanh.<sup>133</sup>

Rồi đức Thế Tôn, sau khi quan sát sự im lặng của đoàn Tỳ kheo, đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, đối với ta hội chúng này (những sự hội họp như vậy, tăng hội) giờ như trống không khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã Bát-niết-bàn. Khi Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên còn sống, hội chúng này không bao giờ trống không đối với ta, và ta cũng không cần quan tâm cho dù Xá-lợi-phất hay Mục-kiền-liên đang ở phương nào.

“Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong quá khứ cũng có cặp đệ tử kiệt-xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên. Những bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong tương lai cũng có cặp đệ tử kiệt-xuất như ta có Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

“Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của các đệ tử, thật kỳ diệu về phần các đệ tử, rằng họ sẽ làm đúng theo những sự chỉ dạy của vị Sư Thầy và tuân thủ theo những lời khuyên bảo của Vị Thầy, rằng họ sẽ được thân mến và hài lòng bởi bốn hội chúng, rằng họ sẽ được tôn trọng và kính trọng bởi bốn hội chúng; (tăng, ni, tại gia nam, tại gia nữ)<sup>134</sup> Này các Tỳ kheo, thật tuyệt vời về phần của Như Lai, thật kỳ diệu về phần của Như Lai, rằng sau khi cặp đệ tử đó Bát-niết-bàn, không có sự buồn sầu hay ai oán trong Như Lai.

“Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều -(hữu vi) và phải bị tan hoại sẽ không bị tan



hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể. Cũng như một cây lớn có lõi cây đang đứng thẳng, những nhánh cây lớn nhất đã rút rụng khỏi cây; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, trong Tăng Đoàn lớn đứng thẳng như lõi cây, Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên đã (rời đi) Bát-niết-bàn. Này các Tỳ kheo, nếu cầu muốn: ‘Cầu cho những thứ được sinh, được trở thành, có điều-kiện và phải bị tan hoại sẽ không bị tan hoại!’ thì làm sao có được? Điều đó là không thể.

“Do vậy, này các Tỳ kheo, hãy sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác. ... [*tiếp tục như kinh SN 47:09 ở trên*] ...

“Những Tỳ kheo nào, bây giờ hoặc sau khi ta mất, là những người biết sống lấy chính mình là hòn đảo của mình, lấy chính mình là nơi nương tựa mình, không nương tựa chỗ khác; sống với Giáo Pháp là hòn đảo của mình, với Giáo Pháp là nơi nương tựa của mình, không nương tựa chỗ khác— thì đối với ta chính những Tỳ kheo đó là bậc cao nhất trong số những người tha thiết tu tập.”

**(SN 47:14)**

## **15 (5) Ngài Bāhiya**

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Bāhiya đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Được rồi, này Bāhiya, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành.<sup>135</sup> Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Giới-hạnh (đức-hạnh) phải được thanh lọc tốt và cách-nhìn phải được chánh thẳng. Rồi, này Bāhiya, sau khi phần giới-hạnh của thầy được thanh lọc tốt và cách-nhìn của thầy được chánh thẳng, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập *bốn nền tảng chánh-niệm*.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Bāhiya, hãy sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Hãy sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này Bāhiya, khi thầy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách như vậy, thì thầy sẽ vượt lên khỏi cõi Chết.”

Rồi thầy Bāhiya, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở bên phải mình, và đi ra.

Rồi, sau khi sống tu một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thầy Bāhiya, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy hiểu rằng: “Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và thầy Bāhiya đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:15)

## 16 (6) Ngài Uttiya

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Uttiya đến gặp đức Thế Tôn ... [*Tiếp tục giống kinh kể trên.*] ...

“Này Uttiya, khi thầy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách như vậy, thì thầy sẽ vượt lên khỏi cõi Chết.”

Rồi thầy Uttiya, sau khi hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ... [*tiếp tục như kinh kể trên*] ...

Và thầy Uttiya đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:16)

## 17 (7) Thánh Thiện

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh-thiện và mang tính giải-thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và mang tính giải thoát; chúng dẫn người tu

tập chúng đi đến sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 47:17)

## 18 (8) Vị Trời

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerāñjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:

“Đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sầu và ai oán, để chấm dứt sự khổ đau và ưu phiền, để đạt được một phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới.”

Lúc đó vị Trời [Brahmā] Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chỉnh lại y áo trên một vai, chắp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, đây là con đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh ... [*tiếp tục lời như đoạn trên*] ... đó là, bốn nền tảng

chánh-niệm.”

Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều đó, vị Trời nói thêm như vậy:

“Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh,  
Đầy bi-mẫn, biết rõ con đường một-chiều,  
Theo đó, trong quá khứ những người đi đã vượt qua con lũ,  
Theo đó, trong tương lai những người đi sẽ vượt qua con lũ.”

(SN 47:18)

### 19 (9) Ở *Sedaka*

Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, trước kia có một người thợ xiếc nhào lộn dựng cây tre và nói với người học nghề của ông tên là Medakathālikā như vậy:<sup>136</sup> ‘Này con Medakathālikā, hãy trèo lên cây tre và đứng trên vai ta’. Người học nghề đáp lại ‘Dạ, thưa thầy’, và leo lên cây tre và đứng trên hai vai thầy. Rồi người thợ xiếc nói với Medakathālikā: ‘Này Medakathālikā, con phòng hộ (canh) cho ta và ta sẽ phòng hộ (canh) cho con. Như vậy đó, mỗi người được phòng hộ bởi người kia, được canh giữ bởi người kia, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ năng, thu tiền, và leo xuống một cách an toàn’. Khi điều này được nói ra, cô gái học nghề Medakathālikā mới trả lời: ‘Thưa thầy, đó không phải là cách đúng. Thầy canh phòng hộ thầy, và con sẽ canh phòng hộ con. Như vậy, mỗi người được tự mình canh giữ và tự mình phòng hộ, chúng ta sẽ biểu diễn các kỹ năng, thu tiền, và leo xuống an toàn’.

“Đó mới đúng là phương pháp”, đức Thế Tôn nói. “Đúng như lời của cô gái học nghề nói với người thầy. ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’,

này các Tỳ kheo: như vậy bốn nền tảng chánh-niệm nên được tu tập. ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy bốn nền tảng chánh-niệm nên được tu tập. Nay các Tỳ kheo, phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ chính mình là phòng hộ người khác? Bằng cách theo đuổi, tu tập và tu dưỡng [bốn nền tảng chánh-niệm]. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ chính mình là phòng hộ người.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình? Bằng sự nhẫn-nghĩ, sự vô-hại, tâm từ-ái, và tâm bi-mẫn tha thương. Chính theo cách như vậy thì phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.

“Này các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ chính mình’: như vậy bốn nền tảng chánh-niệm nên được tu tập. Nay các Tỳ kheo, ‘Ta sẽ phòng hộ người khác’: như vậy bốn nền tảng chánh-niệm nên được tu tập. Nay các Tỳ kheo, phòng hộ chính là phòng hộ người khác; phòng hộ người khác là phòng hộ chính mình.”

(SN 47:19)

## **20 (10) Hoa Hậu Của Vùng Đất**

Trong một lần đức Thế Tôn sống giữa xứ dân Sumbha, ở đó có một thị trấn của họ tên là Sedaka. Ở đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, giả sử khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng đất! Hoa hậu của vùng đất!’ thì đám đông thường tụ tập đến. Giờ cô gái hoa hậu đó múa tuyệt đẹp và ca hát tuyệt đẹp. Khi nghe có ‘Hoa hậu của vùng

đất đang múa! Hoa hậu của vùng đất đang hát!’ thì đám đông tụ tập đến càng lớn hơn. Rồi có một người đến, đang muốn sống, không muốn chết, thích sống, ghét khổ. Có người nói với anh ta: ‘Này người bạn tốt, anh phải mang cái chén đồ đầy dầu này đi chen qua giữa đám đông và cô hoa hậu đang múa. Có một người đi sát sau lưng anh với kiếm đã rút ra sẵn, nếu anh làm đổ một giọt dầu nào thì người đó sẽ chém đầu anh ngay.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, người đó có dám lơ tâm khỏi chén dầu và để tâm trí xao lãng ra ngoài (đám đông và hoa hậu) hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, ta làm ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: ‘Chén đồ đầy dầu’: đây là một cách chỉ *sự chánh-niệm hướng vào thân*. Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy: ‘Chúng ta sẽ tu tập và tu dưỡng sự chánh-niệm hướng vào thân, làm nó thành một cỗ xe (tu thừa), làm nó thành một căn bản, ổn định nó, thực hành bản thân mình trong đó, và hoàn thiện tròn vẹn nó.’ Này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập bản thân như vậy.”

**(SN 47:20)**

### NHÓM 3

## NHÓM ‘GIỚI HẠNH & TÒN TẠI’

(*Sīlaṭṭhiti-vagga*)

### 21 (1) Giới Hạnh

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda và Ngài Bhadda đang sống ở Pāṭaliputta (thành Hoa Thị) trong khu Vườn Gà (hay Tịnh xá Gà Cồ). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Bhadda ra khỏi chỗ ẩn tu, đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ đã xong phần chào hỏi thân thiện, thầy Bhadda ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:<sup>137</sup>

“Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới-hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của thầy là xuất sắc, này đạo hữu Bhadda, sự tài khéo của thầy là xuất sắc, sự tìm hiểu của thầy là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, đối với những giới-hạnh thiện lành được nói ra bởi đức Thế Tôn, cái gì là mục đích khi chúng được nói ra bởi đức Thế Tôn?’”

“Được, này đạo hữu.”

“Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn vì mục đích tu tập bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong *thân* ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Những giới-hạnh thiện lành đó được nói ra bởi đức Thế Tôn là vì lợi ích tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.”



(SN 47:21)

## 22 (2) Tôn Tại Lâu

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Bhadda đã nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực (chân pháp) không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn?”

“Tốt, tốt, này đạo hữu Bhadda! Sự thông minh của đạo hữu là xuất sắc, sự nhạy bén của đạo hữu là xuất sắc, sự tìm hiểu của đạo hữu là tốt. Vì thầy đã hỏi tôi: ‘Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm cho Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn?’”

“Đúng rồi, này đạo hữu.”

“Này đạo hữu, chính do bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Và chính do bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... những *hiện-tượng* trong *những hiện-tượng*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Chính do bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Và chính do bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập

và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn.”

(SN 47:22)

### 23 (3) *Sự Sa Sút*

*[Tình huống giống kinh kể trên, cho đến:]*

“Này đạo hữu Ānanda, cái gì là nguyên nhân và lý do gây ra sự sa sút của Giáo Pháp đích thực (chân pháp)? Và cái gì là nguyên nhân và lý do làm nên sự không sa sút của Giáo Pháp đích thực?”... *[tiếp tục tương tự kinh kể trên]*

“Này đạo hữu, chính do bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực bị sa sút. Và chính do bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực không bị sa sút.”

(SN 47:23)

### 24 (4) *Bản Kinh Ngăn Gọn*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn nền tảng chánh-niệm này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây là bốn nền tảng chánh-niệm.”

(SN 47:24)

## 25 (5) Một Bà-la-môn

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có một bà-la-môn đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi qua lại với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cò-đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực không tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn? Và cái gì là nguyên nhân và lý do tại sao Giáo Pháp đích thực tồn tại lâu sau khi một Như Lai Bát-niết-bàn?”

“Này bà-la-môn, chính do bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Và chính do bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này bà-la-môn, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Chính do bốn nền tảng chánh-niệm không được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ không tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn. Và chính do bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng nên Giáo Pháp đích thực sẽ tồn tại lâu sau khi một Như Lai đã Bát-niết-bàn.”

Sau khi điều này được nói ra, Bà-la-môn đó đã thưa với đức Thế Tôn: ‘Thật kỳ diệu, Thầy Cò-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cò-đàm! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Cò-đàm nhi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy

y nương tựa suốt đời.”

(SN 47:25)

## 26 (6) Một Phần

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Mục-kiền-liên và Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāketa trong Khu Rừng Bụi Gai. Lúc đó, và buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, hai thầy ấy ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói ‘Một học nhân, một học nhân’. Này đạo hữu, theo cách nào một người là một học nhân?”

“Này đạo hữu, chính do một người có tu tập một phần bốn nền tảng chánh-niệm nên người đó (được gọi) là một học-nhân. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỷ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Chính do một người tu tập một phần bốn nền tảng chánh-niệm nên người đó là một học-nhân.”

(SN 47:26)

## 27 (7) Hoàn Thành

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, thường nghe nói ‘Một bậc vô-học nhân, một bậc vô-học nhân’; (tức không còn tu học nữa, đã tu thành).

Theo cách nào một người là một bậc vô-học nhân?”

“Này đạo hữu, chính do một người đã tu tập hoàn thành bốn nền tảng chánh-niệm nên người đó (được gọi) là một bậc vô-học nhân. Bốn đó là gì? ... [*như kinh kể trên*] ... Chính do một người đã tu tập hoàn thành bốn nền tảng chánh-niệm nên người đó là một bậc vô-học nhân.”

(SN 47:27)

## 28 (8) Thế Giới

Tình huống như kinh kể trên. Sau khi hai thầy ấy ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Nhờ đã tu tập và tu dưỡng những điều gì mà thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tị trí)?”

“Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này đạo hữu, do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi trực-biết hệ một ngàn thế giới.”<sup>138</sup>

(SN 47:28)

## 29 (9) Gia Chủ Sirivaḍḍha

Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có gia chủ tên Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Sirivaḍḍha đã nói với một người

như vậy:

“Này, người thiện tốt, hãy đến gặp Ngài Ānanda, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa thầy, gia chủ Sirivaḍḍha đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết; ông ấy xin cúi đầu dưới chân thầy để kính lễ.’ Rồi thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu thầy Ānanda đến gia cư để thăm gia chủ Sirivaḍḍha, vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa ông chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Ānanda, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Ānanda đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Sirivaḍḍha. Rồi thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với gia chủ Sirivaḍḍha:

“Này gia chủ, tôi hy vọng chú đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng chú đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của chú đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con không đang chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Này gia chủ, vậy ông nên tu tập bản thân như vậy: ‘Ta sẽ sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Ta sẽ sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.’ Ông nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa thầy, đối với bốn nền tảng chánh-niệm đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn—những điều (sự thiền quán) đó có ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Thưa thầy, con sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.”

“Này gia chủ, đó là sự đạt-được của chú! Này gia chủ, đó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:29)

### 30 (10) Gia Chủ Mānadinna

Tình huống như kinh kể trên. Bấy giờ, lúc đó có gia chủ tên Mānadinna đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Rồi gia chủ Mānadinna đã nói với một người như vậy:

“Này, người thiện tốt ... [*tiếp tục như kinh kể trên, cho đến:*]

“Thưa thầy, con không đang chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ. Nhưng, thưa thầy, khi con đang bị tiếp xúc bởi cảm-giác đau đớn như vậy, con sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uỷ) đối với thế giới. Và đối với năm gông-cùm thấp hơn đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy còn cái nào chưa được dẹp-bỏ trong con.”

“Này gia chủ, đó là sự đạt-được của chú! Này gia chủ, đó đã khéo đạt-được bởi chú! Này gia chủ, vậy là chú đã tuyên bố thánh quả Bất-lai.”

**(SN 47:30)**



## NHÓM 4

### NHÓM ‘CHƯA TỪNG NGHE’

(*Ananussuta-vagga*)

#### 31 (1) *Chưa Từng Nghe*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ‘Đây là sự quán sát *thân trong thân*’ — này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn (kiến), sự hiểu-biết (tri), trí-tuệ, trí-biết đích thực (chân trí, minh), và ánh-sáng.<sup>139</sup>

“Này các Tỳ kheo, ‘sự quán sát *thân trong thân* đó sẽ được tu tập’ ... ‘Sự quán sát *thân trong thân* đó đã được tu tập’ — này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘Đây là sự quán sát *những cảm-giác trong những cảm-giác*’ ... ‘Đây là sự quán sát *tâm trong tâm*’ ... ‘Đây là sự quán sát *những hiện-tượng trong những hiện-tượng*’ — này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

“Này các Tỳ kheo, ‘sự quán sát *những hiện-tượng* đó sẽ được tu tập’ ... ‘sự quán sát *những hiện-tượng* đó đã được tu tập’ — này các Tỳ kheo, như vậy đó, đối với những điều chưa từng được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.”

(SN 47:31)

### 32 (2) Sự Chán Bỏ...

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.”

(SN 47:32)

### 33 (3) Bỏ Quên

“Này các Tỳ kheo, những ai đã bỏ quên (bỏ lơ, lơ là, không tu tập) bốn nền tảng chánh-niệm này là (coi như) đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận (tu tập) bốn nền tảng chánh-niệm này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? ... [*như kinh kể trên*] ... Những ai đã bỏ quên bốn nền tảng chánh-niệm là đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đã đảm nhận bốn nền tảng chánh-niệm này là đã đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 47:33)

### 34 (4) Sự Tu Tập

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn (người tu) vượt khỏi bờ bên này (thủ ngạn) đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn). Bốn đó là gì? ... [*như kinh kể trên*] ... Bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn vượt khỏi bờ bên này đến bờ bên kia.”

(SN 47:34)

### 35 (5) Có Chánh Niệm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết (luôn tỉnh giác). Đây là chi thị của ta đối với các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo là có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thường rõ-biết (tỉnh giác)? Ở đây, này các Tỳ kheo, đối với một Tỳ kheo những *cảm-giác* (thọ) được hiểu khi chúng khởi sinh (sinh), được hiểu khi chúng có mặt (trụ), được hiểu khi chúng phai biến (diệt). Những *y-nghĩ* (hành) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. Những *nhận-thức* (tưởng) được hiểu khi chúng khởi sinh, được hiểu khi chúng có mặt, được hiểu khi chúng phai biến. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo thường-rõ biết.<sup>140</sup>

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm và thường rõ-biết. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:35)

### 36 (6) *Trí-Biết Cuối Cùng*

“Này các Tỳ kheo, có bốn nền tảng chánh-niệm này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn nền tảng chánh-niệm này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (tức A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu còn chút tàn dư hơi hướng của sự dính-chấp thì thánh quả Bất-lai.”

(SN 47:36)

### 37 (7) *Tham Muốn*

“Này các Tỳ kheo, có bốn nền tảng chánh-niệm này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát thân trong thân như vậy, thì mọi tham-muốn người đó có đối với thân đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ tham-muốn, thì sự Bất-tử được chứng ngộ.

“Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt

thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng như vậy, thì mọi tham-muốn người đó có đối với những hiện-tượng đều bị dẹp-bỏ. Với sự dẹp-bỏ tham-muốn, thì sự Bất-tử được chứng ngộ.”

(SN 47:37)

### 38 (8) *Hoàn-Toàn Hiểu*

“Này các Tỳ kheo, có bốn nền tảng chánh-niệm này. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân trong thân*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uru) đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát *thân trong thân* như vậy, thì *thân* được hoàn-toàn hiểu. Bởi vì *thân* đã được hoàn-toàn hiểu, nên sự Bất-tử được chứng ngộ.

“Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Khi người đó sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng như vậy, thì những hiện-tượng được hoàn-toàn hiểu. Bởi những hiện-tượng đã được hoàn-toàn hiểu, nên sự Bất-tử được chứng ngộ.”

(SN 47:38)

### 39 (9) *Sự Tu Tập*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm. Hãy lắng nghe điều đó....

“Này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-

muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây các Tỳ kheo, đây là sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.”

(SN 47:39)

#### 40 (10) Phân Tích

“Đây các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự thiết lập chánh-niệm,<sup>141</sup> và sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm, và con-đường dẫn tới sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm. Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thiết lập chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là sự thiết lập chánh-niệm.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát bản chất khởi-sinh trong *thân*; người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong thân; người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân— nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong *những cảm-giác* ... Người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong *tâm* ... Người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong *những hiện-tượng*; người đó sống quán sát bản

chất biến-diệt trong những hiện-tượng; người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong những hiện-tượng; người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những hiện-tượng— nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Đây được gọi là sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm? Đó chính là con đường Bát Thánh Đạo, đó gồm: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập sự thiết lập chánh-niệm.”

**(SN 47:40)**

## NHÓM 5

### NHÓM ‘BÁT TỬ’

(*Amata-vagga*)

#### 41 (1) *Sự Bất Tử*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống với cái tâm được khéo (giỏi, luôn) thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm. Đừng để bỏ mất sự Bất-tử.

“Trong bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, hãy sống với cái tâm được khéo thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm này. Đừng để bỏ mất sự Bất-tử.”

(SN 47:41)

#### 42 (2) *Sự Khởi Sinh*

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự khởi-sinh và sự biến-diệt của bốn nền tảng chánh-niệm. Hãy lắng nghe điều đó....<sup>142</sup>

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi-sinh của *thân*? Có sự khởi sinh của dưỡng-chất thì có sự khởi sinh của thân. Khi chấm dứt của dưỡng-chất thì có sự biến diệt của thân.

“Có sự khởi sinh tiếp-xúc thì có sự khởi sinh *cảm-giác*. Khi chấm dứt tiếp-xúc thì có sự biến diệt của cảm-giác.

“Có sự khởi sinh phần danh-sắc thì có sự khởi sinh của *tâm*. Khi



chấm dứt phần danh-sắc thì có sự biến diệt của tâm.<sup>143</sup>

“Có sự khởi sinh sự chú-tâm thì có sự khởi sinh *những hiện-tượng*. Khi chấm dứt sự chú-tâm (tác ý) thì có sự biến diệt của những hiện-tượng.”<sup>144</sup>

(SN 47:42)

### 43 (3) Con Đường

Ở Sāvattthī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy.<sup>145</sup>

Trong một lần ta đang ở Uruvelā bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chăn Dê ngay sau khi ta giác-ngộ toàn thiện. Rồi, khi ta đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm ta như vậy: “Đây là con đường một-chiều (trực dẫn) để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua sự buồn sâu và ai oán, để chấm dứt sự khổ đau và ưu phiền, để đạt được một phương pháp, để chứng ngộ Niết-bàn, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì?”

“Ở đây, này các Tỷ kheo, một Tỷ kheo sống quán sát *thân* trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát (tham) và buồn phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-khát và buồn phiền đối với thế giới.”

Rồi vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của ta, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt ta. Vị trời chinh lại y áo trên một vai, chấp tay kính lễ, và thưa với ta:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn,! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, đây là con đường một-chiều để dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh ... [*tiếp tục lời như đoạn trên*] ... đó là, bốn nền tảng chánh-niệm.”

Đây là lời vị Trời Sahampati đã nói. Sau khi nói xong điều đó, vị Trời nói thêm như vậy:

“Bậc nhìn thấy sự tiêu diệt sự-sinh,  
Đầy bi-mẫn, biết rõ con đường một-chiều,  
Theo đó, trong quá khứ những người đi đã vượt qua con lũ,  
Theo đó, trong tương lai những người đi sẽ vượt qua con lũ.”

(SN 47:43)

#### 44 (4) Có Chánh Niệm

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là một Tỳ kheo có chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo có chánh-niệm.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nên sống có chánh-niệm. Đây là chỉ thị của ta đối với các thầy.”

(SN 47:44)

#### 45 (5) *Một Đồng Thiện Lành*

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ bốn nền tảng chánh-niệm thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, nếu ai có nói ‘một đồng thiện’ mà chỉ bốn nền tảng chánh-niệm thì đó là người nói một cách đúng đắn. Bởi đây là một đồng toàn thiện, đó là, bốn nền tảng chánh-niệm.”

(SN 47:45)

#### 46 (6) *Sự Kiểm Chế Của Pātimokkha*

Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, này Tỳ kheo, hãy sống được kiểm chế bởi sự kiểm-chế của Pātimokkha [Giới Luật Tỳ Kheo, Giới Luật Tăng Đoàn], có kèm theo hành-vi thiện và nơi nương-tựa đúng đắn

[phù hợp], nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhặt. Sau khi thụ lãnh (nhận lấy, chấp nhận) những điều-luật trong đó, thầy hãy nên tu tập (bản thân) trong những điều-luật đó. Nay Tỳ kheo, khi thầy sống được kiểm chế bởi sự kiểm-chế của Pātimokkha ... nhìn thấy sự nguy-hại trong những tội lỗi nhỏ nhặt, rồi, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi ....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán.

**(SN 47:46)**

## **47 (7) Hành Vi Sai Trái**

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, trong trường hợp đó, hãy thanh lọc ngay điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành. Và cái gì là điểm khởi-đầu của những trạng thái thiện lành? Ở đây, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi sai trái của *thân* (hành động), thầy nên tu tập hành-vi thiện lành của thân. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi sai trái của *lời-nói*, thầy nên tu tập hành-vi thiện lành của lời-nói. Sau khi đã dẹp bỏ hành-vi sai trái của *tâm*, thầy nên tu tập hành-vi thiện lành của tâm. Này Tỳ kheo, sau khi đã dẹp bỏ hành-vi sai trái của thân ... của lời-nói ... của tâm, thầy đã tu tập hành-vi thiện lành của thân ... của lời-nói ... của, thì, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, thầy nên tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, khi thầy đã, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập bốn nền tảng chánh-niệm theo cách như vậy, thì dù là ngày hay đêm, thầy có thể trông đợi chỉ có sự tăng trưởng trong những trạng thái thiện lành, chứ không phải sự sa sút.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn, đứng dậy khởi chỗ ngồi....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những A-la-hán.

(SN 47:47)

## 48 (8) *Bạn Hữu...*

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người

đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý ... những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong sự tu tập bốn nền tảng chánh-niệm.”

(SN 47:48)

#### 49 (9) *Những Cảm Giác*

“Này các Tỳ kheo, có ba loại cảm-giác này. Ba đó là gì? Cảm-giác dễ chịu, cảm-giác khổ, và cảm-giác trung tính (không sướng không khổ). Đây là ba loại cảm-giác. Bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này.

“Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại cảm-giác này.”

(SN 47:49)

## 50 (10) Những ô-nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có ba loại ô-nhiễm này. Ba đó là gì? Ô nhiễm do tham-dục, ô nhiễm do (dính trong) sự hiện-hữu, ô nhiễm do vô-minh. Đây là ba loại ô-nhiễm. Bốn nền tảng chánh-niệm được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại ô-nhiễm này.

“Bốn đó là gì? Một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các Tỳ kheo, bốn nền tảng chánh-niệm này được tu tập để dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu ba loại ô-nhiễm này.”

(SN 47:49)

**NHÓM 6**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’**  
*(Gaṅgā-peyyāla-vagga)*

**51 (1) — 62 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng *bốn nền tảng chánh-niệm* là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... *những cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này đều được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:92—102.*]

(SN 47:51—62)

Sáu đổ ra hướng đông

Và sáu đổ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.



**NHÓM 7**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÂN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**63 (1) — 72 (10) Như Lai...**

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loại chúng sinh— dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có thân-sắc hay không có thân-sắc, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức ....”

[*Tất cả các kinh được tiếp tục lặp lại, theo cách “bốn nền tảng chánh-niệm”, một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:139–148.***]

(SN 47:63–72)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 8**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**73 (1) — 84 (12) Khó Nhọc...** <sup>146</sup>

[*Tất cả kinh của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149—160*]

(SN 47:73—84)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

**NHÓM 9**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**85 (1) — 94 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:161–170.**]

(SN 47:85–94)

Sự Tìm Kiếm, Sự Ô-Nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Cần Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm  
Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.<sup>147</sup>

**NHÓM 10**  
**NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’**  
(*Ogha-vagga*)

**95 (1) — 103 (10) Những Dòng Lũ ...**

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:171–179.**]

**(SN 47:95–103)**

**104 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...**

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bốn nên tăng chánh-niệm được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân ... những cảm-giác trong những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Bốn nên tăng chánh-niệm này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

**(SN 47:103)**

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

► Những bài kinh trong **Chương 47** “*Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm*” được lập lại theo cách tương tự như những kinh trong **Chương 45** “*Con Đường*” (Đạo).<sup>148</sup>



## Chương 48

### **Liên Kết CÁC CĂN**

(48 *Indriya-saṃyutta*)

(48 *Tương ưng Căn*)





# NHÓM 1

## NHÓM ‘BẢN KINH NGẮN GỌN’

(*Suddhika-vagga*)

### 1 (1) Bản Kinh Ngắn Gọn

Ở Sāvathī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (tín, tấn, niệm, định, tuệ)<sup>149</sup>

(SN 48:01)

### 2 (2) Bậc Nhập Lưu (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.” (tín, tấn, niệm, định, tuệ)

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”<sup>150</sup>

(SN 48:02)

### 3 (3) Bậc Nhập Lưu (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin,

căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. (tín, tấn, niệm, định, tuệ)

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được nguồn-gốc và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:03)

#### 4 (4) Bậc A-la-hán (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá-sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”<sup>151</sup>

(SN 48:04)

#### 5 (5) Bậc A-la-hán (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu nguồn-gốc và sự phai-biến, sự

thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán ... đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:05)

## 6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn tâm linh, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:06)

## 7 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn niềm-tin, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường

dẫn tới sự chấm dứt nó; người không hiểu căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:07)

## 8 (8) Nên Được Nhìn Thấy

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, căn niềm-tin được nhìn thấy ở đâu? Căn niềm-tin nên được nhìn thấy ở đây trong *bốn yếu-tố Nhập-lưu*.<sup>152</sup>

(2) “Và, này các Tỳ kheo, căn nỗ-lực được nhìn thấy ở đâu? Căn nỗ-lực nên được nhìn thấy ở đây trong bốn *sự phấn-đấu đúng đắn* (tứ chánh cần).<sup>153</sup>

(3) “Và, này các Tỳ kheo, căn chánh-niệm được nhìn thấy ở đâu? Căn chánh-niệm nên được nhìn thấy ở đây trong *bốn nền tảng chánh-niệm* (tứ niệm xứ).

(4) “Và, này các Tỳ kheo, căn chánh-định được nhìn thấy ở đâu? Căn chánh-định nên được nhìn thấy ở đây trong *bốn tầng thiền định* (jhāna).

(5) “Và, này các Tỳ kheo, căn trí-tuệ được nhìn thấy ở đâu? Căn trí-tuệ nên được nhìn thấy ở đây trong *Bốn Diệu Đế*.”

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:08)

## 9 (9) *Phân Tích (1)*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.”

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: ‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’”

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực (tấn căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện sống với sự nỗ-lực được phát khởi cho việc (tu tập) trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và tích-đạt những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn-đầu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Đây được gọi là căn nỗ-lực.”

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm (niệm căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết (tuệ biết) cao nhất; là người nhớ được và nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Đây được gọi là căn chánh-niệm.”<sup>154</sup>

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định (định căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-định, đạt được

sự nhất-điểm của tâm, sau khi đã lấy sự giải-thoát làm đối-tượng (của thiền-định).<sup>155</sup> Đây được gọi là căn chánh-định.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ (tuệ căn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có được trí-tuệ chú hướng tới (nhìn thấy) sự khởi-sinh và biến-qua, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.<sup>156</sup> Đây được gọi là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”<sup>157</sup>

(SN 48:09)

## 10 (10) Phân Tích (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin (tín)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: **Đức Thế Tôn là bậc Như Lai ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.**’

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực (tấn)? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện sống với sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi để trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và tích-đạt những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn-đấu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. (i) Người đó khởi tạo mong-muốn sự không khởi sinh những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), áp dụng tâm, và phấn-đấu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh.... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn làm khởi sinh

những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, để chúng gia tăng, phát triển, và hoàn thiện nhờ sự tu tập; người đó tạo nên sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, áp dụng tâm, và phân-đầu. Đây được gọi là căn nỗ-lực.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết (tuệ biết) cao nhất (tối thượng), người nhớ được và hồi nhớ những điều đã làm và đã nói từ lâu. Người đó sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uơ) đối với thế giới. Đây được gọi là căn chánh-niệm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện có chánh-định, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi đã lấy sự giải-thoát làm đối tượng (của thiền-định). (i) ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(ii) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’

(iii) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tinh giác), người đó trải

nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’

(iv) ‘Với sự dẹp bỏ sự sợng-khổ (không còn sợng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú hướng tới sự khởi-sinh và sự biến-qua, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’, đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’, đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’, đúng như nó thực là. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’, đúng như nó thực là. Đây được gọi là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

**(SN 48:10)**



## NHÓM 2

### NHÓM ‘YẾU HƠN’

(*Mudutara-vagga*)

#### 11 (1) Đạt Được

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn niềm-tin? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là người có lòng tin, là người đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: *Đức Thế Tôn là bậc Như Lai ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.*’ Đây được gọi là căn niềm-tin.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn nỗ-lực? Sự nỗ-lực (tinh tấn) người tu đạt được trên cơ-sở (là) <sup>158</sup> *bốn sự phấn-đấu đúng đắn* (tứ chánh cần). Đây được gọi là sự căn nỗ-lực.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-niệm? Sự chánh-niệm người tu đạt được trên cơ-sở (là) *bốn nền-tảng chánh-niệm*. Đây được gọi là căn chánh-niệm.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn chánh-định? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm, sau khi lấy sự giải-thoát làm đối tượng (thiền định). Đây được gọi là sự căn chánh-định.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn trí-tuệ? Ở đây, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện là có trí; người đó có-được trí-tuệ chú hướng tới sự khởi-sinh và sự phai-biến, (loại trí-tuệ đó) là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Đây là căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:11)

## 12 (2) Ngăn Gọn (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một bậc A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc thánh Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc thánh Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, là bậc thánh Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người căn trí); nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).”<sup>159</sup>

(SN 48:12)

## 13 (3) Ngăn Gọn (2)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một bậc A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc thánh Bất-lai ... Nhất-lai ... Nhập-lưu ... người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) ... người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác-biệt về các căn nên có sự khác-biệt về các đạo quả; do có sự khác-biệt về các đạo quả nên có sự khác biệt giữa những người tu.”

(SN 48:13)

## 14 (4) Ngăn Gọn (3)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Người đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một bậc A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là bậc thánh Bất-lai ... Nhất-lai ... Nhập-lưu ... người tu theo Giáo Pháp (người căn trí) ... người tu theo niềm-tin (người căn tín).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị cản cỗi, ta nói vậy.”<sup>160</sup>

(SN 48:14)

## 15 (5) Chi Tiết (1)

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một bậc A-la-hán*. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa sau kiếp sau ở một (trong năm) cõi trời trong-sạch*; (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hướng thượng lưu, *hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, *là bậc thánh Nhất-lai*; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, *là bậc thánh Nhập-lưu*; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo Giáo Pháp* (người căn trí);

**(x)** nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).*”<sup>161</sup>

**(SN 48:15)**

## **16 (6) Chi Tiết (2)**

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một bậc A-la-hán.* (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai) ... [*tiếp tục như kinh 48:15 kể trên*] ... **(x)** nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).*

“Như vậy, này các Tỳ kheo, do có sự khác-biệt về các căn nên có sự khác-biệt về các đạo quả; do có sự khác-biệt về các đạo quả nên có sự khác biệt giữa những người tu.”

**(SN 48:16)**

## **17 (7) Chi Tiết (3)**

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này *là một bậc A-la-hán.* (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai) ... [*tiếp tục như kinh 48:15 kể trên*] ... **(x)** nếu còn yếu hơn nữa, *là một người tu theo niềm-tin (người căn tín).*

“Như vậy, này các Tỳ kheo, ai kích hoạt (tu tập) chúng một cách toàn vẹn sẽ thành công một cách toàn vẹn; ai kích hoạt chúng từng phần sẽ thành công từng phần. Này các Tỳ kheo, năm căn này không bị căn cỗi, ta nói vậy.”

(SN 48:17)

### 18 (8) *Thực Hành*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một bậc A-la-hán. Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả A-la-hán; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; nếu còn yếu hơn nữa, người tu là bậc thánh Nhập-lưu; nếu còn yếu hơn nữa, người tu đang thực hành để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng ai trong số những người hoàn toàn và rốt ráo không-có năm căn này, thì đó là ‘người ngoài cuộc, người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng.’”<sup>162</sup>

(SN 48:18)

### 19 (9) *Được Trang Bị*

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người được trang bị (được phú)

các căn, người được trang bị các căn'.<sup>163</sup> Thưa Thế Tôn, theo cách nào là một người được trang bị các căn?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, điều đó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một người được trang bị các căn.”

(SN 48:19)

## 20 (10) Tiêu Diệt Ô-Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm căn này nên một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ nó (sự giải-thoát) bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 48:20)

### NHÓM 3

### NHÓM ‘SÁU CĂN’

(*Chalindriya-vagga*)

#### 21 (1) Không Còn Tái Hiện-Hữu<sup>164</sup>

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi-sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này ... có các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tâm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 48:21)

#### 22 (2) Căn Mạng Sống

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn nữ, căn nam, và căn sinh mạng. Đây là ba căn.”<sup>165</sup>

(SN 48:22)

### 23 (3) Căn Trí Biết Cuối Cùng

“Này các Tỳ kheo, có ba căn này? Ba đó là gì? Căn ‘Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết (chưa và sẽ giác ngộ)’; căn của trí-biết cuối cùng (trí giác ngộ); căn của người được phú với trí-biết cuối cùng (người giác ngộ). Đây là ba căn.”<sup>166</sup>

(SN 48:23)

### 24 (4) Người Gieo Giống Một Lần...

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“(i) Người tu đã hoàn thành và hoàn thiện năm căn này là một bậc A-la-hán. (ii) Nếu (năm căn) còn yếu hơn, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai); (iii) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa sau kiếp sau ở một (trong năm) cõi trời trong-sạch; (iv) nếu còn yếu hơn nữa, người tu là người chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm; (v) nếu còn yếu hơn nữa, là người chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm; (vi) nếu còn yếu hơn nữa, là người đang hướng lên thượng lưu, hướng tới cõi trời Akaniṭṭha (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai); (vii) nếu còn yếu hơn nữa, là bậc thánh Nhất-lai; (viii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người gieo hạt giống một-lần; (ix) nếu còn yếu hơn nữa, là người họ tộc này thành họ tộc khác; (x) nếu còn yếu hơn nữa, là người còn tái sinh tối đa là bảy kiếp; (xi) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo Giáo Pháp (người cầm trí); (xii) nếu còn yếu hơn nữa, là một người tu theo niềm-tin (người căn tín)”<sup>167</sup>

(SN 48:24)



## 25 (5) Bản Kinh Ngẩn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Đây là sáu căn.”<sup>168</sup>

(SN 48:25)

## 26 (6) Bậc Nhập-Lưu

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện *hiểu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hướng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cảnh giới thấp xấu (cõi dưới), đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:26)

## 27 (7) Bậc A-la-hán

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Này các Tỳ kheo, *sau khi đã hiểu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp,<sup>169</sup> thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu (tái sinh), và đã

hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:27)

## 28 (8) Phậ

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.

“Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự khởi-sinh và biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là, thì ta đã không tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả chúng, đúng như chúng thực là, ta đã tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ tối thượng trong thế giới này ... có các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của ta là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn sự tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.’”

(SN 48:28)

## 29 (9) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, có sáu căn này. Sáu đó là gì? Căn mắt ... căn tâm.”

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] sáu căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn,

và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:29)

### **30 (10) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)**

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn-mắt, nguồn-gốc của nó, sự chắm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chắm dứt nó; họ không hiểu căn tai ... căn tâm, nguồn-gốc của nó, sự chắm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chắm dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:30)

## NHÓM 4

### NHÓM ‘CĂN SƯỚNG’

(*Sukhindriya-vagga*)

#### 31 (1) *Bản Kinh Ngắn Gọn*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng, căn khổ, căn vui, căn buồn, căn buông xả; (lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn, xả căn). Đây là năm căn.”<sup>170</sup>

(SN 48:31)

#### 32 (2) *Bậc Nhập-Lưu*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buông-xả.

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện là bậc thánh Nhập-lưu, là người đang hướng thượng lưu, không còn bị ràng buộc với cảnh giới thấp xấu, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 48:32)

#### 33 (3) *Bậc A-la-hán*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buông-xả.

“Này các Tỳ kheo, *sau khi đã hiểu được* sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là, một Tỳ kheo được giải-thoát nhờ sự không còn dính-

chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt những ô-nhiễm, đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu (tái sinh), và đã hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng.”

(SN 48:33)

### **34 (4) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)**

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buồn-xả.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm căn này, đúng như chúng thực là: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:34)

### **35 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)**

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được căn sướng, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường

dẫn tới sự chám dứt nó; họ không hiểu được căn khổ ... căn vui ... căn buồn ... căn buông xả, nguồn-gốc của nó, sự chám-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chám dứt nó: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 48:35)

### 36 (6) *Phân Tích (1)*

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buông-xả.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn sướng? Mọi sự sướng thuộc *thân*, mọi sự dễ chịu thuộc *thân*,<sup>171</sup> cảm-giác dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *thân*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn sướng.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn khổ? Mọi sự khổ thuộc *thân*, mọi sự khó chịu thuộc *thân*, cảm-giác khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *thân*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn khổ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn vui? Mọi sự vui thuộc *tâm*, mọi sự dễ chịu thuộc *tâm*, cảm-giác dễ chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn vui.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn buồn? Mọi sự buồn phiền thuộc *tâm*, mọi sự khó chịu thuộc *tâm*, cảm-giác khó chịu sinh ra từ sự tiếp-xúc của *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn buồn.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là căn buông-xả? Mọi cảm-giác trung tính (không sướng không khổ), dù thuộc *thân* hay *tâm*: này các Tỳ kheo, đây được gọi là căn buông-xả.<sup>172</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:36)

### 37 (7) *Phân Tích (2)*

[Giống như kinh 48:36 kể trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng. Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ. Sự buông-xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (không khổ không sướng).

“Này các Tỳ kheo, đây là năm căn.”

(SN 48:37)

### 38 (8) *Phân Tích (3)*

[Giống như kinh 48:36 kể trên, sau đoạn (5) thêm vào đoạn này:]

“Trong đó, này các Tỳ kheo, căn sướng và căn vui nên được nhìn thấy là cảm-giác sướng. Căn khổ và căn buồn nên được nhìn thấy là cảm-giác khổ. Sự buông xả nên được nhìn thấy như cảm-giác trung tính (không khổ không sướng).

“Như vậy, này các Tỳ kheo, theo phương pháp giảng giải này thì năm căn này, có năm được gom thành ba; và có ba được mở thành năm.”

(SN 48:38)

### 39 (9) Ví Dụ Que Mồi Lửa

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buồn-xả.

(1) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *sướng*, nên có căn sướng khởi sinh.<sup>173</sup> Khi trong trạng thái sướng, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái sướng’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn sướng khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(2) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *khổ*, nên có căn khổ khởi sinh. Khi trong trạng thái khổ, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái khổ’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn khổ khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(3) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *vui*, nên có căn vui khởi sinh. Khi trong trạng thái vui, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái vui’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là vui đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn vui khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là vui đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(4) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *buồn*, nên có căn buồn khởi sinh. Khi trong trạng thái buồn, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái buồn’. Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn buồn khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’

(5) “Này các Tỳ kheo, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là *buông-xả*, nên có căn buông-xả khởi sinh. Khi trong trạng



thái buông-xả, người đó hiểu: ‘Ta đang trong trạng thái buông-xả’  
Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn buông-xả khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’<sup>174</sup>

“Này các Tỳ kheo, cũng giống như nhiệt được tạo ra và lửa được sinh ra từ sự tiếp-xúc của hai que mỗi lửa, nhưng khi hai que mỗi lửa bị tách rời và bỏ xuống thì nhiệt đó cũng chấm dứt và lặn mất; cũng giống như vậy, tùy thuộc vào một tiếp-xúc được trải nghiệm là sướng ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là khổ ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là vui ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là buồn ... một tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả, nên có căn buông-xả khởi sinh ... Người đó hiểu: ‘Khi chấm dứt sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó, thì cảm-giác tương ứng—tức là căn buông-xả khởi sinh tùy thuộc vào sự tiếp-xúc được trải nghiệm là buông-xả đó—cũng chấm dứt và lặn mất.’”

(SN 48:39)

#### 40 (10) *Thứ Tự Bất Thường* <sup>175</sup>

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn sướng ... căn buông-xả.

#### [i. Căn Khổ]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn khổ. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn khổ này. Nó có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện (duyên).’<sup>176</sup> Căn khổ không thể khởi sinh mà không có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện’. Người đó hiểu căn khổ; người đó hiểu nguồn-gốc của căn khổ; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn khổ; và người đó hiểu nơi mà ‘căn khổ đã khởi

sinh' (sẽ) chấm dứt sạch sẽ [không còn tàn dư].

“Và ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu?<sup>177</sup> Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’ Và chính ở đây ‘căn khổ đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.<sup>178</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn khổ. Người đó hướng tâm mình theo đó.<sup>179</sup>

### [ii. Căn Buồn]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn buồn. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn buồn này. Nó có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện (duyên). Căn buồn không thể khởi sinh mà không có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện’. Người đó hiểu căn buồn; người đó hiểu nguồn-gốc của căn buồn; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn buồn; và người đó hiểu nơi mà ‘căn buồn đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’ Và chính ở đây ‘căn buồn đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.<sup>180</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn buồn. Người đó hướng tâm mình theo đó.

### [iii. Căn Sướng]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn sừng. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn sừng này. Nó có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện (duyên). Căn sừng không thể khởi sinh mà không có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện’. Người đó hiểu căn sừng; người đó hiểu nguồn-gốc của căn sừng; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn sừng; và người đó hiểu nơi mà ‘căn sừng đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn sừng đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’ Và chính ở đây ‘căn sừng đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.<sup>181</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm-dứt của căn sừng. Người đó hướng tâm mình theo đó.

#### [iv. Căn Vui]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn vui. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn vui này. Nó có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện (duyên). Căn vui không thể khởi sinh mà không có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện’. Người đó hiểu căn vui; người đó hiểu nguồn-gốc của căn vui; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn vui; và người đó hiểu nơi mà ‘căn vui đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn vui đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? ‘Với sự dẹp bỏ sự sừng-khổ (không còn sừng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng

nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sừng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’ Và chính ở đây ‘căn vui đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.<sup>182</sup>

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn sừng. Người đó hướng tâm mình theo đó.

### [v. Căn Buông Xả]

“Ở đây, này các Tỳ kheo, trong khi một Tỳ kheo đang sống chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, thì khởi sinh trong người đó căn buông-xả. Người đó hiểu như vậy: ‘Có khởi sinh trong ta căn buông-xả này. Nó có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện (duyên). Căn buông-xả không thể khởi sinh mà không có cơ sở, nguồn gốc, nhân tạo tác, điều kiện’. Người đó hiểu căn buông-xả; người đó hiểu nguồn-gốc của căn buông-xả; người đó hiểu sự chấm-dứt của căn buông-xả; và người đó hiểu nơi mà ‘căn buông-xả đã khởi sinh’ (sẽ) chấm dứt sạch sẽ.

“Và ‘căn buông-xả đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ ở đâu? Ở đây, này các Tỳ kheo: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, người đó chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng).’ Và chính ở đây ‘căn buông-xả đã khởi sinh’ chấm dứt sạch sẽ.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một Tỳ kheo là người đã hiểu sự chấm dứt của căn buông-xả. Người đó hướng tâm mình theo đó.

(SN 48:40)

## NHÓM 5

### NHÓM ‘GIÀ’

(*Jarā-vagga*)

#### 41 (1) Phải Bị Già

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đã ra khỏi nơi ẩn cư vào buổi cuối chiều, và đang ngồi sưởi ấm lưng với những tia nắng cuối cùng.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp và kính chào, và trong khi đang xoa bóp chân cho đức Thế Tôn, thầy ấy thưa: “Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Thật đáng ngạc nhiên, thưa Thế Tôn. Da của Thế Tôn không còn tươi sáng, chân cẳng của Thế Tôn đều mềm nhão và nhăn nheo, thân thì khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.”<sup>183</sup>

“Đúng là vậy, này Ānanda! Trong lúc trẻ người ta phải bị già đi; trong sức khỏe người ta phải bị bệnh yếu; trong khi đang còn sống người ta phải bị chết đi; (trong trẻ đã có sẵn sự già, trong khỏe đã có sẵn sự bệnh, trong sự sống đã có sẵn sự chết). Da không còn tươi sáng, chân cẳng mềm nhão và nhăn nheo, thân khom còm, và các căn thay đổi thấy rõ—trong căn mắt ... căn thân.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Tuổi già khôn khổ này,  
Làm vẻ đẹp phai biến!  
(Thân này) giống như búp bê kiếng xinh đẹp,<sup>184</sup>  
Bị nghiền nát bởi bánh xe tuổi già.

Dù có sống đến trăm năm  
Thì cái chết cũng là đích đến.  
Trên đường đi thần chết chẳng tha ai,  
Mà nghiền nát tất cả.”<sup>185</sup>

(SN 48:41)

## 42 (2) Bà-la-môn Uṇṇābha

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp và chào hỏi với đức Thế Tôn. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thầy Cồ-đàm, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, Thầy Cồ-đàm, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau, thì chúng nương dựa vào cái gì? Và cái gì trải nghiệm trú xứ và khu vực của chúng?”<sup>186</sup>

“Này bà-la-môn, năm căn này có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; chúng không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau. Năm đó là gì? Căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân. Bây giờ, này bà-la-môn, khi năm căn có các trú xứ khác nhau, các khu vực khác nhau; không trải nghiệm trú xứ và khu vực lẫn nhau—thì chúng nương dựa vào tâm, và tâm trải nghiệm trú-xứ và khu-vực khác nhau của chúng.”<sup>187</sup>

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, tâm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, tâm nương dựa vào sự chánh-niệm.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự chánh-niệm thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự chánh-niệm nương dựa vào sự giải-thoát.”<sup>188</sup>

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, sự giải-thoát thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, sự giải-thoát nương dựa vào Niết-bàn.”

“Nhưng, thưa Thầy Cồ-đàm, Niết-bàn thì nương dựa vào cái gì?”

“Này bà-la-môn, ông đã đi quá giới hạn câu hỏi. Ông chưa thể với tới giới hạn của câu hỏi. Bởi vì, này bà-la-môn, đời sống tâm linh được sống với Niết-bàn là nền-tảng, Niết-bàn là đích-đến, Niết-bàn là mục-tiêu cuối cùng của nó.”<sup>189</sup>

Rồi bà-la-môn Uṇṇābha, sau khi hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn hương bên phải mình và đi ra.

Rồi, không lâu sau sau khi bà-la-môn Uṇṇābha đã đi, đức Thế Tôn đã nói với các Tỷ kheo như vậy:

“Này các Tỷ kheo, giả sử trong một ngôi nhà hay sảnh đường mái nhọn, có cửa sổ nhìn phía đông, mặt trời đang mọc lên. Khi những tia nắng chiếu qua cửa sổ, chúng ổn định (nằm, đậu, nương) ở đâu?”

“Trên bức tường phía tây, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỷ kheo, bà-la-môn Uṇṇābha đã đạt được niềm-tin vào Như Lai, (niềm tin đó) được ổn định, được bắt rễ, được thiết lập, vững chắc. Nó không thể bị phá bỏ bởi tu sĩ hay bà-la-môn nào, hay bởi thiên thần hay Ma Vương hay Trời Brahmā hay bởi bất cứ ai trong thế gian. Này các Tỷ kheo, nếu bây giờ bà-la-môn Uṇṇābha chết thì cũng không còn gông-cùm trói buộc ông ta quay lại thế gian này nữa.”<sup>190</sup>

(SN 48:42)

**43 (3) Sāketa**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāketa, trong Khu Vườn Añjana, ở khu Vườn Nai. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp thuyết giảng nào qua đó năm căn trở thành năm năng-lực và năm năng-lực trở thành năm căn?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Này các Tỳ kheo, có một phương pháp thuyết giảng qua đó năm căn trở thành năm năng-lực và năm năng-lực trở thành năm căn. Và cái gì là phương pháp thuyết giảng đó? Rằng qua đó căn niềm-tin (tín căn) trở thành năng-lực niềm-tin (tín lực); qua đó năng-lực niềm-tin trở thành căn niềm-tin. Rằng qua đó căn nỗ-lực (tinh tấn căn) trở thành năng-lực nỗ-lực (tinh tấn lực); qua đó năng-lực nỗ lực trở thành căn nỗ-lực. Rằng qua đó căn chánh-niệm (niệm căn) trở thành năng lực chánh-niệm (niệm lực); năng-lực chánh-niệm trở thành căn chánh-niệm. Rằng qua đó căn chánh-định (định căn) trở thành năng-lực chánh-định (định lực), năng-lực chánh-định trở thành căn chánh-định. Rằng qua đó căn trí-tuệ (tuệ căn) trở thành năng-lực trí-tuệ (tuệ lực), năng-lực trí-tuệ trở thành căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một dòng sông đổ về, nghiêng về, chảy về phía đông, có một hòn đảo giữa sông. Có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy, nhưng cũng có phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy



(hai bên đảo).

“Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có một dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía đông và phía tây của hòn đảo, thì chỉ có một dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là một dòng chảy; (vì chỉ có một dòng nước chảy xuôi về đông, không có nước chảy ngược về tây).

“Và cái gì là phương pháp thuyết giảng qua đó con sông được coi là có hai dòng chảy? Nếu xét hướng nước chảy tới phía nam và phía bắc của hòn đảo, thì có hai dòng chảy—đây là phương pháp thuyết giảng qua đó sông được coi là hai dòng chảy; (vì nước gặp đảo bị rẽ thành hai dòng khác nhau qua mạn nam và mạn bắc của hòn đảo).

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, rằng qua đó căn niềm-tin trở thành năng-lực niềm-tin ... qua đó năng-lực trí-tuệ trở thành căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính bởi vì một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm căn này, cho nên người đó, bằng cách tiêu diệt mọi ô-nhiễm, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ điều đó bằng trí-biết trực tiếp.”

**(SN 48:43)**

#### **44 (4) Nhà Ở Cổng Đông**

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ), trong căn Nhà Trạm ở cổng phía Đông; (tức nhà nhỏ ở đầu cổng vào một khu nhà hay khu thành, dùng làm chỗ ở cho những người quản gia hay bảo vệ). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, thầy có được niềm-tin rằng: căn niềm-tin, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến,

sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không? ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền tảng của nó, sự Bất-tử là đích đến của nó, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó, hay không?”

“Thưa Thế Tôn, con không phải tin nhờ vào đức Thế Tôn về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Chỉ những người chưa tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí tuệ—thì họ mới tin nhờ vào người khác về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Nhưng những ai đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí tuệ—thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.

“Thưa Thế Tôn, con là một người đã tự mình biết, thấy, hiểu, chứng ngộ, và tiếp xúc điều này bằng trí tuệ—nên con không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Những ai chưa tự mình biết ... thì họ mới tin nhờ vào người khác ... Những ai đã tự mình biết ... thì họ không còn lờ mờ hay nghi ngờ về điều đó rằng: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 48:44)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Sāvattthī (Xá-vệ), trong Khu Vườn Phía Đông trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng (sự giác ngộ, thánh quả A-la-hán) như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng một-căn nên người đó tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Một căn đó là gì? Đó là căn trí-tuệ. Bởi vì một người đệ tử thánh thiện có-được trí-tuệ, thì căn niềm-tin theo sau sẽ được củng cố, căn nỗ-lực theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-niệm theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-định theo sau sẽ được củng cố.

“Này các Tỳ kheo, chính do một-căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên vị Tỳ kheo đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:45)

#### **46 (6) Khu Vườn Phía Đông (2)**

Tình huống như kinh kể trên.

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần

làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa. ”?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng hai-căn nên người đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Hai căn đó là gì? Đó là trí-tuệ thánh thiện và sự giải-thoát thánh thiện. Bởi vì trí-tuệ thánh thiện của người đó là căn trí-tuệ của người đó; sự giải-thoát thánh thiện của người đó là căn chánh-định của người đó.

“Này các Tỳ kheo, chính do hai-căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên vị Tỳ kheo đó đã tiêu diệt xong ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa. ’”

(SN 48:46)

#### 47 (7) Khu Vườn Phía Đông (3)

Tình huống như kinh kể trên....

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa. ’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn-căn nên người đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Bốn căn đó là gì? Đó là căn nỗ-lực, căn chánh-

niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do bốn căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên vị Tỳ kheo đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:47)

#### **48 (8) Khu Vườn Phía Đông (4)**

Tình huống như kinh kể trên....

“Này các Tỳ kheo, bằng cách tu tập bao nhiêu căn thì một Tỳ kheo tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”?

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng năm-căn nên người đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Năm căn đó là gì? Đó là căn niệm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ.

“Này các Tỳ kheo, chính do năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng nên vị Tỳ kheo đó đã tiêu diệt xong mọi ô-nhiễm và tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:48)

#### 49 (9) Ngài Piṇḍola

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Trong dịp đó có Ngài Piṇḍola Bhāradvāja tuyên bố trí-biết cuối cùng của mình như vậy: “Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Rồi một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận ...’ Xét theo lý gì mà thầy Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy?

“Này các Tỳ kheo, chính do thầy ấy đã tu tập và tu dưỡng ba-căn nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy. Ba căn đó là gì? Đó là căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Chính do thầy ấy đã tu tập ba căn này nên Tỳ kheo Piṇḍola Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, ba-căn đó chấm dứt trong sự gì? Ba căn đó chấm dứt trong sự tiêu-diệt. Chấm dứt trong sự tiêu diệt cái gì? Tiêu diệt sinh, già, chết. Sau khi xét thấy ba-căn đó đã chấm dứt trong sự tiêu diệt sinh, già, chết, nên Tỳ kheo Bhāradvāja đã tuyên bố trí-biết cuối cùng như vậy: ‘Tôi hiểu rằng: Sinh đã tận, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 48:49)

#### 50 (10) Ở Āpaṇa

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa người dân Angan, ở đó có một thị trấn của họ tên là Āpaṇa. Ở đó đức

Thế Tôn đã nói Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, một người đệ tử thánh thiện, là người đầy lòng kính mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, có còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai hay không?”

“Thưa Thế Tôn, một người đệ tử thánh thiện, là người đầy lòng kính mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lờ-mờ hay nghi-ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai. (1) Thực sự có thể trông đợi điều đó, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, thì sẽ sống với sự nỗ-lực (tinh tấn) được phát khởi cho việc (tu tập) trừ-bỏ những trạng thái bất thiện và tích-đạt những trạng thái thiện lành; người đó mạnh mẽ, vững chắc trong sự phấn-đấu (tinh cần), không lơ tâm xao lãng trách nhiệm tu dưỡng những trạng thái thiện lành. Sự nỗ-lực đó của người đó chính là *căn nỗ-lực* của người đó, thưa Thế Tôn.

(2) “Thực sự có thể trông đợi điều đó, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, thì sẽ có sự chánh-niệm, có-được sự chánh-niệm cao nhất và sự xét-biết [tuệ biết] cao nhất (tối thượng), người nhớ được và nhớ lại những điều đã làm và đã nói từ lâu. Sự chánh-niệm đó của người đó chính là *căn chánh-niệm* của người đó, thưa Thế Tôn.

(3) “Thực sự có thể trông đợi điều đó, thưa Thế Tôn, rằng một người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm của người đó được thiết lập, thì sẽ đạt được sự định-tâm, sẽ đạt tới sự nhất-điểm của tâm, sau khi lấy sự giải-thoát làm đối-tượng (thiền định). Sự định-tâm đó của người đó chính là *căn chánh-định* của người đó, thưa Thế Tôn.

(4) “Thực sự có thể trông đợi điều đó, thưa Thế Tôn, rằng một

người đệ tử thánh thiện, là người (i) có niềm-tin, và (ii) sự nỗ-lực của người đó được phát khởi như vậy, và (iii) sự chánh-niệm của người đó được thiết lập, và (iii) tâm của người đó đạt chánh-định, thì sẽ hiểu được như vậy: ‘Vòng luân hồi sinh tử (*samsāra*) là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (là vô thủy, không thể nghĩ bàn). Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Nhưng với sự phai-biến và chấm-dứt sạch sẽ của vô-minh, của cái đồng (uẩn) tâm-tôi đó: thì đây là trạng thái bình-an, đây là trạng thái siêu-phàm, đó là, sự làm lắng-lặng mọi sự tạo-tác (các hành), sự từ-bỏ mọi sự chấp-thủ (dính chấp), sự tiêu diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn.’ Trí-tuệ đó của người đó chính là *căn trí-tuệ* của người đó, thừa Thế Tôn.

(5) “Và, thừa Thế Tôn, khi người đệ tử thánh thiện đã đó liên tục và liên tục *phân-đầu* (tinh cần) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *trưởng-niệm* (nhớ lại, niệm) theo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *đạt-định* trong tâm heo cách như vậy, đã liên tục và liên tục *hiểu được bằng trí-tuệ* theo cách như vậy, thì người đó đạt được niềm-tin trọn vẹn như vậy: ‘Đối với những điều trước đây ta chỉ nghe, giờ ta sống *đã tiếp xúc* với chúng bằng thân, và sau khi *đã xuyên thủng* chúng bằng trí-tuệ, ta nhìn thấy.’ Niềm-tin đó của người đó chính là *căn niềm-tin* của người đó, thừa Thế Tôn.”<sup>191</sup>

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phát! Này Xá-lợi-phát, người đệ tử thánh thiện, là người đầy lòng kính mộ đối với Như Lai và có niềm-tin trọn vẹn vào Như Lai, thì không còn dung dưỡng sự lơ mờ hay nghi ngờ nào đối với Như Lai hoặc giáo lý của Như Lai.”

[... *Tiếp tục là Phật lặp lại toàn bộ lời của thầy Xá-lợi-phát ở trên về các căn của một người đệ tử thánh thiện*].

(SN 48:50)



## NHÓM 6

### NHÓM ‘HANG HEO RỪNG’

(*Sūkarakhata-vagga*)

#### 51 (1) Làng Sālā

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) ở làng Sālā, một ngôi làng của những bà-la-môn. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử, vua của các loài thú, được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt sức mạnh, tốc độ, và sự gan hùng; cũng giống như vậy, trong những trạng-thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ<sup>192</sup> thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin (tín) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực (tấn) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm (niệm) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-định (định) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ (tuệ) là trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, giống như trong những loài thú thì sư tử được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong những trạng thái trợ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới giác-ngộ.”

(SN 48:51)

## 52 (2) *Mallika*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Mallika, trong một ngôi làng của họ tên là làng Uruvelakappa. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chừng nào sự hiểu-biết thánh thiện (thánh tri) chưa khởi sinh, thì chưa có sự ổn định của bốn căn kia, chưa có sự vững chắc của bốn căn kia.<sup>193</sup> Nhưng khi sự hiểu-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện, thì có sự ổn định của các căn kia, có sự vững chắc của các căn kia.

“Này các Tỳ kheo, như vậy, giống như trong một ngôi nhà mái nhọn: chừng nào đỉnh mái nhọn chưa được lắp ráp đúng chỗ, thì chưa có sự ổn định của các thanh xà, chưa có sự vững chắc của các thanh xà; nhưng khi đỉnh mái nhà đã được lắp ráp đúng chỗ, thì có sự ổn định của các thanh xà, có sự vững chắc của các thanh xà. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào sự hiểu-biết thánh thiện chưa khởi sinh, thì chưa có sự ổn định của bốn căn kia, chưa có sự vững chắc của bốn căn kia. Nhưng khi sự hiểu-biết thánh thiện đã khởi sinh trong người đệ tử thánh thiện, thì có sự ổn định của các căn kia, có sự vững chắc của các căn kia.

“Bốn căn đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định. Trong trường hợp người đệ tử thánh thiện có-được trí-tuệ, thì căn niềm-tin theo sau sẽ được củng cố, căn nỗ-lực theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-niệm theo sau sẽ được củng cố, căn chánh-định theo sau sẽ được củng cố.”

(SN 48:52)

## 53 (3) *Học Nhân...*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở

Kosambī trong Tịnh Xá Ghosita. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có phương pháp nào qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân (người còn tu học, từ Nhập-lưu tới Bất-lai), đang đứng trong bậc của một học-nhân, có thể hiểu: ‘Ta là một học-nhân’, trong khi đó một Tỳ kheo là một vô-học nhân (đã hết tu học, đã tu thành, bậc A-la-hán), có thể hiểu: ‘Ta là một vô-học nhân’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, có một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp đó qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân....

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân hiểu được Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là: ‘Đây là khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học-nhân’.

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì biết suy xét như vậy: ‘Ngoài kia (tức ngoài giáo đoàn của Phật) có tu sĩ hay bà-la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm hay không?’ Và người đó hiểu: ‘Không có tu sĩ hay bà-la-môn nào chỉ dạy Giáo Pháp là thực, đúng thực, thực tế như đức Thế Tôn đang làm.’ Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học-nhân.’

(3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học-nhân thì

hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Người đó sống (an trú) *mà chưa tiếp xúc bằng thân* cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; nhưng sau khi đã xuyên thấu nó bằng trí-tuệ, người đó sẽ nhìn thấy.<sup>194</sup> Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một học-nhân ... hiểu được: ‘Ta là một học-nhân.’

(4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô-học nhân hiểu được năm căn tâm linh—căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Người đó sống (an trú) *(sau khi) đã tiếp xúc bằng thân* cái mục-tiêu của năm căn, đỉnh-cao của chúng, đạo-quả của chúng, mục-tiêu cuối cùng của chúng; và sau khi đã xuyên thấu nó bằng trí-tuệ, người đó nhìn thấy. Đây là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô-học nhân ... hiểu được: ‘Ta là một vô-học nhân.’

(5) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một vô-học nhân hiểu sáu căn cảm-nhận (sáu giác quan)—căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân, căn tâm. Người đó hiểu: ‘Sáu căn này sẽ chấm-dứt hoàn toàn và sạch sẽ, và tuyệt đối không còn sáu căn khác nào khởi sinh nữa. Đây cũng là một phương pháp qua đó một Tỳ kheo là một vô-học nhân ... hiểu được: ‘Ta là một vô-học nhân.’

(SN 48:53)

## 54 (4) Những Dấu Chân

“Này các Tỳ kheo, cũng như những dấu chân của các loài chúng sinh đều có thể nằm lợt trong dấu chân voi, và dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước; cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ,<sup>195</sup> căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những bước dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, đó là căn niềm-tin là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-niệm là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn chánh-định là một bước dẫn tới sự giác-ngộ. Căn trí-tuệ là một bước dẫn tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... dấu chân voi được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt kích thước; cũng giống như vậy, trong những bước dẫn dắt tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ.

(SN 48:54)

### 55 (5) *Gỗ Lõi*

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong số những gỗ lõi có hương thơm, gỗ đàn hương đỏ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hương thơm; cũng giống như vậy, trong những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ, căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt để đạt tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ ....”

(SN 48:55)

### 56 (6) *Được Thiết Lập*

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được thiết lập trong một-thứ gì thì năm căn được phát triển, được phát triển một cách thiện khéo trong người đó? Đó là sự chuyên-cần.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chuyên cần? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo phòng hộ cái tâm khỏi những ô-nhiễm và những

trạng thái dính-nhiễm. Trong khi người đó phòng hộ cái tâm như vậy, căn niềm-tin đi tới hoàn-thiện nhờ sự tu tập; căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ đi tới hoàn-thiện nhờ sự tu tập.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo khi được thiết lập trong một-thứ thì năm căn được phát triển, được phát triển một cách thiện khéo trong người đó.”

(SN 48:56)

### 57 (7) Vị Trời Sahampati

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở Uruvelā, bên bờ sông Ne-rañjarā (Ni-liên-thiền), dưới gốc cây Đa (Banyan) của người Chấn Dê, ngay sau khi giác-ngộ toàn thiện (thành Phật). Rồi, khi đức Thế Tôn đang ở một mình trong sự tách-ly đó, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:

“Năm căn, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó. Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

Lúc đó vị Trời Sahampati, sau khi bằng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm đức Thế Tôn, nhanh như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chình lại y áo trên một vai, chắp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng ... có sự Bất-tử là mục-tiêu cuối cùng của chúng.

“Thưa Thế Tôn, trong quá khứ con đã sống đời sống thánh thiện

dưới bậc Toàn Giác là (Phật) Ca-diếp (Kassapa). Ở đó mọi người biết con là Tỳ kheo Sahaka. Nhờ con đã tu tập và tu dưỡng năm căn này, nên con đã loại bỏ tham-muốn khoái-lạc giác-quan, và nhờ vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, con đã được tái sinh trong một nơi đến phúc lành, trong cõi trời. Ở đó mọi người biết con là vị Trời Brahmā Sahampati. Thật đúng vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng vậy, thưa bậc Phúc Lành! Thưa Thế Tôn, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, có sự Bất tử là nền-tảng, sự Bất tử là đích-đến, sự Bất tử là mục-tiêu cuối cùng của nó.”

(SN 48:57)

## 58 (8) *Hang Heo Rừng*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền, trong chỗ Hang Heo Rừng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Xá-lợi-phất như vậy:

“Này Xá-lợi-phất, vì xem xét lợi ích gì mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?”

“Thưa Thế Tôn, chính là do xem xét lợi ích là sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, do xem xét lợi ích là sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.

“Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc mà vì nó nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống

luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai?”

“Thưa Thế Tôn, ở đây một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm có tu tập căn niềm-tin, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Người đó tu tập căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, nó dẫn tới sự bình-an, dẫn tới sự giác-ngộ. Thưa Thế Tôn, đây chính là sự an-toàn khỏi mọi sự trói-buộc được xem xét như ích lợi nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét ích lợi là sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ sự kính mộ tối thượng đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Và, này Xá-lợi-phất, cái gì là sự kính mộ tối thượng mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm sống một cách kính mộ và tôn kính đối với vị Sư Thầy, Giáo Pháp, Tăng Đoàn, đối với sự tu-tập, và sự thiên-định.<sup>196</sup> Thưa Thế Tôn, đây chính là sự kính mộ tối thượng mà một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Này Xá-lợi-phất, bởi do xem xét ích lợi là sự an-toàn tối thượng khỏi mọi sự trói-buộc nên một Tỳ kheo đã tiêu diệt ô-nhiễm khi còn sống luôn bày tỏ nó đối với Như Lai và giáo lý của Như Lai.”

(SN 48:58)



Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có năm căn, được tu tập và tu dưỡng; nhưng nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi chưa có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Năm đó là gì? Đó là: căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nhưng nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi chưa có sự xuất hiện của một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.”

(SN 48:59)

## 60 (10) *Khởi Sinh (2)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nhưng nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của bậc Phúc Lành (Thiện Thệ). Năm đó là gì? Đó là căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ. Năm căn này, được tu tập và tu dưỡng; nhưng nếu chưa khởi sinh thì không khởi sinh khi chưa có Giới Luật của bậc Phúc Lành.”

(SN 48:60)

## NHÓM 7

### NHÓM ‘HỘ DẪN TỚI GIÁC-NGỘ’

(*Bodhipakkhiya-vagga*)

#### 61 (1) *Những Gông Cùm*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử). Năm đó là gì? Căn niềm-tin, căn nỗ-lực, căn chánh-niệm, căn chánh-định, và căn trí-tuệ (tín, tấn, niệm, định, tuệ). Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới dẹp bỏ những gông-cùm.”

(SN 48:61)

#### 62 (2) *Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn*

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới bứng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Năm căn này....”

(SN 48:62)

#### 63 (3) *Sự Hoàn Toàn Hiểu*

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu đường-đi (đường đi của luân hồi sinh tử; quá trình sinh tử). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Năm căn này....”

(SN 48:63)

#### **64 (4) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm...**

“Này các Tỳ kheo, năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu hoặc). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ.

“Năm căn này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp bỏ những gông-cùm (kiết sử), dẫn tới sự búng bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên), dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu đường-đi (quá trình sinh tử), dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm (lậu hoặc). Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ.”

(SN 48:64)

#### **65 (5) Hai Thánh Quả**

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Đây là năm căn.

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh-quả: trí-biết cuối cùng (giác ngộ, A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự dính-chấp, thì thánh quả Bất-lai.”

(SN 48:65)

#### **66 (6) Bảy Ích Lợi...**

“Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Đây là năm căn.

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết-quả và ích-lợi. Cái gì là bảy kết-quả và ích-

lợi?

“(i) Người tu chứng ngộ trí-biết cuối cùng (sự giác ngộ, A-la-hán) *ngay trong kiếp này*. (ii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay trong kiếp này*, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay lúc chết*. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay trong kiếp này*, hay *ngay lúc chết*, thì với sự diệt-sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai) ... (iv) chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* ... (v) chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm* ... (vi) chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm* ... (vii) đang hưởng thượng lưu, *đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cú kính thiên, là cõi trời cao nhất và thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).

“Này các Tỳ kheo, khi năm căn này đã được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh-quả và ích-lợi này.”

(SN 48:66)

## 67 (7) Cây (I)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm-phù-nè (Jambudīpa, nghĩa là: đại lục Táo Hồng) thì cây táo-hồng được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ. Căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó

dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối ở cõi Diêm-phù-nề thì cây táo-hồng được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:67)

## 68 (8) Cây (2)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cỏ của những thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (cõi trời Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi ba) thì cây san-hô<sup>197</sup> được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:68)

## 69 (9) Cây (3)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những quỷ thần asura (A-tu-la) thì cây hoa loa-kèn<sup>198</sup> được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:69)

## 70 (10) Cây (4)

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong những loài cây cối của những chim thần supanna (Kim Xí Điều) thì cây bông-lụa được tuyên bố là đứng đầu; cũng giống như vậy, trong số những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ thì căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ? Này các Tỳ kheo, căn niềm-tin ... căn trí-tuệ là trạng thái hộ dẫn tới sự giác-ngộ; nó dẫn dắt tới sự giác-ngộ.

“Này các Tỳ kheo, cũng như ... căn trí-tuệ được tuyên bố là đứng đầu, đó là, về mặt hộ dẫn tới sự giác-ngộ.”

(SN 48:70)

**NHÓM 8**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly...’]

**71 (1) — 82 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 48:71)

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này đều được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:92—102.**]

(SN 48:71—82)

Sáu đổ ra hướng đông  
Và sáu đổ ra đại dương.  
Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.



**NHÓM 9**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CĂN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**83 (1) — 92 (10) Như Lai...**

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trong mọi loại chúng sinh— dù là loài không chân, hay hai chân, hay bốn chân, hay nhiều chân; có thân-sắc hay không có thân-sắc, có nhận-thức hay không có nhận-thức, hay không có nhận-thức cũng không phải không có nhận thức ....”

[*Tiếp tục được lặp lại, theo cách “năm căn tâm linh”, một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:139–148.*]

**(SN 48:83–92)**

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 10**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**93 (1) — 104 (12) Khó Nhọc...**

[*Tất cả kinh của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149—160.*]

(SN 48:93—104)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

**NHÓM 11**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**105 (1) — 114 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:161—170.**]

**(SN 48:105—114)**

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Căn Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm  
Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

## NHÓM 12

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’

(*Ogha-vagga*)

#### 115 (1) — 123 (10) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:171–179.**]

(SN 48:115–123)

#### 124 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm căn tâm linh được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự tách-ly, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, dẫn chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Năm căn này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 47:124)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,

Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

**NHÓM 13**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**125 (1) — 136 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối-cùng của nó là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm căn tâm linh là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 48:125)

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này đều được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:92—102.**]

(SN 48:126—136)

**NHÓM 14**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CĂN’**  
(*Appamāda-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**137 (1) — 146 (10) Như Lai...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “năm căn tâm linh”, the-  
ophiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si...’.]

(SN 48:137—146)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mươi.

**NHÓM 15**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**147 (1) — 158 (10) Khó Nhọc...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “năm căn tâm linh”, the-  
ophiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si...’.]

**(SN 48:147—158)**

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và Hai Loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.



**NHÓM 16**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**159 (1) — 168 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “năm căn tâm linh”, the-  
ophiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si...’.]

(SN 48:159—168)

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Căn Cối, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm  
Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

**NHÓM 17**  
**NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’**  
(*Ogha-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**169 (1) — 177 (10) Những Dòng Lũ...**

[Lặp lại như kinh kể trên, theo cách “năm căn tâm linh”, *the-ophiên-mẫu* ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si...’.]

(SN 48:169—177)

**178 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...**

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm căn tâm linh được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập căn niềm-tin ... căn nỗ-lực ... căn chánh-niệm ... căn chánh-định ... căn trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Năm căn này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 47:178)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.



## Chương 49

# Liên Kết SỰ PHẤN-ĐẦU ĐÚNG ĐẮN

(49 *Sammappadhāna-saṃyutta*)

(49 *Tương ưng Chánh Cần*)



# NHÓM 1

## NHÓM ‘SÔNG HẰNG’

### LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

#### 1 (1) — 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn sự phấn-đầu đúng đắn (tứ chánh cần). Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phấn-đầu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện đã khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và phấn-đầu. (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và phấn-đầu. (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và phấn-đầu. Đây là bốn sự phấn-đầu đúng đắn.<sup>199</sup>

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự phấn-đầu đúng-đắn (tứ chánh cần) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự phấn-đầu đúng-đắn để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo

mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực, ứng dụng tâm, và phán-đầu. Đây là bốn sự phán-đầu đúng đắn.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự phán-đầu đúng-đắn để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 49:01)

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:92–102.**]

(SN 49:02–12)

Sáu đổ ra hướng đông  
Và sáu đổ ra đại dương.  
Hai lần sáu là mười hai:



**NHÓM 2**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**13 (1) — 22 (10) Như Lai...**

[Tất cả các kinh được lặp lại, theo cách “bốn sự phán-đấu đúng-đắn”, một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:139–148.**]

(SN 49:13–22)

### NHÓM 3

## NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’

(*Balakaraṇīya-vagga*)

### 23 (1) — 34 (12) *Khó Nhọc...*

“Này các Tỳ kheo, giống như việc làm khó nhọc (nặng nhọc, cần nhiều công sức) được làm, thì tất cả đều được làm dựa trên trái đất, được thiết lập trên trái đất. Cũng giống như vậy, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn sự phân-đầu đúng-đắn.”

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bốn sự phân-đầu đúng-đắn (tứ chánh cần)? Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phân-đầu. Đây là bốn sự phân-đầu đúng-đắn (tinh cần).

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo, dựa trên giới-hạnh, được thiết lập trên giới-hạnh, tu tập và tu dưỡng bốn sự phân-đầu đúng-đắn tu tập và tu dưỡng bốn sự phân-đầu đúng-đắn.”

(SN 49:23)

► [Tất cả các kinh còn lại của **NHÓM** này đều được lặp lại một

*cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:149–160.**]*

**(SN 49:24–34)**

## NHÓM 4

### NHÓM ‘TÌM KIẾM’

(*Esanā-vagga*)

#### 35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm...

“Này các Tỳ kheo, có ba sự tìm-kiếm (tâm cầu) này. Ba đó là gì? Tìm kiếm khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tìm kiếm sự hiện-hữu (tái sinh), tìm kiếm đời-sống tâm-linh (phạm hạnh, thánh thiện). Đây là ba sự tìm-kiếm. Bốn sự phân-đầu đúng-đắn (tứ chánh cần) được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết ba sự tìm-kiếm này, để hoàn-toàn hiểu hiểu chúng, để tiêu diệt sạch sẽ chúng, để dẹp bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *dẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phân-đầu. Đây là bốn sự phân-đầu đúng-đắn (tinh cần).

“Bốn sự phân-đầu đúng-đắn được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp bỏ chúng.”

(SN 49:35)

► [Tất cả các kinh còn lại đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:161–170.**]

**(SN 49:35—44)**

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khô,  
Sự Cản Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm  
Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

## NHÓM 5

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’

(Ogha-vagga)

#### 45 (1) — 53 (9) Những Dòng Lũ ...

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:171–179.**]

(SN 49:45–53)

#### 54 (10) Những Gông Cùm Cao Hơn...

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bốn sự phẩn-đầu đúng-đắn (tứ chánh cần) được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo khởi tạo mong-muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) Người đó khởi tạo mong-muốn *đẹp-bỏ* những trạng thái bất thiện đã khởi sinh ... (iii) Người đó khởi tạo mong-muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) Người đó khởi tạo mong-muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phẩn-đầu. Đây là bốn sự phẩn-đầu đúng-đắn (tinh cần).

“Bốn sự phẩn-đầu đúng-đắn này được tu tập để dẫn tới sự trực-

tiếp biết ba sự tìm-kiếm này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp bỏ chúng.”

**(SN 49:54)**

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.





## Chương 50

# Liên Kết NHỮNG NĂNG-LỰC

(50 *Bala-samyutta*)

(50 *Tương ứng Lực*)



**NHÓM 1**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly...’]

**1 (1) – 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...**

“Này các Tỳ kheo, có năm năng-lực này. Năm đó là gì? Năng lực niềm-tin, năng lực nỗ-lực, năng lực chánh-niệm, năng lực chánh-định, năng lực trí-tuệ (tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực). Đây là năm năng-lực (ngũ lực).

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực này là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, tu tập năng lực niềm-tin, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập năng lực nỗ-lực ... năng lực chánh-niệm ... năng lực chánh-định ... năng lực trí tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

**(SN 50:01)**

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:92–102.**]

**(SN 50:02–12)**

Sáu đồ ra hướng đông

Và sáu đồ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

**NHÓM** kinh này được tụng lại như vậy.

**NHÓM 2**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**13 (1) — 22 (10) Như Lai...**

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này được lặp lại, theo cách “năm năng-lực”, một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:139–148**.]

(SN 50:13–22)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 3**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**23 (1) — 34 (12) Khó Nhọc...**

[*Tất cả kinh của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149—160.*]

(SN 50:23—34)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

**NHÓM 4**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Tất cả các kinh của **NHÓM** này đều được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:161–170**.]

(SN 50:35–44)

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Cắn Cối, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

**NHÓM 5**  
**NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỬ’**  
(*Ogha-vagga*)

**45 (1) — 53 (9) Sự Tìm Kiếm...**

[*Tất cả các kinh này được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:171—179.*]

(SN 50:45—53)

**54 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...**

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm năng-lực được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Năm đó là gì? Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tu tập năng lực niêm-tin, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống *tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập năng lực sự nỗ-lực ... năng lực chánh-niệm ... năng lực chánh-định ... năng lực trí tuệ, [sự tu tập đó] dựa trên sự sống *tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Năm năng-lực này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

(SN 50:54)



Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.

**NHÓM 6**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC’**  
*(Gaṅgā-peyyāla-vagga)*

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**55 (1) — 66 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông...**

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và ngã về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và theo cách nào một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin ... năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là một Tỳ kheo tu tập năm năng-lực để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

**(SN 50:55—66)**

**NHÓM 7**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**67 (1) — 76 (10) Như Lai...**

[Lặp lại theo cách “năm năng-lực”, theo phiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại bỏ si’.]

(SN 50:56—76)

**NHÓM 8**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**77 (1) — 88 (12) Khó Nhọc...**

[Lặp lại theo cách “năm năng-lực”, theo phiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại bỏ si’.]

(SN 50:77—88)

**NHÓM 9**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**89 (1) — 98 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Lặp lại theo cách “năm năng-lực”, theo phiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại bỏ si’.]

(SN 50:89—98)

**NHÓM 10**  
**NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỮ’**  
(*Ogha-vagga*)

[Theo mẫu ‘Loại-Bỏ Tham...’]

**99 (1) — 107 (9) Sự Tìm Kiếm...**

[Lặp lại theo cách “năm năng-lực”, theo phiên-mẫu ‘loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại bỏ si’.]

(SN 50:99—107)

**108 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...**

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muôn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muôn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Năm năng-lực (ngũ lực) được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.

“Năm đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập năng lực niềm-tin ... năng lực sự nỗ-lực ... năng lực chánh-niệm ... năng lực chánh-định ... năng lực trí-tuệ, [sự tu tập đó] có mục-tiêu cuối cùng là sự *loại-bỏ tham, loại-bỏ sân, loại-bỏ si*.

“Năm năng-lực này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.”

(SN 50:108)

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.





## Chương 51

# Liên Kết CƠ-SỞ THẦN THÔNG

*(51 Iddhīpāda-saṃyutta)*

*(51 Tương ứng Thần Túc)*



# NHÓM 1

## NHÓM ‘ĐÈN CĀBĀLA’

(*Cābāla-vagga*)

### 1 (1) *Từ Bờ Bên Đây...*

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở (để tu tạo) thần-thông [năng-lực tâm linh] này, khi tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt qua bờ bên này đến bờ bên kia. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông (thần túc) vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (*ý muốn*) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu. (iii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu. (iv) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.<sup>200</sup> Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn dắt vượt qua bờ này (thử ngạn) đến bờ bên kia (đáo bỉ ngạn).”

(SN 51:01)

### 2 (2) *Bỏ Quên*

“Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ quên (bỏ lơ, lơ tâm, không tu tập) bốn cơ-sở thần thông là (coi như) đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đảm nhận (tu tập) bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có

*sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu.

“Này các Tỳ kheo, ai đã bỏ quên bốn cơ-sở thần thông là đã bỏ quên con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Ai đảm nhận bốn cơ-sở thần thông là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 51:02)

### 3 (3) Thánh Thiện

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và dần giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu. Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, là thánh thiện và dần giải thoát; chúng sẽ dẫn dắt người tu tập chúng đi tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

(SN 51:03)

### 4 (4) Sự Ghê Sợ

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, dẫn tới sự chán-bỏ, dẫn tới sự chám-dứt, dẫn tới sự bình-an, dẫn tới trí-biết trực tiếp, dẫn tới sự giác-

ngộ, dẫn tới Niết-bàn.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đấu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đấu.

“Bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng ... dẫn tới Niết-bàn.”

(SN 51:04)

## 5 (5) Từng Phần

“Này các Tỷ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu tạo được phần nào của thần-thông, tất cả họ làm được vậy là do họ *đã* có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ *đã* có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đấu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đấu.

“Này các Tỷ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại tu tạo được phần nào thần-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:05)

**6 (6) Toàn Bộ**

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ tu tạo được toàn bộ thân-thông, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thân thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ tu tạo được toàn bộ thân-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thân thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong hiện tại tu tạo được toàn bộ thân-thông, tất cả làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thân thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thân thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thân thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại tu tạo được toàn bộ thân-thông, tất cả làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thân thông.”

(SN 51:06)

**7 (7) Các Tỳ Kheo**

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong *quá khứ*, bằng cách tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp đó đã chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thân thông. Những Tỳ kheo nào trong *tương lai*,

bằng cách tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những Tỳ kheo nào trong *hiện tại*, bằng cách tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, tất cả họ làm được vậy là do họ đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào trong *quá khứ* ... trong *ương lai* ... trong *hiện tại*, chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm ... tất cả họ làm được vậy là do họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

(SN 51:07)

## 8 (8) Phậ

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở (để tu tạo) thần-thông. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* và ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu. Đây là bốn cơ-sở thần thông. Chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông cho nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán,

bậc Toàn Giác.”

(SN 51:08)

## 9 (9) Sự Hiểu Biết

(i) “Đây là cơ-sở thân-thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành)’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực (chân trí), và ánh-sáng.<sup>201</sup>

“Cơ-sở thân thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành) *nên* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

“Cơ-sở thân thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành) *đã* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

(ii) “Đây là cơ-sở thân-thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành)’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng

“Cơ-sở thân thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành) *nên* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.



“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành) *đã* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

(iii) “‘Đây là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành)’—như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành) *nên* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành) *đã* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.

(iv) “‘Đây là cơ-sở thần-thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành)’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng

“‘Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành) *nên* được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết

đích thực, và ánh-sáng.

“Cơ-sở thần thông đó vốn có sự định-sự điều-tra nhờ *sự điều-tra* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành) đã được tu tập’— như vậy đó, này các Tỳ kheo, đối với những điều chưa được nghe trước đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, trí-biết đích thực, và ánh-sáng.”

(SN 51:09)

## 10 (10) Ngôi Đền <sup>202</sup>

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Bấy giờ, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Vesālī để khát thực. Sau khi đã xong một vòng đi khát thực trong thành Vesālī và trở về, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn nói với Ngài Ānanda như vậy:<sup>203</sup>

“Này Ānanda, hãy lấy tấm lót ngồi. Chúng ta đi tới Ngôi Đền Cây Cāpāla để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và sau khi mang theo tấm lót ngồi, thầy ấy đi sát sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đi đến Đền Cāpāla và ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Thầy Ānanda, sau khi cúi chào đức Thế Tôn, cũng ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda:

“Thật đáng thích Vesālī, này Ānanda. thật đáng thích Đền Udena, thật đáng thích Đền Gotamaka, thật đáng thích Đền Sattamba, thật đáng thích Đền Bahuputta, thật đáng thích Đền Sārandada, thật đáng thích Đền Cāpāla. Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, làm chúng thành một cỗ-xe (tu thừa), làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, thực hành bản thân mình trong chúng, và hoàn thiện chúng

tròn đầy, và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này. Nay Ānanda, Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, đã làm chúng thành một cỗ-xe, đã làm chúng thành một căn-bản, ổn định chúng, đã thực hành bản thân mình trong chúng, và đã hoàn thiện chúng tròn đầy, và nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”<sup>204</sup>

Nhưng mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gọi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó. Thầy ấy đã không thỉnh cầu đức Thế Tôn như vậy: “Thưa Thế Tôn, kính mong đức Thế Tôn sống một đại kiếp! Kính mong bậc Phúc Lành sống một đại kiếp, vì phúc lợi của đại chúng, vì hạnh phúc của đại chúng, vì lòng bi mẫn dành cho thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.” Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như vậy.<sup>205</sup>

Lần thứ hai ... Lần thứ ba đức Thế Tôn nói lại với thầy Ānanda: “Thật đáng thích Vesālī, này Ānanda.... Này Ānanda, ai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông ... và nếu người đó muốn, người đó có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.... Nếu Như Lai muốn, Như Lai có thể sống hết một đại kiếp hay sống hết phần còn lại của đại kiếp này.”

Nhưng cũng vậy, mặc dù thầy Ānanda đã được đức Thế Tôn cho tín-hiệu rõ ràng như vậy, mặc dù thầy đã được đức Thế Tôn gọi-ý rõ ràng như vậy, thầy ấy vẫn không thể thấu hiểu (thâm nhập) điều đó ... Tâm trí của thầy ấy đã bị che ám bởi Ma Vương đến mức như vậy.

Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda: “Giờ thầy có thể đi đâu tùy ý, này Ānanda”. (tức không cần phải ngồi bên cạnh hay hầu cận Phật lúc này nữa)

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình, thầy ấy đi đến ngồi dưới một góc cây gòn đó. Rồi, không lâu sau khi thầy Ānanda đi, Ma Vương Ác Ma đã đến gặp đức Thế Tôn và nói với đức Thế Tôn:

- “Này bậc Thế Tôn, vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát-niết-bàn! (chúng Niết-bàn cuối cùng). Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát-niết-bàn! Giờ là lúc Bát-niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này:<sup>206</sup> ‘Này Ma Vương Ác Ma, ta sẽ không Bát-niết-bàn cho tới khi ta có *những đệ tử Tỳ-kheo* là những người hiền trí, có kỹ luật, sự tự-tin, sự an-toàn khỏi sự trói-buộc (của luân hồi), có học hiểu, những người hộ trì Giáo Pháp, tu tập đúng theo Giáo Pháp, tu tập theo cách phù hợp, dẫn dắt bản thân hành xử phù hợp đúng đắn; cho tới khi họ đã học được giáo lý của vị Sư Thầy và có thể giải thích nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, và làm rõ nó; cho tới khi họ có thể bác bỏ những giáo lý (tà giáo) khác bằng lý lẽ chính đáng và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc (như trị độc tham, sân, si ...).’ Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo là những người hiền trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát-niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát-niết-bàn! Giờ là lúc Bát-niết-bàn của bậc Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: ‘Này Ma Vương Ác Ma, ta sẽ không Bát-niết-bàn cho tới khi ta có *những đệ tử Tỳ-kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ* là những người hiền trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc.’ Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, bậc Thế Tôn đã có được rồi những Tỳ-kheo ni ... những đệ tử tại gia nam ... những đệ tử tại gia nữ là những người hiền trí ... và họ có thể chỉ dạy Giáo Pháp mang tính giải độc. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát-niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành

hãy Bát-niết-bàn! Giờ là lúc Bát-niết-bàn của đức Thế Tôn!

- “Này bậc Thế Tôn, xưa Thế Tôn đã từng tuyên bố lời này: ‘Này Ma Vương Ác Ma, ta sẽ không Bát-niết-bàn cho tới khi đời-sống tâm-linh của ta đã thành công và phát đạt, được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người.’<sup>207</sup> Nhưng bây giờ, này bậc Thế Tôn, đời-sống tâm-linh của đức Thế Tôn đã thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, truyền rộng, được tuyên thuyết một cách hay khéo trong khắp những thiên thần và loài người. Vậy bây giờ bậc Thế Tôn hãy Bát-niết-bàn! Giờ bậc Phúc Lành hãy Bát-niết-bàn! Giờ là lúc Bát-niết-bàn của đức Thế Tôn!”

Sau khi Ma Vương nói ra những điều này, đức Thế Tôn đã nói với Ma Vương như vậy: “Yên chí đi, này Ác Ma. Cũng không lâu nữa là tới lúc Bát-niết-bàn của Như Lai. Trong vòng ba tháng tới Như Lai sẽ Bát-niết-bàn.”

Rồi đức Thế Tôn, ở Đền Cāpāla đó, một cách chánh-niệm và rõ-biết, đã từ bỏ sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng).<sup>208</sup> Và sau khi đức Thế Tôn đã từ bỏ nguồn tạo-tác sự sống của mình, một trận động đất đã xảy ra, làm kinh sợ và hoảng sợ, và sấm sét làm rung chuyển khắp bầu trời.

Rồi, sau khi đã hiểu được ý nghĩa của sự kiện này, đức Thế Tôn trong lúc đó đã thốt ra lời cảm hứng này: (*tạm dịch*)

“Khi so sánh ‘sự bất-khả-so’ với sự tiếp tục hiện-hữu,  
Bậc sa-môn đã từ bỏ sự tạo-tác (và duy trì) sự sống.  
Hạnh phúc nội tâm, trong thiền định,  
Bậc ấy hủy bỏ sự tiếp tục hiện-hữu,  
Như cởi bỏ áo giáp đang mang mặc.”<sup>209</sup>

(SN 51:10)

## NHÓM 2

### NHÓM ‘RUNG CHUYỀN LÂU ĐÀI’

(*Pāsādakampana-vagga*)

#### 11 (1) Trước Đây...

Ở Sāvathī.

“Này các Tỷ kheo, trước khi ta giác-ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, điều này đã xảy đến với ta: ‘Giờ cái gì là nguyên nhân (nhân) và điều kiện (duyên) để tu tập bốn cơ-sở thần thông?’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Ở đây, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự *mong-muốn* của ta sẽ không quá xiu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.<sup>210</sup>

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự *nỗ-lực* của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(iii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy *tâm* của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(iii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy *sự điều-tra* của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co-ép bên trong cũng không bị phân-tán bên ngoài.” Và người đó sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(1) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như:<sup>211</sup> “Biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân; người đó hiện hình và biến hình; người đó đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi trên chân; người đó dùng tay mình chạm gõ vào mặt trăng và mặt trời quá uy lực và lớn mạnh như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā”.

(2) “ ‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Với yếu-tố tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và cõi người, ở xa và ở gần*”.

(3) “ ‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Có thể *hiểu được tâm của những chúng sinh khác và người khác, sau khi đã lấy tâm mình bao trùm tâm của họ (tha tâm thông)*, hay không? Người đó hiểu được một cái tâm có tham là tâm có tham, một tâm không có tham là tâm không có tham; một tâm có sân là tâm có sân; một tâm không có sân là tâm không có sân; một tâm có si là tâm có si; một tâm không có si là tâm không có si; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm cao thượng là cao thượng, và tâm không cao thượng là không cao thượng; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất, chưa vô thượng) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát”.

(4) “ ‘Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Có thể *nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình (túc mạng minh)*; đó là: một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (người đó nhớ rõ) ‘Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp



tục... ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ ... và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.’, hay không? Người đó nhớ lại những kiếp quá khứ của mình với những cách thức và chi tiết của chúng”.

(5) “ Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo: “Với yếu-tố với mắt thiên-thánh (*thiên nhãn minh*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, *nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra*, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy: ‘Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp thủ cách-nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách-nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách-nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách-nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh trả giá (sống, chết, tái sinh) tùy theo những hành động của mình như vậy”.

(6) “ Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự

giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 51:11)

## 12 (2) Có Kết Quả Lớn

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

“Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: “Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài.” Và người đó sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) ... người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng. (như kinh kể trên)

(1) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.... (tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh kể trên)

(6) “Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong

kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 51:12)

### 13 (3) Sự Định-Tâm Nhờ Mong-Muốn...

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *sự mong-muốn* (tâm nguyện),<sup>212</sup> đây được gọi là *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn*. (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần). (ii) Người đó khởi tạo mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phẩn-đầu (tinh cần). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành).<sup>213</sup> Như vậy *sự mong-muốn* này, và sự định-tâm này nhờ những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành): đây được gọi là cơ-sở thân thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.

(2) “Nếu một Tỳ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *sự nỗ-lực* (tinh tấn), đây được gọi là *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực*. (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó

tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phân-đầu (tinh cần). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Như vậy *sự nỗ-lực* này, và sự định-tâm này nhờ những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành): đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu.

(3) “Nếu một Tỷ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *tâm*, đây được gọi là *sự định-tâm nhờ tâm*.<sup>214</sup> (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phân-đầu (tinh cần). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Như vậy *tâm* này, và sự định-tâm này nhờ những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành): đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *tâm* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu.

(4) “Nếu một Tỷ kheo đạt được sự định-tâm, đạt được sự nhất-điểm của tâm dựa trên *sự điều-tra* (trạch pháp), đây được gọi là *sự định-tâm nhờ sự điều-tra*.<sup>215</sup> (i) Người đó khởi tạo mong muốn *không khởi sinh* những trạng thái bất thiện xấu ác chưa khởi sinh ... (ii) ... mong muốn *trừ bỏ* những trạng thái bất thiện xấu ác đã khởi sinh ... (iii) ... mong muốn *khởi sinh* những trạng thái thiện lành chưa khởi sinh ... (iv) ... mong muốn *duy trì* những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, để chúng không bị sa sút, được gia tăng, tăng trưởng, và hoàn thiện nhờ tu tập; người đó tạo sự cố-gắng, phát khởi sự nỗ-lực (tinh tấn), ứng dụng tâm, và phân-đầu (tinh cần). Những đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Những đây được gọi là những sự

tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Như vậy sự điều-tra này, và sự định-tâm này nhờ những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành): đây được gọi là cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự điều-tra và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu.

(SN 51:13)

#### 14 (4) Mục-Kiền-Liên

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn phía Đông, trong Lâu Đài của mẹ của Migāra (tức là đại nữ thí chủ Visākkhā). Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang ở tầng trệt của lâu đài cảm thấy bất an, bồn chồn, bản thân vô tích sự, miệng lưỡi cà lăm, lặt cặp khi nói chuyện, tâm trí rối bời, không có sự rõ-biết, không định-tâm, trí óc phân tán, các căn lơ lửng.<sup>216</sup>

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ngài Mục-kiền-liên như vậy:

“Này Mục-kiền-liên, những huynh đệ trong đời sống tâm linh, đang ở tầng trệt của Lâu Đài của mẹ của Migāra, đang thấy bất an ... các căn lơ lửng. Này, Mục-kiền-liên, hãy đến khuấy động “một cảm-nhận về sự cấp-bách” trong những Tỳ kheo đó.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Đại Mục-kiền-liên đáp lại. Rồi thầy biểu diễn một màn thần-thông dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra. Lúc đó những Tỳ kheo đó, bị giật mình và hoảng sợ, đứng qua một bên và nói: “Đúng thực kỳ diệu, này các thầy! Đúng thực kỳ lạ, này các thầy! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.”

Lúc đó đức Thế Tôn đến chỗ các Tỳ kheo và nói với họ:

“Này các Tỳ kheo, tại sao các thầy lại đứng qua một bên, giật

mình và hoảng sợ như vậy?”

“Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật kỳ lạ, thưa Thế Tôn! Không có gió, và Lâu Đài này của mẹ Migāra có nền móng sâu và được xây một cách chắc chắn, bất dịch, bất động; nhưng nó lại bị rung chuyển, bị chấn động, và bị rung động.”

“Này các Tỳ kheo, do Tỳ kheo Mục-kiền-liên muốn khuấy động “một cảm-nhận về sự cấp-bách” bên trong các thầy, nên thầy ấy đã dùng ngón chân làm rung chuyển, chấn động, và rung động Lâu Đài của mẹ của Migāra.<sup>217</sup> Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, bằng cách đã tu tập những thứ gì mà Tỳ kheo Mục-kiền-liên trở thành uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nương nhờ vào đức Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe được từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói. Chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc), cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự *mong-muốn* ... *sự điều-tra* của ta sẽ không quá xiù cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài’ ... Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đã trở thành uy lực và uy

dũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*) như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.... (*tiếp tục các loại thần thần thông (2)-(5) như kinh 51:11 ở trên*)

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này, cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 51:14)

## 15 (5) Bà-la-môn Uṇṇābha

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài Ānanda đang sống ở Kosambī, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Lúc đó có bà-la-môn tên Uṇṇābha đến gặp thầy Ānanda và chào hỏi với thầy ấy.<sup>218</sup> Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Thầy Ānanda, vì mục đích gì mà đi sống đời sống tâm linh theo/dưới sa-môn Cò-đàm như vậy?”

“Đó là vì mục đích dẹp bỏ tham-muốn nên mới đi sống đời sống tâm linh dưới đức Thế Tôn.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, có con-đường nào (đạo), có đường-đi nào dẫn tới sự dẹp bỏ tham-muốn?”

“Này bà-la-môn, có một con-đường, có một đường-đi dẫn tới sự

đẹp bỏ tham-muốn.”

“Nhưng, Thầy Ānanda, cái gì là con-đường, cái gì là đường-đi dẫn tới sự đẹp bỏ tham-muốn?”

“Ở đây, này bà-la-môn, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu.”

“Thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu đó là vô cùng, không có kết cục; (tức là vô lý, tu hoài cũng chẳng xong).<sup>219</sup> Vì chẳng thể nào một người có thể đẹp bỏ tham-muốn bằng sự mong-muốn [tham muốn] nói trên.”

“Vậy thì, này bà-la-môn, tôi sẽ hỏi ông về vấn đề này. Cứ trả lời nếu ông thấy đúng. Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trước đó ông đã từng có *mong-muốn* ‘Ta sẽ đi tới khu vườn’, và sau khi ông đã đến khu vườn, có phải mong-muốn ban đầu [trương ứng] đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng phát khởi *sự nỗ-lực*, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới khu vườn’, và sau khi ông đã đến khu vườn, có phải sự nỗ-lực ban đầu đó lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Ông đã từng *quyết định tâm mình*, nghĩ rằng ‘Ta sẽ đi tới khu vườn’, và sau khi ông đã đến khu vườn, có phải sự quyết-tâm<sup>220</sup> ban đầu đó lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Trước đó ông đã từng có *sự điều-tra* để biết ‘Liệu ta có nên đi đến khu vườn hay không?’, và sau khi ông đã đến khu vườn, có phải sự



điều-tra ban đầu đó đã lặn mất?”

“Đúng rồi thầy.”

“Điều tôi đã nói cũng tương tự như vậy, này bà-la-môn, với một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt hết ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc hiện-hữu, và đã được hoàn toàn giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng. Vị đó trước đây đã từng có *mong-muốn* chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị ấy đã đạt tới A-la-hán, sự mong-muốn ban đầu đó đã lặn mất (sau khi đã đạt tới mục-tiêu). Vị đó trước đây đã từng phát khởi *sự nỗ-lực (tinh tấn)* để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự nỗ-lực (tinh tấn) ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng *quyết định tâm mình* để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự quyết-tâm ban đầu đó đã lặn mất. Vị đó trước đây đã từng có *sự điều-tra* (trạch pháp) để chứng đắc thánh quả A-la-hán, và sau khi vị đó đã đạt tới A-la-hán, sự điều-tra ban đầu đó đã lặn mất.<sup>221</sup>

“Này bà-la-môn, ông nghĩ sao, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục hay là vô cùng?”

“Chắc chắn có, Thầy Ānanda, trong trường hợp như vậy thì đường tu là có kết cục, không phải là vô cùng. Thật kỳ diệu! Thầy Ānanda! Thật tuyệt vời! Thầy Ānanda! ... Kể từ hôm nay mong Thầy Ānanda ghi nhớ con là một đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 51:15)

## 16 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đã có được đại thân-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ đã có tu tập và tu

dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ có được đại thần-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* có được đại thần-thông và đại uy-lực, thì tất cả họ *đã* có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Nay bà-la-môn, ở đây, một Tỳ kheo tu tập (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại có được đại thần-thông và đại uy lực, thì tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này.”

(SN 51:16)

## 17 (7) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *quá khứ* đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*), như: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ *đã* tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *tương lai* sẽ đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ *có* tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong *hiện tại* đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều

thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā— thì do tất cả họ đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ ... trong tương lai ... trong hiện tại đạt được và dụng được những loại thần-thông khác nhau ... thì do tất cả họ có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này.”

(SN 51:17)

## 18 (8) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.

“Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã có tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, nên người đó, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm,

ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 51:18)

## 19 (9) Một Giáo Lý

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy thần-thông, các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông, sự tu-tập các cơ-sở thần thông, và con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thần-thông? Ở đây, một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā. Đây được gọi là thần-thông.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cơ-sở thần thông? Đó chính là con-đường và sự tu-tập để dẫn tới đạt được thần-thông, dẫn tới đắc được thần-thông.<sup>222</sup> Đây được gọi là cơ-sở thần thông.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự tu-tập các cơ-sở thần thông? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự tu tập các cơ-sở thần thông? Đó chính là Bát Thánh Đạo, đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự tu tập các

cơ-sở tiếp xúc Thế Tôn.”

(SN 51:19)

## 20 (10) Phân Tích

“Này các Tỳ kheo, bốn cơ-sở thần thông này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào bốn cơ-sở thần thông được tu tập và tu dưỡng để chúng mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đấu (tinh cần hành), (người đó) nghĩ rằng: ‘Nhu vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài.’ Và người đó sống nhận thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

(ii) “Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có sự định-tâm nhờ sự *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đấu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

### [i. Phân tích cơ-sở là sự *mong-muốn*]

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn quá xiu? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự mong-muốn quá xiu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn quá bốc? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự bất an, có dính kèm sự bất an. Đây được gọi là sự mong-muốn quá bốc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn bị co ép (kìm hãm) ở bên trong? Đó là sự mong-muốn có đi kèm sự (chướng ngại) đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm), có dính sự đờ-dẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là sự mong-muốn bị co ép bên trong.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự mong-muốn cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy động, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Đây được gọi là sự mong-muốn bị phân tán ở bên ngoài.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo sống (an trú, thiền trú) nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, sự nhận-thức về sau và trước được nắm-bắt một cách khéo léo bởi một Tỳ kheo, được chú-tâm (tác ý) một cách khéo léo, được xem-xét một cách khéo léo, được thâm-nhập bằng trí-tuệ. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo sống nhận-thức sau và trước: ‘Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy’

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo sống nhận-thức dưới và trên: ‘Dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy, dưới cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo quán xét lại hết thân này từ gót chân lên đỉnh đầu, từ đỉnh đầu xuống gót chân, được bao bọc trong da, chứa đầy những thứ không-sạch ô-úe: ‘Trong thân này có: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiêu.’ Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo sống nhận-thức ‘Dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy, dưới cũng vậy.’

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo sống nhận thức đêm và ngày: ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy’? Ở đây, này các Tỳ kheo, ban đêm một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành) với cùng những tính-chất, cùng những tướng-nét, cùng những phương-diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban ngày. Hay nói khác, vào ban ngày người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự *mong-muốn* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành) với cùng những tính-chất, cùng những tướng-nét, cùng những phương-diện như người đó tu tập cơ-sở thần thông đó vào ban đêm. Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo sống nhận-thức ‘Ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.’

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, tu tập cái tâm thẩm nhuần sự tỏa-sáng? Ở đây, này các Tỳ kheo, nhận-thức về ánh sáng được khéo nắm-bắt bởi một Tỳ kheo; sự nhận-thức về ngày được khéo giải-quyết.<sup>223</sup>

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, tu tập cái tâm thẩm nhuần sự tỏa-sáng.

### **[ii. Phân tích cơ-sở là sự nỗ-lực]**

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực quá xù? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự nỗ-lực quá xù.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực quá bốc? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự bất an, có dính kèm sự bất an. Đây được gọi là sự nỗ-lực quá bốc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực bị co ép ở bên trong? Đó là sự nỗ-lực có đi kèm sự (chướng ngại) đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm), có dính sự đờ-dẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là sự nỗ-lực bị co

ép bên trong.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nỗ-lực bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự nỗ-lực cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy động, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Đây được gọi là sự nỗ-lực bị phân tán ở bên ngoài....

*[Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự nỗ-lực”.]*

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

### **[iii. Phân tích cơ-sở là tâm]**

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm quá xiu? Đó là tâm có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là tâm quá xiu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm quá bốc? Đó là tâm có đi kèm sự bất an, có dính kèm sự bất an. Đây được gọi là tâm quá bốc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm bị co ép bên trong? Đó là tâm có đi kèm sự (chướng ngại) đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm), có dính sự đờ-dẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là tâm bị co ép bên trong.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là tâm bị phân tán ở bên ngoài? Đó là tâm cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy động, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Đây được gọi là tâm bị phân tán ở bên ngoài....

*[Tiếp tục giống đoạn [i.] ở trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “tâm”.]*

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

### **[iv. Phân tích cơ-sở là sự điều-tra]**



“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra quá xiu? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự lười chán biếng nhác, có dính sự lười chán biếng nhác. Đây được gọi là sự điều-tra quá xiu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra quá bốc? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự bất an, có dính kèm sự bất an. Đây được gọi là sự điều-tra quá bốc.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra bị co ép ở bên trong? Đó là sự điều-tra có đi kèm sự (chướng ngại) đờ-dẫn và buồn-ngủ (hôn trầm), có dính sự đờ-dẫn và buồn ngủ. Đây được gọi là sự điều-tra bị co ép ở bên trong.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự điều-tra bị phân tán ở bên ngoài? Đó là sự điều-tra cứ bị phân tán ở bên ngoài, cứ luôn bị quấy động, bởi cứ chạy theo năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc). Đây được gọi là sự điều-tra bị phân tán ở bên ngoài....

*[Tiếp tục giống đoạn [i.] kể trên chỉ thay chữ “sự mong-muốn” bằng chữ “sự điều-tra”.]*

“Chính theo cách này là một Tỳ kheo, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, tu tập cái tâm thẩm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì chúng sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo sẽ đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau: biến một thân thành nhiều thân ... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā....

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm

của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

*[Sáu loại hiểu-biết (sáu trí) cũng được lặp lại tương tự như kinh 51:11 dẫn đầu chương này.]*

**(SN 51:20)**

### NHÓM 3

## NHÓM ‘HÒN SẮT’

(*Ayogula-vagga*)

### 21 (1) Con Đường

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, ý nghĩ này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là con-đường [đạo] và sự tu-tập để tu tập phát triển bốn cơ-sở thần thông.’ Rồi điều này đã xảy đến với ta: ‘Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ tâm ... (iv) nhờ sự điều tra (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành). Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, người đó tu tập cái tâm thâm nhuần sự tỏa-sáng.

“Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā....

“Khi bốn cơ-sở thần thông đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì một Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

[*Sáu loại hiểu-biết (sáu trí) cũng được lặp lại tương tự như kinh 51:11 dẫn đầu chương này.*]

(SN 51:21)

## 22 (2) Hòn Sắt

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời [brahmā] bằng thần-thông với một thân được làm bằng tâm?”<sup>224</sup>

“Này Ānanda, ta có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân được làm bằng tâm”

“Nhưng, thưa Thế Tôn, đức Thế Tôn có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn (tứ đại: đất, nước, gió, lửa)?”<sup>225</sup>

“Này Ānanda, ta có nhớ lại mình đã từng đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn.”

“Vậy là đức Thế Tôn có khả năng<sup>226</sup> đi đến cõi trời bằng thần-thông với một thân được làm bằng tâm, và đức Thế Tôn đã nhớ lại mình đã đi đến cõi trời bằng thần-thông với thân này gồm bốn yếu-tố lớn: điều đó thật kỳ diệu và tuyệt vời cho đức Thế Tôn, thưa Thế Tôn.”

“Này Ānanda, những bậc Như Lai là kỳ diệu và sở hữu những phẩm chất kỳ diệu; những bậc Như Lai là tuyệt vời và sở hữu những phẩm chất tuyệt vời.

(a) “Này Ānanda, khi Như Lai đắm chìm (thiền định) thân trong tâm và tâm trong thân,<sup>227</sup> và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội (nhẹ nổi, trội lên) đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai trở nên càng nổi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng (như sáng lên trong bóng tối).

“Này Ānanda, giống như một hòn sắt được nung đỏ cả ngày, trở

thành nổi trội (dễ nổi lên), dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng (đổ rực); cũng giống như vậy, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai sẽ càng nổi trội, dễ uốn nắn, dễ điều khiển, và tỏa sáng.

(b) “Này Ānanda, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bồng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.

“Này Ānanda, giống như một nắm sợi bông vải hoặc bông gòn, nhẹ tênh, được nâng lên bởi gió, sẽ bay khỏi mặt đất lên không trung một cách không khó khăn gì; cũng giống như vậy, khi Như Lai đắm chìm thân trong tâm và tâm trong thân, và khi Như Lai an trú sau khi đã chứng nhập trong một nhận-thức đầy hạnh phúc và một nhận-thức nổi trội đối với thân, thì trong thời đó thân của Như Lai phi bồng từ dưới đất lên không trung một cách không khó khăn gì. Như Lai đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(SN 51:22)

### 23 (3) Một Tỳ Kheo

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... nhờ sự nỗ-lực (tinh tấn) ... (iii)

... nhờ *tâm* ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, chính do một Tỳ kheo đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông, cho nên người đó, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 51:23)

## 24 (4) Bản Kinh Ngăn Gọn

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.”

(SN 51:24)

## 25 (5) Những Thánh Quả (I)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phân-đầu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán), hoặc nếu còn chút tàn dư của sự dính-chấp, thì thánh quả Bất-lai.”

(SN 51:25)

## 26 (6) Những Thánh Quả (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn cơ-sở thần thông này. Bốn đó là gì? Ở đây, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn) ... (ii) ... nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... nhờ *tâm* ... (iv) nhờ *sự điều tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-y của sự phân-đầu (tinh cần hành). Đây là bốn cơ-sở thần thông.

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi?

“(i) Người tu sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *ngay trong kiếp này*. (ii) Nếu người đó không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng sớm ngay trong kiếp này, thì sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *ngay lúc chết*. (iii) Nếu người đó không chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay lúc chết, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử) người đó là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau* ... (iv) ... là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa sau kiếp sau* ... (v) ... là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm* ... (vi) là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*; ... (vii) là người đang hướng thượng lưu, *hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cúu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).

“Này các Tỳ kheo, khi bốn cơ-sở thần thông này được tu tập và tu dưỡng, thì có thể trông đợi bảy thánh quả và ích lợi như vậy.”

(SN 51:26)

## 27 (7) Ānanda (I)

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự tu-tập phát triển các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật trả lời y hệt như trong kinh **SN 51:19** ở trên.]

(SN 51:27)

## 28 (8) Ānanda (2)

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Ānanda:

“Này Ānanda, cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự tu-tập phát triển các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật tự trả lời y hệt như trong kinh **SN 51:19** ở trên.]

(SN 51:28)

## 29 (9) Một Số Tỷ Kheo (1)

Lúc đó có một số Tỷ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (để tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự tu-tập phát triển các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”



[Phật trả lời y hết như trong kinh **SN 51:19** ở trên.]

(SN 51:29)

### 30 (10) Một Số Tỳ Kheo (2)

Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy:

“Thưa Thế Tôn, giờ cái gì là thần-thông [năng lực tâm linh]? Cái gì là các cơ-sở (đề tu tạo) thần-thông? Cái gì là sự tu-tập phát triển các cơ-sở thần thông? Cái gì là con-đường dẫn tới sự tu-tập các cơ-sở thần thông?”

[Phật trả lời y hết như trong kinh **SN 51:19** ở trên.]

(SN 51:30)

### 31 (11) Mục-kiền-liên

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Tỳ kheo Mục-kiền-liên trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ....”

“Chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Tỳ kheo Mục-kiền-liên đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn (ý muốn)* và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đấu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ

rằng: “Nhu vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xiu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co ép bên trong, cũng không bị phân tán bên ngoài. Và thầy ấy sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, thầy ấy tu tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“(ii) Thầy ấy tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* ... (iv) *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phấn-đấu (tinh cần hành), (thầy ấy) nghĩ rằng: ‘Nhu vậy sự nỗ-lực của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài ...’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, thầy ấy u tập cái tâm thấm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này nên thầy ấy đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này nên thầy ấy đã đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā....

“Này các Tỳ kheo, chính do Mục-kiền-liên đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này cho nên thầy ấy, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này thầy ấy chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”<sup>228</sup>

(SN 51:31)

### 32 (12) Như Lai

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, bằng cách đã tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Như Lai trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn ....”

“Chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông nên Như Lai đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) Như Lai đã tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (*ý muốn*) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành), (Như Lai) nghĩ rằng: “Như vậy sự mong-muốn của ta sẽ không quá xiu [yếu, lỏng] cũng không quá bốc [mạnh, căng]; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài.” Và Như Lai sống nhận thức sau và trước: “Trước vậy, sau cũng vậy; sau vậy, trước cũng vậy; dưới vậy, trên cũng vậy; trên vậy dưới cũng vậy; ngày vậy, đêm cũng vậy; đêm vậy, ngày cũng vậy.” Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, Như Lai tu tập cái tâm thâm nhuần sự tỏa-sáng.

“(ii) Như Lai tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... *sự định-tâm nhờ tâm* ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành), (Như Lai) nghĩ rằng: ‘Như vậy sự nỗ-lực của ta sẽ không quá xiu cũng không quá bốc; và nó sẽ không bị co ép bên trong cũng không bị phân tán bên ngoài ...’ Như vậy, với một cái tâm cởi mở và không bị che bọc, Như Lai tu tập cái tâm thâm nhuần sự tỏa-sáng.

“Này các Tỳ kheo, chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này nên Như Lai đã trở nên thật uy lực và uy dũng như vậy.

“Này các Tỳ kheo, chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này nên Như Lai đã đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau, như: biến một thân thành nhiều thân; biến nhiều thân thành một thân .... vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā....

“Này các Tỳ kheo, chính do Như Lai đã tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông này cho nên Như Lai, bằng sự tiêu-diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này Như Lai chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

**(SN 51:32)**

**NHÓM 4**  
**NHÓM ‘SÔNG HẰNG’**  
**LẬP LẠI & TÓM LƯỢC**  
*(Gaṅgā-Peyyāla-vagga)*

[Theo mẫu ‘Sự Tách-Ly...’]

**33 (1) — 44 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...**

“Này các Tỷ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông; cũng giống như vậy, một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

“Và, này các Tỷ kheo, theo cách nào một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn? Ở đây, này các Tỷ kheo, (i) một Tỷ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự mong-muốn* (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được sự định-tâm nhờ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... sự định-tâm nhờ *tâm* ... (iv) ... sự định-tâm nhờ *sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu (tinh cần hành).

“Này các Tỷ kheo, chính theo cách này là một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng bốn cơ-sở thần thông để cho người đó đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[Các kinh còn lại của **NHÓM** này được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:92—102.**]

**(SN 51:34—44)**

Sáu đổ ra hướng đông

Và sáu đồ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

**NHÓM 5**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**45 (1) — 54 (10) Như Lai...**

[Tất cả các kinh được lập lại, theo cách bốn cơ-sở thân thông, một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:139–148.**]

(SN 51:45–54)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 6**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**55 (1) — 66 (12) Khó Nhọc...**

[*Tất cả kinh của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149—160.*]

(SN 51:55—66)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Rồng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.



**NHÓM 7**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**67 (1) — 76 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[*Tất cả các kinh đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:161–170.*]

(SN 51:67–76)

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Cắn Cối, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối, Các Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm-Khát.

## NHÓM 8

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LỬ’

(Ogha-vagga)

#### 77 (1) — 85 (9) Sự Tìm Kiếm...

[Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:171–179.**]

(SN 51:77–85)

#### 86 (10) Những Gong Cùm Cao Hơn...

- “Này các Tỳ kheo, có năm gong-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muốn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muốn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gong-cùm cao hơn. Bốn cơ-sở thần thông (tứ thần túc) được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gong-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) một Tỳ kheo tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự mong-muốn* (ý muốn) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành). (ii) Người đó tu tập cơ-sở thần thông vốn có-được *sự định-tâm nhờ sự nỗ-lực* (tinh tấn) ... (iii) ... *sự định-tâm nhờ tâm* ... (iv) ... *sự định-tâm nhờ sự điều-tra* (trạch pháp) và những sự tạo-tác cố-ý của sự phẩn-đầu (tinh cần hành).

“Bốn cơ-sở thần thông này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gong-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự dẹp-bỏ chúng.”

**(SN 51:78)**

Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.



## Chương 52

### **Liên Kết A-NẬU-LÂU-ĐÀ**

*(52 Anuruddha-saṃyutta)*

*(51 Tương ưng A-nậu-lâu-đà)*



## NHÓM 1

### NHÓM ‘MỘT MÌNH’

(*Rahogata-vagga*)

#### 1 (1) Một Mình (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó, trong khi thầy A-nậu-lâu-đà đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vậy:<sup>229</sup>

“Những ai bỏ lơ (lơ tâm, không tu tập) bốn nền-tảng chánh-niệm này là (coi như) đã bỏ lơ con-đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận (tu tập) bốn nền tảng chánh-niệm này là đảm nhận con-đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu-lâu-đà và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, bốn nền tảng chánh-niệm này được đảm nhận bởi một Tỳ kheo tới mức độ nào?”

[1] “Ồ đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát (thiền quán) bản chất *khởi-sinh* trong **THÂN** ở *bên-trong*; người đó sống quán sát bản chất *biến-diệt* trong thân ở *bên-trong*; người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong thân ở *bên-trong*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế gian.

- “Ồ đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát bản chất *khởi-sinh* trong thân ở *bên-ngoài*; người đó sống quán sát bản chất *biến-diệt*

trong thân ở *bên-ngoài*; người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong thân ở *bên-ngoài*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uru) đối với thế giới.

- “Ở đây, này đạo hữu, một Tỷ kheo sống quán sát bản chất *khởi-sinh* trong thân ở *bên-trong và bên-ngoài*; người đó sống quán sát bản chất *biến-diệt* trong thân ở *bên-trong và bên-ngoài*; người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong thân ở *bên-trong và bên-ngoài*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (uru) đối với thế giới.

“(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong đó. (ii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ không đáng chê-chán trong những thứ đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ không đáng chê-chán trong đó. (iii) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán và những thứ đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong đó. (iv) Nếu người đó muốn ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ không đáng chê-chán trong những thứ đáng chê-chán và những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ không đáng chê-chán trong đó. (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-chán và không đáng chê-chán, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.”<sup>230</sup>

[2] “Người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* ... bản chất *biến-diệt* ... bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong những **CẢM-GIÁC** ở *bên-trong* ... trong những cảm-giác ở *bên-ngoài* ... trong những cảm-giác ở *bên-trong và bên-ngoài*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.



“(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong đó. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-chán và không đáng chê-chán, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

[3] “Người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* ... bản chất *biến-diệt* ... bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong những **TÂM ở bên-trong** ... trong những tâm ở *bên-ngoài* ... trong những tâm ở *bên-trong* và *bên-ngoài*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong đó. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-chán và không đáng chê-chán, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

[4] “Người đó sống quán sát bản chất *khởi-sinh* ... bản chất *biến-diệt* ... bản chất *khởi-sinh* và *biến-diệt* trong những **NHỮNG HIỆN-TUỢNG ở bên-trong** ... trong những tâm ở *bên-ngoài* ... trong những tâm ở *bên-trong* và *bên-ngoài*—nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“(i) Nếu người đó muốn: ‘Ta sẽ an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó an trú nhận thức những thứ đáng chê-chán trong đó. (ii) ... (iii) ... (iv) ... (v) Nếu người đó muốn: ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-chán và không đáng chê-chán, ta sẽ an trú một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết’, thì người đó an trú trong đó một cách buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết.

“Này đạo hữu, chính theo cách này là bốn nền tảng chánh-niệm đã được đảm nhận bởi một Tỷ kheo.”

(SN 52:01)

## 2 (2) Một Minh (2)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó, trong khi Ngài A-nậu-lâu-đà [Anuruddha] đang ở một mình ở nơi ẩn cư, một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm thầy ấy như vậy:

“Những ai bỏ lơ (lơ tâm, không tu tập) bốn nền tảng chánh-niệm này là (coi như) đã bỏ lơ con-đường thánh đạo dẫn tới sự toàn toàn diệt-khổ. Những ai đảm nhận (tu tập) bốn nền tảng chánh-niệm này là đảm nhận con đường thánh đạo dẫn tới sự hoàn toàn diệt-khổ.”

Lúc đó có Ngài Đại Mục-kiền-liên, sau khi đã dùng tâm mình biết được sự quán chiếu trong tâm của thầy A-nậu-lâu-đà, đã nhanh chóng như một người khỏe mạnh co hay duỗi cánh tay, hiện ra trước mặt thầy A-nậu-lâu-đà và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, bốn nền tảng chánh-niệm này được đảm nhận bởi một Tỷ kheo tới mức độ nào?”

[1] “Ở đây, này đạo hữu, một Tỷ kheo sống quán sát **THÂN** trong thân ở *bên-trong*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát thân trong thân ở *bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới. Người đó sống quán sát thân trong thân ở *bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[2] “Người đó sống quán sát *những CẢM-GIÁC* trong những cảm-giác *ở bên-trong* ... quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác *ở bên-ngoài* ... quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác *ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[3] “Người đó sống quán sát **TÂM** trong tâm *ở bên-trong* ... quán sát tâm trong tâm *ở bên-ngoài* ... quán sát tâm trong tâm *ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

[4] “Người đó sống quán sát **NHỮNG HIỆN-TƯỢNG** trong những hiện-tượng *ở bên-trong* ... quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng *ở bên-ngoài* ... quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng *ở bên-trong và bên-ngoài*, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này đạo hữu, chính theo cách này là bốn nền tảng chánh-niệm đã được đảm nhận bởi một Tỳ kheo.”

(SN 52:02)

### 3 (3) *Bên Bờ Sông Sutanu*

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) bên bờ sông Sutanu. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?”

“Này các đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền

tầng chánh-niệm nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi sống quán sát **thân trong thân**, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Tôi sống quán sát những cảm-giác trong **những cảm-giác ... tâm trong tâm ... những hiện-tượng trong những hiện-tượng**, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn và sự buồn-phiền đối với thế giới.

“Này các đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền tầng chánh-niệm nên tôi đã chứng ngộ được sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, Này các đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền tầng chánh-niệm cho nên tôi đã trực-tiếp biết trạng thái thấp-kém là thấp-kém; tôi đã trực-tiếp biết trạng thái trung-bình là trung-bình; tôi đã trực-tiếp biết trạng thái siêu-xuất là siêu-xuất.”<sup>231</sup>

(SN 52:03)

#### 4 (4) Khu Rừng Gai Nhọn (1)

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) và Ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta), và Ngài Đại Mục-kiền-liên (Mahāmoggallāna) đang sống ở Sāketa, trong Khu Rừng Gai Nhọn (Kantakii). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất và thầy Đại Mục-kiền-liên ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi qua lại với thầy ấy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỷ kheo còn là bậc học-nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỷ kheo còn là bậc học-nhân nên chứng nhập và an trú trong bốn nền tầng chánh-niệm. Bốn đó là gì? Ở

đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... những *hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Một Tỳ kheo còn là bậc học nhân thì nên chứng nhập và an trú trong bốn nền tảng chánh-niệm này.”<sup>232</sup>

(SN 52:04)

## 5 (5) Khu Rừng Gai Nhọn (2)

Ở Sāketa.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà (Anuruddha):

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, cái gì là những thứ mà một Tỳ kheo đã là bậc vô-học nhân nên chứng nhập và an trú trong đó?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, một Tỳ kheo đã là bậc vô-học nhân nên chứng nhập và an trú trong bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... những *hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Một Tỳ kheo đã là bậc vô học nhân thì cũng nên chứng nhập và an trú trong bốn nền tảng chánh-niệm này.”

(SN 52:05)

## 6 (6) Khu Rừng Gai Nhọn (3)

Ở Sāketa.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Xá-lợi-phất mới nói với thầy

A-nậu-lâu-đà (Anuruddha):

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?”

“Này đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới.

“Này đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này đạo hữu, chính do tôi đã có tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên tôi trực-tiếp biết hệ một ngàn thế giới.”<sup>233</sup>

(SN 52:06)

## 7 (7) Sự Tiêu Diệt Dục-Vọng

Ở Sāvattihī.

Ở đó Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đã nói với các Tỷ kheo: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy A-nậu-lâu-đà đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỷ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-*

*giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Bốn nền tảng chánh-niệm này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt dục-vọng.”

(SN 52:07)

## 8 (8) Chòi Cây Salala

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvattthī (xá-vệ) trong căn chòi (làm bằng) cây *salala*. Ở đó thầy A-nậu-lâu-đà đã nói với các Tỳ kheo....

“Này các đạo hữu, sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông. Giờ giả sử có một đám người tới mang theo cuốc và giỏ đựng, trong đầu nghĩ: ‘Chúng ta sẽ làm (đào) cho sông Hằng này đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây’. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, liệu đám người đó có thể làm cho sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây được không?”

“Không, thưa đạo hữu. Vì lý do gì? Vì sông Hằng (tự hồi nào giờ) đã đổ về, nghiêng về, và chảy về phía đông, và không dễ gì làm cho nó đổ về, nghiêng về, và chảy về phía tây cho được. Đám người đó chỉ chuốc lấy sự mệt mỏi và bực tức mà thôi.”

“Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, khi một Tỳ kheo đang tu tập và tu dưỡng *bốn nền tảng chánh-niệm*, nếu vua chúa hay các quan thần, bạn bè hay đồng sự, bà con hay họ hàng có thỉnh dụ người đó nhận lấy của cải, họ nói rằng: ‘Này người tốt, sao cứ phải vướng víu với cái áo cà sa như vậy? Sao cứ đi lang thang với cái đầu trọc và bình bát ăn xin như vậy? Này, hãy trở lại đời sống thấp tục, sau đó mặc sức mà hưởng thụ của cải và làm những việc công đức’. Nhưng sự thực thì,

người đó không thể nào từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống trần tục. Vì lý do gì? Vì từ lâu giờ tâm của người đó đã đổ về, nghiêng về, và ngã về sự sống tách-ly (lánh trần). Như vậy, không thể nào người đó từ bỏ sự tu tập để quay lại đời sống trần tục.<sup>234</sup>

“Và, này các đạo hữu, theo cách nào một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng *bốn nền tảng chánh-niệm* này? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỷ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các đạo hữu, chính theo cách này là một Tỷ kheo tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm.”

(SN 52:08)

## 9 (9) *Tất Cả* (hay *Khu Vườn của cô Ambapālī*)

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong Khu Vườn của cô Ambapālī. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi nơi ẩn tu.... Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất mới nói với thầy A-nậu-lâu-đà như vậy:

“Này đạo hữu A-nậu-lâu-đà, các căn của thầy tĩnh lặng, da dẻ của thầy trong và sáng. Sự an trú nào Thầy A-nậu-lâu-đà dạo này thường an trú trong đó?”

“Này đạo hữu, dạo này tôi thường an trú với một cái tâm được khéo thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm. Bốn đó là gì? Ở đây, này đạo hữu, tôi thường sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi



đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này Tỳ kheo, này đạo hữu, ai đã là một bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu của mình, đã phá sạch những gông-cùm trói buộc sự hiện-hữu, người đã hoàn toàn được giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng, cũng thường an trú với một cái tâm khéo được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm.”

“Điều này là lợi lạc cho chúng tôi, thưa đạo hữu, điều này thực sự là lợi lạc cho chúng tôi, rằng chúng tôi đã trực tiếp nghe được lời tuyên bố đồng dạng từ chính Thầy A-nậu-lâu-đà như vậy.”

(SN 52:09)

## 10 (10) *Bệnh Yếu Gân Chết*

Trong một lần Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Người Mù, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gân chết. Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và nói với thầy ấy:

“Sự an trú nào Thầy A-nậu-lâu-đà thường an trú trong đó để cho những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu ám muội tâm của thầy?”

“Này các đạo hữu, chính do tôi an trú với một cái tâm đã khéo được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu ám muội tâm tôi. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, tôi sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

“Này các đạo hữu, chính do tôi an trú với một cái tâm đã khéo

được thiết lập trong bốn nền tảng chánh-niệm cho nên những cảm-giác đau đớn đã khởi sinh không ở lâu ám muội tâm tôi.”

**(SN 52:10)**

## NHÓM 2

### NHÓM ‘THỨ HAI’ (MỘT NGÀN)

(*Dutiya-vagga*)

#### 11 (1) Một Ngàn Đại Kiếp

Trong một lần có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó có một số Tỳ kheo đã đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà và chào hỏi qua lại với thầy. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy A-nậu-lâu-đà như vậy:

“Bằng cách tu tập và tu dưỡng những thứ gì mà Thầy A-nậu-lâu-đà đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp (đại tự trí)?”

“Này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Bốn đó là gì? Ở đây, này các đạo hữu, một Tỳ kheo sống quán sát *thân* trong thân ... những *cảm-giác* trong những cảm-giác ... *tâm* trong tâm ... *những hiện-tượng* trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

Này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi đã chứng ngộ sự lớn-lao của trí-biết trực tiếp như vậy. Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên tôi hồi nhớ được một ngàn đại kiếp.”

(SN 52:11)

## 12 (2) *Thần-Thông*

[Giống kinh kể trên, cho đến:]

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên tôi đạt được và dụng được nhiều loại thần-thông khác nhau (*thần thông biến hóa*), như: tôi biến một thân thành nhiều thân; tôi biến nhiều thân thành một thân .... Tôi vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā.”

(SN 52:12)

## 13 (3) *Tai Thiên Thánh*

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên, với tai thiên-thánh (*thiên nhĩ thông*), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi nghe được cả hai loại âm thanh, âm thanh cõi trời và âm thanh cõi người, âm thanh ở xa và ở gần.”

(SN 52:13)

## 14 (4) *Biết Rõ Tâm Khác*

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được những tâm của các chúng sinh khác và những người khác (*tha tâm thông*), sau khi đã dùng tâm của mình biết rõ [bao trùm] tâm của họ. Tôi hiểu một cái tâm có tham-dục là tâm có tham-dục ... một cái tâm chưa được giải-thoát là tâm chưa được giải-thoát.”

(SN 52:14)

## 15 (5) *Điều Có Thể*

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được điều có thể là có thể và điều không thể là không thể.”<sup>235</sup>

(SN 52:15)

### **16 (6) Sự Nhận Lãnh Nghiệp**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được nghiệp quả của quá khứ, tương lai, và hiện tại được nhận lãnh theo cách là tiềm năng và theo cách là nhân, đúng như nó thực là.”

(SN 52:16)

### **17 (7) Dẫn Tới Nơi Đâu**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được con-đường (đạo) dẫn tới bất cứ nơi nào (cảnh giới nào), đúng như nó thực là.”

(SN 52:17)

### **18 (8) Những Yếu Tố Đa Dạng Khác Nhau**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được thế giới với những yếu-tố đa dạng và khác nhau trong đó, đúng như nó thực là.”

(SN 52:18)

### **19 (9) Những Thành Phần Đa Dạng Khác Nhau**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được sự đa dạng khác nhau của những thành phần chúng sinh, đúng như nó thực là.”

(SN 52:19)

## **20 (10) Những Mức Độ Căn Cơ**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được những mức độ trưởng thành trong các căn tâm linh của những chúng sinh khác và những con người khác, đúng như nó thực là.”

(SN 52:20)

## **21 (11) Các Tầng Thiền Định...**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi hiểu được sự ô-nhiễm, sự thanh-lọc, và sự thoát-ra đối với các tầng thiền định (jhāna), những sự giải-thoát, những sự định-tâm, và những sự chứng-đắc, đúng như chúng thực là.”

(SN 52:21)

## **22 (12) Những Cõi Sống Kiếp Trước**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này nên tôi nhớ lại được những cõi sống của những kiếp trước, đó là, một lần sinh, hai lần sinh ... nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra.... Như vậy tôi nhớ lại nhiều cõi sống của những kiếp trước với những cách thức và chi tiết của chúng.”

(SN 52:22)

### **23 (13) Mắt Thiên Thánh**

... “Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên, với mắt thiên-thánh (thiên nhãn thông), đã được thanh lọc và vượt trên loài người, nên tôi nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... và tôi hiểu cách những chúng sinh trả giá tùy theo những nghiệp của mình.”

(SN 52:23)

### **24 (14) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm**

“... Thêm nữa, này các đạo hữu, chính do tôi đã tu tập và tu dưỡng bốn nền tảng chánh-niệm này cho nên, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này tôi chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 52:24)





## Chương 53

# Liên Kết THIỀN ĐỊNH

*(53 Jhāna-saṃyutta)*

*(53 Tương ứng Thiền Định)*



# NHÓM 1

## NHÓM ‘SÔNG HẰNG’

### LẬP LẠI & TÓM LƯỢC

(*Gaṅgā-Peyyāla-vagga*)

#### 1 (1) — 12 (12) Sông Hằng—Đổ Về Hướng Đông ...

Ở Sāvattthī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có bốn tầng thiền định (jhāna) này. Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó.’

(2) ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét.’

(3) ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc.’

(4) ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ),

và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sợ hãi hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả.’

Đây là bốn tầng thiền định.<sup>236</sup>

“Này các Tỳ kheo, như sông Hằng đổ về, nghiêng về, và chảy về hướng đông; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn tầng thiền định là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn tầng thiền định là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn?

Ở đây, một Tỳ kheo: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư.’ (*Y như các đoạn (1)-(5) ở trên*)

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là một Tỳ kheo tu tập và tu dưỡng bốn tầng thiền định là đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

[*Các kinh còn lại của NHÓM này được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:92–102.*]

(SN 53:01–44)

Sáu đổ ra hướng đông

Và sáu đổ ra đại dương.

Hai lần sáu là mười hai:

NHÓM kinh này được tụng lại như vậy.

**NHÓM 2**  
**NHÓM ‘CHUYÊN CÀN’**  
(*Appamāda-vagga*)

**13 (1) — 22 (10) Như Lai...**

[*Tất cả các kinh được lập lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:139—148.*]

(SN 53:13—22)

Như Lai, Dấu Chân, Đỉnh Mái Nhà,  
Rễ Cây, Gỗ Lõi, Hoa Lài, Vị Vua,  
Mặt Trăng Và Mặt Trời,  
Cùng Với Vải Là Thứ Mười.

**NHÓM 3**  
**NHÓM ‘VIỆC LÀM KHÓ NHỌC’**  
(*Balakaraṇīya-vagga*)

**23 (1) — 34 (12) Khó Nhọc...**

[*Tất cả kinh của NHÓM này đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:149—160.*]

(SN 53:23—34)

Khó Nhọc, Hạt Giống, và Ròng Naga,  
Cây Cối, Bình Nước, Đầu Hột Lúa,  
Trong Bầu Trời, và hai loại Mây Mưa,  
Con Thuyền, Nhà Khách, và Dòng Sông.

**NHÓM 4**  
**NHÓM ‘TÌM KIẾM’**  
(*Esanā-vagga*)

**35 (1) — 44 (10) Sự Tìm Kiếm...**

[Tất cả các kinh đều được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh **SN 45:161–170.**]

**(SN 53:35–44)**

Sự Tìm Kiếm, Sự ô-nhiễm, Những ô-nhiễm,  
Ba Loại Hiện Hữu, Ba Loại Khổ,  
Sự Cần Cỗi, Những Vết Nhiễm, và Những Sự Rắc Rối,  
Các Cảm Giác, Dục Vọng, và Sự Thèm Khát.

**NHÓM 5**  
**NHÓM ‘NHỮNG DÒNG LŨ’**  
(*Ogha-vagga*)

**45 (1) — 53 (9) Những Dòng Lũ...**

[*Tất cả được lặp lại một cách tương tự song hành với các kinh SN 45:171—179.*]

(SN 53:45—53)

**54 (10) Những Gong Cùm Cao hơn...**

- “Này các Tỳ kheo, có năm gông-cùm cao hơn (thượng phần kiết-sử). Năm đó là gì? Đó là, tham-muôn (tái sinh) cõi sắc giới, tham-muôn (tái sinh) cõi vô-sắc giới, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), sự bất-an, sự vô-minh. Đây là năm gông-cùm cao hơn. Bốn tầng thiền định được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.

“Bốn đó là gì? Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo: “Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất ... tầng thiền định thứ hai ... tầng thiền định thứ ba ... tầng thiền định thứ tư.” (*Y như các đoạn (1)—(5) của kinh 53:01 ở trên*)

“Bốn tầng thiền định này được tu tập để dẫn tới sự trực-tiếp biết năm gông-cùm cao hơn này, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu chúng, dẫn tới sự phá-sạch chúng, dẫn tới sự đẹp-bỏ chúng.”

(SN 53:54)



Những Dòng Lũ, Những Sự Trói Buộc,  
Những Sự Dính Chấp, Những Gút Mắc,  
Và Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn,  
Năm Dây Dục Lạc, Năm Chướng Ngại, Năm Uẩn,  
Năm Gông Cùm Thấp Hơn và Cao Hơn.



## Chương 54

# Liên Kết HƠI THỞ VÔ-RA

(54 *Ānāpāna-saṃyutta*)

(54 *Tương ưng Hơi Thở Vô-Ra*)



## NHÓM 1

### NHÓM ‘MỘT THỨ’

(*Ekadhamma-vagga*)

#### 1 (1) Một Thứ

Ở Sāvattthī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, có một thứ (một pháp, một giáo pháp), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Cái gì là một thứ đó? Đó là sự chánh-niệm (vào) hơi-thở. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.<sup>237</sup>

(1) “(i) Thở vô dài, người đó biết: ‘Ta thở vô dài’; hoặc thở ra dài, người đó biết: ‘Ta thở ra dài.’ (ii) Thở vô ngắn, người đó biết: ‘Ta thở vô ngắn’; hoặc thở ra ngắn, người đó biết: ‘Ta thở ra ngắn.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của thân, ta sẽ thở ra.’<sup>238</sup>

(2) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ), ta sẽ thở ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-

phúc (lạc), ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc, ta sẽ thờ ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng dịu sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ ra.’<sup>239</sup>

(3) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ vô’; Người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thờ ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ ra.’<sup>240</sup>

(4) “(i) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thờ ra.’ (ii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thờ ra.’ (iii) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chấm-dứt, ta sẽ thờ ra.’ (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ ra.’<sup>241</sup>

“Này các Tỳ kheo, chính sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao.”

(SN 54:01)

## 2 (2) Những Yếu Tố Giác Ngộ

“Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo tu tập (1) yếu-tố giác-ngộ (giác chi) là *sự chánh-niệm* có đi kèm bởi *sự chánh-niệm hơi-thở*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chầm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự *phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp) ... (7) yếu-tố giác-ngộ là sự *buông-xả* (xả) có đi kèm bởi sự chánh-niệm hơi-thở, dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chầm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và lợi ích lớn lao.”

(SN 54:02)

### 3 (3) Bản Kinh Ngẩn Gọn

“Này các Tỳ kheo, sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng theo cách này, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 kể trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy là sự chánh-niệm hơi-

thở được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao.”

(SN 54:03)

#### 4 (4) Những Thánh Quả (1)

[Tất cả y hệt bài kinh 54:03 kể trên, chỉ thêm đoạn sau đây:]

“Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-niệm hơi-thở đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong hai thánh quả: trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này, hoặc nếu vẫn còn tàn dư của sự dính-chấp, thì thánh quả Bất-lai.”

(SN 54:04)

#### 5 (5) Những Thánh Quả (2)

[Tất cả y hệt bài kinh 54:03 ở trên, chỉ thêm những đoạn sau đây:]

“Này các Tỳ kheo, khi sự chánh-niệm hơi-thở đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này, thì có thể trông đợi một trong bảy kết quả và ích lợi. Cái gì là bảy kết quả và ích lợi?

(i) “Người tu sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *ngay trong kiếp này*.

(ii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ trí-biết cuối cùng *vào lúc chết*.

(iii) “Nếu người tu không chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (Tịnh cư thiên, dành cho bậc



thánh Bất-lai).

(iv) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch*.

(v) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*.

(vi) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*.

(vii) “Nếu người tu không sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này ... hoặc không chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm, thì với sự hoàn toàn tiêu diệt năm gông-cùm thấp hơn, người đó là người đang hưởng thượng lưu, *hướng tới cõi trời cõi trời Akanitṭha* (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).”

(SN 54:05)

## 6 (6) Ariṭṭha

Ở Sāvattṭhī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có tu tập sự chánh-niệm hơi-thở, hay

không?”

Khi điều này được hỏi, Ngài Aritṭha đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, con có tu tập sự chánh-niệm hơi-thở.”

- “Nhưng, này Aritṭha, theo cách nào thầy tu tập sự chánh-niệm hơi-thở?”

“Thưa Thế Tôn, con đã dẹp bỏ *tham*-muốn giác quan (nhục dục) đối với những khoái-lạc giác quan (dục lạc) quá khứ; con đã loại bỏ *tham*-muốn giác quan đối với những khoái-lạc giác quan tương lai, và con đã hoàn toàn xua tan những nhận thức *sân*-giận đối với những thứ ở bên-trong và bên-ngoài. Chỉ có chánh-niệm, con thở vô; có chánh-niệm, con thở ra. Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con đã tu tập sự chánh-niệm hơi-thở.”

- “Này Aritṭha, đó là sự chánh-niệm hơi-thở, ta không nói đó không phải là sự chánh-niệm hơi-thở. Nhưng, sự tu chánh-niệm hơi-thở được hoàn thành một cách chi tiết ra sao, này Aritṭha, hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”<sup>242</sup>

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Aritṭha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

- “Và, này Aritṭha, theo cách nào sự tu chánh-niệm hơi-thở được hoàn thành một cách chi tiết? Ở đây, này Aritṭha, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tẻo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra .... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 ở trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô.’ Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

“Này Aritṭha, chính theo cách này sự tu chánh-niệm hơi-thở được

hoàn thành một cách chi tiết.”

(SN 54:06)

## 7 (7) Ngài Đại Kappina

Ở Sāvattihī.

Bấy giờ, lúc đó không xa chỗ Đức Thế Tôn có Ngài Đại Kappina (Mahākappina) đang ngồi xếp tẻo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy ấy đang ngồi gằn đó, xếp tẻo chân, giữ thân thẳng đứng, sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt. Sau khi nhìn thấy thầy ấy như vậy, đức Thế Tôn mới nói với các Tỳ kheo như vậy:

- “Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy sự rung lắc hay lay động nào trong thân của Tỳ kheo này không?”

“Thưa Thế Tôn, mỗi khi chúng con nhìn thấy thầy ấy, dù thầy ấy đang ngồi giữa Tăng đoàn hay đang ngồi một mình, chúng con chưa bao giờ thấy sự run lắc hay lay động nào trong thân thầy ấy.”

- “Này các Tỳ kheo, vị Tỳ kheo đó nếu muốn, thì không bị rắc rối hay khó khăn gì, có thể đạt được sự định-tâm đó nhờ sự tu tập và tu dưỡng (thiền định) nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và sự định-tâm nào mà nhờ có sự tu tập và tu dưỡng nên trong đó không xảy ra sự run lắc hay lay động nào trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động nào trong tâm?”

“Này các Tỳ kheo, ở đây, khi *sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*<sup>243</sup> đã được tu tập và tu dưỡng thì không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào *sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở* được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động

trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm?

- “Ồ đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 ở trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

Và, này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để cho không xảy ra sự run lắc hay lay động trong thân, và không xảy ra sự run lắc hay lay động trong tâm.”

(SN 54:07)

## 8 (8) Ví Dụ Ngọn Đèn

“Này các Tỳ kheo, sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao. Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao?

“Ồ đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 ở trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó mang lại kết quả và ích lợi

lớn lao.

“Này các Tỳ kheo, ta cũng làm như vậy, khi ta còn là một bò-tát, chưa giác-ngộ toàn thiện, ta cũng thường an trú trong sự an trú này. Trong khi ta an trú trong sự an trú này, thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và tâm ta, bằng sự không còn dính-chấp, nên đã được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm.

(1) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho thân và mắt ta đều không bị mệt mỏi, và mong cho tâm ta, bằng sự không còn dính-chấp, sẽ được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý) vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.<sup>244</sup>

(2) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào mong ước: **(i)** ‘Mong cho ta an trú nhận-thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này. Nếu một Tỳ kheo mong ước: **(ii)** ‘Mong cho ta an trú nhận-thức những thứ không đáng chê-chán trong những thứ đáng chê-chán’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này. Nếu một Tỳ kheo mong ước: **(iii)** ‘Mong cho ta an trú nhận-thức những thứ đáng chê-chán trong những thứ đáng chê-chán và những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này. Nếu một Tỳ kheo mong ước: **(iv)** ‘Mong cho ta an trú nhận-thức những thứ không đáng chê-chán trong những thứ đáng chê-chán và những thứ không đáng chê-chán’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này. Nếu một Tỳ kheo mong ước: **(v)** ‘Tránh cả hai thứ đáng chê-chán và không đáng chê-chán, mong cho ta được an trú buông-xả, có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(3) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiền), trạng thái có đi kèm với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách-ly đó’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(4) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Với sự lắng lặn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiền), trạng thái có sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, và có sự hoan-hỷ và sự hạnh-phúc được sinh ra từ sự định-tâm, không còn ý-nghĩ và sự soi-xét’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(5) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Với sự phai biến luôn yếu tố hoan-hỷ (hỷ), người đó an trú buông-xả, và có chánh-niệm và rõ-biết (tỉnh giác), người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc cùng với thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: “Người đó buông xả, có chánh niệm, là người an trú một cách hạnh phúc”’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(6) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Với sự dẹp bỏ sự sượng-khổ (không còn sượng hay khổ), và với sự phai biến trước đó của sự vui-buồn (không còn vui hay buồn), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sượng hay khổ, và gồm có sự chánh-niệm được thanh lọc tinh khiết nhờ sự buông-xả’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(7) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Với sự hoàn toàn vượt trên những nhận-thức về thể-sắc (thuộc sắc-giới), với sự phai biến những nhận-thức về va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm (tác ý) tới những nhận-thức về sự đa-dạng (khác biệt này nọ), [chỉ nhận thức rằng:] ‘không gian là vô biên’, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ (cơ sở) vô biên của không gian (không vô biên xứ)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(8) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của không gian, [nhận thức rằng:] ‘thức là vô biên’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ vô biên của thức (thức vô biên xứ)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(9) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ vô biên của thức, [nhận thức rằng:] ‘không có gì’, người đó chứng nhập và an trú trong trong cảnh xứ trống-không (vô sở hữu xứ)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(10) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Bằng sự hoàn toàn vượt trên cảnh xứ trống-không, người đó chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở này.

(11) “Vì vậy, này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo mong ước: ‘Mong cho ta: ‘Bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, người đó chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt của nhận-thức và cảm-giác (diệt thọ tướng)’, thì người đó nên chú-tâm kỹ càng vào sự định-tâm nhờ

chánh-niệm hơi-thở này.

(12) “Này các Tỳ kheo, sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng đã được tu tập và tu dưỡng theo cách này,<sup>246</sup> thì: khi người đó cảm nhận một cảm-giác sừng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *tham* thích nó.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khô, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *sân* bực nó.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khô không sừng], người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *si* mờ về nó.’

(13) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sừng, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác khô, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận tách ly với nó.

(14) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc, chấm dứt) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng-sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng-sống.’ Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt mạng-sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn tham thích, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

- “Này các Tỳ kheo, cũng như ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ tắt ngấm do không còn nhiên liệu; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng-sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn dứt của mạng-sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn được tham thích, đều trở thành nguội tắt



ngay tại đây.”

(SN 54:08)

## 9 (9) Ở Vesālī

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li), trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn.<sup>247</sup> Bấy giờ, lúc đó đức Thế Tôn đang nói với các Tỳ kheo về sự ô-úế (sự không sạch, bất tịnh, sự đáng ghê tởm... của thân) theo nhiều cách, đang nói lời đề cao sự tu tập thiền quán về sự ô-úế.<sup>248</sup>

Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, ta muốn tách ly ẩn dật (nhập thất) nửa tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.”<sup>249</sup>

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ người đưa thức ăn khát thực cho đức Thế Tôn.

Rồi những Tỳ kheo đó, suy nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-úế”, rồi họ tận tụy hết mình thiền quán về sự ô-úế về nhiều phương diện và nhiều yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Trong một ngày, có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc có ngày có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao.<sup>250</sup>

Rồi, nửa tháng trôi qua, đức Thế Tôn đã ra khỏi nơi ẩn dật, và nói với Ngài Ānanda: “Này Ānanda, sao Tăng Đoàn có vẻ ít người đi vậy?”

“Thưa Thế Tôn, đó là do [Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-úế, và],<sup>251</sup> các Tỳ kheo đó nghĩ rằng: “Đức Thế Tôn đã thuyết giảng về sự ô-úế theo nhiều cách, đã nói lời đề cao về sự thiền quán về sự ô-úế”, rồi họ tận tụy hết mình thiền quán về sự ô-úế về nhiều phương diện và nhiều

yếu tố của nó. Rồi sau đó thấy chán chường, thấy nhục nhã, thấy ghê tởm với thân này, nên họ đi kiếm người giết mình. Trong một ngày, có ngày có tới mười Tỳ kheo đã dùng dao, hoặc có ngày có hai mươi hay ba mươi Tỳ kheo đã dùng dao. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn giảng giải một phương pháp khác để cho Tăng Đoàn Tỳ kheo này có thể được thiết lập trong trí-biết cuối cùng (tức chứng A-la-hán luân).”

“Được rồi, này Ānanda, hãy tụ họp trong sảnh đường tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nhờ ở xứ Vesālī này.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại, và thầy ấy đã tập họp trong sảnh đường tất cả các Tỳ kheo hiện đang sống nhờ ở xứ Vesālī, hầu hết số họ đang ở đó. Rồi thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn và thưa: “Thưa Thế Tôn, Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã tập họp. Mong Thế Tôn tùy tiện đến đó.”

Rồi đức Thế Tôn đã đến sảnh đường, ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, *sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở* này, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự an trú diệu-lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.<sup>252</sup>

“Này các Tỳ kheo, cũng như trong tháng cuối của mùa nóng, khi có đồng bụi đất vừa cuốn bay lên trời, một đám mây mưa lớn ập xuống dẹp tan chúng và dập tắt chúng ngay tại chỗ,<sup>253</sup> cũng giống như vậy, sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng, là bình-an và siêu-vời, là một sự an trú diệu-lành, và nó phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh. Và theo cách nào để có được sự này?”

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi treo chân,

giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 ở trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này là sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để cho nó là bình-an và siêu-vòi, là một sự an trú diệu-lành, và nó sẽ phá tan và dập tắt những trạng thái bất thiện ngay tại chỗ ngay khi chúng khởi sinh.”

(SN 54:09)

## 10 (10) *Kimbila*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kimbilā trong khu Rừng Tre. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với Ngài Kimbila như vậy:

“Này Kimbila, bây giờ, theo cách nào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả lớn lao và ích lợi lớn lao?”

Khi điều này được nói ra, thầy Kimbila chỉ im lặng. Lần thứ hai ... Lần thứ ba đức Thế Tôn lặp lại câu hỏi đó, thầy Kimbila cũng chỉ im lặng.

Sau khi sự này xảy ra, Ngài Ānanda mới thưa với đức Thế Tôn: “Giờ là lúc cho điều này, thưa Thế Tôn! Giờ là lúc cho điều này, thưa bậc Phúc Lành! Giờ xin đức Thế Tôn hãy nói về sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở. Sau khi nghe được giáo pháp từ đức Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Được rồi, này Ānanda, vậy hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, thầy Ānanda đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Và, này Ānanda, theo cách nào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để cho nó mang lại kết quả và ích lợi lớn lao? Ở đây, này Ānanda, một Tỷ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tếp chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*tiếp tục như các đoạn (1)-(4) trong kinh 54:01 ở trên*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’

### [i. Quán sát Thân]

“Này Ānanda,<sup>254</sup> **khi nào** một Tỷ kheo, (i) khi đang thở vô dài, biết: ‘Ta thở vô dài’; hoặc, khi đang thở ra dài, biết: ‘Ta thở ra dài’; (ii) khi đang thở vô ngắn, biết: ‘Ta thở vô ngắn’; hoặc, khi đang thở ra ngắn, biết: ‘Ta thở ra ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’, ta sẽ thở ra’— **thì trong thời đó** vị Tỷ kheo này sống quán sát **THÂN** trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là, sự thở vô và thở ra.<sup>255</sup> Vì vậy nên, này Ānanda, trong thời đó vị Tỷ kheo đó sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

### [ii. Quán sát Những Cảm-Giác]

“Này Ānanda, **khi nào** một Tỷ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Trải

nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’, ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thờ ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc), ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc, ta sẽ thờ ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thờ ra’— **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát những **CẢM-GIÁC** trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới sự thờ vô và thờ ra.<sup>256</sup> Vì vậy nên, nay Ānanda, trong thời đó một Tỳ kheo sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

### [iii. Quán sát Tâm]

“Nay Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thờ ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thờ ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thờ vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thờ ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thờ ra’— **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát **TÂM**, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta nói rằng không có ‘sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-

thở' nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, mờ rối, động vọng) và những người thiếu sự rõ-biết (không tỉnh giác, không thường biết). Vì vậy nên, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

#### [iv. Quán sát Những Hiện-Tượng]

“Này Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở ra’; (iii) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chám-dứt, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chám-dứt, ta sẽ thở ra’; (iv) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra’— **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát **NHỮNG HIỆN-TƯỢNG** trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là sự dẹp-bỏ tham và ưu như vậy, người đó là người nhìn kỹ càng [vào tâm] với sự buông-xả.<sup>257</sup> Vì vậy nên, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thêm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới.

- “Này Ānanda, ví như ở ngã tư đường có một đồng đất bùn. Một chiếc xe hay xe ngựa đến từ hướng đông, tây, nam, hay bắc, nó sẽ sang bằng đồng đất bùn đó. Cũng giống như vậy, này Ānanda, khi một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, những cảm-giác trong những cảm-giác, tâm trong tâm, những hiện-tượng trong những hiện-tượng, thì người đó sẽ sang bằng những trạng thái xấu ác bất thiện.”

**(SN 54:10)**

## NHÓM 2

### NHÓM ‘ĀNANDA’

(*Dutiya-vagga*)

#### 11 (1) Ở *Īcchānaṅgala*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở *Īcchānaṅgala* trong Khu Rừng *Īcchānaṅgala*. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi sống ẩn dật (nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho ta.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và không ai đến gặp đức Thế Tôn, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực.

Rồi, khi ba tháng đã trôi qua, đức Thế Tôn ra khỏi nơi ẩn dật, và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ giáo phái khác có hỏi các thầy: ‘Này các bạn, trong sự an trú nào đức Thế Tôn thường an trú trong thời gian an cư mùa mưa (kiết hạ)?’— khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, trong thời gian an cư mùa mưa, đức Thế Tôn thường an trú trong sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở.’

“Ở đây, này các Tỳ kheo, có chánh-niệm ta thở vô, có chánh-niệm ta thở ra. Khi khi đang thở vô dài, ta biết: ‘Ta thở vô dài’; khi đang thở ra dài, ta biết: ‘Ta thở ra dài’; khi đang thở vô ngắn, ta biết: ‘Ta thở vô ngắn’; khi đang thở ra ngắn, biết: ‘Ta thở ra ngắn’. Ta biết: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở vô’... Ta biết: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra.’<sup>258</sup>

“Ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú),



sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)’, thì người đó đang nói về sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở.

“Này các Tỳ kheo, những Tỳ kheo nào còn là học-nhân, là người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được sự an-toàn khỏi sự trói-buộc: thì đối với họ sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Còn những Tỳ kheo đã là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự an-trú lạc trú ngay trong kiếp này và dẫn tới sự chánh-niệm và thường rõ-biết (tỉnh giác).

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện, một sự an trú thiên thánh, sự an trú của Như Lai’, thì người đó đang nói về sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở.”

(SN 54:11)

## 12 (2) Có Nghi Ngờ

Trong một lần có Ngài Lomasavaṅgīsa đang sống giữa những người dân Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong Vườn Cây Đa Đề (tức cây banyan, (Pali) nigrodha). Lúc đó, ông Mahānāma (Đại Danh) thuộc họ tộc Thích-ca đã đến gặp Ngài Lomasavaṅgīsa, kính chào, ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy, có phải sự an trú của một học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai, hay sự an trú của một học nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác?”

“Không, này đạo hữu Mahānāma, không phải sự an trú của một

học-nhân cũng giống sự an trú của Như Lai; thay vì vậy, sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như lai là thứ khác.

“Này đạo hữu Mahānāma, những Tỳ kheo nào còn là học-nhân, là người chưa đạt tới lý tưởng của tâm mình, người sống tâm nguyện đạt được sự an-toàn khỏi sự trói-buộc, thì an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.<sup>259</sup> Năm đó là gì? Đó là những chướng ngại tham-dục, ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo nào còn là học-nhân ... thì an trú sau khi đã dẹp-bỏ năm chướng-ngại.

“Nhưng, này đạo hữu Mahānāma, còn những Tỳ kheo đã là A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh-nặng, đã đạt tới mục-tiêu, đã phá sạch những gông-cùm (trói buộc) hiện-hữu, những người đã giải-thoát thông qua trí-biết cuối cùng: thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.<sup>260</sup> Năm đó là gì? Đó là những chướng ngại tham-dục, ác-ý, sự buồn-ngủ và đờ-đần, sự bất-an và hối-tiếc, và sự nghi-ngờ. Những Tỳ kheo đã là A-la-hán ... thì đối với họ năm chướng-ngại đã bị dẹp bỏ, đã bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc cây cọ chết, bị xóa sổ để không còn khởi sinh trong tương lai.

“Này đạo hữu Mahānāma, cũng theo phương pháp sau đây, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác:

“Này đạo hữu Mahānāma, trong một lần giống vậy khi đức Thế Tôn đang sống ở Icchānaṅgala, trong Khu Rừng Icchānaṅgala. Ở đó, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ta muốn đi sống ẩn dật (nhập thất) trong ba tháng. Không ai đến gặp ta, ngoại trừ người mang thức ăn khát thực cho

ta.

[*Tiếp tục y hệt như kinh 54:11 kể trên, cho đến:*]

“Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn mà nói về thứ gì như vậy: ‘Đó là một sự an trú thánh thiện (thánh trú), một sự an trú thiên thánh (phạm trú), sự an trú của Như Lai (Như Lai trú)’, thì người đó đang nói về sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở.”

“Này đạo hữu Mahānāma, bằng phương pháp này, có thể hiểu được cách mà sự an trú của một học-nhân là một thứ và sự an trú của Như Lai là thứ khác.”

(SN 54:12)

### 13 (3) *Ānanda* (1)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?”

“Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ.”

“Nhưng, thưa Thế Tôn ... (cái gì là những thứ đó?)....”

“Này Ānanda, sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở là một thứ (pháp, pháp tu), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn nền-tảng chánh-niệm. Bốn nền-tảng chánh-niệm, khi được tu tập và tu

dưỡng, sẽ hoàn thành *bảy yếu-tố giác-ngộ*. Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành *trí-biết đích-thực* (chân trí) và *sự giải-thoát*.

### [i. Hoàn thành Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm]

(1) “Này Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo, (i) khi đang thở vô dài, biết: ‘Ta thở vô dài’; hoặc, khi đang thở ra dài, biết: ‘Ta thở ra dài’; (ii) khi đang thở vô ngắn, biết: ‘Ta thở vô ngắn’; hoặc, khi đang thở ra ngắn, biết: ‘Ta thở ra ngắn’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm toàn thân, ta sẽ thở ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân (thân hành), ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của thân’, ta sẽ thở ra’ — **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát **THÂN** trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi đây là một loại thân, đó là, sự thở vô và thở ra.<sup>261</sup> Vì vậy nên, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo đó sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (*giống hết đoạn kinh [i.] kinh 54:10 ở trên.*)

(2) “Này Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ (hỷ)’, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hoan-hỷ, ta sẽ thở ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc ( lạc), ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự hạnh-phúc, ta sẽ thở ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm (tâm hành), ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm lắng lặn sự tạo-tác của tâm, ta sẽ thở ra’ — **thì**

**trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát những **CẢM-GIÁC** trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta gọi đây là một loại cảm-giác, đó là, sự chú-tâm kỹ càng (chú ý sát sao) tới sự thở vô và thở ra. Vì vậy nên, nay Ānanda, trong thời đó một Tỳ kheo sống quán sát những cảm-giác trong những cảm-giác, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. (giống hết đoạn kinh [ii.] 54:10 ở trên.)

(3) “Nay Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Trải nghiệm cái tâm, ta sẽ thở ra’; (ii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Làm hoan hỷ cái tâm, ta sẽ thở ra’; (iii) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung (định) cái tâm, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Tập trung cái tâm, ta sẽ thở ra’; (iv) khi người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Giải thoát cái tâm, ta sẽ thở ra’— **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát **TÂM**, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. Vì lý do gì? Nay Ānanda, ta nói rằng không có ‘sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở’ nào đối với những người thiếu chánh-niệm (thất niệm, mờ rối, động vọng) và những người thiếu sự rõ-biết (không tỉnh giác, không thường biết). Vì vậy nên, nay Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (u) đối với thế giới. (giống hết đoạn kinh [iii.] kinh 54:10 ở trên.)

(4) “Nay Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo (i) tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở vô’; khi người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự vô-thường, ta sẽ thở ra’; (ii) khi người đó tập luyện như

vây: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự phai-biến, ta sẽ thở ra’; (iii) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chắm-dứt, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự chắm-dứt, ta sẽ thở ra’; (iv) người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thở ra’— **thì trong thời đó** vị Tỳ kheo này sống quán sát **NHỮNG HIỆN-TƯỢNG** trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. Sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ cái gì là sự dẹp-bỏ tham và ưu như vậy, người đó là người nhìn kỹ càng [vào tâm] với sự buông-xả. Vì vậy nên, này Ānanda, trong thời đó vị Tỳ kheo này sống quán sát những hiện-tượng trong những hiện-tượng, nhiệt thành, thường rõ-biết, có chánh-niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham) và sự buồn-phiền (ưu) đối với thế giới. (*giống hết đoạn kinh [iv.] kinh 54:10 ở trên.*)

“Này Ānanda, chính khi sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì nó sẽ hoàn thành bốn nền-tảng chánh-niệm.

### **[ii. Hoàn thành Bảy Yếu-Tố Giác-Ngộ]**

“Và, này Ānanda, theo cách nào bốn nền-tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng để cho nó hoàn thành bảy yếu-tố giác-ngộ?<sup>262</sup>

**(1) (i)** “Này Ānanda, **khi nào** một Tỳ kheo sống quán sát **[I] THÂN trong thân, thì trong thời đó** sự chánh-niệm không phân tán [không thất niệm] được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Này Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không phân tán đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* {niệm} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo nhờ sự tu tập.

(ii) “Sau khi an trú một cách có chánh-niệm như vậy, người đó phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Nay Ānanda, khi nào một Tỳ kheo an trú một cách có chánh-niệm như vậy phân biệt Giáo Pháp đó bằng trí-tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng-thái* {trạch pháp} được phát khởi bên trong vị Tỳ kheo; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng-thái*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt những trạng-thái* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo nhờ sự tu tập.

(iii) “Trong khi vị Tỳ kheo đó phân biệt Giáo Pháp đó, soi xét nó, điều tra về nó, thì sự nỗ-lực của người đó được phát khởi mà không hề gia giảm. Nay Ānanda, khi nào sự nỗ-lực của một Tỳ kheo được phát khởi mà không hề gia giảm khi người đó phân-biệt Giáo Pháp bằng trí-tuệ, soi xét nó, điều tra về nó, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* {tinh tấn} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(iv) “Sau khi sự nỗ-lực của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan-hỷ về mặt tâm linh. Nay Ānanda, khi nào sự hoan-hỷ về mặt tâm linh khởi sinh bên trong một Tỳ kheo có sự nỗ-lực được phát khởi, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* {hỷ} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(v) “Đối với người tu có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Nay Ānanda, hễ khi thân được tĩnh lặng và tâm được tĩnh lặng bên trong một Tỳ kheo có tâm được nâng bổng bởi niềm hoan-hỷ như vậy, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* {khinh an} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo

đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(vi) “Đôi với người tu có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc thì tâm trở nên đạt-định. Nay Ānanda, khi nào tâm được đạt-định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và người đó hạnh phúc, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* {định} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(vii) “Người đó trở thành người nhìn sát sao (kỹ càng) vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Nay Ānanda, khi nào một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm đạt-định như vậy, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* {xả} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

(2) “Nay Ānanda, khi nào một Tỳ kheo sống quán sát [2] **CẢM-GIÁC** trong những cảm-giác ... [3] **TÂM** trong tâm ... [4] **NHỮNG HIỆN-TUỞNG** trong những hiện-tượng, thì trong thời đó sự chánh-niệm không phân tán [không thất niệm] được thiết lập bên trong Tỳ kheo đó. Nay Ānanda, khi nào sự chánh-niệm không phân tán đã được thiết lập trong một Tỳ kheo, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* {niệm} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo nhờ sự tu tập.

[Tiếp tục 06 yếu-tố giác-ngộ còn lại từ mục (ii)-(vi) tương tự như cách của đoạn kinh kể trên về **THÂN** là nền tảng chánh niệm thứ nhất,



cho đến yếu-tố giác ngộ (vii):]

(vii) Người đó trở thành người nhìn sát sao (kỹ càng) vào cái tâm đạt-định như vậy với sự buông-xả. Nay Ānanda, khi nào một Tỳ kheo nhìn sát sao vào cái tâm được đạt-định như vậy, thì trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* {xả} được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; trong thời đó vị Tỳ kheo đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*; trong thời đó yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* sẽ đi đến hoàn thiện bên trong vị Tỳ kheo đó thông qua sự tu-tập.

“Này Ānanda, chính khi bốn nền-tảng chánh-niệm được tu tập và tu dưỡng theo cách như vậy thì chúng sẽ hoàn thành bảy yếu-tố giác-ngộ.

### [iii. Hoàn thành Chân-Trí và Sự Giải-Thoát]

“Và này Ānanda, theo cách nào bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng để cho chúng hoàn thành trí-biết đích-thực (chân trí) và sự giải-thoát?

“Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm*, [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát. Người đó tu tập yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng-thái* ... yếu-tố giác-ngộ là sự nỗ-lực ... yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự tĩnh-lặng* ... yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-định* ... .. yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát.

“Này Ānanda, chính khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì chúng sẽ hoàn thành trí-biết đích-thực và sự giải-thoát.”

(SN 54:13)

## 14 (4) Ānanda (2)

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy Ānanda như vậy:

“Này Ānanda, có một thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ? Và có bốn thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ nào, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ đức Thế Tôn...”

“Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bốn thứ. Và có bốn thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành bảy thứ. Và có bảy thứ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành hai thứ.

“Và, này Ānanda, cái gì ... (là những thứ đó)...? Này Ānanda, *sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở* là một thứ (pháp, pháp tu), khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành *bốn nền-tảng chánh-niệm*. Bốn nền-tảng chánh-niệm, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành *bảy yếu-tố giác-ngộ*. Bảy yếu-tố giác-ngộ, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ hoàn thành *trí-biết đích-thực* (chân trí) và *sự giải-thoát*..

“Và, này Ānanda, theo cách nào sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó hoàn thành bốn nền tảng chánh-niệm?

“Ở đây, này Ānanda, một Tỷ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi tếp chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thở vô, có chánh-niệm người đó thở ra.... [*Tiếp tục toàn bộ y hệt như bài kinh 54:13 kể trên, cho đến:*] ... .. yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả* [sự tu tập đó] dựa trên *sự tách-ly*,

sự chán-bỏ, sự chầm-dứt, dần chín muồi tới sự buông bỏ giải thoát..

“Này Ānanda, chính khi bảy yếu-tố giác-ngộ được tu tập và tu dưỡng theo cách này thì chúng sẽ hoàn thành trí-biết đích-thực và sự giải-thoát.”

(SN 54:14)

### 15 (5) Các Tỳ Kheo (1)

[Giống hết kinh **54:13** ở trên, ngoại trừ “một số Tỳ kheo” là những người đối thoại với Phật thay vì “Ngài Ānanda”.]

(SN 54:15)

### 16 (6) Các Tỳ Kheo (2)

[Giống hết kinh **54:14** ở trên, ngoại trừ “một số Tỳ kheo” là những người đối thoại với Phật thay vì “Ngài Ānanda”.]

(SN 54:16)

### 17 (7) Những Gông Cùm

“Này các Tỳ kheo, sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm (kiết sử).”

(SN 54:17)

### 18 (8) Những Khuynh Hướng Tiềm Ẩn

“... sẽ dẫn tới sự bùng nổ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tù miên).”

(SN 54:18)

## 19 (9) Quá Trình

“... sẽ dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu *quá trình đường đi* (tức quá trình đường đi của luân hồi sinh tử).”

(SN 54:19)

## 20 (10) Sự Tiêu Diệt Ô Nhiễm

“... sẽ dẫn tới tiêu diệt *những ô-nhiễm* (lậu hoặc).

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào *sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở* được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ *những gông-cùm*, dẫn tới sự bùng-bỏ *những khuynh-hướng tiềm-ẩn*, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu *quá trình đường đi* (của luân hồi), dẫn tới sự tiêu-diệt *những ô-nhiễm*?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, sau khi đi vô rừng, đến một góc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống. Sau khi ngồi třeo chân, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh-niệm trước mặt, chỉ có chánh-niệm (chú tâm vào hơi thở) người đó thờ vô, có chánh-niệm người đó thờ ra.

[*Tiếp tục các đoạn (1)-(4) như trong kinh 54:01 cho đến câu cuối đoạn (4):*] ... (iv) Người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ vô’; người đó tập luyện như vậy: ‘Quán sát sự từ-bỏ, ta sẽ thờ ra.’

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách này sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở được tu tập và tu dưỡng để nó dẫn tới sự dẹp-bỏ những gông-cùm, dẫn tới sự bùng-bỏ những khuynh-hướng tiềm-ẩn, dẫn tới sự hoàn-toàn hiểu quá trình đường đi, dẫn tới sự tiêu-diệt những ô-

nhiêm.”

(SN 54:20)



## Chương 55

### Liên Kết NHẬP LƯU

(55 *Sotāpatti-saṃyutta*)

(55 *Tương ưng Dự Lưu*)





# NHÓM 1

## NHÓM ‘CÔNG TRE’

(*Veḷudvāra-vagga*)

### 1 (1) *Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe*

Ở Sāvattḥī.

Ở đó đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, **cho dù** đó là một vị vua quay chuyên bánh xe (chuyển luân vương), đã thực thi quyền thống trị tối cao khắp bốn châu lục, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, trong số những thiên thần của cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi), và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana (lạc viên, vườn khoái lạc), người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan của cõi trời, **nhưng vị** vua đó vẫn chưa có-được bốn điều,<sup>263</sup> vẫn chưa thoát khỏi địa ngục, cảnh giới súc sinh, và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ đầy đọa, chưa thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới.<sup>264</sup>

“Này các Tỳ kheo, **do chù một đệ tử thánh thiện chỉ sống duy trì bản thân bằng mớ thức ăn khát thực và y áo làm bằng giẻ rách, nhưng người đó vẫn có-được bốn điều, vẫn thoát khỏi địa ngục, cảnh giới súc sinh, và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ đầy đọa, thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới. Bốn đó là gì?**

(1) Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết trực-tiếp (chân trí) và đức-hạnh, là bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới người dẫn dắt tối thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’*<sup>265</sup>

(2) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’*”

(3) “Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người— Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’*”

(4) “Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *các bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), (giới-hạnh đó) không bị sứt mẻ, không bị lỗi, không bị dính nhiễm, bị đốm xấu, mang tính giải thoát, được khen ngợi bởi người trí hiền, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.*”<sup>266</sup>

“Người đó có-được bốn điều này. Và, này các Tỳ kheo, giữa hai thứ, quyền thống trị khắp bốn châu lục và sự có-được bốn điều đó, thì quyền thống trị bốn châu lục không đáng bằng một phần mười sáu so với việc có-được bốn điều đó.”<sup>267</sup>

**(SN 55:01)**

## **2 (2) Đã Nhập Cứ...**

“Này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”<sup>268</sup>  
Bốn đó là gì?

(1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực

vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’*

(2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ...

(3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ...

(4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.’* (như kinh **55:01** kể trên)

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Ai có-được niềm-tin và đức-hạnh,  
Sự tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp,  
Vào lúc đạt tới niềm hạnh-phúc,  
Đã nhập cứ vào đời sống thánh thiện (phạm hạnh).”<sup>269</sup>

(SN 55:02)

### 3 (3) *Dīghāvu*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có một người đệ tử tại gia tên là Dīghāvu bị bệnh, đau đốn, bệnh yếu như gần chết. Rồi người đệ tử tại gia tên Dīghāvu đó đã nói với cha mình là gia chủ Jotika, như vậy:

“Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lạy đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn giùm con, và thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, đệ tử tại gia Dīghāvu (là con trai của con) đang bệnh, đau

đón, bệnh gần chết; con trai con nhờ con đến kính lạy với đầu cúi xuống chân của đức Thế Tôn.’ Rồi cha thưa rằng: ‘Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dighāvu, vì lòng bi-mẫn.’”

“Được rồi, con yêu”, gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi đức Thế Tôn mặc y áo, mang bình bát và cà sa, đi đến chỗ ở của người đệ tử tại gia Dighāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và nói với người đệ tử Dighāvu:

“Này Dighāvu, ta hy vọng anh đang chịu đựng tốt, ta hy vọng anh đang đỡ hơn. Ta hy vọng rằng những cảm-giác đau đớn của anh đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, chứ không gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang được thấy rõ.”

“Như vậy, này Dighāvu, anh nên tập luyện bản thân như vậy: (1) ‘Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.*’ (2) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Tôi sẽ là người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Tôi sẽ là người có-được *những giới-hạnh (đức hạnh) mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (nội dung 04 điều như kinh **55:01** kể trên). Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thưa Thế Tôn, đối với bốn yếu-tố dẫn tới thánh quả Nhập-lưu đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, những điều đó đều có đủ bên trong con, và

con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thừa đức Thế Tôn, con có-được *niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng*, và con có-được *những giới-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng.*”

“Nhu vậy, này Dighāvu, nếu đã thiết-lập bốn yếu tố dẫn tới thánh quả Nhập-lưu đó, thì anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên trí-biết đích thực (chân trí). Ở đây, này Dighāvu, (1) sống quán sát tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác (các hành), (2) nhận thức rõ sự-khổ trong những thứ vô-thường, (3) nhận thức rõ tính vô-ngã trong những thứ khổ, (4) nhận thức rõ sự đẹp-bỏ, (5) nhận thức rõ sự phai-biến, (6) nhận thức rõ sự chấm-dứt.<sup>270</sup> Chính theo cách như vậy anh nên tập luyện bản thân.”

“Thừa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên trí-biết đích thực đã được đức Thế Tôn chỉ dạy, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thừa đức Thế Tôn, con sống quán sát tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác (các hành), nhận thức rõ sự-khổ trong những thứ vô thường, nhận thức rõ tính vô-ngã trong những thứ khổ, nhận thức rõ sự đẹp-bỏ, nhận thức rõ sự phai-biến, nhận thức rõ sự chấm-dứt. Tuy nhiên, thừa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con chết đi phụ thân con [gia chủ Jotika] sẽ không bị ưu sầu.”

“Này con, Dighāvu yêu dấu, lúc này con chỉ nên chú-tâm kỹ càng vào những lời đức Thế Tôn đang nói với con.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời dạy đó cho người đệ tử tại gia Dighāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, người đệ tử tại gia Dighāvu đã qua đời.

Rồi, sau đó một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thừa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dighāvu đã chết. Vậy chỗ đến của vị ấy là gì? Vị ấy tái sinh về đâu?”

“Này các Tỳ kheo, đệ tử tại gia Dighāvu là người có trí. Người đó

đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Nay các Tỳ kheo, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), người đệ tử tại gia Dighāvū đã trở thành người tái sinh một cách tự phát (vào một cõi trời trong-sạch thuộc năm cõi Tịnh cư thiên của những bậc thánh Bất Lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó, không quay lại (thế gian) từ cõi đó nữa.”

(SN 55:03)

#### 4 (4) Xá-lợi-phất (1)

Trong một lần có Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc đó, vào buổi cuối chiều, Ngài Ānanda ra khỏi nơi ẩn tu.... Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Ānanda đã nói với thầy Xá-lợi-phất:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, do có-được bao nhiêu điều gì mà có những người đã được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ?”

“Này Ānanda, chính là do có-được bốn điều cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ. Bốn đó là gì? (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.’* (như kinh **55:01** ở trên)

“Này đạo hữu, chính do có-được bốn điều này cho nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trôi buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của họ.”

(SN 55:04)

## 5 (5) Xá-lợi-phất (2)

Lúc đó Ngài Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn mới nói với thầy ấy:

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một yếu tố để đạt tới Nhập-lưu, một yếu tố để đạt tới Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một yếu tố để đạt tới thánh quả Nhập-lưu?”

“Thưa Thế Tôn, giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu tố để đạt tới Nhập-lưu. Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu tố để đạt Nhập-lưu. Sự chú-tâm kỹ càng (sự chú tâm khôn khéo, như lý tác ý) là một yếu tố để đạt tới Nhập-lưu. Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu tố để đạt tới Nhập-lưu.”<sup>271</sup>

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Giao lưu với bậc thượng nhân là một yếu tố để Nhập-lưu. Nghe Giáo Pháp đích-thực (chân pháp) là một yếu tố để Nhập-lưu. Sự chú-tâm kỹ càng (sự chú tâm khôn khéo, như lý tác ý) là một yếu tố để Nhập-lưu. Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu tố để Nhập-lưu.

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Dòng chảy, dòng chảy’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là dòng chảy?”

“Thưa Thế Tôn, con-đường Bát Thánh Đạo là dòng chảy (dòng thánh đạo); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, sự định-tâm đúng đắn.”

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Con-đường Bát Thánh Đạo này là dòng chảy; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Này Xá-lợi-phất, thường nghe nói: ‘Một bậc Nhập-lưu, một bậc Nhập-lưu’. Giờ thì, này Xá-lợi-phất, cái gì là một người Nhập-lưu (tức: đã nhập vào dòng chảy, đã nhập vào dòng thánh đạo; Tu-đà-hoàn)?”

“Thưa Thế Tôn, một người có-được con-đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.” (được gọi bậc trước tên như: “Nhập-lưu Cấp Cô Độc)

“Tốt, tốt, này Xá-lợi-phất! Một người có-được con đường Bát Thánh Đạo này thì được gọi là một bậc Nhập-lưu: vị đó có danh xưng này cùng với tên họ.”

(SN 55:05)

## 6 (6) *Những Người Thị Vệ*

Ở Sāvattihī.

Bấy giờ, lúc đó có một số Tỳ kheo đang may y áo cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng: “Sau ba tháng, khi y áo đã làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Bấy giờ, lúc đó đó có những người thị vệ<sup>272</sup> là Isidatta và Purāṇa đang tạm trú ở Sādhuka vì một số công chuyện. Họ nghe rằng: “Một số Tỳ kheo đang may y áo cho đức Thế Tôn, và họ nghĩ rằng: ‘Sau ba tháng, khi y áo đã làm xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.’”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đặt một người đứng trước đường, dặn anh ta: “Này bạn hiền, khi nào anh thấy đức Thế Tôn đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì anh báo ngay cho chúng tôi nghen.” Sau khi đứng trước đường hai, ba ngày thì anh ta nhìn thấy đức Thế Tôn đang đi tới từ xa. Sau khi nhìn thấy đức Thế Tôn, anh ta đến



gặp hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa để báo với họ: “Thưa các ngài, đức Thế Tôn đang đến, đó là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Vậy các ngài tùy nghi đến gặp.”

Rồi hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đi theo sát phía sau đức Thế Tôn. Rồi đức Thế Tôn đã bước ra khỏi đường, đến một gốc cây, và ngồi xuống một chỗ ngồi đã được dọn sẵn. Hai viên thị vệ Isidatta và Purāṇa kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

(a) “Thưa Thế Tôn, chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời Sāvattḥī (Xá-vệ) để du hành tới xứ người Kosala (Kiều-tát-la), trong thời gian đó, chúng con thấy buồn bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở xa chúng con.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời Sāvattḥī để du hành tới xứ người Kosala, trong thời gian đó chúng con thấy buồn bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Kosala để du hành tới xứ người Malla ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Kosala để du hành tới xứ người Malla...

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ) ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Malla để du hành tới xứ người Vajji (Bạt-kỳ)....

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ...

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Kāsi....

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Kāsi để du hành tới xứ người Magadha (Ma-kiệt-đà), trong thời gian đó chúng con thấy buồn bã với

ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở xa chúng con.’ Rồi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Kāsi để du hành tới xứ người Magadha, trong thời gian đó chúng con thấy buồn bã với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở xa chúng con.’

(b) “Nhưng, thưa Thế Tôn, khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Magadha để du hành tới xứ người Kāsi, trong thời gian đó chúng con thấy vui mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Magadha để du hành ở xứ người Kāsi, trong thời gian đó chúng con thấy vui mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con hơn.’

“Thêm nữa, thưa Thế Tôn, khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Kāsi để du hành tới xứ người Vajji ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Kāsi để du hành tới xứ người Vajji....

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Malla ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Vajji để du hành tới xứ người Malla...

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Malla để du hành tới xứ người Kosala ... rằng đức Thế Tôn đã rời xứ người Malla để du hành tới xứ người Kosala....

... rằng đức Thế Tôn sẽ rời xứ người Kosala để du hành tới Sāvattihī, trong thời gian đó chúng con thấy vui mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn sẽ ở gần chúng con hơn.’ Rồi khi chúng con nghe rằng đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong Tịnh Xá của ông Cấp Cô Độc, trong thời gian đó chúng con thấy vui mừng với ý nghĩ: ‘Đức Thế Tôn đang ở gần chúng con.’”

- “Bởi vậy, này các quan thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bẩn. Đời sống xuất gia như trời đất rộng mở. Này các thị vệ, bấy nhiêu đó cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập).”

“Thưa Thế Tôn, chúng con còn bị dính một sự giam cầm khác thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.”

- “Nhưng, này các thị vệ, cái gì là sự giam cầm mà các anh đang dính vào, cái gì thậm chí còn giam cầm hơn và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa?”

“Ở đây, thưa Thế Tôn, khi Vua Pasenadi của xứ Kosala muốn đi một chuyến tới vườn ngự viên của mình, thì trước hết chúng con phải chuẩn bị những con voi, rồi đặt những cung phi được sủng ái của nhà vua ngồi lên những ghế ngồi trên lưng voi, ngay trước mặt và sau lưng mình. Thưa Thế Tôn, rồi mùi hương của những cung phi đó thơm ngát như hộp nước hoa mới mở ra; những cung phi được sức mùi thơm ngát như vậy. Thêm nữa, thưa Thế Tôn, sự đụng chạm với thân thể của các cung phi đó thì êm ái giống như chạm vào bông vải hay bông kapok vậy; những cung phi hoàng gia đó được được nuôi dưỡng một cách chăm chút như vậy. Rồi, thưa Thế Tôn, trong thời gian đó thì chúng con phải thị vệ những con voi, thị vệ những quý phi, và còn phải phòng vệ bản thân mình, mặc dù chúng con không thể nào nhớ hết bao nhiêu lần đã làm khởi sinh những trạng thái bất thiện (tà dục) đối với những cung phi mỹ nữ đó. Thưa Thế Tôn, đó chính là một sự giam cầm khác mà chúng con đang dính phải, nó thậm chí còn giam cầm hơn, và coi như giam cầm nhiều hơn (cả đời sống tại gia) đó nữa.”

- “Bởi vậy, này các thị vệ, đời sống tại gia là sự giam cầm, là con đường đầy bụi bặm. Đời sống xuất gia thì như trời đất rộng mở. Bấy nhiêu cũng đủ lý do để các anh biết chuyên cần (tu tập). Này các thị vệ, người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Bốn đó là gì? Ở đây, này các thị vệ, (1) Ở đây, một người đệ tử

thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... (như kinh **55:01** ở trên) ... (4) Người đó *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố thí, mở rộng bàn tay, vui thích sự từ-bỏ, người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*<sup>273</sup> Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là một bậc Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Này các thị vệ, các anh có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn.... Thêm nữa, trong nhà có thứ gì thích hợp để cho đi thì các anh hãy bố thí hết [không giữ lại gì] những thứ đó cho những người có đức-hạnh và có tính-khí thiện lành. Này các quan thị vệ, các anh nghĩ sao, có được bao nhiêu người trong dân chúng Kosala có thể sánh bằng các anh về mặt *rộng lòng bố-thí?*”

“Thưa Thế Tôn, điều đó là lợi lạc cho chúng con, điều đó thực là lợi lạc cho chúng con, rằng đức Thế Tôn đã biết rõ chúng con.”

(SN 55:06)

## 7 (7) Những Người Làng Cồṅṅ Tre

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang đi bộ du hành ở xứ dân Kosala (Kiều-tát-la) cùng với một đoàn lớn các Tỷ kheo, lúc đó tới khu làng Cồṅṅ Tre (Trúc Môn) của những bà-la-môn người Kosala. Lúc đó những gia chủ bà-la-môn ở làng Cồṅṅ Tre đã nghe nói: “Thưa các ngài, nghe nói rằng sa-môn Cồ-đàm, người con của dòng họ Thích-ca đã xuất gia khỏi gia đình Thích-ca, đang đi du hành tới xứ Kosala cùng với một đoàn lớn các Tỷ kheo, và đã tới làng Cồṅṅ Tre. Giờ tin đồn tốt về Thầy Cồ-đàm đã lan truyền như vậy: **Bậc Thế Tôn**

đó là một A-la-hán, đã giác ngộ toàn thiện, đã thành tựu về sự hiểu-biết và đức-hạnh, bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế giới, người dẫn dắt vô thượng của những người cần được thuần hóa, thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn. Sau khi đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, bậc ấy đã công khai cho người khác biết. Bậc ấy dạy một Giáo Pháp tốt ở đầu, tốt ở giữa, tốt ở cuối, với ý nghĩa và câu chữ đúng đắn; bậc ấy (làm gương) cho thấy một đời sống thánh thiện hoàn thiện và tinh khiết. ' Sẽ tốt lành nếu gặp những vị A-la-hán đó.' ”

Rồi những gia chủ bà-la-môn của làng Công Tre đã đến gặp đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, một số họ lạy chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Một số chào, sau khi chào hỏi thân thiện, ngồi xuống một bên. Một số khác thì tự xưng tên tuổi và họ tộc của mình với đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Một số thì chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

Sau khi ngồi xuống một bên, những gia chủ bà-la-môn của làng Công Tre đã nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-đàm, chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy: ‘Chúng tôi cầu được sống trong nhà với nhiều con cháu! Chúng tôi cầu được dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi! Chúng tôi cầu được mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp! Chúng tôi cầu nhận được vàng bạc! Khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi cầu được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời!’ Khi chúng tôi có những ước nguyện, mong muốn, và hy vọng như vậy, mong Thầy Cồ-đàm chỉ dạy Giáo Pháp theo một cách để chúng tôi có thể được sống trong nhà với nhiều con cháu ... được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’ ”

- “Này các gia chủ, ta sẽ dạy cho các người Giáo Pháp có thể ứng dụng được cho mỗi người.<sup>274</sup> Hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thầy”, những gia chủ bà-la-môn vùng Cồng Tre đã đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các gia chủ, cái gì là Giáo Pháp ứng dụng được cho mỗi người?

(1) “Ồ đây, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Ta là người muốn được sống chứ không muốn chết; ta muốn được hạnh phúc chứ không muốn bị khổ đau. Vì ta là người muốn được sống . . . và không muốn bị khổ đau, nên nếu có ai lấy mạng ta thì ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy mạng người (hay vật) khác— người (hay vật) đó cũng muốn được sống chứ không muốn chết, muốn được hạnh phúc chứ không muốn bị khổ đau—thì người (hay vật) đó cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người (hay vật) khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người (hay vật) khác?’ (Điều gì mình không muốn thì đừng làm với người khác). Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử sát-sinh*, khuyến khích người khác *kiêng cử sát-sinh*, và khen ngợi việc *kiêng cử sát-sinh*. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.<sup>275</sup>

(2) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn lấy thứ ta không cho, đó là trộm cắp của ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta lấy thứ người khác không cho ta, tức là gian cắp của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét

như vậy, người đệ tử thánh thiện kiêng cử, *kiêng cử gian-cấp* (lấy thứ không được cho, gian lận, ăn hối lộ, tống tiền, tham nhũng...), khuyến khích người khác kiêng cử gian-cấp, và khen ngợi sự kiêng cử gian-cấp. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(3) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai muốn ngoại tình với vợ ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta đi ngoại tình với vợ của người khác, điều đó người khác đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử tà-dâm tà dục* (hành vi tính dục bất chính), khuyến khích người khác kiêng cử tà-dâm tà dục, và khen ngợi sự kiêng cử việc tà-dâm tà dục. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(4) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói dối nói sai để làm hại ta, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói dối nói sai để làm hại người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử nói dối nói láo* (không nói sai sự thật), khuyến khích người khác kiêng cử nói-dối nói láo, và khen ngợi sự kiêng cử nói-dối nói láo. Như vậy hành-vi *thân* (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(5) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai chia rẽ ta với bạn bè thân hữu bằng lời-nói gây chia-rẽ, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta chia rẽ người khác và bạn bè thân hữu của họ, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu... (tiếp tục tương tự các điều trên)...’ Như vậy hành-vi

thân (hành động) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(6) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta bằng những lời-nói gắt-gông, điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ ta nói lời gắt-gông với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu....’ Như vậy hàng-vi miệng (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(7) “Lại nữa, này các gia chủ, một người đệ tử thánh thiện biết suy xét như vậy: ‘Nếu có ai nói với ta những lời-nói tầm-phào và tán dóc (vô ích, vô bổ), điều đó ta đâu vui lòng và cam chịu. Giờ nếu ta nói lời tầm-phào và tán dóc với người khác, điều đó người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều gì không làm ta vui lòng và dễ chịu thì người khác cũng đâu vui lòng và cam chịu. Điều ta không vui lòng và cam chịu sao ta có thể làm điều đó đối với người khác?’ Sau khi suy xét như vậy, người đệ tử thánh thiện *kiêng cử lời-nói tầm-phào vô ích*, khuyến khích người khác *kiêng cử lời-nói tầm-phào vô ích*, và khen ngợi sự *kiêng cử lời-nói tầm-phào vô ích*. Như vậy hàng-vi miệng (lời nói) của người đó được thanh lọc theo ba cách.

(9)-(12) “(1) Người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn’*. (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh **55:01** ở trên)

“Này các gia chủ, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bảy phẩm-hạnh thiện lành này, cộng với bốn điều đáng có này, thì nếu muốn người đó có thể tuyên bố về bản thân mình như vậy: ‘Ta đã hết (rót vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma nạ quỷ, đã hết cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc thánh



Nhập-luu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. ”

Sau khi điều này được nói ra, những gia chủ bà-la-môn của làng Công Tre đã nói: “Thật kỳ diệu, Thầy Cò-đàm! Thật tuyệt vời, Thầy Cò-đàm!.... Chúng con xin quy y nương tựa vào Thầy Cò-đàm, vào Giáo Pháp, và vào Tăng Đoàn các Tỳ Kheo. Kể từ hôm nay mong đức Thế Tôn ghi nhớ chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa suốt đời.”

(SN 55:07)

## 8 (8) Hội Trường Gạch (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Nātika trong Hội Trường Bằng Gạch. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Sālha đã chết. Vậy chỗ đến của thầy ấy là gì, thầy ấy tái sinh về đâu? Tỳ kheo ni tên Nandā đã chết. Chỗ đến của ni ấy là gì, ni ấy tái sinh về đâu? Đệ tử tại gia nam tên Sudatta đã chết. Chỗ đến của bác ấy là gì, bác ấy tái sinh về đâu? Đệ tử tại gia nữ tên Sujātā đã chết. Chỗ đến của cô ấy là gì, cô ấy tái sinh về đâu?”

“Này Ānanda, Tỳ kheo Sālha đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô-nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Tỳ kheo ni Nandā đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn(hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát (vào một cõi trời trong-sạch thuộc năm cõi Tịnh cư thiên của bậc thánh Bất-lai), và từ cõi đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (thế gian) từ cõi đó nữa. Đệ tử tại gia nam Sudatta đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu

tiên) và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ chấm dứt mọi khổ đau.<sup>276</sup> Đệ tử tại gia nữ Sujātā đã chết, với sự phá sạch ba gông-cùm (đầu tiên), đã là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là gương Giáo Pháp, nếu được trang bị nó, thì một người đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết (rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma nạ quý, đã hết cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’

“Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là gương Giáo Pháp đó, khi được trang bị nó thì một người đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tuyên bố về mình như vậy? Ở đây, này Ānanda, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh **55:01** ở trên)

“Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là gương Giáo Pháp đó, khi được trang bị nó thì một người đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết (rớt vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma nạ quý, đã hết cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn

bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. ”

(SN 55:08)

### 9 (8) Hội Trường Gạch (2)

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo tên Asoka đã chết. Vậy chỗ đến của thầy ấy là gì, thầy ấy tái sinh về đâu? Tỳ kheo ni tên Asokā đã chết. Chỗ đến của ni ấy là gì, ni ấy tái sinh về đâu? Đệ tử tại gia nam tên Asoka đã chết. Chỗ đến của bác ấy là gì, bác ấy tái sinh về đâu? Đệ tử tại gia nữ tên Asokā đã chết. Chỗ đến của cô ấy là gì, cô ấy tái sinh về đâu?”

“Này Ānanda, Asoka đã chết, bằng sự tiêu diệt hết ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.... [*những người kế tiếp lần lượt giống những người trong kinh kể trên; rồi tiếp tục cho đến đoạn cuối:*] ...

“Này Ānanda, đây là Giáo Pháp đó, là gương Giáo Pháp đó, khi được trang bị nó thì một người đệ tử thánh thiện, nếu muốn, có thể tự tuyên bố về mình như vậy: ‘Ta đã hết (rót vào) cõi địa ngục, đã hết cõi súc sinh, đã hết cõi hồn ma nga quý, đã hết cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới. Ta là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. ’”

(SN 55:09)

### 10 (10) Hội Trường Gạch (3)

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Ānanda đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, đệ tử tại gia nam tên Kakkāṭa đã chết ở Ñātika. Vậy chỗ đến của chú ấy là gì, chú ấy tái sinh về đâu? Đệ tử tại gia nam tên Kālīṅga ... Nikata ... Kaṭissaha ... Tuṭṭha ... Santuṭṭha ... Bhadda ... Subhadda đã chết ở Ñātika. Vậy chỗ đến của chú ấy là gì, chú ấy tái sinh về đâu?

“Này Ānanda, đệ tử tại gia nam Kakkāṭa đã chết, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã tái sinh tự phát (vào một cõi trời trong-sạch thuộc năm cõi Tịnh cư thiên của những thánh Bất-lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó, không còn quay lại (thế gian) từ cõi đó nữa. Các đệ tử tại gia nam là Kālīṅga, Nikata, Kaṭissaha, Tuṭṭha, Santuṭṭha, Bhadda, và Subhadda cũng giống như vậy.

“Hơn năm mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, đã tái sinh tự phát (vào một cõi trời trong-sạch thuộc năm cõi Tịnh cư thiên của những thánh Bất-lai), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó, không còn quay lại (thế gian) từ cõi đó nữa.

Hơn chín mươi đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự đã phá sạch ba gông-cùm và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã thành một bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại thế gian này một lần nữa, rồi sẽ chấm dứt mọi khổ đau.

Năm trăm lẻ sáu đệ tử tại gia nam đã chết ở Ñātika, với sự đã phá sạch ba gông-cùm, đã là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.<sup>277</sup>

“Không có gì đáng ngạc nhiên, này Ānanda, rằng làm con người rồi ai cũng phải chết. Nhưng cứ mỗi lần có ai chết thầy lại đến gặp hỏi như vậy, điều đó sẽ làm phiền Như Lai. Bởi vậy, này Ānanda, ta sẽ dạy cho thầy một Giáo Pháp được gọi là gương Giáo Pháp.... (*tiếp tục như*

*kinh kể trên)*

“Và, này Ānanda, cái gì là Giáo Pháp đó, là gương Giáo Pháp đó, khi được trang bị nó....?”

*[Tiếp tục phần còn lại như bài kinh **55:08** ở trên.]*

**(SN 55:10)**

## NHÓM 2

### NHÓM ‘MỘT NGÀN’ hay ‘TỊNH XÁ HOÀNG GIA’

(*Rājakārāma-vagga*)

#### 11 (1) Một Ngàn

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ), trong khu Tịnh Xá (của) Hoàng Gia. Lúc đó có Tăng đoàn gồm có một ngàn Tỳ kheo ni đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, đứng sang một bên. Đức Thế Tôn đã nói với những Tỳ kheo ni đó:

“Này các Tỳ kheo ni, một người đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo ni, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh **55:01** ở trên)

“Này các Tỳ kheo ni, một người đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 55:11)

#### 12 (2) Những Bà-la-môn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, những bà-la-môn tuyên bố một đường đi họ gọi là ‘hướng thượng’. Họ khuyến khích đệ tử như vậy: ‘Này, thiện nhân, hãy thức dậy sớm và mặt nhìn hướng đông bước đi. Đừng tránh hố sâu, vực núi, hay gốc cây, chỗ gai góc, ao nước, hay hầm phân. Anh nên biết trước (trông đợi) cái chết khi rớt xuống bất cứ chỗ nào.’<sup>278</sup> Như vậy, này thiện nhân, khi thân tan rã, sau khi chết, anh sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.’

“Này các Tỳ kheo, kiểu thực hành này của những bà-la-môn là đường đi ngu ngốc, đường đi ngu xuẩn; nó không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Nhưng, này các Tỳ kheo, ta tuyên bố đường đi hướng thượng trong Giới Luật Thánh Nhân, đường đi dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đường đi hướng thượng, dẫn tới sự hoàn toàn ghê-sợ ... Niết-bàn. Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh **55:01** ở trên)

“Này các Tỳ kheo, đây là đường đi hướng thượng, nó dẫn tới sự hoàn toàn sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.”

(SN 55:12)

Trong một lần Ngài Ānanda và Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvattthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Lúc đó, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, bằng cách đẹp-bỏ bao nhiêu thứ và do có-được bao nhiêu thứ thì có những người được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy: ‘Người này là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’?”

“Này đạo hữu, đó là bằng cách đẹp-bỏ bốn điều và do có-được bốn điều nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy. Bốn đó là gì?”

(1) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự không tin tưởng vào Đức Phật*. Không như những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, (họ) bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Và người đó *có-được niềm-tin xác thực* vào Đức Phật. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’*

(2) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp*. Không như những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, (họ) bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Và người đó *có-được niềm-tin xác thực* vào



Giáo Pháp. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’*

(3) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn*. Không như những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, (họ) bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Và người đó có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm-tin vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn của các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập theo cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’*

(4) “Này đạo hữu, người đó *không-có sự thiếu giới-hạnh* (thất đức, thiếu đức hạnh). Không như những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, (họ) bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Và người đó có-được giới-hạnh. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có-được giới-hạnh, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời: (đó là) *giới-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.’*

“Này đạo hữu, chính bằng cách dẹp-bỏ bốn điều như vậy và do có-được bốn điều như vậy, nên những người đó được đức Thế Tôn tuyên bố như vậy: ‘Người này là một bậc thánh Nhập-luu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:13)

**14 (4) Nơi Đến Xấu Dữ (1)**

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi (sẽ bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ. Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị siết mẻ ... dẫn tới đạt định.’* (như kinh **55:01** ở trên). Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi một nơi đến xấu dữ.”

(SN 55:14)

**15 (5) Nơi Đến Xấu Dữ (2)**

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều là đã vượt qua mọi sự sợ-hãi (sẽ bị tái sinh trong) một nơi-đến xấu dữ, trong cõi dưới. Bốn đó là gì? *[Tiếp tục như kinh kể trên, chỉ thêm chữ “trong cõi dưới”.]*

(SN 55:15)

**16 (6) Bạn Bè và Đồng Sự... (1)**

“Này các Tỳ kheo, những người các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ và họ nghĩ các thầy nên được lắng nghe— dù đó là những bạn bè hay những đồng sự, những người thân hay họ hàng của mình—những

người này các thầy<sup>279</sup> nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong bốn yếu-tố Nhập-lưu. (bốn yếu tố của của thánh quả hay của bậc Nhập-lưu)

“Bốn đó là gì? (1) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào trong *giới-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (nội dung tương tự 04 đoạn trong kinh **55:01** ở trên).

“Này các Tỳ kheo, những người các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ .... những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong bốn yếu-tố Nhập-lưu này.”

(SN 55:16)

## 17 (7) Bạn Bè và Đồng Sự... (2)

[*Mở đầu như kinh kể trên, cho đến:*]

“Bốn đó là gì? (1) Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’*

“Này các Tỳ kheo, có thể có sự đối-khác trong bốn yếu tố tứ đại—trong yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố gió—nhưng không thể có sự đối-khác trong người đệ tử thánh thiện (đã) có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật. Sự đối-khác kiểu như: người đệ tử thánh thiện

có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma ngựa quý— điều đó là không thể có.

(2) “Các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) ... vào Tăng Đoàn ... (4) ... trong *giới-hạnh mà những thánh nhân quý trọng (quý giá), không sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’

“Này các Tỳ kheo, có thể có sự đổi-khác trong bốn yếu tố tứ đại ... nhưng không thể có sự đổi-khác trong người đệ tử thánh thiện (đã) có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... Tăng Đoàn ... trong *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*. Sự đổi-khác kiểu như: người đệ tử thánh thiện có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng* có thể bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cảnh hồn ma ngựa quý— điều đó là không thể có.

“Này các Tỳ kheo, những người các thầy có lòng bi-mẫn đối với họ ... những người này các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ trong bốn yếu-tố Nhập-lưu này.”

(SN 55:17)

## 18 (8) *Thăm Các Thiên Thần (1)*

Ở Sāvattihī.<sup>280</sup>

Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Ngài Đại Mục-kiền-liên đã biến mất khỏi Khu Vườn của thái tử Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi Ba). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Tāvātimsa đã đến gặp thầy Đại Mục-kiền-liên, kính chào thầy ấy, và đứng qua một bên. Thầy Đại Mục-kiền-liên mới nói với các thiên thần:

(1) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào

Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Phật, nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.

(2) “Này các bạn, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) ... có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*, nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

“Thưa thầy Mục-kiền-liên, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*. Bởi do có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng* nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.”

**(SN 55:18)**

### **19 (9) Thăm Các Thiên Thần (2)**

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ mọi câu “*được tái sinh trong một nơi đến tốt lành*” được đổi lại thành “*đã được tái sinh trong một nơi đến tốt lành*”]

**(SN 55:19)**

### **20 (10) Thăm Các Thiên Thần (3)**

Lúc đó, nhanh như một người khỏe mạnh duỗi hay co cánh tay, Đức Thế Tôn đã biến mất khỏi Khu Vườn của thái tử Jeta và hiện ra trước các thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, cõi trời Ba Mươi

Ba). Lúc đó, một số thiên thần thuộc cõi trời Tāvātimsa đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và đứng qua một bên. Đức Thế Tôn mới nói với các thiên thần:

(1) “Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Bởi do có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

(2) “Này các tiên, thật tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*. Bởi do có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng* nên có những chúng sinh ở đây là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

“Thưa đức Thế Tôn, đúng thực là tốt lành nếu có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*, nên có những chúng sinh ở đây là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

(SN 55:20)

## NHÓM 3

### NHÓM ‘SARAKĀNI’

(*Sarakāni-vagga*)

#### 21 (1) *Mahānāma* (1)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan; Nigrodha). Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngòai xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thành Kapilavatthu này giàu có và phát đạt, đông dân, đông đức, với đường phố chen chúc.<sup>281</sup> Vào buổi cuối chiều, khi con đang đi vô thành Kapilavatthu sau khi đi thăm viếng đức Thế Tôn hoặc những Tỳ kheo đáng kính, con gặp phải voi đi tán lạc, ngựa đi tán lạc, xe ngựa nhỏ đi tán lạc, xe ngựa lớn đi tán lạc, người đi tán lạc. Trong thời lúc đó, thưa Thế Tôn, sự chánh-niệm của con về đức Thế Tôn bị tán loạn, sự chánh-niệm của con về Giáo Pháp bị tán loạn, sự chánh-niệm của con về Tăng Đoàn bị tán loạn. Rồi ý nghĩ này đã xảy đến với con: ‘Nếu mình chết ngay lúc này, chỗ đến của mình là gì, mình sẽ tái sinh về đâu?’”

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tội tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự tội tệ.<sup>282</sup> Khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì ngay đây lũ quạ, kền kền, điều hâu, chó, chó rừng, hay những sinh vật khác ăn rĩa thân xác người đó, cái thân gồm thể sắc, được tạo thành bởi bốn yếu-tố lớn (tứ đại), bắt nguồn từ mẹ và cha, được nuôi lớn từ cơm và cháo, (mang bản chất) vô thường, phải bị chà xát và đè bóp, phải bị tan hoại và tan rã. Nhưng tâm của người đó, vốn đã được củng cố từ lâu

bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ— thì vẫn đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.<sup>283</sup>

- “Này Mahānāma, giả sử người ta nhấn chìm một hũ bơ hay một hũ dầu xuống một ao nước sâu, sau đó lấy đồ đập bể hũ ra. Những miếng bơ và mảnh vỡ đều chìm xuống dưới, nhưng bơ hay dầu ắt sẽ nổi lên trên. Cũng giống như vậy, này Mahānāma, khi tâm của một người đã được củng cố từ lâu bởi niềm-tin, giới-hạnh, sự học-hiểu, sự rộng lòng bố-thí, và trí-tuệ, thì nó sẽ đi hướng thượng, đi đến sự khác-biệt.

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tội tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự tội tệ.”

(SN 55:21)

## 22 (2) *Mahānāma* (2)

[*Giống hết kinh kể trên, cho đến:*]

“Đừng sợ, này Mahānāma! Đừng sợ sệt, này Mahānāma! Cái chết của chú không phải là một cái chết tội tệ. Sự qua đời của chú không phải là một sự tội tệ. Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn. Bốn đó là gì? Ở đây, này Mahānāma, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng ... dẫn tới đạt định.*

- “Này Mahānāma, giả sử có một cây đang đổ về, nghiêng về, và hướng về phía đông. Nếu nó bị chặt ở gốc, nó sẽ ngã về hướng nào?”

“Nó sẽ ngã theo hướng mà nó đang đổ về, nghiêng về, và hướng về, thưa Thế Tôn.”



“Cũng giống như vậy, này Mahānāma, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì đổ về, nghiêng về, và ngã về Niết-bàn.”

(SN 55:22)

### 23 (3) *Godhā*

Ở Kapilavatthu.

Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ tộc Thích-ca đến gặp ông Godhā người họ tộc Thích-ca, và nói:

“Này Godhā, bao nhiêu thứ một người phải có-được để ông có thể nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình?”

“Này ông Mahānāma, khi một người có-được ba điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Ba đó là gì? Ở đây, một người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn.... Khi một người có-được ba điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này ông Mahānāma, còn đối với ông thì bao nhiêu thứ một người phải có-được để ông nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.?”

“Này ông Godhā, đối với tôi, khi một người có-được bốn điều thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này ông Godhā, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn.... Và người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng, không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*

Khi một người có-được bốn điều này thì tôi nhìn nhận người đó là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.”

“Khoan đã, ông Mahānāma! Hãy đợi, ông Mahānāma! Chỉ đức Thế Tôn mới biết có phải người đó cần có-được những điều này hay không.”

“Vậy hãy đi, này ông Godhā, chúng ta đến chỗ đức Thế Tôn. Sau khi đến gặp, chúng ta sẽ kể lại vấn đề này cho đức Thế Tôn.”

Rồi hai ông họ tộc Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Ông Mahānāma đã kể lại vấn đề đối thoại của hai người [*sau đó ông nói thêm như vậy*]:

“Thưa Thế Tôn, ở đây có vấn đề liên quan đến Giáo Pháp có thể phát sinh. (a) Giả dụ Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó.<sup>284</sup> Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.

“Thưa Thế Tôn, ở đây có vấn đề liên quan đến Giáo Pháp có thể phát sinh. (b) Giả dụ Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên.... (c) Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên.... (d) Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có *niềm-tin* như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, ở đây có vấn đề liên quan đến Giáo Pháp có thể phát sinh. (b) Giả dụ Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, và Tăng Đoàn Tỳ kheo ni đứng một bên.... (c) Đức Thế Tôn đứng một bên và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, và các đệ tử tại gia nam đứng một bên.... (d) Đức Thế Tôn đứng một bên, và Tăng Đoàn Tỳ kheo, Tăng Đoàn Tỳ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, các đệ tử

tại gia nữ, và thế giới này có những thiên thần và Ma Vương, và Trời Brahmā, và thế hệ này có các tu sĩ và bà-la-môn, những thiên thần và loài người đứng một bên. Đức Thế Tôn đứng bên nào, con đều đứng theo bên đó. Đức Thế Tôn hãy ghi nhớ con là một người có niềm-tin như vậy.”

[Đức Thế Tôn mới nói:] “Này Godhā, khi Mahānāma họ Thích-ca đã nói ra lời như vậy, chú có muốn nói gì về ông ta nữa không?”

“Thưa Thế Tôn, khi ông Mahānāma họ Thích-ca đã nói ra lời như vậy, con không còn muốn nói gì nữa về ông ta, ngoại trừ những điều tốt lành và phúc đức cho ông ta.”<sup>285</sup>

(SN 55:23)

## 24 (4) *Sarakāni (1)*

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni<sup>286</sup> người họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông ta là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có nhóm người họ Thích-ca, sau khi gặp nhau và tụ họp, họ đã phản đối điều này, họ cầu nhau và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đáng ngạc nhiên! Vậy giờ còn có ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết thành bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni thì tu tập quá kém; ông ta còn uống rượu kia mà!”

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn nghe. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa

vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rớt xuống cõi dưới cho được? Bởi vì, nếu ai nói một cách đúng đắn mà nói về ai như vậy: ‘Người đó là một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng’, thì Sarakāni họ Thích-ca là một người mà người đó có thể nói điều đó. Nay Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao vị ấy rớt xuống cõi dưới cho được?

1- “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Và người đó cũng có niềm-tin xác thực như vậy vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Nay Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc A-la-hán)<sup>287</sup>

2- “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch năm công-cùm thấp hơn, người đó sẽ tái sinh tự phát (vào một cõi trời trong-sạch: Tịnh cư thiên), và sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó, không còn quay lại thế gian nữa. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hôn ma nạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đày đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai)

3- “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch ba công-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu

tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, và sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hôn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai)

4- “Ở đây, này Mahānāma, có người có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn, người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hôn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu)

5- “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực (tinh tấn), căn chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hôn ma ngạ quỷ, những cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là người có năm căn tâm linh; người căn trí)<sup>288</sup>

6- “Ở đây, này Mahānāma, có người không có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn. Người đó không phải là người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Và người này có đủ lòng-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi

xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngạ quỷ, cảnh giới đày đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín)

- “Này Mahānāma, ngay cả nếu những cây sa-la lớn này hiểu được những điều gì được nói hay khéo và những điều gì được nói tồi tệ, thì ta cũng tuyên bố những cây sa-la lớn này là những bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

Vậy sao ông Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã đảm nhận sự tu-tập vào lúc chết.”<sup>289</sup>

(SN 55:24)

## 25 (5) *Sarakāni* (2)

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Bấy giờ, lúc đó ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết, và đức Thế Tôn đã tuyên bố ông là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Lúc đó có một nhóm người họ tộc Thích-ca, sau khi gặp mặt và tụ họp, đã phản đối điều này, họ cầu nhau và phàn nàn về điều này, họ nói rằng: “Thật kỳ lạ! Thật đúng đáng ngạc nhiên! Vậy giờ còn có ai chưa là bậc Nhập-lưu sau khi đức Thế Tôn đã tuyên bố ông Sarakāni họ Thích-ca đã chết thành bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình? Ông Sarakāni họ Thích-ca đã đâu hoàn thành việc tu tập!”<sup>290</sup>

Rồi ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại vấn đề này cho đức Thế Tôn nghe. [Đức Thế Tôn đã nói:]

“Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao người đó rút xuống cõi dưới cho

được?... Nay Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca đã từ lâu quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì làm sao ông ấy rớt xuống cõi dưới cho được?

1- “Ồ đây, này Mahānāma, có người đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy:<sup>291</sup> *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, và người đó đã đạt tới sự giải-thoát. Bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp. Nay Mahānāma, người này đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc A-la-hán)

2- “Ồ đây, này Mahānāma, có người đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy:.... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Người đó là người có trí-tuệ hoan hỷ, có trí-tuệ tốc hành, nhưng người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã phá sạch năm gông-cùm thấp hơn, người đó đã là người sẽ sớm chứng ngộ trí-biết cuối cùng (A-la-hán) *trong kiếp này*, hoặc là người chứng ngộ trí-biết cuối cùng *vào lúc chết*, hoặc là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa đầu kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch* (thuộc năm cõi Tịnh cư thiên, dành cho bậc thánh Bất-lai), hoặc là người chứng ngộ Niết-bàn *trong nửa sau kiếp sau ở một cõi trời trong-sạch*, hoặc là người chứng ngộ Niết-bàn *không cần sự cố-gắng thêm*, hoặc là người chứng ngộ Niết-bàn *nhờ sự cố-gắng thêm*, hoặc là người đang hướng thượng, *đang hướng tới cõi trời Akaniṭṭha* (Sắc cứu kính thiên, là cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên) dành cho các bậc thánh Bất-lai).<sup>292</sup> Nay Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và

cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Bất-lai)

3- “Ở đây, này Mahānāma, có người đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy.... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, người đó là một bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian này chỉ một lần nữa, và sẽ làm nên sự chám-dứt khổ. Này Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhất-lai)

4- “Ở đây, này Mahānāma, có người đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và có niềm-tin trọn vẹn vào Phật như vậy.... Và người đó cũng có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Nhưng người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, hay trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Với sự đã tiêu diệt sạch sẽ ba gông-cùm thấp hơn, người đó là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Này Mahānāma, người này cũng vậy, cũng đã thoát khỏi địa ngục, đã thoát khỏi cõi súc sinh, và cảnh hồn ma ngạ quỷ, đã thoát khỏi cảnh giới đầy đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là bậc Nhập-lưu)

5- “Ở đây, này Mahānāma, có người không đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thân và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin, căn nỗ-lực (tinh tấn), căn



chánh-niệm, căn chánh-định, căn trí-tuệ. Và những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai được người đó chấp nhận sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí-tuệ. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngựa quý, cảnh giới đày đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là người có năm căn tâm linh, người căn trí)

6- “Ở đây, nay Mahānāma, có người không đầy lòng kính mộ đối với Đức Phật và không có niềm-tin trọn vẹn vào Phật là như vậy: ... Và người đó cũng không có niềm-tin trọn vẹn vào Giáo Pháp và Tăng Đoàn. Và người đó không phải người có trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành, và người đó chưa đạt tới sự giải-thoát. Tuy nhiên, người đó có năm thứ này: căn niềm-tin ... căn trí-tuệ. Và người đó có đủ lòng-tin vào Như Lai, có đủ lòng kính-mộ đối với Như Lai. Nay Mahānāma, người này cũng vậy, người này không đi xuống địa ngục, cõi súc sinh, hay cảnh hồn ma ngựa quý, cảnh giới đày đọa, những nơi đến xấu dữ, cõi dưới. (là người căn tín)

- “Nay Mahānāma, giả sử có một miếng ruộng xấu, một miếng đất xấu, còn đầy gốc cây chưa được dọn sạch, và những hạt giống gieo xuống đó thì bị bể nát, bị phá hư, bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách không an toàn, và trời thì chẳng hề mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây, nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách tồi tệ, được tuyên thuyết một cách tồi tệ, không mang tính giúp giải-thoát, không hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi người chưa hoàn toàn giác ngộ. Thì đó giống như một miếng ruộng xấu, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng

theo nó như vậy. Thì người đó giống như hạt giống xấu, ta nói vậy.

- “Này Mahānāma, giả sử có một miếng ruộng tốt, một miếng đất tốt, đã dọn sạch hết những gốc cây, và những hạt giống gieo xuống đó thì không bị bẻ nát, bị không phá hư, không bị hư hại bởi gió và nắng, chúng được gieo trồng một cách an toàn, và trời mưa xuống đúng lúc. Như vậy những hạt giống đó có thể mọc lên, lớn lên, và tăng trưởng hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Cũng giống như vậy, ở đây nếu một Giáo Pháp được giảng giải một cách hay khéo, được tuyên thuyết một cách hay khéo, mang tính giúp giải-thoát, hộ dẫn tới sự bình-an, được tuyên thuyết bởi bậc đã giác ngộ toàn thiện. Thì đó giống như một miếng ruộng tốt, ta nói vậy. Và người đệ tử sống trong Giáo Pháp đó cứ tu tập theo nó như vậy, thực hành đúng theo nó như vậy, dẫn dắt bản thân mình đúng theo nó như vậy. Thì người đó giống như hạt giống tốt, ta nói vậy.

Vậy tại sao Sarakāni họ Thích-ca lại là không được? Này Mahānāma, Sarakāni họ Thích-ca là người đã hoàn thành sự tu-tập vào lúc chết.”

(SN 55:25)

## 26 (6) Cấp Cô Độc (1)

Ở Sāvathī.

Bấy giờ, lúc đó có gia chủ Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika) đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gần chết. Lúc đó gia chủ Cấp Cô Độc nói với một người như vậy:

“Này, người thiện tốt, hãy đến gặp Thầy Xá-lợi-phất, nhân danh ta cúi đầu dưới chân thầy ấy để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thầy, gia chủ

Cấp Cô Độc đang bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu như gân chết; ông ấy xin cuối đầu dưới chân Thầy để kính lễ.’ Rồi hãy thưa tiếp rằng: ‘Thưa thầy, sẽ tốt lành nếu Thầy Xá-lợi-phất đến gia cư để thăm gia chủ Cấp Cô Độc vì lòng bi-mẫn.’”

“Dạ được, thưa gia chủ”, người đó đáp lại, và ông ta đi đến gặp thầy Xá-lợi-phất, kính chào thầy ấy, ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời nhắn của gia chủ. Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phất mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi tới nhà gia chủ Cấp Cô Độc, cùng đi có thầy Ānanda. Rồi các thầy ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn, và thầy Xá-lợi-phất nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

“Này gia chủ, tôi hy vọng bác đang chịu đựng tốt, tôi hy vọng bác đang đỡ hơn. Tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của bác đang lắng lặn, chứ không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của nó, không phải sự gia tăng, đang được thấy rõ.”

“Thưa thầy, con không đang chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(1) “Này gia chủ, bác *không-có sự không tin tưởng vào Đức Phật*. Không như những người phàm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa, trong một nơi đến xấu dữ, trong cõi dưới, trong địa ngục. Và bác *có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật*. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Đức Phật, nên khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm-tin vào Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của những thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực

vào Đức Phật như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(2) “Này gia chủ, bác *không-có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp*. Không như những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp ... bị tái sinh vào cảnh giới đầy đọa ... trong địa ngục. Và bác *có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp*. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm-tin vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’* Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(3) “Này gia chủ, bác *không-có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn*. Không như những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn*. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn ... được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Niềm tin vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn của các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập theo cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Khi bác quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(4) “Này gia chủ, bác *không-có sự thiếu giới-hạnh* (thiếu đức hạnh, thất đức). Không như những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự thiếu giới-hạnh ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được những giới-hạnh*. Giống như những đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, do có những giới-hạnh ... được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Đó là *những giới-hạnh mà các bậc thánh nhân*

*quý trọng, không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.* Khi bác quán xét bên trong mình *những đức-hạnh được những bậc thánh nhân quý trọng* như vậy, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(5) “Này gia chủ, {*tiếp tục yếu tố 1*} bác *không có cách-nhìn sai lạc* (tà kiến). Không như những người phạm phu không được chỉ dạy, do có những tà-kiến ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến). Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-kiến đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

(6)-(14) “Này gia chủ, {*yếu tố 2-10*} bác *không có ý-định sai lạc* (tà tư duy) ... *lời-nói sai trái* (tà ngữ) ... *hành-động sai trái* (tà nghiệp) ... *sự mưu-sinh sai trái* (tà hạnh) ... *sự nỗ-lực sai lạc* (tà tinh tấn) ... *sự chú-tâm sai lạc* (tà niệm) ... *sự định-tâm sai lạc* (tà định) ... *sự hiểu-biết sai lạc* (tà trí) ... *sự giải-thoát sai lạc* (sự giải-thoát giả). Không như những người phạm phu không được chỉ dạy, do có sự tà tư-duy ... .. sự giải-thoát giả ... bị tái sinh ... trong địa ngục. Và bác *có-được ý-định đúng đắn* (chánh tư duy) ... *lời-nói đúng đắn* (chánh ngữ) ... *hành-động đúng đắn* (chánh nghiệp) ... *sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh hạnh) ... *sự nỗ-lực đúng đắn* (chánh tinh tấn) ... *sự chú-tâm đúng đắn* (chánh niệm) ... *sự định-tâm đúng đắn* (chánh định) ... *sự hiểu-biết đúng đắn* (chánh trí) ... *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát).<sup>293</sup> Khi bác quán xét bên trong mình sự chánh-ngữ ... .. sự chánh giải-thoát đó, thì những đau đớn của bác có thể lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi những sự đau đớn của ông Cấp Cô Độc đã lắng lặn ngay tại chỗ.

Rồi gia chủ Cấp Cô Độc đã tự tay rót thức ăn từ đĩa đựng của mình để mời thầy Xá-lợi-phất và thầy Ānanda. Khi thầy Xá-lợi-phất ăn xong cơm trưa và đã dẹp bình bát qua một bên, gia chủ Cấp Cô Độc chọn chỗ ngồi thấp hơn và ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất mới cảm ơn gia chủ vì bữa cơm trưa bằng mấy dòng thi kệ này:

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai,  
Niềm-tin đã được khéo thiết lập và bất lay chuyển,  
Và hành-vi thiện được xây trên nền giới-hạnh  
Được những bậc thánh nhân quý giá và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn  
Và cách-nhìn đã được tu sửa đúng đắn,  
Thì người ta nói rằng người đó không nghèo nàn,  
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

“Bởi vậy, người thông minh có trí,  
Nên ghi nhớ Giáo Pháp của Phật,  
Nên trọn lòng với niềm-tin và giới-hạnh,  
Với sự tự-tin và tâm-nhìn của Giáo Pháp.”

Rồi thầy Xá-lợi-phất, sau khi đã nói xong mấy dòng thi kệ cảm ơn gia chủ Cấp Cô Độc, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và ra về.

Rồi thầy Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới hỏi thầy: “Này Ānanda, thầy đi đâu về giữa trưa như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, gia chủ Cấp Cô Độc đã được thầy Xá-lợi-phất khởi xướng (giáo giới) bằng những sự khởi xướng như vậy và như vậy....”

“Này Ānanda, Xá-lợi-phất là khôn trí, Xá-lợi-phất có trí-tuệ lớn lao (đại trí), theo đó là thầy ấy có thể phân tách bốn yếu-tố Nhập-lưu thành mười kiểu {(6)-(14)} như vậy.”

**(SN 55:26)**

## **27 (7) Cấp Cô Độc (2)**

[Mở đầu như kinh kể trên, nhưng lần này ông Cấp Cô Độc cho

*người đi thỉnh mời thầy Ānanda ...và đến đoạn:]*

“Thưa thầy, con không đang chịu đựng tốt, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đang gia tăng trong con, chứ không lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải lắng lặn, đang được thấy rõ.”

(I) “Này gia chủ, đối với người phạm phu không được chỉ dạy do có bốn điều nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.<sup>294</sup> Bốn điều đó là gì?

(1) “Ở đây, này gia chủ, người phạm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Đức Phật, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Phật thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Giáo Pháp, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Giáo Pháp thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm phu không được chỉ dạy có sự không tin tưởng vào Tăng Đoàn, và khi người đó suy xét bên trong mình sự không tin tưởng đó vào Tăng Đoàn thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người phạm phu không được chỉ dạy là thiếu giới-hạnh (thiếu đức hạnh, thất đức), và khi người đó suy xét bên trong mình sự thiếu giới-hạnh đó thì có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người phạm phu không được chỉ dạy do có bốn điều này nên có sự sợ hãi, có sự run sợ, có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(II) “Này gia chủ, đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được bốn điều này nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ,

không có sự sợ sệt cái chết đang tới. Bốn điều đó là gì?

(1) “Ồ đây, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Phật như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(2) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(3) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Khi người đó quán xét bên trong mình cái niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy, thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

(4) “Lại nữa, này gia chủ, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.* Khi người đó quán xét bên trong mình *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng đó,* thì không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.

“Đối với người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy có-được bốn điều này nên không có sự sợ hãi, không có sự run sợ, không có sự sợ sệt cái chết đang tới.”



- “Thưa thầy Ānanda, con không sợ sệt. Tại sao con phải sợ? Thưa thầy, bởi vì con có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn. Và đối với những giới-luật tu hành dành cho đệ tử tại gia đã được dạy bởi đức Thế Tôn, con không thấy bên trong mình có thứ (giới-hạnh) nào bị sút mẻ (bể gãy).”

“Điều đó là lợi lạc cho bác, này gia chủ! Điều đó thực sự là lợi lạc cho bác, này gia chủ! Này gia chủ, như vậy là bác đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:27)

### **28 (8) Sự Thù Ghét Đáng Sợ (1) {Cấp Cô Độc (3)}**

[*Kinh này giống hết kinh SN 12:41.*]

(SN 55:28)

### **29 (9) Sự Tù Ghét Đáng Sợ (2)**

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ khi họ đang ngồi một bên:

[*Phần còn lại giống như kinh kể trên; tức giống hết kinh SN 12:42.*]

(SN 55:29)

### **30 (10) Nadaka Người Licchavi**

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm), trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Lúc đó có ông Nandaka, là quan thượng thư (bộ trưởng) của những người Licchavi,

đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn đã nói với ông ấy:

- “Này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì? Ở đây, này Nandaka, (1) Ở đây, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán ... thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) Người đó có niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vậy: ... (4) Người đó có-được những giới-hạnh (đức hạnh) mà *những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ (như kinh **55:01** ở trên). Một đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

- “Thêm nữa, này Nandaka, một người đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều này sẽ được phú cho mạng sống đại thọ, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho sắc-đẹp, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho hạnh-phúc, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho danh-tiếng, dù ở trong cõi trời hay cõi người; người đó sẽ được phú cho quyền-hành, dù ở trong cõi trời hay cõi người. Nay ta nói điều này, này Nandaka, không phải do nghe được từ tu sĩ hay bà-la-môn nào; mà ta nói ra điều chính tực ta đã biết, đã thấy, và đã hiểu.”

Sau khi điều này được nói ra, một người (hầu cận) đã nhắc ông Nandaka, vị quan thượng thư của những người Licchavi, rằng: “Thưa ngài, đến giờ đi tắm gội.”

“Ta nói, sự tắm gội bên ngoài đã quá đủ rồi. Sự tắm gội bên-trong này mới đáng đủ, đó chính là, niềm-tin vào đức Thế Tôn.”

**(SN 55:30)**

## NHÓM 4

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC’

(*Paṭhamapuññābhisanda-vagga*)

#### 31 (1) Những Dòng Phước Đức (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc (an lạc). Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Đây là dòng chảy thứ nhất của phước-đức, dòng chảy của thiện-lành, là dưỡng chất của hạnh-phúc.

2- “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiển.’* Đây là dòng chảy thứ hai của phước-đức....

3- “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Đây là dòng chảy thứ ba của phước-đức....

4- “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.’* Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức....

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:31)

### 32 (2) Những Dòng Phước Đức (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc (an lạc). Bốn đó là gì?

[Tiếp tục y hệt kinh kể trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ*. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức....

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:32)

### 33 (3) Dòng Chảy Phước Đức (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc (an lạc). Bốn đó là gì?

[Tiếp tục y hệt kinh kể trên, riêng dòng chảy thứ tư là như sau:]

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện là có trí, người đó có-được *trí-tuệ được hướng tới ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh-diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt*

*tới sự hoàn toàn diệt-khổ.* Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức....

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, là những dưỡng chất của hạnh-phúc.”

(SN 55:33)

### 34 (4) Những Vết Chân Thiên Thánh (1)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lời đi, đường đi, dấu vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.<sup>295</sup> Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Đây là vết-chân thiên thánh thứ nhất của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày một cách hay khéo ... được tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.’* Đây là vết-chân thiên thánh thứ hai của những thiên thần....

(3) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: *‘Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành ... là ruộng gieo trồng công đức cao nhất (phước điền vô thượng) ở thế gian.’* Đây là vết-chân thiên thánh thứ ba của những thiên thần....

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ Đây là vết-chân thiên thánh thứ tư của những thiên thần....

“Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.”

(SN 55:34)

### 35 (5) Những Vết Chân Thiên Thánh (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn vết-chân thiên thánh (lối đi, đường đi, dấu vết) của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy. Bốn đó là gì?<sup>296</sup>

(1) “Ồ đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: .... Người đó quán chiếu như vậy: ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh của những thiên thần?’ Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Ta đã nghe rằng thời này các thiên thần coi *sự bất-bạo* (không ức hiếp, vô bạo lực, không hung dữ) là tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ nhất của các thiên thần....

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vậy: ... (3) ... vào Tăng Đoàn như vậy: .... Rồi người đó hiểu như vậy: (*như kể trên*) ...

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ ‘Giờ cái gì là dấu-chân thiên thánh

của những thiên thần?’ Rồi người đó hiểu như vậy: ‘Ta đã nghe rằng thời này các thiên thần coi sự bất-bạo tối thượng, và ta không mạnh bạo đối với bất cứ ai, dù mạnh hay yếu. Chắc chắn ta sống có-được một trong những dấu-chân thiên thánh.’ Đây là dấu chân thiên thánh thứ tư của các thiên thần....

“Đây là bốn vết-chân thiên thánh của những thiên thần để thanh lọc những chúng sinh chưa được thanh lọc, để thanh tẩy những chúng sinh chưa được thanh tẩy.”

(SN 55:35)

### 36 (6) Giống Nhau Với Những Thiên Thần

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống-nhau (tương đồng) của người đó [với các thiên thần]. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi trời] đang có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật, họ có ý nghĩ này: ‘Khi một người đệ tử thánh thiện có-được cùng niềm-tin xác thực vào Đức Phật như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến có mặt (tái sinh) trong số những thiên thần.’

(2) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định’*. Đối với những thiên thần đã qua đời ở đây [ở cõi người] và được tái sinh ở đó [ở cõi



trời] đang có-được cùng niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... có-được cùng giống *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng* như chúng tôi đã từng có-được khi chúng tôi qua đời ở đó [cõi người] và được tái sinh ở đây [cõi trời], thì người đệ tử đó cũng sẽ đến có mặt (tái sinh) trong số những thiên thần.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này, thì các thiên thần vui mừng và nói về sự giống-nhau của người đó [với các thiên thần].”

(SN 55:36)

### 37 (7) *Mahānāma*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan; Nigrodha). Lúc đó có ông Mahānāma (Đại Danh) người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người là một đệ tử tại gia?”

- “Này Mahānāma, khi một người đã quy y nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng, thì người đó là một đệ tử tại gia.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về giới-hạnh?”

- “Này Mahānāma, khi một đệ tử tại gia sống kiên cố: không sát-sinh, không lấy gian-cấp, không tà-dâm tà dục, không nói-dối nói láo, không uống rượu nhẹ, rượu nặng hay dùng những chất độc hại là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì người đệ tử đó đã thành tựu về mặt giới-hạnh.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-

tin (chánh tín)?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử là người có niềm-tin. Người đó đặt niềm-tin vào sự giác-ngộ của Như Lai như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về niềm-tin.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kết, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về sự rộng lòng bố-thí.”

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ?”

- “Này Mahānāma, ở đây, một đệ tử tại gia là có trí, người đó có được *trí-tuệ được hướng tới ‘sự khởi-sinh và biến-diệt’ (lẽ sinh-diệt), trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ.* Theo cách như vậy là một đệ tử tại gia thành tựu về trí-tuệ.”

(SN 55:37)

### 38 (8) Mưa

“Này các Tỳ kheo, giống như, khi mưa đổ xuống những giọt mưa nặng trên một đỉnh núi, nước sẽ chảy xuống dốc nghiêng và chảy đầy các khe núi, rạch nước, và lạch nước; rồi chúng đổ đầy các ao nước; chúng đổ đầy các hồ nước; chúng đổ đầy các dòng suối; chúng đổ đầy các dòng sông; và chúng đổ đầy biển cả; cũng giống như vậy, đối với

một người đệ tử thánh thiện, những điều này— *niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng, và những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng*— sẽ luôn chảy, sau khi đã vượt qua bên kia, chúng dẫn tới sự tiêu diệt ô-nhiễm.”<sup>297</sup>

(SN 55:38)

### 39 (9) *Kāḷigodhā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la- vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan; Nigrodha). Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa, đi đến gia cư của phu nhân Kāḷigodhā người họ Thích-ca, đến đó đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn. Rồi phu nhân Kāḷigodhā họ Thích-ca đã ra gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn mới nói với cô ấy:

“Này Godhā, một nữ đệ tử thánh thiện nếu có-được bốn điều là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này Godhā, (1) một nữ người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thân và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* (2) Cô ta có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Cô ta *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*

“Này Godhā, một nữ người đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

“Thưa Thế Tôn, đối với bốn yếu-tố Nhập-lưu đã được dạy bởi đức

Thế Tôn, những điều đó đó đã có ở trong con, và con sống đúng theo những điều đó. Bởi vì, thưa Thế Tôn, con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Thêm nữa, những gì trong nhà có thể cho đi được thì con đều chia sẻ tất cả cho những người đức-hạnh và có tính-khí thiện lành.

“Điều đó là lợi lạc cho cô, này Godhā! Điều đó thực sự là lợi lạc cho cô, này Godhā! Như vậy là cô đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:39)

#### 40 (10) *Nandiya*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan; Nigrodha). Lúc đó có ông Nandiya người họ Thích-ca đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, khi bốn yếu-tố Nhập-lưu hoàn toàn và tất thảy không-có bên trong một người đệ tử thánh thiện, thì có phải người đó là người sống lơ tâm phóng dật hay không?”

“Này Nandiya, ta nói rằng người mà bên trong mình hoàn toàn và tất thảy không-có bốn yếu-tố Nhập-lưu là ‘một người ngoài cuộc (ngoài sự tu tập, ngoài chánh đạo), người đứng trong thành phần phàm phu tục chúng’.<sup>298</sup> Nhưng, này Nandiya, còn theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ tâm phóng dật và theo cách nào là người sống một cách chuyên cần, hãy lắng nghe và chú-tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, ông Nandiya họ Thích-ca đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(I) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện

là người sống một cách lơ-tâm phóng dật?

(1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Rồi do *quá tự mãn* với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống một-mình vào ban ngày hay sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui. Khi không có niềm-vui thì không-có sự hoan-hỷ (hỷ). Khi không có sự hoan-hỷ, thì không có sự tĩnh-lặng (khinh an). Khi không có sự tĩnh-lặng, thì người đó sống khổ đau. Tâm của người sống trong sự khổ đau thì không đạt-định được. Khi tâm không đạt-định, thì các hiện-tượng không thể-hiện (hiển lộ, hiện thị... đúng như chúng thực là). Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.<sup>299</sup>

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định.*’ Rồi do *quá tự mãn* với những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng, người đó không nỗ-lực thêm cho sự sống một-mình vào ban ngày hay sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách lơ tâm như vậy, thì không có niềm-vui ... Bởi do những hiện-tượng (các pháp) không thể-hiện, nên người đó được quy là ‘người sống một cách lơ-tâm phóng dật’.

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách lơ-tâm phóng dật.

(II) “Và này Nandiya, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-cần?

(1) Ở đây, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được

niềm-tin xác thực vào Đức Phật như vậy: *‘Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.’* Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Phật, người đó càng thêm nỗ-lực cho sự sống một-mình vào ban ngày và sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra. Khi có niềm-vui, thì có sự hoan-hỷ. Khi tâm được nâng bổng bởi sự hoan-hỷ, thì thân được tĩnh-lặng (khinh an). Một người tĩnh-lặng trong thân, thì trải nghiệm sự hạnh-phúc (lạc). Tâm của một người hạnh-phúc thì dễ đạt-định. Khi tâm đạt-định, thì những hiện-tượng sẽ hiển hiện (đúng như chúng là). Do những hiện-tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-cần.’

(2) “Lại nữa, này Nandiya, một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt-định.*” Nhưng không tự mãn với niềm-tin xác thực đó vào Giáo Pháp ... vào Tăng Đoàn ... vào những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng, người đó càng thêm nỗ-lực cho sự sống-một mình vào ban ngày và sự sống tách-ly (ẩn dật) vào ban đêm. Khi người đó sống một cách chuyên cần như vậy, thì niềm-vui được sinh ra ... Do những hiện-tượng hiển hiện như vậy, nên người đó được gọi là ‘người sống một cách chuyên-cần.’

“Này Nandiya, chính theo cách như vậy là một người đệ tử thánh thiện là người sống một cách chuyên-cần.”

(SN 55:40)

## NHÓM 5

### NHÓM ‘NHỮNG DÒNG PHƯỚC ĐỨC—CÓ THI KỆ’

(*Sagāṭhakapuññābhisanda-vagga*)

#### 41 (1) Những Dòng Chảy Phước Đức (1)

[Phần mở đầu y hết kinh 55:31 ở trên, rồi tiếp tục như sau:]

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức, bốn dòng chảy của thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó mà nói: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó là nhiều bao nhiêu vậy, hay nhiều bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng.

“Này các Tỳ kheo, giống như không dễ gì đo lường nước trong đại dương mà nói: ‘Có rất nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’, hay ‘nhiều ngàn thùng nước’ hay ‘nhiều trăm ngàn thùng nước’ như vậy, hay như vậy; mà phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lượng; cũng giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Như nhiều dòng sông được dùng bởi bao quân chúng,  
Đều chảy xuống dốc,  
Cuối cùng ra tới biển,  
Thành một khối nước khổng lồ, một biển nước vô biên,  
Bể chứa đáng sợ, lại chứa đầy châu báu;

“Giống vậy, những dòng chảy ùa (phước đức)

tới người có trí—

Đó là người biết bố thí thức ăn, thức uống, quần áo,

Chu cấp giường chiếu, chỗ ngồi, và chăn mền—

Như những dòng sông ủa nước tới biển cả.”

(SN 55:41; giống phần kinh AN 4:51)

## 42 (2) Những Dòng Chảy Phước Đức (2)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức.... Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2)... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn....

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện *sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo-kiệt, rộng lòng bố thí, mở tay giúp đỡ, vui thích sự từ-bỏ, là người tận tâm với việc từ-thiện, vui thích sự cho-đi và chia-sẻ.*

“Đó là bốn dòng chảy của phước-đức....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức, bốn dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vậy: ‘Dòng chảy của phước đức, dòng chảy của thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vậy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lường.

“Này các Tỳ kheo, giống như ở một nơi (hợp lưu) những dòng sông lớn gặp nhau và hội tụ—đó là, sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—không dễ gì đo lường nước ở đó như vậy: ‘Có nhiều thùng nước’, hay ‘nhiều trăm thùng nước’ ... nhưng phải coi đó là một khối nước khổng lồ, vô lường, vô lường; cũng



giống như vậy, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy của phước-đức ... phải coi đó là một khối phước-đức lớn lao, vô lường, vô lượng.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

[*Y hết phần thi kệ của kinh kể trên*]

(SN 55:42)

### 43 (3) Những Dòng Chảy Phước Đức (3)

“Này các Tỳ kheo, có bốn dòng chảy này của phước-đức.... Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2)... Giáo Pháp ... (3) ... Tăng Đoàn....

(4) “Lại nữa, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện *là có trí, người đó có-được trí-tuệ được hưởng tới ‘lẽ sinh-diệt’, trí-tuệ đó là thánh thiện và mang tính thâm nhập, dẫn dắt tới sự hoàn toàn diệt-khổ*. Đây là dòng chảy thứ tư của phước-đức....

“Đây là bốn dòng chảy của phước-đức....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện có-được bốn dòng chảy phước-đức, bốn dòng chảy thiện-lành, thì không dễ gì đo lường phước-đức của người đó như vậy: ‘Dòng chảy phước đức, dòng chảy thiện lành của người đó rất nhiều bao nhiêu vậy, bao nhiêu vậy’; mà phải coi đó là một khối phước đức vĩ đại, vô lường, vô lượng.

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Ai mong muốn phước-đức,

Muốn được thiết lập trong sự thiện lành,  
Hãy tu tập con đường đạt tới sự Bất tử;  
Người đã đạt tới cốt-lõi của Giáo Pháp,  
Vui thích sự tiêu-diệt (những ô-nhiễm),  
Không run sợ khi nghĩ tới chuyện:  
“Thần Chết sẽ đến mình.”<sup>300</sup>

(SN 55:43)

#### 44 (4) Giàu Có (1)

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*’.

“Một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều này thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải.”

(SN 55:44)

#### 45 (5) Giàu Có (2)

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được bốn điều thì được cho là giàu có, có nhiều tài sản và của cải, có danh tiếng tốt. Bốn đó là gì?

[Tiếp tục 04 điều như kinh kể trên.]

(SN 55:45)

#### 46 (6) *Bản Kinh Ngẩn Gọn*

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình. Bốn đó là gì?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, (1) một người đệ tử thánh thiện có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Người đó có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*’.

“Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện mà có-được bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của mình.

(SN 55:46)

#### 47 (7) *Nandiya*

Ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ).

Lúc đó đức Thế Tôn đã nói với ông Nandiya người họ Thích-ca khi ông đang ngồi một bên:

[Phần còn lại nội dung y hết kinh kể trên.]

(SN 55:47)

#### 48 (8) *Bhaddiya*

[Y hết kinh kể trên, được nói cho ông Bhaddiya họ Thích-ca.]

(SN 55:48)

### **49 (9) Mahānāma**

[Y hệt kinh kể trên, được nói cho ông Mahānāma họ Thích-ca.]

**(SN 55:49)**

### **50 (10) Những Yếu Tố**

“Này các Tỳ kheo, có bốn yếu-tố này để Nhập-lưu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Đây là bốn yếu-tố để Nhập-lưu.”<sup>301</sup>

**(SN 55:50)**

## NHÓM 6

### NHÓM ‘NGƯỜI CÓ TRÍ’

(*Sappañña-vagga*)

#### 51 (1) Kinh Có Thi Kệ

[Phần lời kinh bằng văn xuôi giống hết như kinh 55:46 ở trên.]

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:<sup>302</sup>

“Khi người có niềm-tin vào Như Lai,  
Niềm-tin đã được khéo thiết lập và bất lay chuyển,  
Và hành-vi thiện được xây trên nền giới-hạnh  
Được những bậc thánh nhân quý trọng và khen ngợi;

“Khi người đã có niềm-tin vào Tăng Đoàn  
Và cách-nhìn đã được tu sửa đúng đắn,  
Thì người ta nói rằng người đó không nghèo nàn,  
Rằng đời sống của người đó là không vô ích.

“Bởi vậy, người thông minh có trí,  
Nên ghi nhớ Giáo Pháp của Phật,  
Nên trọn lòng với niềm-tin và giới-hạnh,  
Với niềm tự-tin và tầm-nhìn của Giáo Pháp.”

(SN 55:51)

#### 52 (2) Người Trú Xong Kỳ An Cư Mùa Mưa

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika). Bấy giờ, lúc đó có một Tỷ kheo mới

trú xong kỳ an cư mùa mưa (kiết hạ) ở Sāvattthī đã đến Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) vì công chuyện. Những người họ tộc Thích-ca nghe tin rằng: “Nghe nói có một Tỳ kheo vừa mới xong kỳ an cư mùa mưa ở Sāvattthī mới đến Kapilavatthu.”

Rồi những người họ Thích-ca ở Kapilavatthu đó đã đến gặp Tỳ kheo đó, và kính chào thầy ấy, sau đó họ ngồi xuống một bên, và thưa với thầy ấy:

“Thưa thầy, chúng con hy vọng đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, đức Thế Tôn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng thầy Xá-lợi-phất và thầy Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, thầy Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, chúng con hy vọng các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Này các đạo hữu, các Tỳ kheo trong Tăng Đoàn vẫn khỏe mạnh.”

“Thưa thầy, thầy có được nghe hay học điều gì khi có mặt đức Thế Tôn trong thời gian an cư mùa mưa hay không?”

(1) “Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải-thoát vô nhiễm của tâm, sự giải-thoát nhờ trí-tuệ, tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo, với sự phá sạch năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết-sử), đã trở thành (người sẽ) tái sinh tự phát (trong một trong năm cõi trời trong-sạch, Tịnh cư thiên), sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này nữa (tức Bất-lai).’

(2) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã

nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều những Tỳ kheo ... sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn những Tỳ kheo, với sự đã phá sạch ba gông-cùm thấp hơn và đang giảm thiểu tham, sân, si, đã trở thành bậc thánh Nhất-lai, sau khi quay lại thế gian một lần nữa, sẽ làm nên sự chấm-dứt khổ.’

(3) “Thêm nữa, này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe và học được điều này: ‘Này các Tỳ kheo, (i) một số ít các Tỳ kheo, bằng sự tiêu diệt mọi ô-nhiễm ... tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp (tức A-la-hán). (ii) Một số nhiều ... sẽ chứng ngộ Niết-bàn ở đó chứ không còn quay lại thế gian này nữa (tức Bất-lai). (iii) Một số nhiều hơn ... đã trở thành bậc thánh Nhất-lai.... (iv) Một số nhiều hơn nữa các Tỳ kheo, với sự phá sạch ba gông-cùm thấp hơn, đã trở thành bậc thánh Nhập-luu, không còn bị trói buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của mình.’”

(SN 55:52)

### 53 (3) *Dhammadinna*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana, (Isipatana có nghĩa là nơi những thiên thần hạ giới). Lúc đó có một đệ tử tại gia tên Dhammadinna, cùng với năm trăm đệ tử tại gia, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.<sup>303</sup> Sau khi ngồi xuống một bên, vị đệ tử tại gia Dhammadinna thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy khởi xướng chúng con và chỉ dạy chúng con theo một cách để dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu cho chúng con.”

“Này Dhammadinna, như vậy các người nên tu tập bản thân như vậy: Lúc này lúc khác chúng ta sẽ thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không.’ Các người nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, sẽ không dễ dàng cho chúng con—khi đang sống ở trong nhà với con cháu, dùng gỗ đàn hương và lụa Kāsi, mang vòng hoa, xúc nước hoa, và cao sáp, nhận lãnh vàng bạc—mà thường xuyên chứng nhập và an trú trong những bài thuyết giảng đã được Như Lai nói ra, chúng là sâu sắc, sâu sắc về ý nghĩa, xuất thế gian, liên hệ đến tính-không. Chúng con mong Thế Tôn chỉ dạy thêm Giáo Pháp cho chúng con.”

“Như vậy, này Dhammadinna, các người nên tu tập bản thân như vậy: (tâm nguyện) (1) ‘Chúng ta sẽ có-được niềm-tin xác thực vào Đức Phật ... (2) ... vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Chúng ta sẽ có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*’. Các người nên tu tập bản thân theo cách như vậy.”

“Thưa Thế Tôn, đối với bốn yếu-tố Nhập-lưu đã được chỉ dạy bởi Thế Tôn, những điều đó đã có bên trong chúng con, và chúng con sống đúng theo những điều đó. Thưa Thế Tôn, vì chúng con có-được niềm-tin xác thực vào Phật, Pháp, và Tăng. Chúng con có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sút mẻ ... dẫn tới đạt định*”

“Đó là lợi lạc cho các người, này Dhammadinna! Đó thực sự là lợi lạc cho các người, này Dhammadinna! Như vậy là các người đã tuyên bố thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:53)



## 54 (4) Bị Bệnh

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích-ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Vườn Cây Đa Đề (cây Banyan; Nigrodha). Bấy giờ, lúc đó có một số Tỷ kheo đang may y phục cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng:

“Sau ba tháng, khi y phục đã may xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Ông Mahānāma (Đại Danh) họ Thích-ca đã nghe tin: “Nghe nói rằng, một số Tỷ kheo đang may y phục cho đức Thế Tôn, họ nghĩ rằng, sau ba tháng, khi y phục đã may xong, đức Thế Tôn sẽ lên đường đi du hành.”

Rồi ông Mahānāma họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nghe tin một số Tỷ kheo đang may y phục cho Thế Tôn.... Giờ, con chưa nghe được và học được khi có mặt đức Thế Tôn về cách mà một đệ tử tại gia hiền trí khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được khởi xướng bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác.”

1- “Này Mahānāma, một đệ tử tại gia hiền trí<sup>304</sup> khi bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết, nên được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an ủi như vậy: ‘Mong ngài<sup>305</sup> được yên ủi. (1) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật như vậy: *“Đức Thế Tôn là một A-la-hán ... thầy của các thiên thần và loài người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.”* (2) Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Giáo Pháp ... (3) ... vào Tăng Đoàn.... (4) Quý ngài đã có-được *những giới-hạnh mà những bậc thánh nhân quý trọng (quý giá), không bị sứt mẻ ... dẫn tới đạt định’*.

2- “Sau khi một đệ tử tại gia hiền trí bị bệnh, đau đớn, bệnh yếu gần chết được an ủi bởi một đệ tử tại gia hiền trí khác với bốn điều an

úi như vậy, thì người đó nên được hỏi thêm: ‘Ngài có lo lắng về cha mẹ mình không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về cha mẹ của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của mình.’

3- “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về cha mẹ của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về vợ con hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Nhưng, thưa ngài, ngài cũng phải chết. Dù ngài có lo lắng về vợ con của mình hay không, thì ngài cũng phải chết. Vì vậy, mong ngài dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của mình.’

4- “Nếu người đó nói: ‘Tôi đã dẹp bỏ sự âu lo về vợ con của tôi rồi’, thì người đó nên được hỏi: ‘Vậy ngài có lo lắng về năm dây khoái-lạc giác-quan (dục lạc) hay không?’ Nếu người đó trả lời: ‘Tôi có’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những dục-lạc ở cõi trời còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những dục-lạc ở cõi người. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi những dục-lạc cõi người và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương.’

5- “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi những dục-lạc cõi người và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, những thiên thần cõi trời Tāvātīṣa (Đao-lợi, Ba Mươi Ba) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi những thiên thần cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần cõi trời Đao-lợi.’

6- “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Tāvātīṣa’, thì người đó nên được nói: ‘Này

đạo hữu, những thiên thần cõi trời Yāma ... những thiên thần cõi trời Tusita (Đâu-suất) ... những thiên thần thích sáng tạo ở cõi trời Nimmānarati (Hóa lạc thiên)... những thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác ở cõi trời Paranimmitavasavattī (Tha hóa tự tại thiên) ... những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm thiên) còn siêu xuất hơn và siêu việt hơn những thiên thần cõi trời Đao-lợi. Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi (cảnh) những thiên thần cõi trời Tāvātimsa và quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā. <sup>306</sup>

7- “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Paranimmitavasavattī (Tha hóa tự tại thiên) và đã quyết tâm hướng tới (cảnh) những thiên thần ở cõi trời Brahmā (Phạm thiên)’, thì người đó nên được nói: ‘Này đạo hữu, ngay cả cõi trời Brahmā cũng là vô thường, không ổn định mãi mãi, vẫn còn nằm trong danh-tính (thân kiến). Vậy mong ngài hãy thu tâm khỏi cảnh trời Brahmā và hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính luôn. <sup>307</sup>

8- “Nếu người đó nói: ‘Tâm tôi đã rút khỏi cõi trời Brahmā và tôi đã hướng tâm tới sự chấm-dứt danh-tính’, thì, này Mahānāma, ta nói, như vậy không còn sự khác-biệt nào giữa một đệ tử tại gia đã được giải-thoát trong tâm như vậy và một Tỳ kheo đã được giải-thoát trong tâm cả trăm năm rồi, <sup>308</sup> tức là, không có sự khác-biệt giữa sự giải-thoát của người này và của người khác.”<sup>309</sup>

(SN 55:54)

## 55 (5) Thánh Quả Nhập-Luu

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhập-luu. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự

chúng ngộ thánh quả Nhập-lưu.”

(SN 55:55)

### **56 (6) Thánh Quả Nhất-Lai**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Nhất-lai. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 kể trên*].”

(SN 55:56)

### **57 (7) Thánh Quả Bất-Lai**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả Bất-lai. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 ở trên*].”

(SN 55:57)

### **58 (8) Thánh Quả A-la-hán**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự chứng ngộ thánh quả A-la-hán. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 ở trên*].”

(SN 55:58)

### **59 (9) Sự Đạt Được Trí-Tuệ**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự đạt được trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 ở trên*].”

(SN 55:59)

**60 (10) Sự Phát Triển Trí-Tuệ**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự phát triển (tăng trưởng) trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 ở trên*].”

(SN 55:60)

**61 (11) Sự Gia Tăng Trí-Tuệ**

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự gia tăng (khuyếch trương) trí-tuệ. Bốn đó là gì? ... [*tiếp tục như kinh 55:55 ở trên*].”

(SN 55:61)

## NHÓM 7

### NHÓM ‘ĐẠI TRÍ’

(*Mahapañña-vagga*)

#### **62 (1) *Sự Lớn Lao Của Trí-Tuệ***

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-lao của trí-tuệ. Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn lao của trí-tuệ.”

(SN 55:62)

#### **63 (2) — 74 (13) *Sự Lớn Rộng... Của Trí-Tuệ***

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới sự lớn-mạnh của trí-tuệ ... sự bao-la của trí-tuệ ... sự thâm-sâu của trí-tuệ ... trạng thái vô-song của trí-tuệ<sup>310</sup> ... bề-rộng của trí-tuệ ... sự dò-dào của trí-tuệ ... sự nhanh-chóng của trí-tuệ ... sự nổi-trội của trí-tuệ ... sự vui-sướng của trí-tuệ ... sự tốc-hành của trí-tuệ ... sự sắc-bén của trí-tuệ ... tính thâm-nhập của trí-tuệ.<sup>311</sup> Bốn đó là gì? (1) Giao lưu với những bậc thượng nhân, (2) nghe học Giáo Pháp đích thực (chân pháp), (3) sự chú-tâm kỹ càng (như lý tác ý), (4) thực hành đúng theo Giáo Pháp. Bốn điều này, khi được tu tập và tu dưỡng, sẽ dẫn tới tính thâm-nhập của trí-tuệ.”

(SN 55:63—74)

## Chương 56

### **Liên Kết CHÂN LÝ (DIỆU ĐỀ)**

(56 *Sacca-samyutta*)

(56 *Tương ưng Đề*)





# NHÓM 1

## NHÓM ‘ĐỊNH TÂM’

(*Samādhi-vagga*)

### 1 (1) *Sự Định Tâm*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.<sup>312</sup>

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’, đúng như chúng thực là.

“Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’.<sup>313</sup> Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:01)

### 2 (2) *Sự Tách Ly* (ẩn dật)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, hãy cố gắng trong sự tách-ly (sống tách ly, ẩn dật thiên tập). Một Tỳ kheo là người tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.<sup>314</sup>

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Người đó hiểu: ‘Đây là khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Người đó hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’, đúng như chúng thực là.

“Này các Tỳ kheo, hãy cố gắng trong sự tách-ly. Một Tỳ kheo là người tách-ly sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:02)

### 3 (3) Những Người Họ Tộc (1)

“Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong *quá-khứ* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả họ đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào (chúng ngộ) Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *tương-lai* sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế [sự thật thánh diệu, chân lý, thánh lý, thánh đế] về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Những người họ tộc trong *quá-khứ* ... *tương-lai* ... *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành, tất cả đều làm vậy là

để làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:03)

#### 4 (4) Những Người Họ Tộc (2)

“Này các Tỳ kheo, những người họ tộc trong *quá-khứ* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm nên sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *trương-lai* sẽ đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và sẽ làm nên sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những người họ tộc trong *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm nên sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Những người họ tộc trong *quá-khứ* ... *trương-lai* ... *hiện-tại* đã đúng đắn từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành và đã làm nên sự đột-phá vào mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:04)

## 5 (5) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (1)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* đã hoàn toàn giác ngộ (thức tỉnh) về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *tương-lai* sẽ hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *hiện-tại* đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về khô, diệu-đế về nguồn-gốc khô, diệu-đế về sự chấm-dứt khô, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* ... *tương-lai* ... *hiện-tại* đã hoàn toàn giác ngộ với mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:05)

## 6 (6) Những Tu Sĩ và Bà-la-môn (2)

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* đã cho thấy chính họ đã giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều đã cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *trương-lai* sẽ cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều sẽ cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *hiện-tại* cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? (đó là) Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Những tu sĩ và bà-la-môn trong *quá-khứ* ... *trương-lai* ... *hiện-tại* cho thấy mình đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều cho thấy mình đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:06)

## 7 (7) Những Ý Nghĩ

“Này các Tỳ kheo, đừng nghĩ những ý nghĩ xấu ác bất thiện; đó là: ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ ác-ý, ý nghĩ làm-hại. Vì lý do gì? Này các

Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nghĩ, các thầy nên nghĩ: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’. Các thầy nên nghĩ: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chám dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những ý nghĩ đó là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và là dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chám dứt khổ’.”

(SN 56:07)

## 8 (8) Sự Suy Xét

“Này các Tỳ kheo, đừng suy xét (quán chiếu, suy tư) một cách không thiện khéo (về những vấn đề):<sup>315</sup> ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô tận’ hay ‘thế giới là hữu tận’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét này là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:08)

## 9 (9) *Nói Chuyện Tranh cãi*

“Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự tranh cãi, sự nói chuyện kiểu như: ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn nghĩ lâu mới ra đã bị bác bỏ. Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự gỡ rối cho mình, nếu bạn có thể.’<sup>316</sup> Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện tranh cãi như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói

chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vậy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và là dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:09)

## 10 (10) Nói Chuyện Vô Bổ

“Này các Tỳ kheo, đừng dính vào sự nói chuyện vô-bổ,<sup>317</sup> đó là: sự nói chuyện về vua chúa, về kẻ trộm, và về các quan thần; nói chuyện về binh lính, về nguy cơ, và chiến tranh; nói chuyện về thức ăn, thức uống, quần áo, và giường chiếu; nói chuyện về vòng hoa và nước hoa; nói chuyện về những quan hệ quen biết, về xe cộ, làng xã, quận thị, thành phố, và xứ sở; nói chuyện về phụ nữ và nói chuyện về những anh hùng; nói chuyện ở ngoài đường, trong chợ và nói chuyện ở giếng làng, hàng quán; nói chuyện về những người đã chết, đã mất; nói chuyện tán dóc dong dài; nói chuyện suy đoán về thế giới và về biển cả; nói chuyện về sự trở thành (tái sinh) này, trở thành nọ. Vì lý do gì? Đây các Tỳ kheo, vì những sự nói chuyện vô bổ như vậy là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy nói chuyện, các thầy nên nói



chuyện: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên nói chuyện: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, vì sự nói chuyện như vậy là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và là dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

**(SN 56:10)**

## NHÓM 2

### NHÓM ‘CHUYỂN DỊCH BÁNH XE GIÁO PHÁP’

(*Dhamma-cakkappvattana-vagga*)

#### 11 (1) *Chuyển Dịch Bánh Xe Giáo Pháp*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Bārānasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với nhóm năm vị tu sĩ như vậy:<sup>318</sup>

“Này các Tỳ kheo, có hai cực đoan này những người xuất gia không nên sống theo. Hai đó là gì? (i) Sự sống theo đuổi hạnh-phúc giác-quan (thuộc nhục dục) trong những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), cách đó là thấp hèn, phàm tục, là cách của những người phàm phu thế tục, nó không thánh thiện, không lợi lạc; và (ii) sự theo đuổi cách hành-xác bản thân, cách đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không ngã theo cực đoan nào như vậy, Như Lai đã giác ngộ (thức tỉnh) con đường trung-đạo, nó giúp khởi sinh tầm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ? Đó chính là con đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn. Này các Tỳ kheo, đây chính là con đường trung-đạo mà Như Lai đã giác ngộ, nó giúp khởi sinh tầm-nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu-biết, và dẫn tới sự bình-an, tới trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

(1) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là *diệu-đế về khổ*: Sinh là khổ,

già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ;<sup>319</sup> gặp những gì không thích là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn: năm-uẩn bị dính chấp là khổ.

(2) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là *diệu-đế về nguồn-gốc khổ*: Chính dục-vọng [sự thèm khát] này dẫn dắt tới sự tái hiện-hữu (tái sinh), đi kèm với khoái-lạc và nhục-dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ khác; đó là dục-vọng muốn được khoái-lạc giác-quan (dục ái), dục vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục vọng muốn bị hủy-diệt (phi hữu ái).

(3) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là *diệu-đế về sự chấm-dứt khổ*: Đó là sự hoàn toàn phai-biến và chấm-dứt của dục-vọng đó, là sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc nó.

(4) “Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là *diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ*: Đó là Bát Thánh Đạo, đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

(1) “*‘Đây là diệu-đế về khổ’*: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*‘Diệu-đế về khổ này nên được hiểu hoàn-toàn’*: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó

“*‘Diệu-đế về khổ này đã được hiểu hoàn-toàn’*: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [***Sự khổ phải nên hiểu!***]

(2) “*‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’*: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*‘Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ’*: như vậy đó,

trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [***Nguồn-gốc khổ phải nên trừ bỏ!***]

(3) “*Đây là diệu-đế về sự chám-dứt khổ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về sự chám-dứt khổ này nên được chứng-ngộ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về sự chám-dứt khổ này đã được chứng-ngộ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [***Sự chám-dứt khổ phải nên đạt tới!***]

(4) “*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chám-dứt khổ*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chám-dứt khổ này nên được tu-tập*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chám-dứt khổ này đã được tu-tập*’: như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. [***Chánh Đạo phải nên tu tập!***]

“*Này các Tỳ kheo, chùng nào trí-biết và tầm-nhìn của ta chưa*

được thanh lọc thấu suốt về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy<sup>320</sup>, thì ta *không* tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối cao trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người. Nhưng khi trí-biết và tâm-nhìn của ta *đã* được thanh lọc thấu suốt về Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, theo ba giai đoạn và mười hai phần như vậy, ta tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối cao đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có những tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người. Trí-biết và tâm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát này là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhóm năm vị Tỳ kheo vui mừng và hài lòng với lời tuyên thuyết của Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, bên trong thầy Koṇḍañña (Kiều-trần-như) đã khởi sinh tâm-nhìn không còn dính bụi (và) hết dính nhiễm về Giáo Pháp: “*Cái gì khởi sinh thì biến diệt.*” (có sinh là có diệt; mọi thứ đều sinh diệt; mọi thứ chỉ là sự sinh-diệt)

Và khi bánh xe Giáo Pháp đã được chuyển dịch bởi đức Thế Tôn,<sup>321</sup> những thiên thần ở trần gian (sống ở trái đất, như địa thần) cất tiếng nói to: “Ồ Bārāṇasī, trong khu Vườn Nai ở Isipatana, bánh xe Giáo Pháp tối thượng đã được dịch chuyển bởi đức Thế Tôn, nó không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.” Sau khi nghe tiếng nói của các thiên thần ở trần gian, các thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương đã cất tiếng nói to: “Ồ Bārāṇasī ... không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.” Sau nghe tiếng nói của các thiên thần trên cõi trời Tứ Đại Thiên Vương, các thiên thần ở cõi trời Tāvātimsa (Đao-lợi, Ba

Mười Ba) ... các thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma) ... các thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất) ... các thiên thần khoái thích sáng tạo (Hóa lạc thiên) ... các thiên thần kiểm soát sự sáng tạo của các thiên thần khác (Tha hóa tự tại thiên) ... những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vua Trời Brāhma (Phạm thiên) đã cất tiếng nói to: “Ở Bārāṇasī ... không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế gian.”

Vậy đó, vào lúc đó, trong thời điểm đó, trong khoảng khắc đó, trong giây khắc đó, lời hô vang đã truyền xa tới tận cõi trời Brāhma, và khắp hệ mười ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và đã xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm-uy cõi trời của các thiên thần.

Rồi đức Thế Tôn đã nói câu nói đầy cảm hứng này: “Thầy Koṇḍañña đã thực sự hiểu! Thầy Koṇḍañña đã thực sự hiểu!” Do cách như vậy nên thầy Koṇḍañña đã có được cái tên là “Añña Koṇḍañña—(nghĩa là) Koṇḍañña Người Đã Hiểu.”

(SN 56:11)

## 12 (2) Những Như Lai

(1) “*‘Đây là diệu-đế về khổ’*: như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong những Như Lai đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*‘Diệu-đế về khổ này nên được hiểu hoàn-toàn’*: như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

“*‘Diệu-đế về khổ này đã được hiểu hoàn-toàn’*: như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh tâm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-

nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

**[Sự khổ phải nên hiểu!]**

(2) “*Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ*’ ...

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này nên được trừ-bỏ*’ ...

“*Diệu-đế về nguồn-gốc khổ này đã được trừ-bỏ*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. **[Nguồn-gốc khổ phải nên trừ bỏ!]**

3. “*Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ*’ ...

“*Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này nên được chứng-ngộ*’ ...

“*Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ này đã được chứng-ngộ*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. **[Sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới!]**

(4) “*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ*’ ...

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này nên được tu-tập*’ ...

“*Diệu-đế về con-đường dẫn đến sự chấm-dứt khổ này đã được tu-tập*’, như vậy đó, trong những Như Lai đã khởi sinh tầm-nhìn, sự hiểu-biết, trí-tuệ, sự thâm-nhập, và ánh-sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó. **[Chánh Đạo phải nên tu tập!]**

**(SN 56:12)**

### **13 (3) Các Vấn**

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về khổ*? Nên nói đó là: năm uẩn bị dính-chấp; đó gồm: uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp. Đây được gọi là diệu-đế về khổ. (Khổ đế)

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về nguồn-gốc khổ*? Đó chính là dục-vọng này dẫn tới sự tái hiện-hữu, đi kèm bởi sự khoái lạc và tham muốn, tìm kiếm khoái lạc chỗ này chỗ nọ; đó gồm: dục-vọng có được khoái-lạc giác-quan (dục ái), dục vọng muốn được hiện-hữu (hữu ái), dục-vọng muốn bị hủy-diệt (phi hữu ái). Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ. (Tập đế)

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về *sự chấm-dứt khổ*? Đó là sự phai-biến sạch sẽ và sự chấm-dứt dục-vọng đó, sự buông-bỏ và từ-bỏ nó, sự tự-do khỏi nó, sự không-còn phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. (Diệt đế)

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là diệu-đế về *con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ*? Đó là Bát Thánh Đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ. (Đạo đế)

“Này các Tỳ kheo, đây là Bốn Diệu Đế.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:13)

## 14 (4) Những Giác Quan

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-



đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *diệu-đế về khổ*? Nên nói đó là: sáu giác-quan [sáu cơ-sở cảm-nhận bên trong, sáu nội xứ]. Sáu đó là gì? Giác-quan mắt, giác-quan tai, giác-quan mũi, giác-quan lưỡi, giác-quan thân, và giác-quan tâm. Đây được gọi là *diệu-đế về khổ*.” (Khổ đế)

[*Tiếp tục 03 phần còn lại như kinh kể trên.*]

(SN 56:14)

### 15 (5) Nhớ (1)

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, con nhớ *khổ* là diệu-đế thứ nhất đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ *nguồn-gốc khổ* là diệu-đế thứ hai đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ *sự chấm-dứt khổ* là diệu-đế thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy. Con nhớ *con-đường dẫn tới sự chấm-dứt khổ* là diệu-đế thứ tư đã được Thế Tôn chỉ dạy. Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, *khổ* là *diệu-đế thứ nhất* đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. *Nguồn-gốc khổ* là *diệu-đế thứ hai* đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. *Sự chấm-dứt khổ* là *diệu-đế thứ ba* đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. *Con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ* là *diệu-đế thứ tư* đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Này Tỳ

kheo, theo cách như vậy, hãy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:15)

## 16 (6) Nhớ (2)

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

Khi câu này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con nhớ Bốn Diệu Đế đã được Thế Tôn chỉ dạy.”

“Nhưng, này Tỳ kheo, theo cách nào thầy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy?”

“Thưa Thế Tôn, (1) con nhớ *khổ* là diệu-đế thứ nhất đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây không phải là diệu-đế thứ nhất về khổ đã chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đế thứ nhất về khổ đó, tôi sẽ chỉ ra diệu-đế thứ nhất khác về khổ.’ — điều này là không thể có.

(2) “Con nhớ *nguồn-gốc khổ* là diệu-đế thứ hai đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn ... (3) ... *sự chấm-dứt khổ* là diệu-đế thứ ba đã được Thế Tôn chỉ dạy ... (4) *con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ* là diệu-đế thứ tư đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vậy: ‘Đây không phải là diệu-đế thứ tư về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đã được chỉ dạy bởi sa-môn Cồ-đàm. Sau khi từ chối diệu-đế thứ tư đó về con-đường dẫn tới sự chấm dứt

khô, tôi sẽ chỉ ra điều-đế thứ tư khác về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô.’— điều đó là không thể có.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách này con nhớ Bốn Diệu Đế đã được chỉ dạy bởi đức Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy nhớ được Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy. Này Tỳ kheo, khô là điều-đế thứ nhất đã được ta chỉ dạy: hãy nhớ nó như vậy. Bởi vì, nếu như có tu sĩ hay bà-la-môn nào nói như vậy: ... [*giống như đoạn trên*— điều này là không thể có.

“Này Tỳ kheo, chính theo cách này, hãy nhớ Bốn Diệu Đế đã được ta chỉ dạy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:16)

## 17 (7) Vô Minh

Sau khi ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh và theo cách nào một người bị chìm trong vô-minh?”

“Này Tỳ kheo, sự không biết về khô, sự không biết nguồn-gốc khô, sự không biết sự chấm-dứt khô, sự không biết con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô: đây được gọi là sự vô-minh, và chính theo cách như vậy là một người bị chìm trong vô-minh.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:17)

### 18 (8) *Sự Hiểu Biết Đích Thực* (minh)

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘trí-biết đích thực, trí-biết đích thực’ (minh, hữu minh, chân trí). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là trí-biết đích thực, và theo cách nào một người đã đạt tới trí-biết đích thực?”

“Này Tỳ kheo, sự hiểu biết về khô, sự hiểu biết về nguồn-gốc khô, sự hiểu biết về sự chấm-dứt khô, sự hiểu biết về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô: đây được gọi là trí-biết đích thực, và chính theo cách như vậy là một người đã đạt tới trí-biết đích thực.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:18)

### 19 (9) *Hàm Ý...*

“‘Đây là diệu-đế về khô’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về khô’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số

hàm ý.<sup>322</sup>

“‘Đây là diệu-đế về nguồn-gốc khổ’ ... ‘Đây là diệu-đế về sự chấm-dứt khổ’ ... ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’: điều đó đã được ta công bố. Trong công bố này, ‘Đây là diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’, có vô số sắc thái, vô số chi tiết, vô số hàm ý.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:18)

## 20 (10) Là Thực

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác (thực).<sup>323</sup> Bốn đó là gì?

“‘Đây là sự khổ’: này Tỳ kheo, điều này là thực, không sai, không khác. ‘Đây là nguồn-gốc khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác. ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’: đây là thực, không sai, không khác.

“Này các Tỳ kheo, bốn điều này là thực, không sai, không khác.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:20)



## NHÓM 3

### NHÓM ‘KOTIGĀMA’

(*Koṭigāma-vagga*)

#### 21 (1) Làng Koṭi (1)<sup>324</sup>

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Vajji (Bạt-kỳ) ở làng Koṭi (Koṭigāma). Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chính do không hiểu và không thâm nhập Bốn Diệu Đế cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Bốn đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, đó là, do không hiểu và không thâm nhập *diệu-đế về khổ* cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này. Do không hiểu và không thâm nhập *diệu-đế về nguồn-gốc khổ ... diệu-đế về sự chấm-dứt khổ ... diệu-đế con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ* cho nên các người và ta đã lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử dài thăm thẳm này.

“Này các Tỳ kheo, *diệu-đế về khổ* đó đã được hiểu và thâm nhập. *Diệu-đế về nguồn-gốc khổ* đó đã được hiểu và thâm nhập. *Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ* đó đã được hiểu và thâm nhập. *Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ* đó đã được hiểu và thâm nhập. Dục-vọng muốn được hiện-hữu đã bị cắt bỏ; đường-dẫn tới sự hiện-hữu đã bị tiêu diệt; giờ không còn tái hiện-hữu (tái sinh) nữa.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:

“Do không nhìn thấy Bốn Diệu Đế,  
Đúng như chúng thực là,

Nên chúng ta đã lang thang trôi giạt  
Trong luân hồi thăm thẳm,  
Trong vô số kiếp tái sinh.

“Giờ những chân lý này đã được nhìn thấy;  
Đường dẫn tới sự hiện-hữu đã bị triệt phá;  
Đã cắt đứt gốc rễ của sự khổ:  
Giờ không-còn sự tái hiện-hữu.”

(SN 56:21)

## 22 (2) Làng Kojī (2)<sup>325</sup>

[Mở đầu giống kinh kể trên.]

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; là người không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong những tu sĩ hoặc bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào là người hiểu được những điều đó: thì những người đó ta coi là tu sĩ trong những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy đã nói thêm như vậy:



“Ai không hiểu sự khổ,  
Ai không hiểu nguồn-gốc khổ,  
Hay ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc,  
Hay ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ (không còn tàn dư);  
Ai không biết con-đường (đạo),  
Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:  
Là họ không có sự giải-thoát của tâm,  
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;  
Do không có khả năng kết thúc,  
Nên cứ mãi đi trong sự sinh-già.

“Nhưng những ai hiểu được sự khổ,  
Ai hiểu nguồn-gốc khổ,  
Và ở đâu sự khổ hoàn toàn kết thúc,  
Và ở đâu nó chấm-dứt sạch sẽ;  
Ai hiểu con-đường (đạo),  
Dẫn tới sự hóa giải sự khổ:  
Là họ có được sự giải-thoát của tâm,  
Và sự giải-thoát nhờ trí-tuệ;  
Do có khả năng lên nên sự kết-thúc,  
Nên không còn đi trong sự sinh-già.”

(SN 56:22)

### 23 (3) *Bậc Toàn Giác*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ ... Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Chính do Như Lai đã hoàn toàn giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, nên Như Lai được gọi là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:23)

## 24 (4) A-la-hán

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trong *quá-khứ* đã hoàn toàn giác ngộ về mọi sự đúng như chúng thực là, thì (có nghĩa là) tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trong *tương-lai* sẽ hoàn toàn giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là. Mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, trong *hiện-tại* đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác trong quá-khứ ... trong tương-lai ... trong hiện-tại đã giác ngộ mọi sự đúng như chúng thực là, thì tất cả họ đều đã giác ngộ Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:24)

## 25 (5) Sự Tiêu Diệt Ô-Nhiễm

“Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy.<sup>326</sup> Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy cái gì, cho người biết cái gì? Sự tiêu diệt ô-nhiễm sẽ xảy đến cho người biết và thấy: ‘Đây là sự khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’; cho người biết và thấy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’. Sự tiêu diệt ô-nhiễm xảy đến cho người thấy như vậy, cho người biết như vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:25)

## 26 (6) Bạn Hữu...

“Này các Tỳ kheo, đối với những người mà các thầy có lòng bi-mẫn với họ và những người nghĩ các thầy nên được chú ý (lắng nghe)—dù họ là bạn hữu hay đồng sự, người thân hay họ hàng—những người đó các thầy nên khởi xướng, ổn định, và thiết lập họ để họ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Những người các thầy có lòng bi-mẫn ... thì các thầy nên khởi xướng, ổn định, thiết lập họ để họ làm nên sự đột-phá vào Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:26)

## 27 (7) Là Thực

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khô, diệu-đế về nguồn-gốc khô, diệu-đế về sự chấm-dứt khô, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. Này các Tỳ kheo, Bốn Diệu Đế này là thực, không sai, không khác (thực). Do vậy nên chúng được gọi là những chân-lý thánh thiện (những chân-lý của thánh nhân; thánh-đế).<sup>327</sup>

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:27)

## 28 (8) Thế Giới

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khô, diệu-đế về nguồn-gốc khô, diệu-đế về sự chấm-dứt khô, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. Trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và Trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, có các thiên thần và loài người, thì Như Lai là bậc thánh. Do vậy bốn điều đó được gọi là những chân-lý thánh thiện

(những chân-lý của thánh nhân; thánh-đế).

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:28)

### **29 (9) Nên Được Hiểu Hoàn Toàn...**

“Này các Tỳ kheo, có Bốn Diệu Đế này. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Đây là Bốn Diệu Đế.

“Này các Tỳ kheo, trong Bốn Diệu Đế này, có một Diệu-đế nên được hiểu hoàn-toàn; một Diệu-đế nên được trừ-bỏ; một Diệu-đế nên được chứng-ngộ; một Diệu-đế nên được tu-tập.

“Và, này các Tỳ kheo, diệu-đế về sự khổ nên được hiểu hoàn-toàn; Diệu-đế về nguồn-gốc khổ nên được trừ-bỏ; Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ nên được chứng-ngộ; Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ nên được tu-tập.

*(Sự khổ phải nên hiểu; nguồn-gốc khổ phải nên trừ bỏ; sự chấm-dứt khổ phải nên đạt tới; con-đường đạo phải nên tu tập!)*

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:29)

### 30 (10) *Gavampati*

Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống giữa xứ dân Ceti ở Sahajāti. Bấy giờ, lúc đó sau khi các Tỳ kheo trưởng lão đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, họ đã tụ tập trong sảnh đường, cùng ngồi với nhau khi có cuộc đàm đạo này khởi sinh:

“Này đạo hữu, có phải ai nhìn thấy sự khô là nhìn thấy luôn nguồn-gốc khô, sự chấm-dứt khô, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô?”

Sau khi điều này được hỏi, Ngài Gavampati đã nói với các Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe được và học được điều này (từ Phật): ‘Này các Tỳ kheo, (a) ai nhìn thấy sự khô là nhìn thấy luôn nguồn-gốc khô, nhìn thấy luôn sự chấm-dứt khô, nhìn thấy luôn con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. (b) Ai nhìn thấy nguồn-gốc khô là nhìn thấy luôn sự chấm-dứt khô, nhìn thấy luôn con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. (c) Ai nhìn thấy sự chấm-dứt khô là nhìn thấy luôn sự khô, nhìn thấy luôn nguồn-gốc khô, nhìn thấy luôn con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô. (d) Ai nhìn thấy con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô là nhìn thấy luôn sự khô, nhìn thấy luôn nguồn-gốc khô, nhìn thấy luôn sự chấm-dứt khô.’”<sup>328</sup>

## NHÓM 4

### NHÓM ‘RỪNG SIMSAPĀ’

(*Simsapā-vagga*)

#### 31 (1) Rừng *Simsapā*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong một khu rừng *simsapā*. Lúc đó đức Thế Tôn lấy lên một số lá cây *simsapā* trong tay và nói với các Tỳ kheo:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nắm lá *simsapā* trong tay ta hay số lá cây trong rừng này?”

“Thưa Thế Tôn, nắm lá trong tay Thế Tôn là số ít ỏi, số lá cây trong rừng này mới là rất nhiều.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những điều ta đã trực-tiếp biết nhưng không nói cho các thầy là rất nhiều, những điều ta đã dạy cho các thầy chỉ là số ít. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta không dạy rất nhiều điều đó? Bởi vì chúng không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không dạy chúng cho các thầy.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều ta đã dạy? Ta đã dạy: ‘Đây là sự khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là sự chám-dứt khổ’; ta đã dạy: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chám dứt khổ’. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta đã dạy những điều này? Bởi vì chúng là ích lợi, liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chám-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã dạy chúng cho các thầy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc

khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chắm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chắm dứt khổ’.”

(SN 56:31)

### 32 (2) Lá Cây Acacia

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói rằng: ‘Không làm được (làm nên) sự đột-phá (chứng ngộ, thâm nhập) vào *Diệu-đế về khổ* đúng như nó thực là; không làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về nguồn-gốc khổ* đúng như nó thực là; không làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về sự chắm-dứt khổ* đúng như nó thực là; không làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chắm dứt khổ* đúng như nó thực là, tôi sẽ (vẫn) hoàn toàn làm được sự chắm-dứt khổ’— thì điều đó là không thể.

- “Này các Tỳ kheo, giống như có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá acacia (lá cây keo) hoặc lá thông hoặc lá cây myrobalan, (đều là các loại lá kim, lá nhỏ, yếu), tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’, thì điều đó là không thể; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Không làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về khổ* đúng như nó thực là ... tôi sẽ (vẫn) hoàn toàn làm được sự chắm-dứt khổ’— thì điều đó là không thể.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về khổ* đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về nguồn-gốc khổ* đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về sự chắm-dứt khổ* đúng như nó thực là, sau khi đã làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chắm dứt khổ* đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chắm-dứt khổ’— thì điều đó là có thể.



- “Này các Tỳ kheo, giống như có ai nói rằng: ‘Sau khi làm xong cái rỗ bằng lá sen hoặc lá kino hoặc lá mālūva, (đều là các loại lá to, lá rộng, chắc, kín) tôi sẽ đựng được nước hay đựng được trái cọ dừa’, thì điều đó là có thể; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu ai nói rằng: ‘Sau khi đã làm được sự đột-phá vào *Diệu-đế về khổ* đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— thì điều đó là có thể.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:32)

### 33 (3) *Khúc Cây*

“Này các Tỳ kheo, giống như một khúc cây bị quăng lên, có lúc thì gốc nó rút xuống trước, có lúc đầu rút xuống trước (không thể nào đoán biết được);<sup>329</sup> cũng giống như vậy, khi chúng sinh lang thang và trôi giạt trong vòng luân hồi sinh tử do còn bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, lúc thì họ (chết) từ thế giới này (sinh) đến thế giới khác, lúc từ thế giới khác đến thế giới này. Bởi vì sao? Bởi vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế. Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ ... Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:33)

**34 (4) Quần Áo...**

“Này các Tỳ kheo, nếu quần áo hay đầu tóc một người bị cháy, lúc đó phải nên làm gì?”

“Thưa Thế Tôn, nếu quần áo hay đầu tóc ai bị cháy, để dập tắt quần áo hay đầu tóc đang bị cháy, người đó nên phát khởi mong-muốn phi thường (đặc biệt, hơn thường), tạo sự nỗ-lực phi thường, khuấy lên sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm, không ngại ngút, và thực hiện sự chú-tâm và sự rõ-biết để hiểu điều đó đúng như nó thực là.”<sup>330</sup>

“Này các Tỳ kheo, thà một người có thể cứ nhìn áo quần hay đầu tóc cháy một cách buông-xả, có thể không cần chú-tâm vào chúng; nhưng nếu chưa làm được sự đột-phá vào (chúng ngộ, thấu hiểu) Bốn Diệu Đế đúng như chúng thực là, và để làm được sự đột-phá đó, người đó nên phát khởi mong-muốn phi thường ... phát khởi sự nhiệt-thành và nhiệt-tâm ... phát khởi nỗ-lực (tinh tấn) ... (tu tập) không ngại ngút (miên mật) ... thực hành sự kiên-trì ... thực hành sự chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác) để mà hiểu điều đó đúng như nó thực là.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.”

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:34)

### 35 (5) Một Trăm Ngọn Giáo

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người có tuổi thọ một trăm năm, người có thể sống một trăm năm. Có người nói với anh ta: ‘Này, bạn tốt, giả như người ta đâm anh một trăm mũi giáo vào buổi sáng, một trăm mũi giáo vào buổi trưa, một trăm mũi giáo vào buổi chiều.’<sup>331</sup> Rồi, này bạn tốt, sau khi bị đâm liên tục mỗi ngày ba trăm mũi giáo như vậy, anh sẽ sống được một trăm năm; và rồi, sau một trăm năm qua đi, anh sẽ làm nên sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế mà anh chưa từng đột-phát được trước giờ.’

“Điều này là đáng làm, này các Tỳ kheo, bởi vì một người họ tộc ý hướng thiện sẽ chấp nhận lời đề nghị này. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân hồi sinh tử là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được (vô thủy); thời điểm đầu tiên (của nó) kể từ khi (một người) đã từng bị đâm chém bằng thương giáo, bằng gươm đao, bằng búa rìu là không thể nhận biết (không đếm xuể) được. Và cho dù thậm chí (có bị đâm như vậy), này các Tỳ kheo, ta không nói sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế có đi kèm bởi sự khổ hay khó-chịu (ưu). Sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế chỉ đi kèm bởi hoan-hỷ (hỷ) và sự hạnh- phúc ( lạc).

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:35)

### 36 (6) Chúng Sinh

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người đi chặt hết cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-nê (Jambudīpa) này và gom chúng lại thành một đống. Sau khi làm vậy, người đó lấy những thân cây lớn đâm những sinh vật lớn trong đại dương, lấy những cây vừa đâm những sinh vật vừa, và những cây que nhỏ đâm những sinh vật nhỏ. Này các Tỳ kheo, cho dù làm vậy đến hết sạch cỏ, cây, cành, lá trong cõi Diêm-phù-nê thì vẫn không diệt hết những sinh vật trong đại dương. Những sinh vật nhỏ trong đại dương không dễ gì bị đâm hết bởi số cỏ, cây, cành, lá còn nhiều hơn đống đó. Vì lý do gì? Bởi vì sự nhỏ tí của thân của chúng.

“Này các Tỳ kheo, cảnh giới đầy đọa thì bao la muôn trùng. Người mà thành tựu về mặt cách-nhìn (chánh kiến), được thoát khỏi cảnh giới đọa đầy bao la đó, thì (có nghĩa là) người đó hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’<sup>332</sup>

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:36)

### 37 (7) Mặt Trời (1)

“Này các Tỳ kheo, rạng đông là cái đi trước và tiền thân của sự mọc-lên của mặt trời. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cái đi trước và tiền thân của sự đột-phá vào (chứng ngộ) Bốn Diệu Đế đúng như nó thực chính là cách-chìn đúng đắn (chánh kiến). Như vậy có thể mong đợi một Tỳ kheo có chánh-kiến sẽ hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu:

‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:37)

### 38 (8) Mặt Trời (2)

“Này các Tỳ kheo, chừng nào mặt trời và mặt trăng chưa khởi sinh trong thế giới, thì chừng đó không có ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không ngày và đêm, không có tháng và nửa tháng, không có mùa và năm.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi mặt trời và mặt trăng khởi sinh trong thế giới, thì có ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có ngày và đêm, có tháng và nửa tháng, có các mùa và năm.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào Như Lai chưa khởi sinh (xuất hiện) trong thế giới, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì chừng đó không có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn, chỉ có bóng tối ngự trị, chỉ một bầu tối đen; thì chừng đó không có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, hay làm rõ Bốn Diệu Đế.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, khi một Như Lai khởi sinh trong thế giới, là bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì có (hiện thị) ánh sáng lớn và hào quang lớn; rồi không còn bóng tối mù đen, không còn một bầu tối đen; rồi có sự giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tách, và làm rõ Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:38)

### 39 (9) *Cột Cửa Trời Indra*

(1) “Này các Tỳ kheo, có tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— thì họ cứ ngược mặt nhìn lên nhìn mặt tu sĩ này hay bà-la-môn nọ, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’

“Này các Tỳ kheo, giống như một nắm sợi bông vải hoặc bông gòn, nhẹ tênh, được thổi bay bởi gió, và đậu xuống đất bằng. Rồi gió từ đông thổi nó bay qua tây; gió từ tây thổi nó bay qua đông; gió từ bắc thổi nó bay qua nam; gió từ nam thổi nó bay qua bắc. Vì lý do gì? Vì sự nhẹ tênh của nó.<sup>333</sup>

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, có tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— thì họ cứ ngược lên nhìn mặt tu sĩ này hay bà-la-môn nọ, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy.’ Vì lý do gì? Vì họ không nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

(2) “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— thì họ không ngược lên nhìn mặt tu sĩ này hay bà-la-môn nọ, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực

sự biết, thực sự thấy.’

“Này các Tỳ kheo, giống như có một trụ sắt hay cột mốc<sup>334</sup> với móng sâu, được chôn chắc, bất động, bất lay chuyển. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—trụ cột đó vẫn không lay chuyển, động đậy, hay rung chuyển. Vì lý do gì? Vì trụ cột đó có móng sâu và được chôn chắc.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’—thì họ không ngược lên nhìn mặt tu sĩ này hay bà-la-môn nọ, nghĩ rằng: ‘Bậc đáng kính này mới chắc chắn là người thực sự biết, thực sự thấy. Vì lý do gì? Vì họ đã rõ ràng nhìn thấy Bốn Diệu Đề.

“Bốn đó là gì? Diệu-đề về khổ, diệu-đề về nguồn-gốc khổ, diệu-đề về sự chấm-dứt khổ, diệu-đề về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’”

(SN 56:39)

#### **40 (10) Kiểm Chuyện Tranh Cãi**

“Này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến—từ phía đông, phía tây, phía nam, hay phía bắc—tìm chuyện tranh cãi, tìm kiếm sự tranh luận, nghĩ rằng: ‘Ta sẽ bài bác luận thuyết của Tỳ kheo đó’, thì không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, động đậy, hay rung

lắc.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một cột đá dài mười sáu khuỷu tay: một nửa được chôn móng dưới mặt đất và một nửa ở trên mặt đất. Ngay cả có cuồng phong thổi mạnh—từ đông, tây, nam hay bắc—trụ cột đó vẫn không lay chuyển, động đậy, hay rung chuyển. Vì lý do gì? Vì trụ cột đó có móng sâu và được chôn chắc.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu Tỳ kheo nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’, và rồi có một tu sĩ hay bà-la-môn nào đến ... không thể nào người đó có thể làm cho Tỳ kheo đó lay chuyển, động đậy, hay rung lắc. Vì lý do gì? Vì vị Tỳ kheo đó đã rõ ràng nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

**(SN 56:40)**



## NHÓM 5

### NHÓM ‘VỰC NÚI’

(*Papāta-vagga*)

#### 41 (1) *Suy Xét Về Thế Giới*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bày Sóc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, ngày xưa có một người rời khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā, và suy nghĩ: ‘Ta sẽ suy xét (quán xét, quán chiếu) về thế giới’.<sup>335</sup> Rồi anh ta ngồi xuống bên bờ Hồ Sen Sumāgadhā quán chiếu về thế giới. Rồi, này các Tỳ kheo, anh ta thấy một đội quân gồm bốn binh chủng chui vào trong một cọng sen bên bờ hồ. Sau khi nhìn thấy như vậy, người đó nghĩ: ‘Chắc mình bị điên rồi! Chắc mình bị khùng rồi! Mình mới nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’. Người đàn ông đó quay trở lại kinh thành và kể lại cho nhiều người nghe: ‘Chắc tui bị điên rồi, quý vị! Chắc tui bị khùng rồi, thưa quý vị! Tui đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’.

“[Họ mới nói với anh ta:] ‘Nhưng, này anh bạn tốt, làm sao mà anh bị điên, làm sao anh bị khùng? Và anh đã thấy điều gì mà không có thực trong thế gian?’

“Như vậy, thưa quý vị, tui rời khỏi thành Rājagaha và đi tới chỗ Hồ Sen Sumāgadhā ... [*tiếp tục như đoạn trên*] ... Tui nhìn thấy một đội quân bốn gồm bốn binh chủng chui vào một cọng sen bên bờ hồ sen đó, và đó là tui đã nhìn thấy điều không có thực trong thế gian’.

“‘Chắc anh bị điên rồi, này bạn-tốt! Chắc anh bị khùng rồi! Và điều anh nhìn thấy là không có thực trong thế gian.’

“Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, điều anh ta nhìn thấy lại thực sự là

thực, không phải không thực.<sup>336</sup> Xưa kia có lần những thiên thần và các quỷ thần dàn trận đánh nhau. Trong trận chiến đó, các thiên thần thắng và các quỷ thần thua. Khi bị thua, các quỷ thần đã khiếp sợ và chui vào kinh thành của quỷ thần xuyên qua cọng cây sen, trước sự ngỡ ngàng của các thiên thần.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, đừng suy xét về thế giới, và đừng suy nghĩ: ‘Thế giới là bất diệt’ hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hoặc ‘Thế giới là vô tận’ hay ‘thế giới là hữu tận’; hoặc ‘Tâm hồn và thể xác là một’ hay ‘Tâm hồn là khác, thể xác là khác’; hoặc ‘Nhu Lai hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’ hay ‘Nhu Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì sự suy xét đó là không ích lợi, không liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Này các Tỳ kheo, khi các thầy suy xét, các thầy nên suy xét: ‘Đây là khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Các thầy nên suy xét: ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, vì những sự suy xét đó là ích lợi, là liên quan đến căn bản của đời sống tâm linh, và là dẫn tới sự ghê-sợ, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, sự bình-an, trí-biết trực tiếp, sự giác-ngộ, Niết-bàn.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

**(SN 56:41)**

## 42 (2) Vực Núi

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở thành Rājagaha (Vương Xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vậy: “Này các Tỳ kheo, chúng ta cùng lên đỉnh núi Patibhanakuta (Đỉnh Linh Cảm) để an trú ban ngày.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn cùng một số Tỳ kheo lên Đỉnh Linh Cảm. Một Tỳ kheo nhìn thấy một vực núi bên Đỉnh Linh Cảm và thưa với đức Thế Tôn: “Vực núi đó thiệt là dựng đứng, thưa Thế Tôn; vực núi đó cực kỳ đáng sợ. Nhưng thưa Thế Tôn, có vực núi nào còn dựng đứng hơn và đáng sợ hơn không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”

“Nhưng thưa, còn vực núi nào có thể dựng đứng hơn và đáng sợ hơn vực núi đó?”

“Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm-dứt khổ. Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự buồn sâu, ai oán, đau đớn, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ tuột rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ tuột rớt xuống vực núi của sự buồn sâu, ai oán, đau đớn, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không được giải thoát khỏi sinh, già, chết; không được giải thoát khỏi sự buồn sâu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, không được giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.<sup>337</sup>

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ ... Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— họ *không* thích thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ *không* thích thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự buồn sâu, ai oán, đau đớn, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì *không* thích thú

những sự tạo-tác cố-ý, nên họ *không* tạo ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ *không* bị tuột rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ *không* bị tuột rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, ai oán, đau đớn, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ *được* giải thoát khỏi sinh, già, chết; *được* giải thoát khỏi sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; *được* giải thoát khỏi sự khổ, ta nói vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:42)

### 43 (3) Đại Hỏa Ngục

“Này các Tỳ kheo, có một địa ngục tên là Đại Hỏa Ngục. Ở đó, mọi hình sắc người ta nhìn thấy bằng mắt đều là (khủng khiếp) không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu. Mọi âm-thanh người ta nghe ... Mọi mùi-hương người ta ngửi... Mọi mùi-vị người ta nếm ... Mọi đối-tượng chạm xúc người ta cảm nhận ... Mọi hiện-tượng thuộc tâm người ta nhận biết bằng tâm đều là: không đáng ước, không bao giờ đáng ước; không đáng ưa, không bao giờ đáng ưa; không dễ chịu, không bao giờ dễ chịu.”<sup>338</sup>

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã nói với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, đại hỏa ngục đó thực là khủng khiếp; đại hỏa ngục đó thực là rất khủng khiếp. Nhưng, thưa Thế Tôn, còn có đại hỏa ngục nào khác khủng khiếp hơn và đáng sợ hơn cái đó không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”

“Thưa Thế Tôn, đó là đại hỏa ngục nào mà khủng khiếp hơn và đáng sợ hơn cái đó?”

(1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’— thì họ cứ thích-thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do thích-thú những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự sinh ... bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự già ... đại hỏa của sự chết ... đại hỏa của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, và chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’— thì họ không thích-thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh, không thích-thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết, dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không thích-thú những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ không tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do không tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ không bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự sinh ... không bị đốt cháy bởi đại hỏa của sự già ... đại hỏa của sự chết ... đại hỏa của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu:

‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:43)

#### 44 (4) *Ngôi Nhà Mái Nhọn*

(1) “Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Không cần (đã) làm nên sự đột-phá vào (thâm nhập, chứng ngộ) Diệu-đế về khổ đúng như nó thực là, không cần làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, không cần làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, không cần làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— điều này là không thể được.

- “Này các Tỳ kheo, giống như có ai nói rằng: ‘Không cần xây tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi cứ xây tầng trên của nó’, điều này là không thể được; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Không cần (đã) làm nên sự đột-phá vào Diệu-đế về khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— điều này là không thể được.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi đã làm nên sự đột-phá vào (thâm nhập, chứng ngộ) Diệu-đế về khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về nguồn-gốc khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về sự chấm-dứt khổ đúng như nó thực là, sau khi đã làm nên sự đột-phát vào Diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đúng như nó thực là, tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— điều này là có thể được.

- “Này các Tỳ kheo, giống như có ai nói rằng: ‘Sau khi tôi đã xây xong tầng dưới của ngôi nhà mái nhọn, tôi sẽ xây tầng trên của nó’, điều này là có thể được; cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vậy: ‘Sau khi đã làm nên sự đột-phá vào Diệu-đề về khổ đúng như nó thực là ... tôi sẽ hoàn toàn làm được sự chấm-dứt khổ’— điều này là có thể được.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:44)

#### 45 (5) *Túc* <sup>339</sup>

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-ly) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sân Đường Mái Nhọn. Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Ānanda mặc y phục, mang theo bình bát và cà sa đi vô thành Vesālī để khát thực. Thầy Ānanda nhìn thấy một số thanh niên người Licchavi đang tập bắn cung trong trường luyện bắn, đang bắn cung từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước),<sup>340</sup> không sai trật chút nào. Khi thầy ấy nhìn thấy cảnh này, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy ấy: “Những thanh niên Licchavi này thực sự được thuần luyện! Những thanh niên Licchavi này thực sự được thuần luyện, trong đó họ có thể bắn cung từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào.”

Rồi, sau khi thầy Ānanda đã đi khát thực trong thành Vesālī và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn cơm trưa, thầy ấy đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại cho đức Thế Tôn sự việc mình đã nhìn thấy.

[Đức Thế Tôn nói:] “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, điều nào khó khăn hơn và thử thách hơn: bắn cung từ xa tới đích là một lỗ khóa rất nhỏ, từ gốc tới đầu mũi tên (trước), không trật chút nào hay lấy đầu mũi tên đâm chẻ một sợi tóc thành bảy sợi?”<sup>341</sup>

“Thưa Thế Tôn, lấy đầu mũi tên đâm chẻ một sợi tóc thành bảy sợi thì khó khăn hơn và thử thách hơn nhiều.

“Nhưng, này Ānanda, người ta còn đâm thủng được thứ thậm chí khó đâm thủng hơn nhiều. Những ai đâm thủng được (xuyên phá, thâm nhập, chứng ngộ) thứ này đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’, thì điều này mới khó làm hơn rất nhiều.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:45)

## 46 (6) Sự Mù Tối

“Này các Tỳ kheo, có những khoảng không gian nằm giữa các cõi thế giới trong vũ trụ, là những vùng trống không và thăm thẳm, mù mịt, và tối đen,<sup>342</sup> ngay cả ánh sáng của mặt trăng và mặt trời, thật hùng mạnh và uy lực, cũng không chiếu tới nổi.”

Sau khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, sự mù mịt đó thực sự lớn thăm thẳm; sự mù mịt đó thực sự rất lớn thăm thẳm. Nhưng, thưa Thế Tôn, có sự mù mịt nào khác còn lớn hơn và đáng sợ hơn không?”

“Có đó, này Tỳ kheo.”



“Thưa Thế Tôn, sự mù mịt nào còn lớn hơn và đáng sợ hơn ở đó?”

(1) “Này Tỳ kheo, những tu sĩ hay bà-la-môn nào không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là nguồn gốc khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là sự chấm dứt khổ’; không hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’— thì họ cứ thích-thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do thích-thú những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ bị rớt trong sự mù mịt của sự sinh ... bị rớt trong sự mù mịt của sự già ... sự mù mịt của sự chết ... sự mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không thoát khỏi sự sinh, già, và chết; không thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

(2) “Nhưng, này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.’— thì họ *không* thích-thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh, *không* thích-thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết, dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do *không* thích-thú những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ *không* tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh ... dẫn tới sự già ... dẫn tới sự chết ... dẫn tới sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Do *không* tạo-ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, nên họ *không* bị rớt trong sự mù mịt của sự sinh ... *không* bị rớt trong sự mù mịt của sự già ... sự mù mịt của sự chết ... sự mù mịt của sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ thoát khỏi sự sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt

vọng, ta nói như vậy.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:46)

#### 47 (7) Khúc Gỗ Có Đục Lỗ (I) <sup>343</sup>

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người quăng một khúc gỗ bị đục một cái lỗ xuống đại dương, và có con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (vô tình có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó hay không?”

“Thưa Thế Tôn, hiếm khi nào có được, nếu có thì cũng phải rất rất hiếm khi có thể xảy ra điều đó.” (hầu như là không thể có)

“Vậy chứ, ta nói, con rùa vàng còn có ngày lọt đầu vào lỗ của khúc gỗ đó (mặc dù rất rất hiếm khi) chứ kẻ ngu si đã rớt xuống cõi dưới thì càng hiếm khi có thể được tái sinh lại cõi người. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, ở đó không có hành-vi được dẫn dắt bởi Giáo Pháp, không có hành-vi đúng đắn (thiện hành), không có hành-động thiện lành (thiện nghiệp), không có hành-động công đức (phước nghiệp). Ở đó chỉ toàn cảnh nhai nuốt lẫn nhau, kẻ mạnh nhai nuốt kẻ yếu. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, bởi do chúng sinh chưa từng hiểu được Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu:

‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:47)

#### 48 (8) *Khúc Gỗ Bị Đục Lỗ (2)*

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại địa cầu này trở thành toàn nước, và một người quăng xuống đó một khúc gỗ bị đục một lỗ. Gió từ đông thổi giạt nó về tây; gió từ tây thổi giạt nó về đông; gió từ bắc thổi giạt nó về nam; gió từ nam thổi giạt nó về bắc. Có một con rùa mù một trăm năm mới nổi lên mặt nước một lần. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, có khả năng con rùa mù đó mỗi trăm năm nổi lên mặt nước một lần có thể (vô tình có lần) lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó hay không?”

“Thưa Thế Tôn, rất rất hiếm khi có được, rất rất hiếm khi con rùa mù nổi lên mỗi trăm năm có thể lọt đầu vào cái lỗ của khúc gỗ đó.” (hầu như là không thể có)

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thật rất hiếm khi (chúng sinh) được sinh trong cõi người; thật rất hiếm khi có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; thật rất hiếm khi có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian.

“Này các Tỳ kheo, các thầy đã được sinh ra làm người; rồi đã có một Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác khởi sinh trong thế gian; rồi đã có Giáo Pháp và Giới Luật được tuyên thuyết bởi Như Lai soi sáng trong thế gian.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc

khô'. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khô'. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô'."

(SN 56:48)

#### 49 (9) *Núi Tu-Di (1)*

"Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên núi Tu-di (Sineru), vua của các ngọn núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh được đặt lên đó hay núi Tu-di, vua của các ngọn núi?"

"Thưa Thế Tôn, núi Tu-di, vua của các ngọn núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhất. So với núi Tu-di, vua của các ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào."<sup>344</sup>

- "Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm nên sự đột-phá, thì phần khô đã bị tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khô) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đồng khô đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khô còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn trong tôi đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: 'Đây là khô' ... 'Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khô'.

"Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là khô'. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là nguồn-gốc khô'. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là sự chấm-dứt khô'. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: 'Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô'."

(SN 56:49)

## 50 (10) Núi Tu-Di (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử núi Tu-di [núi Sineru], vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ chỉ còn bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: phần núi Tu-di đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh còn lại?”

“Thưa Thế Tôn, phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh chỉ là nhỏ nhất. So với phần núi Tu-di, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt đậu xanh là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”<sup>345</sup>

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm nên sự đột-phá, thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đồng khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:50)

## NHÓM 6

### NHÓM ‘SỰ ĐỘT-PHÁ’

(Abhsamaya-vagga)

#### 51 (1) Móng Tay<sup>346</sup>

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhất. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm nên sự đột-phá, thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đồng khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:51)

## 52 (2) Hồ Nước

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một hồ nước dài năm mươi dặm Ấn (*yojana*, do-tuần), rộng năm mươi dặm Ấn, và sâu năm mươi dặm Ấn, có đầy nước, nước tràn bờ đến mức con quạ có thể uống nước từ (mép, bờ) hồ, và có một người dùng đầu lá cỏ *kusa* để lấy nước lên. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: nước dính theo đầu lá cỏ hay nước trong hồ nước đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong hồ nước nhiều hơn. Nước dính theo đầu lá cỏ chỉ là nhỏ nhặt. So với nước trong hồ nước, thì nước dính theo đầu lá cỏ là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (*giống như kinh 56:51 kể trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:52)

## 53 (3) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (1)

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—một người lấy ở đó hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: hai, ba giọt nước đó hay nước chỗ các sông hợp lưu?”

“Thưa Thế Tôn, nước ở chỗ các sông hợp lưu nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy lên chỉ là nhỏ nhất. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:53)

#### **54 (4) Nước Chỗ Sông Hợp Lưu (2)**

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nơi ở đó các sông lớn gặp nhau và nhập lại—như, sông Hằng, Sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, và sông Mahī—giả sử nước của các sông bị tiêu tán và hết sạch, chỉ còn sót lại hai hay ba giọt. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì nhiều hơn: nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch hay hai, ba giọt nước còn sót lại?”

“Thưa Thế Tôn, nước sông ở chỗ hợp lưu đã bị tiêu tán và hết sạch là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. So với nước chỗ các sông hợp lưu, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....



“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:54)

### 55 (5) Trái Đất (1)

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đặt lên trên mặt đất này bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu này nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì bảy là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:55)

### 56 (6) Trái Đất (2)

“Giả sử đại địa cầu bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ hay bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu chỉ là nhỏ nhất. So với đại địa cầu đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hòn đất sét nhỏ xíu bằng cỡ hạt trái táo tàu là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... thì phần khổ đã tiêu diệt sạch sẽ và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, nay các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu) để hiểu: ‘Đây là khổ’. Hãy nỗ lực để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Hãy nỗ lực để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Hãy nỗ lực để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.’”

(SN 56:56)

### **57 (7) Đại Dương (1)**

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một người lấy lên hai hoặc ba giọt nước từ đại dương. Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái gì là nhiều hơn: hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương hay nước trong đại dương?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước được lấy từ đại dương chỉ là nhỏ nhất. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử

thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:57)

### 58 (8) Đại Dương (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại hai hoặc ba giọt nước. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: nước trong đại dương hay hai, ba giọt nước còn sót lại đó?”

“Thưa Thế Tôn, nước trong đại dương đã bị tiêu diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Hai, ba giọt nước còn sót lại đó chỉ là nhỏ nhất. So với nước trong đại dương, thì hai, ba giọt nước đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (giống như kinh 56:51 ở trên) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:58)

## 59 (9) Núi (1)

“Này các Tỳ kheo, giả sử có người đặt lên dãy núi Himalaya (Hymā-lap-son), vua của các dãy núi, bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải hay dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải chỉ là nhỏ nhặt. So với dãy núi Himalaya, vua của những ngọn núi, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện ... (*giống như kinh 56:51 ở trên*) ... thì phần khổ đã tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn....

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:59)

## 60 (10) Núi (2)

“Này các Tỳ kheo, giả sử dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, bị tiêu diệt và loại bỏ, chỉ còn sót lại bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải. Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, hay bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải là nhiều hơn?”

“Thưa Thế Tôn, dãy núi Himalaya, vua của các dãy núi, đã bị tiêu

diệt và loại bỏ là nhiều hơn. Bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại chỉ là nhỏ nhất. So với phần núi Himalaya, vua của các ngọn núi, đã bị tiêu diệt và loại bỏ, thì bảy hột sỏi bằng cỡ hạt cải còn sót lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về cách-nhìn (chánh kiến), là người đã làm nên sự đột-phá, thì phần khổ đã bị tiêu diệt và loại bỏ thì nhiều hơn, phần (khổ) còn lại chỉ là nhỏ nhất. So với đống khổ đã được tiêu diệt và loại bỏ, thì sự khổ còn lại là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần, bởi vì chỉ còn tối đa bảy kiếp nữa. Vị đó là người hiểu được đúng như nó thực là: ‘Đây là khổ’ ... ‘Đây là con-đường dẫn đến sự chấm dứt khổ’.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

**(SN 56:60)**

## NHÓM 7

### NHÓM ‘GAO SÓNG’ THỨ NHẤT & LẶP LẠI’

(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)<sup>347</sup>

#### 61 (1) Cõi Khác

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong cõi người là số ít. Còn những chúng sinh tái sinh trong những cõi khác thì rất nhiều.<sup>348</sup> Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do những chúng sinh đó *chưa nhìn thấy* Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:61)

#### 62 (2) Ở Những Nước Nằm Ngoài Biên Giới

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay.... So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính...”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được tái sinh trong những tinh lý (xứ sở, bang) ở miền giữa (trung phần) là số ít. Còn những chúng sinh bị tái sinh trong những nước nằm ngoài biên giới trong các bộ tộc ngoại bang còn man rợ (thiếu văn minh) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ ... diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:62)

### 63 (3) Trí Tuệ

[Từ kinh 63—131: phần đầu và phần đuôi đều giống như hai kinh kể trên!]

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh có được mắt thiên thánh của trí-tuệ là số ít. Còn những chúng sinh chìm trong vô-minh và si-mê thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:63)

### 64 (4) Rượu Nặng Rượu Nhẹ

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không kiên cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và các chất độc hại (giới thứ năm), là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, là số ít. Còn những chúng sinh không kiên cữ rượu nặng, rượu nhẹ, và các chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng dật, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:64)

### **65 (5) Sinh Trong Nước**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh được sinh trên đất cao là số ít. Còn những chúng sinh được sinh trong nước thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:65)

### **66 (6) Kính Hiếu Mẹ**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu mẹ mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu mẹ mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:66)

### **67 (7) Kính Hiếu Cha**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính hiếu cha mình là số ít. Còn những chúng sinh không kính hiếu cha mình thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”



(SN 56:67)

### **68 (8) Tôn Kính Các Tu Sĩ**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính các tu sĩ là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính các tu sĩ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:68)

### **69 (9) Tôn Kính Những Bà-la-môn**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh tôn kính những bà-la-môn (chân chính) là số ít. Còn những chúng sinh không tôn kính những bà-la-môn thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:69)

### **70 (10) Kính Trọng Người Lớn Tuổi**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kính trọng những người lớn tuổi là số ít. Còn những chúng sinh không kính trọng những người lớn tuổi thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:70)

## NHÓM 8

### NHÓM ‘GẠO SÓNG’ THỨ HAI & LẬP LẠI’

(*Paṭhamaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

#### 71 (1) Sát Sinh <sup>349</sup>

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sát-sinh giết hại là số ít. Còn những chúng sinh sát-sinh giết hại thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:71)

#### 72 (2) Gian Cắp

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử sự gian-cắp (lấy thứ không được cho, trộm, cướp, chiếm đoạt, gian lận, lừa gạt, tham nhũng) là số ít. Còn những chúng sinh gian-cắp thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:72)

#### 73 (3) Tà Dâm Tà Dục

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử tà-dâm tà dục (quan hệ tính dục bất chính) là số ít. Còn những chúng sinh hành vi tà-dâm tà dục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:73)

#### **74 (4) Nói Dối**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói-dối nói láo (nói sai sự thật, nói gạt, nói lừa) là số ít. Còn những chúng sinh nói-dối nói láo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

**(SN 56:74)**

#### **75 (5) Nói Lời Gây Chia Rẽ**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói lời gây chia-rẽ là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gây chia-rẽ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

**(SN 56:75)**

#### **76 (6) Nói Lời Gắt Gỏng**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ sự nói lời gắt-gỏng (gay gắt, gằn giọng, hung dữ, nạt nộ, chửi mắng...) là số ít. Còn những chúng sinh nói lời gắt-gỏng thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

**(SN 56:76)**

#### **77 (7) Nói Lời Tầm Phào Vô Ích**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cữ việc nói lời tầm-phào vô bổ số ít. Còn những chúng sinh nói lời tầm-phào vô bổ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:77)

**78 (8) Hạt Giống** <sup>350</sup>

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử việc phá hoại hạt giống và phá hại cây cối là số ít. Còn những chúng sinh phá hoại hạt giống và phá hại cây cối thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:78)

**79 (9) Không Đúng Thời**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh biết kiêng cử việc ăn uống không đúng thời (phi thời, không hợp lúc; Tỳ kheo: ăn sau giờ ngộ) là số ít. Còn những chúng sinh ăn uống không đúng thời thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:79)

**80 (10) Nước Hoa và Sơn Phấn**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc xúc nước hoa và sơn phấn trang điểm là số ít. Còn những chúng sinh xúc nước hoa và sơn phấn trang điểm thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:80)

## NHÓM 9

### NHÓM ‘GAO SÓNG’ THỨ BA & LẬP LẠI’

(*Tatiyaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

#### 81 (1) Múa Hát...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc múa hát, đờn trống, và coi tuồng kịch là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc ca múa, đờn trống, và coi tuồng kịch thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:81)

#### 82 (2) Giường Cao...

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc nằm giường cao và sang, ngồi ghế cao và sang, thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:82)

#### 83 (3) Vàng Bạc

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cũ việc nhận lấy vàng bạc (và tiền) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cũ việc nhận lấy vàng bạc (và tiền) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:83)

#### **84 (4) Gạo Sống...**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc nhận lấy gạo sống (gạo, đậu, ngũ cốc... chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy gạo còn sống (đậu, ngũ cốc... chưa nấu chín) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

**(SN 56:84)**

#### **85 (5) Thịt Sống**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc nhận lấy thịt sống (chưa nấu chín) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy thịt sống thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

**(SN 56:85)**

#### **86 (6) Con Gái**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc nhận lấy phụ nữ và con gái (để người phụ giúp, ở chung...) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy phụ nữ và con gái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

**(SN 56:86)**

#### **87 (7) Nô Tỳ**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh

kiêng cử việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ (người ở đợ, nô lệ) là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy nô tỳ nam hay nô tỳ nữ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:87)

### **88 (8) Dê và Cừu**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc nhận lấy dê và cừu là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy dê và cừu thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:88)

### **89 (9) Gia Cầm và Heo**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc nhận lấy gia cầm và heo là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy gia cầm và heo thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:89)

### **90 (10) Voi...**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh kiêng cử việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc nhận lấy voi, gia súc, ngựa, và ngựa cái thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:90)



## NHÓM 10

### NHÓM ‘GẠO SÓNG’ THÚ TU’ & LẬP LẠI’

(*Catutthaaāmakadhañña Peyyāla-vagga*)

#### 91 (1) *Ruộng Đất*

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc nhận lấy ruộng đất là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc nhận lấy ruộng đất thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:91)

#### 92 (2) *Buôn Bán*

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc buôn bán là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc buôn bán thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:92)

#### 93 (3) *Báo Tin Tức...*

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc (người ta) sai mướn là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cữ việc chạy báo tin đưa tin và làm những việc (người ta) sai mướn thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:93)

#### **94 (4) Cân Đo Gian Lận...**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc gian lận bằng cân, đo, tiền bạc thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

**(SN 56:94)**

#### **95 (5) Đút Lót Hối Lộ...**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc đút lót hối lộ, lừa đảo, và gian trá là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử việc đút lót hối lộ, lừa đảo, và gian trá thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

**(SN 56:95)**

#### **96 (6) — 101 (11) Làm Tôn Hại...**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh không cứ việc làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành là số ít. Còn những chúng sinh không kiêng cử làm tổn hại, giết hại, bắt cóc, cướp bóc, chiếm đoạt, và bạo hành thì rất nhiều. Vì lý do gì? Vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.”

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt

khô’.”

**(SN 56:96—101)**

## NHÓM 11

### NHÓM ‘NĂM NƠI ĐẾN & LẬP LẠI’

(*Pañcagati Peyyāla-vagga*)

#### 102 (1) Là Người Chết Đi thành người (1)

Lúc đó đức Thế Tôn khươi ra chút đất trong móng tay và nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào là nhiều hơn: chút đất ta mới khươi ra trong móng tay hay đại địa cầu này?”

“Thưa Thế Tôn, đại địa cầu là nhiều hơn. Chút đất Thế Tôn mới khươi ra trong móng tay chỉ là nhỏ nhặt. So với đại địa cầu, thì chút đất đó là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào.”

- “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết khi được tái sinh làm người lại là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khổ’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ’.”

(SN 56:102)

#### 103 (2) Là Người Chết Đi thành người (2)

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh trở lại làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đề...”

(SN 56:103)

### **104 (3) Là Người Chết Đi thành người (3)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh trở lại làm người là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi nga-quỷ (hồn ma, quỷ đói) thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đề...”

(SN 56:104)

### **105 (4) — 107 (6) Là Người Chết Đi thành thiên thần (4–6)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là người khi chết đi được tái sinh làm thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là người khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đề...”

(SN 56:105–107)

### **108 (7) — 110 (9) Là Thiên Thần Chết Đi thành người (1–3)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên-thần khi chết đi được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng

sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:108—110)

**111 (10) — 113 (12) Là Thiên Thần Chết Đi thành thiên thần (4–6)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh là thiên-thần khi chết đi được tái sinh trở lại trong cõi thiên thần là số ít. Còn những chúng sinh là thiên thần khi chết đi bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:111—113)

**114 (13) — 116 (15) Từ Địa Ngục Chết Đi thành người (1–3)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa-ngục khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Nay các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:114—116)

**117 (16) — 119 (18) Từ Địa Ngục Chết Đi thành thiên thần (4–6)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ địa-ngục khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ địa-ngục khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi địa-ngục ... trong

cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:117—119)

**120 (19) — 122 (21) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành người (1–3)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:120—122)

**123 (22) — 125 (24) Từ Cõi Súc Sinh Chết Đi thành thiên thần (4–6)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi súc-sinh khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:123—125)

**126 (25) — 128 (27) Từ Cõi Nga Quỷ Chết Đi thành người (1–3)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi nga-quỷ khi chết được tái sinh làm người là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi nga-quỷ khi chết bị tái sinh lại trong cõi địa-ngục ... trong cõi súc-sinh ... trong cõi nga-quỷ thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế....”

(SN 56:126—128)

### **129 (28) Từ Cõi Ngạ-Quỷ Chết Đi thành thiên thần (4)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi địa-ngục thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:129)

### **130 (29) Từ Cõi Ngạ-Quỷ Chết Đi thành thiên thần (5)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trong cõi súc-sinh thì rất nhiều. Vì lý do gì? Này các Tỳ kheo, bởi do họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế...”

(SN 56:129)

### **131 (30) Từ Cõi Ngạ-Quỷ Chết Đi thành thiên thần (6)**

... “Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết được tái sinh làm thiên-thần là số ít. Còn những chúng sinh từ cõi ngạ-quỷ khi chết bị tái sinh trở lại trong cõi ngạ-quỷ thì rất nhiều. Bởi vì sao? Này các Tỳ kheo, vì họ chưa nhìn thấy Bốn Diệu Đế.

“Bốn đó là gì? Diệu-đế về khổ, diệu-đế về nguồn-gốc khổ, diệu-đế về sự chấm-dứt khổ, diệu-đế về con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.



“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là nguồn-gốc khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là sự chấm-dứt khô’. Sự cố-gắng nên được làm để hiểu: ‘Đây là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khô’.”

(SN 56:131)

—HẾT QUYÊN 5—  
(QUYÊN LỚN)



# BẢNG VIẾT TẮT

## I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

**Be:** *phiên bản Miến Điện của SN*

**Ee:** *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

**Se:** *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

\* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

**Spk (Be)** = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

**Spk (Se)** = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

**Spk-pt** = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

**SS** = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

**CDB** = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

**SC** = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

## II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

**Abhi** = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

\* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

**As** = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

**Dhp** = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

**Dhp-a** = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

**Dhs** = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

\* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

**It** = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tụ Thuyết* (thuộc **KN**)

**It-a** = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

**Ja** = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

**Khp** = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

\* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

**Mil** = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

\* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

**Mp** = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

**Nett** = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

**Nidd I** = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

**Nidd II** = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

**Paṭis** = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

**Paṭis-a** = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

**Peṭ** = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

**Pj II** = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

**Pp** = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

**Pp-a** = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

**Ps** = Pāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

**Pv** = Petavatthu: *tập Chuyện Quý Đồi* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

\* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

**Sn** = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

**Sp** = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

**Sv** = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

**Sv-pt** = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

**Th** = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

**Th-a** = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

**Thī** = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

**Thī-a** = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

**Ud** = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

**Ud-a** = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

**Vibh** = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

**Vibh-a** = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

**Vibh-mṭ** = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

**Vin** = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

**Vism** = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

### III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

**BL** = Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả

Burlingame)

**CMA** = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *CẨM NANG VI DIỆU PHÁP* (của Tỳ Kheo BỒ-ĐỀ)

**EV I** = Elders' Verses I: *TRƯỜNG LÃO THI KỆ I* (của Norman)

**EV II** = Elders' Verses II: *TRƯỜNG LÃO THI KỆ II* (của Norman)

**GD** = Group of Discourse: *TẬP KINH TẬP II* (của Norman)

**Germ Tr** = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

**KS** = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

**LDB** = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

**MLDB** = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

**Ppn** = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

**SN-Anth** = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

#### **IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:**

**CPD** = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

**CSCS** = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

**DPPN**: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

**MW** = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

**PED** = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

## V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

**BHS** = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

**BPS** = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

**C.Rh.D** = C.A.F. Rhys Davids (tiền sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

**PTS** = Pali Text Society: *Hội Kinh Điển Pali*

**Skt** = Sanskrit: *tiếng Phạn*

**VĀT** = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyên đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyên đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)





# CHÚ THÍCH

<sup>1</sup> (Sự ngu tối, ngu mờ, ngu dốt, không thấy, không hiểu biết; ngược lại với sự hiểu-biết, trí-biết, minh)

<sup>2</sup> [Kinh này giống kinh **AN 10:105**, nhưng trong kinh **AN** có đưa thêm hai cặp chữ là (9) *sự hiểu-biết sai lạc* (*micchāñāṇa*, tà tri) và (10) *sự giải-thoát sai lạc* (*micchāvimutti*) vào “mặt tối, vô-minh”, và (9) *sự hiểu-biết đúng đắn* (*sammāñāṇa*, chánh tri) và (10) *sự giải-thoát đúng đắn* (*sammāvimutti*) vào “mặt sáng, minh”. Những câu mở đầu về vô-minh và trí-biết đích thực (chân trí, hữu minh) cũng có trong **It 34,6–10**. Coi thêm **MN III 76,1–9**.

- **Spk** chú giải: vô-minh là thứ dẫn đầu (*pubbaṅgama*) theo 02 cách: (i) là một *điều-kiện đồng khởi sinh* (*sahajāta*: một điều-kiện (duyên) cho những hiện-tượng khởi sinh đồng thời) và (ii) là một *điều-kiện trợ giúp quyết định* (*upanissaya*: một điều-kiện tác nhân (nhân duyên) mạnh mẽ cho các hiện-tượng khởi sinh ngay sau đó). Còn **Spk-pt** nói thêm: (i) Nó là một thứ dẫn đầu theo cách là một thứ đồng khởi sinh khi nó tạo ra những trạng thái liên quan khớp theo cách nó ‘*không-biết*’ về đối-tượng, vì vậy chúng cứ chấp những hiện-tượng vô thường là thường hằng...; (ii) nó là một thứ dẫn đầu theo cách vừa là thứ đồng khởi sinh vừa là sự trợ giúp quyết định khi một người bị chi phối bởi vô-minh cứ dính vào những hành-động thất đức (thiếu giới-hạnh). *Sự không biết xấu-hỗ* (*ahirika*) có tính chất của sự thiếu si-nhục (*alajjanā*) hay sự thiếu lương-tâm đối với điều xấu ác; *sự không biết sợ-hãi việc làm sai trái* (*anot-tappa*) có tính chất của sự thiếu sợ-hãi (*abhāyanā*, đối với hành vi xấu ác). **Spk** giải nghĩa chữ *anudeva* [hay *anvadeva* trong **Be**] là: *sah’ eva ekato’ va, na vinātena uppajjati* (nó khởi sinh cùng với nó, trong sự đồng nhất, không phải không cùng với nó).] (1)

<sup>3</sup> [Toàn bộ lời bài kinh này cũng được Phật đưa vào trong cuộc nói chuyện với Vua Pasadeni (Ba-tư-nặc) trong kinh **SN 3:18**.] (3)

<sup>4</sup> (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chấp

lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lay*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lay*”.)

<sup>5</sup> [**Spk**: khi đang một mình ở nơi ẩn dật, thầy Ānanda có ý nghĩ rằng: “Việc tu hành của một Tỷ kheo sẽ thành công nếu người đó biết (i) dựa vào *sự có bạn-tốt*, có đạo hữu tốt và (ii) dựa vào *sự nỗ-lực mạnh mẽ của chính mình*; và như vậy là một-nửa dựa vào *sự có bạn-tốt* và một-nửa dựa vào *sự nỗ lực tự thân*.” Nghĩ như vậy nên ngài đã tới gặp Phật để hỏi lại cho chắc.] (5)

<sup>6</sup> [Về sự quan trọng của *sự có bạn-tốt*, đạo hữu tốt, đồng đạo tốt, đồng môn tốt trong đời sống tu hành, coi thêm các kinh **SN 45:49, 45:63, 45:77** bên dưới.] (6)

<sup>7</sup> [*Công thức (phiên mẫu) dựa vào sự tách-ly (vivekanissita)* đã được gắn vào các chi của Bát thánh đạo trong **Vibh 236**. **Spk** giải thích *sự tách-ly (viveka)* dưới ánh sáng của các luận giảng về 05 sự tách-ly, đó là: (i) *sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅga*, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang tu tập thiền quán (minh sát)); (ii) *sự tách-ly bằng cách không-chế (vikkhambhana*, một cách tạm thời, lâm thời, bằng sự đang chứng đắc tầng thiền định); (iii) *sự tách-ly bằng sự tẩy-bỏ (samuccheda*, một cách thường hằng, vĩnh viễn, bằng thánh-đạo siêu thế); (iv) *sự tách-ly bằng sự lắng-lặng (paṭippassaddhi*, thường hằng, vĩnh viễn, trong thánh-quả); và (v) *sự tách-ly bằng cách thoát-khỏi (nissaraṇa*, thường hằng, vĩnh viễn, trong Niết-bàn). Trong hai đoạn chú thích sau, tôi dịch từ luận giảng **Spk**.

-“*Người đó tu tập chánh-kiến dựa vào sự tách-ly (viveka-nissitam)*: nghĩa là, (i) dựa vào sự tách-ly trong hoàn cảnh riêng biệt, (ii) dựa vào sự tách-ly bằng sự thanh-tẩy (xóa bỏ), (iii) dựa vào sự tách-ly bằng sự thoát-khỏi (giải thoát, niết-bàn). Bởi vì (a) vào lúc minh-sát (thiền quán) người thiền này [người tận tâm tu tập con đường thánh đạo] tu tập chánh-kiến dựa vào sự tách-ly *trong hoàn cảnh riêng biệt* theo cách như *chức năng* và dựa vào sự tách-ly như *sự ngã-hướng* [vì người đó ngã hướng về Niết-bàn]; (b) vào lúc thánh đạo, người đó tu tập chánh-kiến dựa vào sự tách-ly *bằng sự thanh-tẩy* như *chức-năng* và dựa vào sự tách-ly *bằng sự thoát-khỏi* như *đối-tượng* [vì thánh đạo lấy Niết-bàn làm đối-tượng]. Sự giải thích theo cách tương tự đối với những thuật ngữ ‘*dựa vào sự chán-bỏ*’ (*virāganissita*) và ‘*dựa trên sự chấm-dứt*’ (*nirodhanissita*).

-“*Sự buông bỏ giải thoát (vossagga)* là có hai phần: sự giải-thoát như sự *buông-bỏ (pariccāga)* và sự *giải-thoát* như sự *nhập-vào (pakkhandana)*. (i) ‘*Sự giải-thoát là/như sự buông-bỏ*’ là sự *đẹp-bỏ (pahāna)* những ô-nhiễm (lậu hoặc): *trong hoàn cảnh riêng biệt (tadaṅgavasena)* trong lúc đang thiền-quán (minh sát), *bằng sự thanh-tẩy (samucchadavasena)* trong lúc đang trong thánh đạo siêu thế. (ii) ‘*Sự giải-thoát là/như sự nhập-vào*’ là sự nhập vào Niết-bàn: bằng cách *ngã-hướng về đó (tadninnabhāvena)* trong lúc đang thiền-quán (minh sát), và làm cho nó thành đối-tượng (*ārammaṇakaraṇena*) vào lúc đang ở thánh đạo. Cả hai phương pháp đều phù hợp trong sự giảng giải này, chúng kết hợp thế-tục (minh sát) và siêu-thế (thánh đạo). Thánh đạo là (*dần, đang*) *chín muối tới sự buông bỏ giải thoát (vossaggapariṇāmi)* bởi vì nó *đang chín muối tới* hoặc *đã chín muối trong* (sự giải thoát), nghĩa là nó *đang chín muối tới* hoặc *đã chín muối trong* (sự giải thoát). Tỳ kheo đang tu tập thánh đạo là ‘*đang làm chín muối*’ thánh đạo vì mục tiêu *buông-bỏ* (từ bỏ, dẹp bỏ) những ô-nhiễm và *nhập vào Niết-bàn*, và người đó tu tập nó cho nên nó ‘*đã chín muối*’ như vậy.”

- Khi tôi [TKBĐ] dịch chữ *vossagga* là “*sự buông bỏ giải thoát*” (người dịch Việt dịch là luôn hàm nghĩa là “*sự buông bỏ giải thoát*”) ngay từ đầu chứ không phải dựa vào chú giải; thú vị là hàm nghĩa của nó cũng đúng như cách luận giải hiểu về lời kinh) thì đó nên được hiểu là *hành vi buông bỏ giải thoát* hay *trạng thái đã buông bỏ giải thoát* chứ không phải là cái sự *trải nghiệm sự được giải thoát*. Chữ *vossagga* và *paṭinissagga* có liên hệ mật thiết với nhau về mặt từ nguyên và cả về mặt ngữ nghĩa, nhưng khi được dùng trong các bộ kinh *Nikāya* thì có chút khác biệt nhỏ làm cách biệt chúng. (i) Chữ *paṭinissagga*, ở đây được dịch là “*sự từ-bỏ*”, chủ yếu thuộc giai đoạn minh-sát (thiền quán) và do vậy nên được hiểu như một sự *chủ động loại-bỏ những ô-nhiễm thông qua sự minh-sát nhìn thấu tất cả những hiện-tượng có điều-kiện* (hữu vi). (ii) Chữ *vossagga*, là cái sự trong đó thánh đạo chín muối, có lẽ biểu thị trạng thái cuối cùng trong đó tất cả mọi sự ràng buộc dính mắc đều đã được buông bỏ hoàn toàn, và do vậy nó đến gần với nghĩa của Niết-bàn là mục-tiêu của thánh đạo. (i) *Paṭinissagga* xảy ra như một *sự quán-sát khác biệt*, là *sự quán-sát cuối cùng*, trong 16 bước tu tập *sự chánh-niệm hơi-thở* [coi lại 4 đoạn x “4-điều” của kinh 54:01 ở đầu Chương 54 bên dưới]. Mặc dù **Spk** giải nghĩa nó giống như cách nó giải nghĩa chữ *vossagga* [coi thêm chú thích ở cuối đoạn (2) của kinh 54:01, chú thích số đuôi (293)] nhưng chính trong các kinh 02 chữ này được dùng với 02

nghĩa khác nhau.] (7)

<sup>8</sup> [Spk: do thầy Ananda lúc đó chưa chứng ngộ tới sự hiểu-biết đỉnh cao nên thầy không biết toàn bộ đời sống tâm linh là dựa vào *sự có bạn-tốt*, nhưng thầy Xá-lợi-phất là ‘thông soái’ về sự hiểu-biết nên thầy ấy mới nói ra như vậy, và được Phật khen ngợi.] (8)

<sup>9</sup> [Bà-la-môn Jāṇussoṇi là giáo sĩ và là thầy tế của Vua Pasadeni (Ba-tur-nặc). Cảnh ông cỡi xe ngựa trắng đi ra khỏi thành Sāvattḥi cũng được lặp lại trong kinh **MN I, 175** và **MN II, 208**. Theo Spk: ông thường đi kiêu này 6 tháng một lần, như để đạo rao khắp vùng kinh thành về sự lộng lẫy và giàu có của ông ta.] (9)

<sup>10</sup> [*Jhānakkho*. Spk giải nghĩa: “Trục được làm bằng tầng thiền định (jhāna) theo cách của 05 yếu-tố của jhāna đi kèm với minh-sát”. 05 yếu tố của tầng thiền định là ý-nghĩ (tầm), sự soi-xét (tứ), sự hoan-hỷ (hỷ), sự hạnh-phúc (lạc), và sự nhất-điểm của tâm. Mặc dù khi đã chín muồi đầy đủ chúng sẽ đưa tâm đến tầng thiền định thứ nhất, những yếu tố này cũng có mặt, mặc dù ít nổi bật, trong sự định-tâm có kèm theo thiền minh-sát.] (12)

<sup>11</sup> [Spk: *Cỗ xe đạo (maggayāna)* được cho là “*xuất phát từ trong chính mình*” (*attani sambhūtaṃ*) bởi vì nó chỉ đứng đắc được phụ thuộc vào sự tự thân nỗ lực của người tu.] (14)

<sup>12</sup> (Đoạn kinh mẫu này cũng được nói trong các kinh **SN 12:24, 12:25, 12:26** (Quyển 2); **22:02, 22:86** (Quyển 3); **35:81, 42:13**, và **44:02** (Quyển 4).)

<sup>13</sup> [Spk: “*Sự dẹp-bỏ tham, sân, si*” là chỉ trạng thái không-còn điều kiện (vô vi), là yếu tố Niết-bàn bất tử. “*Sự tiêu-diệt ô-nhiễm*” là chỉ thánh quả A-la-hán. “*Sự dẹp-bỏ tham, sân, si*” cũng chính là thánh quả A-la-hán.] (15)

<sup>14</sup> [Định nghĩa các phần của Bát Thánh Đạo cũng ghi rõ trong các kinh **DN II 311–13** và **MN III 251–52**. Trong tạng Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma Piṭaka*) thì chúng được ghép theo cách diễn dịch chính thức của bài kinh *Bhājanīya* thuộc Kinh Tạng (*suttanta-bhājanīya*) trong **Vibh 235–36** [nhưng đọc thêm chú thích sau]. Nhưng trong bản kinh *Bhājanīya* thuộc tạng Vi Diệu Pháp Tạng (*abhidhamma-bhājanīya*) thì các phần con đường được xem xét theo nghĩa hoàn toàn siêu-thế.] (16)

**15** [Spk: Chỗ này nhắc lại về 49 ngày thiền trú của Đức Phật xung quanh chỗ *Cây Bồ-Đề* sau khi giác-ngộ. Trong suốt thời gian đó, theo Spk, Phật đã quán chiếu về năm-uẩn, các sáu cơ-sở cảm nhận, các yếu-tố, Bốn Diệu Đế ... một cách đầy đủ (*nippadesa*); giờ trong kinh này Phật chỉ quán chiếu lại một phần (*padesena*) trong đó, tức phần *cảm-giác* (thọ). Spk cũng đưa ra ví dụ cách những cảm-giác khởi sinh do tác động (duyên) bởi chánh kiến và tà kiến. Bài kinh này cũng được đề cập tới trong **As 30-31** là “bằng chứng” cho thấy rằng Phật đã dạy *Vi Diệu Pháp Tạng*. **Vism 519 (Ppn 17:9)** cũng trích dẫn bài kinh này để phản biện lại quan điểm cho rằng ‘*sự khởi sinh tùy thuộc*’ (duyên khởi) chỉ là ‘*sự khởi sinh đơn thuần*’ mà thôi.] (19)

**16** [Spk: ‘*Cảm-giác do tham-muốn (chanda) là điều-kiện (duyên)*’ là cảm-giác dính với tám loại tâm dính tham [coi **CMA 1:4**]; ‘*cảm-giác do ý-nghĩ (tâm) là điều-kiện*’ là cảm-giác trong tầng thiền định thứ nhất (nhất thiền); còn ‘*cảm-giác do nhận-thức (tưởng) là điều-kiện*’ là cảm-giác trong 06 tầng thiền định từ tầng thiền định thứ hai (nhị thiền) cho tới cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ).] (20)

**17** [Đoạn kinh trong ngoặc [...] trong kinh này và kinh kế tiếp là không có trong phiên bản **Be**, và có thể đã được du nhập từ luận giảng **Spk** vào tạng kinh Tích-Lan cổ [Sinhala]. Spk giải thích: (a) cảm-giác khi ba yếu tố này *chưa* lắng lặn là loại cảm-giác liên kết với tám loại tâm dính tham. (b) Cảm-giác khi chỉ có sự tham-muốn *đã* lặn là cảm-giác của tầng thiền định thứ nhất; (c) Cảm-giác khi chỉ có nhận-thức *chưa* lặn là cảm-giác của các tầng thiền định thứ hai và cao hơn. (d) Còn cảm-giác khi tất cả ba thứ đó *đã* lặn là cảm-giác trong cảnh xứ không còn nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tưởng phi tưởng xứ). Còn “*điều chưa được chứng ngộ*” chính là thánh quả A-la-hán. Câu diễn đạt cuối cùng là bao gồm cảm-giác siêu-thế đi kèm với bốn thánh đạo. Chữ “*nỗ lực*” ở đây là *āyāma*, nghĩa thực là đồng nghĩa với chữ *vāyāma*. Spk nói luôn đó là đồng nghĩa chữ “*virīya*” (nỗ lực, tinh tấn).] (21)

**18** [Spk: Spk nói: *Sự lắng-lặn của cách-nhìn sai lạc* (tà kiến) là đồng nghĩa *cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến); do vậy cảm-giác được cho là bị tác động (duyên) bởi cách-nhìn đúng đắn cũng đồng nghĩa là cảm-giác bị tác động (duyên) bởi sự lắng-lặn của cách-nhìn sai lạc. Nhưng trong bài kinh này họ (những bậc tiền bối cổ xưa) không đưa vào cảm-giác do quả (*vipāka-vedanā*), họ cho rằng nó là quá xa xôi. Vì hễ khi nào một cảm-giác được nói là bị tác động (duyên) bởi sự lắng-lặng của một trạng thái thì nó đồng nghĩa

với nó bị tác động (duyên) bởi một phẩm chất đối ngược với trạng thái đó. Cảm-giác do tác động (duyên) bởi *sự lắng lặn của tham-muốn* là cảm-giác trong tầng thiền định thứ nhất; cảm-giác do tác động (duyên) *sự lắng lặn của ý-nghĩ* (tâm) là cảm-giác trong tầng thiền định thứ hai; cảm-giác do tác động bởi *sự lắng lặn của nhận-thức* là cảm-giác trong cảnh xứ ‘không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’ (phi tưởng phi phi tưởng xứ).] (22)

<sup>19</sup> [Hai phẩm chất thêm vào là (9) *micchāñāṇī* và (10) *micchāvimutti*. **Spk** giải thích chữ đầu như là *micchāpaccavekkhaṇa*: “*sự xét-lại sai lạc*”, trong đó **Spk-pt** nói thêm: “*Khi một người đã làm điều bất thiện, nhưng khi quán chiếu lại thì cứ nghĩ nó là thiện*”. **Spk** giải thích “*sự giải-thoát sai lạc*” là sự giải-thoát giả (*ayāthāvavimutti*), một sự giải-thoát không thật (*aniyyānika-vimutti*).] (25)

<sup>20</sup> [Coi chi tiết đầy đủ hơn ở kinh **MN 117**.] (26)

<sup>21</sup> [TKBĐ: mặc dù các phiên bản kinh đều có chữ ‘*aṭṭhaṅgiko*’ (tám phần, tám chi), nhưng tôi gợi ý bỏ chữ này đi cho lời kinh được thống nhất với các kinh **SN 46:18**, **SN 47:33**, và **SN 51:02** trong bộ kinh này.] (28)

<sup>22</sup> [**Spk**: tức đi khỏi vòng luân hồi sinh tử đến Niết-bàn. Bài thi kệ bên dưới cũng có trong kinh Pháp Cú **Dhp 85-89**.] (29)

<sup>23</sup> [‘*Hành trình*’: quá trình, đường đi, dòng trôi: chỉ quá trình luân hồi sinh tử [*samsāra*]. **Spk**: khi một người chứng Niết-bàn thì đã hoàn-toàn hiểu hành trình của đường luân hồi sinh tử mình đã trải qua.] (31)

<sup>24</sup> [Tại chỗ này **Ee** ngừng đếm số những NHÓM KINH này và chỉ gọi là *peyyāla* (những sự lặp-lại), chứ không coi là những NHÓM kinh (*vagga*). **Se** cũng gọi những NHÓM này là những phần *peyyāla* nhưng có đánh số chúng; **Be** thì đánh số chúng và gọi đó là những *peyyālavagga* (những NHÓM lặp-lại). Cách đánh số của tôi ở đây là tương ứng giống với phiên bản **Se** nhất, nhưng cách đánh số các bài kinh thì giống theo **Ee**, một mạch từ đầu tới cuối.] (30)

<sup>25</sup> [**Spk**: “*Sự thành-tựu về giới-hạnh*” (*sīla-sampadā*) là bốn sự thanh lọc đức hạnh [gồm: (i) trì giữ Giới Luật Tỳ kheo (*Pātimokkha*), (ii) kiểm chế các giác-quan, (iii) sử dụng những đồ dùng vật dụng một cách đúng đắn, và (iv) sự mưu sinh đúng đắn; coi thêm **Vism 15-16**; (**Ppn 1:42**)]. “*Sự thành tựu về mong-muốn*” (*chanda-sampadā*) là mong muốn thành tựu phần thiện-lành (không

phải dạng tham muốn như dục-vọng, là một nghĩa khác của chữ *chanda*). “*Sự thành tựu về bản-thân*” (*attasampadā*) là sự toàn-vẹn của cái tâm (*sampanna-cittatā*). Lần lượt các bài kinh này đã được nói riêng cho những người khác nhau, tùy theo căn cơ tính khí của mỗi họ.] (33)

**26** [Trong phiên bản **Ee** thì NHÓM kinh này không có số riêng của nó. **Be** thì đánh số nó là NHÓM “1” như thể nó bắt đầu lại từ đầu vậy, nhưng rồi lại đánh số riêng cho mỗi “phiên mẫu” của 04 “phiên mẫu”. **Se** thì giữ cách đánh số các NHÓM kinh một cách liên tục, bắt đầu từ số NHÓM “9”. Ở đây tôi làm theo **Se**, có vẻ hợp lý hơn. Mỗi “phiên mẫu” chỉ thực sự khác nhau bởi một cụm chữ dùng để mô tả những yếu-tố của con đường đạo. Trong tiếng Pāli 04 cụm chữ của 04 “phiên mẫu” lần lượt là: (i) *vivekanis-sitaṃ virāganissitaṃ nirodhanissitaṃ vossaggapariṇāmiṃ*; (ii) *rāgavina-yapariyosānaṃ dosavinayapariyosānaṃ mohavinayapariyo-sānaṃ*; (iii) *amatogadhaṃ amataparāyanaṃ amatapariyosānaṃ*; và (iv) *nibbānanin-naṃ nibbānapoṇaṃ nibbāna-pabbhāraṃ*.

- Spk giải thích rằng những “phiên mẫu” khác nhau của cùng một kinh đã được bởi Đức Phật nói cho mỗi loại người khác nhau, tùy theo những căn cơ của họ để họ được giác ngộ.] (34)

**27** [So sánh với chữ *nibbānogadha*: mời đọc lại đoạn cuối của kinh **SN 23:01** (Quyển 3), và coi lại chú thích ở cuối kinh đó, chú thích số đuôi (243).] (35)

**28** [**Ee** gọi NHÓM kinh này là “Chương V” như thể tất cả các bài kinh từ **31** đến **138** đều thuộc Chương IV vậy. **Be** cũng đếm số nhóm này là “5”, theo sau là 04 phần cùng tựa là NHÓM ‘SÔNG HẰNG’ LẶP LẠI & TÓM LƯỢC. Vì trong phiên bản **Be** vẫn còn những nhóm của CHƯƠNG (Tương ưng, *saṃyutta*) này được đánh số từ 6–8, điều này có nghĩa là trong **Be** thì CHƯƠNG này gồm 02 dãy NHÓM kinh được đánh số từ 5–8, mà không có cơ sở nào khác để phân biệt chúng. Trong phiên bản **Se** thì NHÓM kinh này được đánh số “13” và sự đánh số liên tục cho đến cuối là NHÓM “16”. Vì ở đây có sự hợp lý hơn nên tôi làm theo **Se**.] (36)

**29** [**Spk**: *tính chuyên-cần* được cho là đứng đầu trong tất cả mọi phẩm tính thiện, bởi nhờ có sự chuyên-cần tu học người tu mới đạt được những phẩm tính thiện lành khác.] (37)

**30** [Những ví dụ trong các kinh từ **45:141–147** này cũng có trong kinh **SN 22:102** (Quyển 3).] (38)

**31** [**Spk** chú giải: Khi những con rồng nāga cái mang thai, chúng nhận thấy nếu sinh con ngoài biển thì con non sẽ bị tấn công bởi những quỷ vương *supanna* (quỷ dạ xoa có cánh) hoặc bị cuốn mất bởi những dòng hải lưu lớn. Cho nên chúng hạ xuống các sông trên dãy núi Himalaya và sinh con ở đó. Rồi chúng huấn luyện con ở cái ao hồ trên núi cho đến khi con cái thật thạo giỏi về bơi lội.] (39)

**32** [Giống ví dụ trong **SN 36:12.**] (40)

**33** [Giống ví dụ cuối trong **SN 22:101.**] (41)

**34** [Giống ví dụ trong kinh **SN 36:14.**] (42)

**35** [Ví dụ và cách dùng ví dụ ở đây giống tương tự như trong kinh **SN 35:244** (Quyển 4), và kinh **SN 52:08** (Quyển này).] (43)

**36** [*“Brahmacariyesanā”*: (tạm dịch theo ý nghĩa là) đời sống tâm linh, đời sống tu hành, hay đời sống thánh thiện, (phạm hạnh). **Spk**: Ở đây ám chỉ sự tìm kiếm đời sống tâm linh theo *cách-nhìn sai lạc* (tà kiến); (ví dụ như tu để có được thâm niên tu hành và do vậy vô tình tự dối gạt tâm mình...). **Spk-pt** giải nghĩa thêm rằng: Bởi do *cách-nhìn sai lạc* là cơ sở mà những người triết lý thiết chế ra đời sống tâm linh; (ví dụ những người sống đời sống tâm linh theo những giáo phái khác thời Phật).] (44)

**37** [Về ba loại khổ này, coi thêm chú thích ở kinh **SN 38:14** (Quyển 4).] (45)

**38** [Kinh này được tìm thấy trong phiên bản **Se** và **SS**. Phiên bản **Be** đánh số đây là một kinh riêng, nhưng **Ee** thì không. Ở đây tôi làm theo **Ee** (tức đánh số nó là kinh **170** như kinh kể trên). Cả hai kinh **170 (10)** và **170 (11)** đều kết nối với phiên mẫu *“dựa vào sự tách-ly”* và giống nhau y hệt. Điều này có thể cho thấy hai kinh vốn thực sự chỉ là một kinh nhưng đã được lặp lại theo 02 chữ khác nhau của cùng một nghĩa, vì chữ *tanhā* (đục-vọng) và *tasinā* (sự thêm-khát) trong tiếng Pāli là đồng nghĩa với nhau, đều tương đương với chữ *trṣṇā* trong tiếng Phạn.] (46)

**39** [**Spk** giải thích *“gút mắc về thân”* (*kāyagantha*) là một gút mắc trong phần



danh-thân (*nāmakāya*), là một loại ô-nhiễm nó gút thứt và kết nối chẳng chịt (*ganthanaghaṭanakilesa*). **Spk-pt:** Một ô-nhiễm sinh ra sự kết nối, sự trói buộc, được biết là sự bó buộc vào sự khổ thông qua sự kết nối của nhân với quả, của vòng nghiệp với vòng nghiệp quả. Sự gút-mắc thứt tư là: *idamsaccābhinivesa kāyagantha*: có nghĩa gốc là “sự gút-mắc về thân là sự dính chấp vào [quan điểm] ‘Chỉ điều này là sự thật’ (còn những điều khác là sai).” (47)

<sup>40</sup> [**Spk:** “*Khuynh-hướng tiềm-ẩn (tạo ra) tham-dục*” (*kāmānusaya*) chính là tham-dục, nó được gọi là một “*khuynh-hướng tiềm-ẩn*” (tùy miên) theo nghĩa nó đã tích được sức-mạnh (*thāma-gataṭṭhena*). **Spk-pt:** “(Tham) đã tích được sức-mạnh” bằng cách đã được cấy sâu bên trong *sự liên-tục của tâm* của một chúng sinh.] (48)

<sup>41</sup> [Đây là *năm gông-cùm thấp hơn* (nhẹ đô hơn) này trói buộc chúng sinh vào *cõi dục-giới (kāma-dhātu)*, ví dụ cõi người, cõi súc sinh... 03 gông-cùm đầu tiên được phá bỏ bởi bậc thánh Nhập-lưu và bậc thánh Nhất-lai. Còn bậc thánh Bất-lai thì đã phá bỏ tất cả 05 gông-cùm.] (49)

<sup>42</sup> [*Năm gông-cùm cao hơn* (nặng đô hơn) này trói buộc chúng sinh vào *cõi sắc-giới (rūpa-dhātu)* và *cõi vô-sắc-giới (arūpa-dhātu)*. Các cõi (cảnh giới) này lần lượt được chứng đắc theo *các tầng thiền định sắc-giới (jhāna)* và *các tầng chứng đắc vô-sắc-giới*. Chỉ bậc thánh A-la-hán thì đã phá bỏ hết tất cả 05 gông-cùm này.] (50)

<sup>43</sup> [Giống lời trong **SN 45:151.**] (51)

<sup>44</sup> [*Chữ bojjaṅga* (yếu-tố giác-ngộ; giác chi) là chữ ghép của chữ *bodhi* (giác ngộ, bò-đề) + *aṅga* (chi, chi phần, yếu tố). **Spk** định nghĩa thành 02 điều: “(i) *Những yếu-tố giác-ngộ là những yếu-tố của sự giác-ngộ*; hoặc (ii) *những yếu-tố của một người đã giác-ngộ (bodhiyā bodhissa vā aṅgā ti bojjaṅgā)*. Nghĩa là gì? (i) Đó là thông qua sự kết-hợp những trạng thái (chi phần) gồm có *sự chánh-niệm ... sự buông-xả*, đã khởi sinh vào khoảng-khắc của những thánh đạo thế tục và siêu thế (*lokiyalokuttaramaggakkhaṇe*) ... nên một đệ tử được giác-ngộ; do vậy [sự kết-hợp những trạng thái đó] được gọi là sự giác-ngộ. (ii) Còn ‘người đó được giác-ngộ’ có nghĩa người đó đã thức tỉnh khỏi giấc ngủ của sự liên-tục của những ô-nhiễm; điều đó có nghĩa là người đó thâm nhập Bốn Diệu Đế hoặc chứng ngộ Niết-bàn. Những yếu-tố giác-ngộ là những yếu tố của sự giác-ngộ gồm có trong sự kết-hợp những trạng thái đó. Tương tự, một thánh đệ tử là người

đã giác-ngộ thông qua sự kết-hợp những trạng thái nói trên thì được gọi là “người giác-ngộ” (*bodhī*). Những yếu-tố của một người đã giác-ngộ là những yếu-tố giác-ngộ.”.] (52)

<sup>45</sup> [*Dưỡng chất* (*āhāra*) ở đây có nghĩa là điều-kiện (duyên, *paccaya*). Đoạn này của kinh được lặp lại trong kinh **SN 46:51** ở bên dưới, ở đó **Spk** có giải thích chi tiết về các dưỡng chất đối với từng ‘yếu-tố giác-ngộ’; coi chú thích kinh đó.] (53)

<sup>46</sup> [*Dấu-hiệu sự-đẹp* (*subhanimitta*) như là, một đối tượng hấp dẫn về nhục - dục, đặc biệt thứ gọi tình gọi dục. Chữ *nimitta* ở đây rất khó để chuyển dịch thành một chữ nào đó để có thể dùng trong mọi ngữ cảnh. Tôi [TKBĐ] đành phải quay lại chữ “*dấu-hiệu*” sau khi đã nhiều lần thử dịch là “*phương diện*”, “*đường nét*”, “*diện mạo*”—đều thấy không thỏa đáng. Trong một số kinh khác thì *nimitta* rõ ràng có nghĩa là *cơ-sở, nguyên-nhân, điều-kiện* [ví dụ trong kinh **SN 48:40**, vv...].

- **Spk** giải thích chữ “*sự chú-tâm không kỹ càng*” hay *phi như lý tác-ý* (*ayoniso manasikāra*) như là “*sự chú-tâm (tác ý) không đúng phương pháp, sự chú-tâm lệch lạc sai lầm*” (*anupāyamanasikāra, uppathamanasikāra*. **Spk-pt**: bởi do không phải là phương pháp đúng đắn để đạt tới sự lợi lạc. Các luận giảng đều giải thích “*sự chú-tâm không kỹ càng*” này là sự chú-tâm (tác ý) vào thứ vô-thường (mà cho) là thường-hằng, vào sự khổ là sự sướng, vào thứ vô-ngã là bản ngã, và vào sự không hấp-dẫn, ô-úế, không-sạch là đẹp đẽ, thanh tịnh. Cách giải thích này cũng được thấy có trong **Vibh 373**.] (54)

<sup>47</sup> [*Dấu-hiệu sự đáng-chê* (*paṭighanimitta*). **Spk**: Dấu-hiệu sự đáng-chê chính là sự ác-ý hay sân (*paṭigha*) hay là đối tượng đáng chê ghét (*paṭighārammaṇa*).] (55)

<sup>48</sup> [*Cetaso avūpasama*: sự bất an ổn của tâm. **Spk**: Sự bất an ổn của tâm là, hàm nghĩa mô tả, (chướng ngại) *sự bất-an* và *hối-tiếc*.] (57)

<sup>49</sup> [“*Những thứ là cơ-sở cho yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm*”: là dịch cụm chữ *satisambojjhaṅgaṭṭhāniyā dhammā*. **Spk** giải thích: đó gồm những thứ trở thành *những đối-tượng (để) chánh-niệm* [**Spk-pt**: đó chính là “*bốn nền tảng chánh-niệm*”], *ba mươi bảy phần trợ giúp giác ngộ* (37 bồ-đề phần), và *chín trạng thái siêu-thể*.] (58)

**50** (“*Với những trạng thái ứng với chúng*” là tạm dịch, vì cụm chữ hàm nghĩa cả những trạng thái *thuận ứng* (bản chất bản sao), hoặc trạng thái *ngịch ứng* (phẩm chất đối nghịch), hoặc theo nghĩa *không có trạng thái đối nghịch*. Khi đọc chú thích dưới đây quý vị sẽ thấy các hàm nghĩa của cụm chữ này theo luận giảng **Spk**).

- [Nguyên gốc cụm chữ cuối này: *kaṇhasukkasappaṭibhāga*. **Spk** giải thích: Theo nghĩa: (1) Những trạng thái tối “*với những trạng thái tương ứng (bản chất sao y) của chúng*” là bởi vì chúng tạo ra những kết quả tối, và những trạng thái sáng bởi vì chúng đưa đến những kết quả sáng; ý nghĩa là “*có những kết quả tương tự*”. Hoặc theo nghĩa: (2) Những trạng thái tối “*với những trạng thái đối ứng (bản chất đối nghịch) của chúng*”: những trạng thái tối có trạng thái sáng là đối ứng với chúng, và những trạng thái sáng có những trạng thái tối là đối ứng của chúng. Hoặc theo nghĩa: (3) Những trạng thái tối “*với sự ngoại trừ*”: những trạng thái bất thiện thì ngoại trừ (không có) những trạng thái thiện và tạo ra những kết quả theo tính nó (là bất thiện), và ngược lại.

- Một ví dụ khác chi tiết hơn nói về sự đối trị giữa những trạng thái tốt và những trạng thái xấu được đọc thấy trong kinh **MN 8**, trong đó Phật đã liệt kê 44 cặp những trạng thái thiện và bất thiện đối nghịch nhau.

- Sự giảng giải yếu-tố giác-ngộ này ở đoạn này cho thấy: trong khi “*sự phân-biệt những trạng thái*” (trạch pháp) về mặt kỹ thuật có thể được nhận dạng là trí-tuệ (*paññā*), chức năng ban đầu của *paññā* như một yếu-tố giác-ngộ chưa phải là nhận thấy ngay “ba đặc-tính” của mọi sự... mà chỉ mới là phân biệt giữa những trạng thái tốt và xấu và sự phân-biệt này sẽ trở nên rõ rệt hơn bằng sự sâu-sắc hơn của sự chánh-niệm.] (59)

**51** [**Spk**: *Yếu tố phát-khởi (ārambhadhātu)* là phần đầu của *sự nỗ-lực* (tinh tấn); *yếu tố phần-đầu (nikkamadhātu)* là sự nỗ-lực phần giữa; *yếu tố có-gắng (parakkamadhātu)* là sự nỗ-lực phần cuối, là là sự nỗ-lực (tinh tấn) ở mức cao nhất, mạnh mẽ nhất.] (60)

**52** [**Spk** giải thích sự tĩnh-lặng của thân (*kāyappassaddhi*) là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong ba uẩn [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý]; còn sự tĩnh-lặng của tâm (*cittappassaddhi*) là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong uẩn thức. Các luận giảng thường xuyên diễn dịch cặp đôi, thân-tâm, như được nói trong kinh này, dưới ánh sáng của Vi Diệu Pháp (*Abhidhamma*), trong đó chỉ

ra sự tương phản giữa *tâm* (*citta*): yếu tố chủ chốt để nhận-biết, và phần đi kèm với nó là phần “*thân*” của các yếu tố thuộc *tâm* (*cetasika*, tư tâm sở). Tuy nhiên, ở đó “*thân*” đã được dùng theo nghĩa thường là thân thể, thân thể được coi như đóng góp cho phần định lượng lớn của một trải nghiệm.] (61)

**53** [**Spk**: *dấu-hiệu của sự vắng-lặng* (*samatha-nimitta*) vừa chính là sự vắng-lặng (tức sự định-tâm) vừa là đối-tượng của nó. *Dấu-hiệu của sự không phân-tán* (*abyagga-nimitta*) cũng đồng nghĩa với dấu-hiệu của sự vắng-lặng.] (62)

**54** [Khi nói rằng *yếu tố giác-ngộ là chánh-niệm* (*satisambojjhaṅga*) khởi sinh nhờ sự nhớ-lại (hồi nhớ, tưởng niệm) Giáo Pháp đã được dạy bởi những nhà sư đắc đạo, thì lời kinh đã chỉ ra mối liên hệ về mặt từ nguyên giữa chữ *sati* là “sự nhớ” và động từ “nhớ lại” hay “hồi nhớ” (*anussarati*). Mặc dù nghĩa “nhớ” thông thường đã bị che phủ bởi cái nghĩa lớn về sự tu tập của chữ *sati* là “*sự tỉnh-giác về hiện-tại*”, nhưng nghĩa “nhớ” và “hồi nhớ” vẫn được lưu giữ và định nghĩa trong một số kinh khác [ví dụ như khi định nghĩa về ‘căn chánh-niệm’ trong kinh **SN 48:09**.].] (63)

**55** [Năm loại thánh Bất-lai cũng được nói trong các kinh **SN 48:15, 48:24, 48:66, 51:26, 54:5, và 55:25**.

- Theo **Spk**: **(iii)** “*Người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu*” (= *antarā-parinibbāyī*) là người (bậc thánh Bất-lai) được tái sinh vào một trong 05 cõi trời trong-sạch (Tịnh cư thiên), và ở đó người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở cõi đó. (Thực ra, chữ “*antarā*” trong tiếng Pali có nghĩa: “*trong khoảng thời gian, ở giữa một khoảng thời gian* (cả nghĩa không gian), *trong quá trình, trung gian*”, cho nên người dịch Việt dịch luôn như vậy cho dễ hiểu và rõ ràng, để chỉ **lúc-nào** bậc thánh đó sẽ chứng Niết-bàn cuối cùng). Cũng theo **Spk**: như vậy loại đầu này được phân thành ba dạng, tùy theo **lúc-nào** chứng ngộ thánh quả A-la-hán (=Niết-bàn): (1) *ngay sau lúc tái sinh vào cõi đó*; (2) *sau 100 hay 200 đại-kiếp ở cõi đó*; hoặc (3) *sau 400 đại-kiếp ở cõi đó*.

**[I] + (iv, v)** Chữ “*người chứng ngộ Niết-bàn sau nửa kiếp đầu*” (= *upahacca-parinibbāyī*), (tức cũng có thể nói là: *người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa sau kiếp sau ở cõi trời đó*).

► (Người dịch Việt dịch luôn như vậy cho rõ ràng và dễ hiểu luôn. + Nhưng cần nói thêm: Thực ra, chữ “*upahacca*” thì: **(a)** theo thầy TKBD dịch

là “ngay khi đáp xuống hay ngay khi chạm đất” (tiếng Anh: *upon landing*), nghe hơi khó hiểu, nhưng thầy TKBD cũng giải thích luôn rằng **Spk** giải thích: đó là “người chứng ngộ Bát-niết-bàn ngay sau khi hết nửa kiếp đầu ở cõi trời đờ”. Còn **(b)** theo tự điển Wisdom Library thì: ‘chữ “*upahacca*” có nghĩa: làm tổn hại, làm tổn thương (nghĩa gốc là đúng vậy); nhưng lại giải thích “*upahacca-parinibbāyī* là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở cõi trời đờ”, thiết nghĩ đây là sự nhầm lẫn trong biên tập kinh điển (đúng ra là “trong nửa sau kiếp sau”). **(c)** Người dịch cũng thấy HT. Thích Minh Châu cũng dịch là “chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn” nhưng nghĩa ‘tổn hại’ này, {theo **(b)** và **(c)**}, thực sự không rõ ràng đối với người dịch.)

+ **(vi, vii)** Chữ “người chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự cố-gắng thêm” là dịch chữ (= *asaṅkhāraparinibbāyī*) và “người chứng ngộ Bát-niết-bàn nhờ sự cố-gắng thêm” (= *sasaṅkhāraparinibbāyī*). Như vậy cho thấy có hai kiểu chứng ngộ Niết-bàn, trong đó 02 loại thánh Bất-lai đầu chứng đắc mục-tiêu cuối-cùng một cách dễ dàng, và các loại thánh Bất-lai còn lại thì chứng đắc một cách khó hơn và cần có thêm sự cố-gắng mạnh mẽ.

**[II]** ► (Phần chú giải thêm của thầy TKBD về các thuật ngữ trên theo một cách khác):

**(a)** Nếu chúng ta hiểu chữ “*antarā-parinibbāyī*” theo ngữ nghĩa gốc của nó, như lẽ ra chúng ta nên làm, thì nó có nghĩa là “người chứng Bát-niết-bàn lúc trung gian giữa hai kiếp sống”, có lẽ là ngay trong khi còn ở trong một thân vi-tế trong trạng thái trung-chuyển (thân trung âm??). Như vậy chữ “*upahacca-parinibbāyī*” có nghĩa gốc là “chứng Bát-niết-bàn ngay khi đáp xuống hay ngay khi chạm đất” sẽ được dịch là “chứng Bát-niết-bàn ngay khi sang kiếp mới, tức là hầu như lập tức ngay sau khi tái sinh.”

**(b)** Hai chữ tiếp theo là chỉ hai loại người chứng đắc thánh quả A-la-hán trong tiến trình của kiếp sau, họ chỉ khác nhau ở số lượng sự cố-gắng thêm mà họ phải thực hiện để chứng đắc được mục-tiêu cuối cùng.

**(c)** Còn loại cuối cùng là “*uddhamsota-akaniṭṭha-gāmi*”: nghĩa gốc là “người hướng thượng lưu tới cõi trời Akaniṭṭha cao nhất”; (tạm dịch nghĩa Việt là “người sẽ cuối cùng chứng ngộ Bát-niết-bàn ở cõi trời cao nhất Akaniṭṭha”). Đó là, người đó được tái sinh lần lượt trong 05 cõi trời trong-sạch đó, sống hết tuổi thọ trong mỗi cõi trời đó, và cuối cùng sẽ chứng thánh quả A-la-hán khi ở trong cõi trời Akaniṭṭha—là cõi trời cao nhất, đại thọ nhất, trong

05 cõi trời trong-sạch đó (05 cõi tịnh cư thiên, *sudhavaśa*); (HV dịch là ‘*cõi sắc cứu kính thiên*’; bản dịch Việt ở đây giữ nguyên tên “*Akañiṭṭha*” và mở ngoặc giải thích là ‘*cõi trời cao nhất thọ nhất trong năm cõi trời trong-sạch dành cho các bậc thánh Bất-lai*’.)

(Thầy TKBD tiếp tục giải thích:) Cách diễn dịch này mặc dù trái với giải thích trong các Luận giảng Pāli, nhưng dường như nó lại được xác nhận bởi kinh *Purisagati Sutta*: **AN 7:55**, trong đó có ví dụ về đồng que củi đang cháy hàm ý chỉ rằng: bảy loại thánh Bất-lai [07 là do riêng loại đầu “*chúng Bất-niết-bàn trong nửa kiếp đầu*” (*antarāparinibbāyī*) có chứa tới 03 dạng, như đã giải thích ở cuối phần (iii) ở trên] là riêng biệt lẫn nhau và được xếp hạng theo mức độ tinh-nhạy của các căn tâm linh của họ.]

Phần xác nhận thêm nữa là kinh **AN 4:131**, trong đó giải thích *antarāparinibbāyī* là người đã loại bỏ *gông-cùm tái sinh* (*upapattisaṃyojana*) nhưng vẫn chưa loại bỏ được *gông-cùm hiện-hữu* (*bhavaṣaṃyojana*). Mặc dù những người theo trường phái Trưởng Lão Bộ (Theravādin) đã phản bác cách diễn dịch chữ *antarāparinibbāyī* theo cách như vậy [như coi trong **Kv 366**], nhưng bằng chứng từ các bài kinh này đã xác thực mạnh cho cách diễn dịch đó. Để đọc chi tiết hơn, mời đọc thêm quyển “*Cái Tâm Vô Ngã*” (*The Selfless Mind*) của Herney, trang 98–108.

Kinh **AN 4:169** thì rút ra một cách phân biệt khác nữa, giữa hai chữ *sasaṅkhāraparinibbāyī* và *asaṅkhāraparinibbāyī*, như vậy: (i) chữ đầu là người chứng A-la-hán thông qua *sự thiên-quán* về các chủ-đề thiên “*khắc khổ*”, ví dụ như: *nhận-thức về sự không-sạch ô-úế của thân*, hay *sự nhận-thức về sự đáng ghê-tởm của thức ăn*, hay *nhận-thức về sự bất-mãn đối với thế giới*, hay *nhận-thức về tính vô-thường trong mọi sự tạo-tác*, và *sự chánh-niệm về cái chết*. (ii) Còn chữ thứ hai là chỉ người chứng A-la-hán thông qua *sự thiên-định* bốn tầng thiên sắc-giới (*jhana*).] (65)

**56** [Spk: Kinh này nói về những yếu-tố giác-ngộ thánh quả (*phala-bojjhaṅga*) của vị trưởng lão. Khi thầy ấy nhập vào sự chứng ngộ thánh quả sau khi làm cho yếu-tố giác-ngộ là *sự chánh-niệm* là chính, thì những yếu-tố giác-ngộ cùng có theo. Tương tự với cách diễn đạt về những yếu-tố giác-ngộ khác. Như vậy vị trưởng lão nói kinh này để cho thấy sự nắm-vững của mình về sự chứng đắc thánh quả. Ví dụ về tú quần áo bên dưới cũng có trong kinh **MN I 215,6–15**, và cũng lại được nói bởi thầy Xá-lợi-

phát.] (66)

<sup>57</sup> [Nguyên gốc câu này: *Vijjāvimuttiphalaṇisaṃso ... Tathāgato viharati*. Học giả Woodward đã dịch chữ *vijjāvimutti* là “*sự giải-thoát bằng trí-biết*” cho rằng chữ kết hợp này là một *tappurisa* (chữ ghép 02 nghĩa chính-phụ), nhưng lời diễn đạt *vijjā ca vimutti ca* [ở at V 52,19] hàm nghĩa nó thực sự là một *dvanda* (chữ ghép 02 nghĩa ngang nhau). Trong đó [V 329,9–16] bày yếu-tố giác-ngộ được cho sẽ hoàn-thiện 02 thứ: *trí-biết* và *sự giải-thoát (vijjā-vimutti)*.] (68)

<sup>58</sup> [Kinh **14** này, (và hai kinh **15, 16** tiếp theo) được xếp vào trong sách “*các kinh phòng hộ*” tiếng Sinhha [*Maha Pirit Pota: Quyển Đại Kinh Phòng Hộ*] của Tích Lan. Các nhà sư thường đọc tụng những kinh này cho những người bệnh.] (70)

<sup>59</sup> [Chúng được giới thiệu cho các Tỷ kheo là “*những yếu-tố của sự không sa-sút*” trong kinh dài **DN II 79,8–23**.] (72)

<sup>60</sup> [Nguyên gốc: “*Nibbedhabhāgiyaṃ ... maggaṃ desessāmi*.” Lý do con đường đạo được tả như vậy sẽ được nói trong lời kinh tiếp theo.] (73)

<sup>61</sup> [*Ukkujjāvakujaṃ samparivattento*. **Spk**: ở đây sự khởi-sinh được gọi là sự trôi-lên (*ukkuja*) và sự lắng-lặn được gọi là sự sụt-xuống (*avakuja*). Như vậy là thầy ấy đang khám phá năm-uẩn bằng cách *thiền quán sự trôi-lên và sụt-xuống (udayabbayavasena)*. Và sự chứng ngộ Bốn Diệu Đế trong khi quán sát sự trôi lên và sụt xuống đó của năm-uẩn cho thấy thầy ấy đã chứng đắc thánh đạo siêu thế.] (75)

<sup>62</sup> [**Spk** cho rằng thầy ấy đã đạt-tới Giáo Pháp minh-sát (*vipassanā-dhamma*) và đã đạt-được thánh đạo minh-sát (*vipassanā-magga*), nhưng lời giải thích này cũng chỉ nói chung về sự đã chứng ngộ Giáo Pháp siêu thế và sự chứng đắc thánh đạo siêu thế mà thôi. Lời kinh không nói rõ cấp bậc chứng đắc, nhưng chỉ ít thầy ấy cũng đã là bậc thánh Nhập-lưu dựa trên cụm chữ “*sự đột-phá vào Giáo Pháp*”. Và, bởi trong lúc này thầy ấy vẫn còn tu tiếp phần thánh đạo, nên thầy ấy vẫn chưa là A-la-hán.] (76)

<sup>63</sup> [**Spk**: *tính chuyên-cần* được cho là đứng đầu trong tất cả mọi phẩm tính thiện, bởi nhờ có sự chuyên-cần người tu mới đạt được những phẩm tính thiện

khác.] (77)

<sup>64</sup> [Đoạn trong ngoặc vuông [...] chỉ có trong phiên bản **Se**, mặc dù rõ ràng là nó cần nên có trong mọi phiên bản (để đủ nghĩa 05 chương-ngại). Đáng tò mò, bài kinh này không đề cập gì tới “*bảy yếu-tố giác-ngộ*”. Sự không-có này cho thấy rằng: từ nguyên gốc bài kinh này và bài kinh tiếp theo chỉ là hai phần của một bài kinh. Coi thêm kinh **46:35** và hai chú thích tiếp theo để thấy trường hợp tương tự, rằng trong một số trường hợp do sự truyền thừa đã thành ra như vậy.] (78)

<sup>65</sup> [Kinh này tôi làm theo phiên bản **Se** (tức gộp phần đánh số (1) và (2) thành một kinh này). Trong phiên bản **Be** và **Ee** thì đoạn (2) được tách ra thành một bài kinh riêng (theo kiểu giống như hai kinh **33** và **34** kể trên), nhưng chúng ta rõ ràng thấy được hai bài kinh chỉ là hai phần của một bài kinh mà thôi.] (79)

<sup>66</sup> [Kinh này cũng vậy, tôi cũng làm theo phiên bản **Se**: tức là tách phần kinh này ra thành một kinh riêng (số **38**) và **Se** đặt tên là “*Không Có Chương Ngại*” (*Anīvaraṇa Sutta*). Trong **Be** và **Ee** thì phần tách này lại được gắn luôn vào kinh trước, mặc dù chúng ta rõ ràng thấy các chủ-đề của kinh trước và kinh sau là hoàn toàn khác nhau. (Chỉ là do 02 cách truyền thừa khác nhau mà thành ra vậy.)] (80)

<sup>67</sup> [Cả bốn cây đều thuộc họ cây fig, tức họ “cây đa đề”; coi thêm kinh **SN 35:231**.] (81)

<sup>68</sup> [*Ba sự phân-biệt (tisso vidhā)* là: ‘Ta hơn tốt hơn’, sự phân biệt ‘Ta kém hơn’, sự phân biệt ‘Ta ngang bằng’. Coi thêm kinh **SN 45:162** chương kể trên.] (82)

<sup>69</sup> [Đây là một “*vị vua lý tưởng*” theo kinh văn Phật giáo; chi tiết coi thêm **DN II 172–177**, **MN III 172–176**.] (83)

<sup>70</sup> [Phần kinh **[i.]** và **[ii.]** giống hệt trong kinh **SN 46:02**. Trong phần **[ii.]**, trong mỗi phần giảng luận về mỗi yếu-tố giác-ngộ, **Spk** lại đưa thêm vào một đoạn giải-thích *mới toanh* để chỉ thêm ra “*những điều-kiện khác*” cũng giúp làm khởi-sinh và hoàn-thiện *bảy yếu-tố giác-ngộ*. Quý vị lần lượt coi 07 chú thích tiếp theo sẽ thấy.

- Nhân tiện, các “*phụ đề*” **[i.]**, **[ii.]**, **[iii.]**, **[iv.]** trong NHÓM kinh này do tôi



[TKBĐ] ghi ra. Nguyên gốc các “*phụ đề*” này, kèm theo giải thích ngắn gọn, cũng có ghi trong **Vism 132–134 (Ppn 4:54–62).**] (84)

**71 [Spk:** Bên cạnh điều này, có 04 điều-kiện khác để làm khởi sinh *yếu-tố giác-ngộ là sự chánh-niệm*, đó là: **(i)** sự chánh-niệm và sự rõ-biết trong tất cả mọi hành vi; **(ii)** tránh gặp những người không có chánh-niệm; **(iii)** giao lưu những người có chánh-niệm; và **(iv)** sự kiên-định đúng đắn (ví dụ như: luôn kiên định vì một cái tâm ‘đồ về, nghiêng về, và ngã về’ *sự thiết lập chánh-niệm*).] (85)

**72 [Spk:** Có 07 điều-kiện khác để làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự phân-biệt các trạng thái* (trạch pháp), đó là: **(i)** sự vấn-hỏi (về nghĩa của năm-uẩn, các yếu-tố (giới), sáu cơ-sở cảm-nhận...); **(ii)** sự sạch-sẽ của bản thân; **(iii)** sự cân-bằng các căn [coi thêm **Vism 129–130; Ppn 4:45–49**]; **(iv)** sự quán-chiếu (suy xét) về mặt trí-biết thâm sâu; **(v–vii)** tránh gặp kẻ vô trí; giao lưu với người có trí; và sự kiên-định đúng đắn.] (86)

**73 [Spk:** Có 11 điều-kiện khác giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự nỗ-lực* (tinh tấn), đó là: **(i)** quán-chiếu sự sợ-hãi những cảnh giới tái sinh đầy đọa, thống khổ...; **(ii)** nhìn-thấy những ích-lợi trong việc phát khởi sự nỗ-lực tinh tấn; **(iii)** quán-chiếu rằng mình đang đi theo con đường đạo mà các vị Phật đã đi...; **(iv)** quán-chiếu về sự cần-thiết phải đền đáp công đức của những thứ được cúng dường (nhiều thí chủ đã giúp các điều kiện vật chất... để mình nuôi thân tu hành); **(v–viii)** quán-chiếu về sự lớn-lao của di sản (Phật đã để lại); sự lớn-lao của các vị Sư Thầy; sự lớn-lao của sự truyền thừa (tu thừa...); và sự lớn-lao của những sư huynh sư đệ đồng môn; **(ix–xi)** tránh gặp người lười biếng; giao lưu người chuyên cần (siêng tu, nhiệt thành); và sự kiên-định đúng đắn.] (87)

**74 [Spk:** Có 11 điều-kiện khác giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự hoan-hỷ*, đó là: **(i–vii)** tưởng niệm về Đức Phật, tưởng niệm Giáo Pháp, tưởng niệm Tăng Đoàn, tưởng niệm về giới-hạnh, tưởng niệm về tâm bố-thí, tưởng niệm về các thiên-thần, và tưởng niệm về sự bình-an; **(viii)** tránh gặp những người thô lỗ; **(ix)** giao lưu những người tế nhị, thanh nhã; **(x)** quán chiếu về những bài kinh hay và quan trọng, các bài kinh tạo nhiều cảm hứng; và **(xi)** sự kiên-định đúng đắn.] (88)

**75 [Spk:** Có 07 điều-kiện khác giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự tinh-lặng*, đó là: **(i)** thức ăn dinh dưỡng (dưỡng sinh; phù hợp mục đích nuôi thân lành mạnh để tu hành); **(ii)** khí hậu ôn hòa, ít biến đổi; **(iii)** các tư thế đúng đắn;

(iv) gắng sức vừa phải; (v–vii) tránh gặp người bất an; giao lưu với người trầm tĩnh; và sự kiên-định đúng đắn.] (89)

**76** [Spk: Có 10 điều-kiện khác giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự định-tâm*, đó là: (i) sự sạch-sẽ của bản thân; (ii) sự cân-bằng các căn; (iii) kỹ-năng về các dấu-hiệu (đối tượng thiền); (iv–vi) sự nỗ-lực tu tập, sự kiểm-chế (các giác quan), và sự làm hoan-hỷ cái tâm đúng lúc đúng thời; (vii) nhìn mọi thứ với một sự buông-xả đúng lúc đúng thời; (viii–x) tránh gặp người không định-tâm; gặp gỡ người định-tâm; và sự kiên-định đúng đắn. [Các luận giảng về kinh “*Các Nền Tảng Chánh Niệm*” (*Satipaṭṭhāna Sutta*) còn thêm một điều kiện thứ 11 nữa, đó là: sự quán-chiếu về các tầng thiền định [jhāna] và những sự giải-thoát của chúng].] (90)

**77** [Spk: Có 05 điều-kiện khác giúp làm khởi sinh yếu-tố giác-ngộ là *sự buông-xả*, đó là: (i) thái độ tách-ly (buông chấp) đối với những chúng sinh; (ii) thái độ tách-ly đối với những sự tạo-tác cố-ý [ví dụ: những đối tượng vô tri vô giác] (?); (iii–v) tránh gặp những người chấp hữu này nọ; giao lưu với những người buông-xả; và sự kiên-định đúng đắn.

► Tất cả các yếu-tố giác-ngộ, sau khi khởi sinh, sẽ đạt tới “*sự hoàn-thiện thông qua sự tu tập*” (*bhāvanāya pāripūri*) trong chặng thánh đạo A-la-hán.] (91)

**78** [Tên “*phụ đề*” [iii.] này là tạm dịch chữ “*Anāhāro nīvaraṇānaṃ*”. Trong phần này, Spk cũng tiếp tục đưa vào những giải-thích *mới toanh* về cách ‘*cắt đường chất*’ của mỗi chướng-ngại và các chặng thánh-đạo mà mỗi chướng-ngại sẽ bị diệt sạch. Quý vị coi tiếp trong mấy chú thích tiếp theo.] (92)

**79** [“*Dấu-hiệu của sự ô-úe*” (*asubhanimitta*), theo Spk, là một trong “*10 đối tượng ô-úe*” ví dụ như: một xác chết đang ở một trong 10 giai đoạn tan rã, thối rữa; [coi thêm **Vism** 178–179; **Ppn** 6:1–11]. Tuy nhiên, trong cách dùng của bài kinh, sự “*nhận-thức về sự ô-úe*” (*asubhasaññā*) này được giải thích như cách của sự “*thiền-quán về 31 bộ phận của thân*” [như trong **AN V** 109,19–27 (?); và con số được tăng lên 32 trong **Paṭis** và các luận giảng khác, sau khi họ đưa thêm bộ phận não vào danh sách.

- Spk: Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ tham-dục: (i) học hiểu đối tượng ô-úe; (ii) tận tâm thiền quán về sự ô-úe (của sắc-thân); (iii) phòng hộ các căn cảm-nhận; (iv) ăn uống tiết độ; (v) có sự có bạn-tốt; và (vi) sự nói năng phù

hợp, đúng mực. ► Chương ngại *tham-dục*, nếu [tạm thời] được dẹp bỏ nhờ sáu cách này, thì sẽ được dẹp bỏ sạch sẽ trong chặng thánh đạo A-la-hán. **Spk-pt:** Ở đây dùng chữ *tham-dục*, theo phương pháp Vi Diệu Pháp Tạng, là chữ đại diện dùng để chỉ luôn *tất cả các loại tham* khác [như: *tham muốn được hiện-hữu, tham muốn khoái-lạc giác quan*.] (93)

**80** [**Spk:** “*Sự giải-thoát của tâm bằng tâm-từ*” (*mettācetovimutti*) chính là tầng thiền định [= jhāna]. Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chương ngại *ác-y*: **(i)** học hiểu đối tượng tâm-từ; **(ii)** tận tâm thiền quán về tâm-từ; **(ii)** quán chiếu về trách nhiệm của mình đối với những hành động của mình; **(iv)** sự thường xuyên cân nhắc; **(v)** sự có bạn-tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp, đúng mực. ► Chương ngại ác-y sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Bất-lai.] (94)

**81** [Về ba yếu tố của *sự nỗ-lực* (tinh tấn), coi lại chú thích của đoạn **(iii)** của kinh **SN 46:02**. **Spk:** Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chương ngại là *sự buồn-ngủ và đờ-dẫn*, đó là: **(i)** tránh ăn quá nhiều (gây buồn ngủ và hôn trầm sau đó, và trong khi thiền); **(ii)** thay đổi các tư thế thiền tập; **(iii)** chú tâm tới các nhận-thức về ánh sáng [coi thêm kinh **SN 51:20**]; **(iv)** ở nơi thoáng sáng, rộng rãi; **(v)** có sự có bạn-tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp, đúng mực. ► Chương ngại là *sự buồn-ngủ và đờ-dẫn* sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo A-la-hán.] (95)

**82** [**Spk:** Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chương ngại là *sự bất-an và hối-tiếc*, đó là: **(i)** sự học hiểu nhiều; **(ii)** sự điều tra, phân biệt (trạch pháp); **(iii)** sự quen thuộc với Luật tạng; **(iv)** giao lưu với người chín chắn; **(v)** có sự có bạn-tốt; và **(vi)** sự nói năng phù hợp, đúng mực. ► Chương ngại sự *hối-tiếc* sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Bất-lai, nhưng sự *bất-an* thì sạch sẽ ở chặng thánh đạo A-la-hán.] (96)

**83** [**Spk:** Có 06 điều-kiện khác dẫn tới sự dẹp bỏ chương ngại là *sự nghi-ngờ*, đó là: **(i)** sự học hiểu nhiều; **(ii)** sự điều tra, phân biệt (trạch pháp); **(iii)** sự quen thuộc với Luật tạng; **(iv)** sự kiên quyết, nhất tâm (về điều đã tin); và **(vi)** sự nói năng phù hợp, đúng mực. ► Chương ngại *sự nghi-ngờ* sẽ được dẹp-bỏ sạch sẽ bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu, (bậc Nhập-lưu đã thành tựu niềm-tin xác thực và bất thối chuyển vào Phật, Pháp, Tăng...).] (97)

**84** (“*Và những trạng thái ứng với chúng*”: mời quý vị coi lại chú thích ở kinh **46:02** ở trên, phần **[ii.]**, đoạn (2), chú thích số đuôi (59), để hiểu hàm

nghĩa của cụm chữ này.)

**85** [**Spk** nói rằng các đạo sư các giáo phái khác không có những giáo lý ‘nguyên bản’ nào của mình về năm chương-ngại và bảy yếu-tố giác-ngộ. Khi họ dạy cho các đệ tử của họ là họ lấy cấp (đạo ngôn, đạo văn) những giáo lý của Phật về những chủ đề đó. Tuy nhiên, học giả Gethin thì chỉ ra rằng bản thân bài kinh không nói xa như vậy như trong giảng luận **Spk**, mà nó chỉ nhấn mạnh sự khác-nhau giữa hai phương-pháp chỉ dạy; [coi thêm quyển “*Buddhist Path to Awakening*” (*Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ*) của ông, trang 180].] (98)

**86** [**Spk**: Tham-dục “*đối với bên trong*” là đối với thân năm-uẩn của mình; “*đối với bên ngoài*” là đối với thân thể người khác [và chắc chắn, bao gồm cả những đối-tượng vô tri vô giác].

- Tương tự bên dưới: sự *ác-y* “*đối với bên trong*” có thể hiểu là sự sân bực, chê ghét bản thân mình; “*đối với bên ngoài*” là sự sân giận, chê ghét đối với những chúng sinh khác và cả đối với những điều kiện hoàn cảnh bên ngoài.

- Sự phân biệt giữa sự *đờ-dẫn* và sự *buồn-ngủ* được nói trong **Vism 469 (Ppn 14:167)**: sự *đờ-dẫn* (*thina*) có tính chất là “thiếu nguồn lực điều khiển”, chức năng giải tỏa năng lượng, và thể hiện bằng “sự chìm ngìm của tâm”. Còn sự *buồn-ngủ* (*middha*) có tính chất là chậm chạp, chức năng gây ra sự mờ mịt ủ dột, và thể hiện bằng “sự ngủ gục”. Gộp lại là sự *đờ-dẫn* và *buồn-ngủ*.

- Sự *bất-an* (*uddhacca*) là sự kích động, sự không an định an tâm; sự *hối-tiếc* (*kukkucca*) là sự tiếc nuối hay hối hận về sự đã không-làm điều gì đúng ra cần phải làm hay sự cần sửa chữa những lỗi lầm đã có. Gộp lại là sự *bất-an* và *hối-tiếc*.

- Sự *ngghi-ngờ* “*về bên trong*”, theo **Spk**, là sự không chắc chắn về thân năm-uẩn của mình [như: có thực nó là vô thường, khổ, hay vô ngã hay không...?]; sự *ngghi-ngờ* “*về bên ngoài*” là sự *ngghi-ngờ lớn* (*mahāvicikicchā*) về 08 vấn đề [Phật, Pháp, Tăng, và sự tu-tập; quá khứ, hiện tại, và tương lai; và lý “khởi-sinh tùy thuộc”]. (99)

**87** [Sự phân thành “hai” của mỗi yếu-tố giác-ngộ cũng được ghi trong **Vibh 228**, trong đó cũng lấy mẫu là bài kinh này.] (100)

**88** [Sự hoan-hỷ trước là trong tầng thiền định thứ nhất (có tầm, tứ, hỷ, lạc)

và sự hoan-hỷ sau là trong tầng thiền định thứ hai (có hỷ, lạc; hết tâm, tứ).] (101)

**89** [**Spk** giải thích *sự tĩnh-lặng của thân (kāyappassaddhi)* là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong ba uẩn [cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý]; còn *sự tĩnh-lặng của tâm (cittappassaddhi)* là sự làm lắng lặn sự phiền-khổ trong uẩn thức. Nhưng quý vị coi thêm lại chú-thích ở đoạn (v) của kinh **SN 46:02** ở trên để so sánh.] (102)

**90** [Trạng thái định trước là định và cận định thuộc tầng thiền định thứ nhất và trạng thái định sau là định trong tầng thiền định thứ hai và cao hơn.] (103)

**91** [**Spk**: *Sự chánh-niệm* là cần có trong mọi trường hợp. Giống như muối và một tể tướng đa năng. Như muối làm tăng hương vị của tất cả các món cà ri, và như một thủ tướng đa năng hoàn thành tất cả các trách nhiệm của một chính phủ: sự kiềm chế cái tâm đang khích-động và sự nỗ lực làm phán chán cái tâm đang thụ-động đều có thể làm được bởi *sự chánh-niệm*, và không thể làm được nếu không có *sự chánh-niệm*. (Bởi vậy sự chánh-niệm là quan trọng nhất trong sự nghiệp tu tập cái tâm!). Coi thêm **Vism 130,15–20 (Ppn 4:49)**.] (105)

**92** [Tên thị trấn có ghi trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 324,9–15 (Ppn 9:119)**, và trong đó cũng gọi luôn tên kinh là *Kinh Haliddavasana (Haliddavasana Sutta)*.] (106)

**93** [Về điểm này, coi lại chú-thích đầu tiên của kinh **SN 46:52** kể kể trên về sự chú giải của **Spk** và quan điểm của học giả Gethin.] (107)

**94** [Nguyên gốc các chữ: *kiṃgatikā kiṃparamā kiṃphalā kiṃpariyosānā*.] (108)

**95** [Chỗ này, *sự kết-hợp của các yếu-tố giác-ngộ với bốn tâm vô-lượng* “tù, bi, hỷ, xả” [tức bốn trú xứ cõi trời, bốn Phạm trú] là không bình thường trong triết lý Phật giáo. Bởi việc tu tập bốn tâm vô-lượng có động cơ là để được tái sinh vào những cảnh giới cõi trời (tức tu tiên) hơn là để đạt tới sự giải-thoát rốt ráo, Niết-bàn; [coi **MN II 82,24–27, II 207–208, AN 2:128–129**). Tuy nhiên, khi được tích hợp vào con đường đạo Phật, chúng có thể được dùng để đạt tới *sự định-tâm* đủ mạnh để làm cơ-sở cho việc *minh-sát* (thiền quán), để từ đó dẫn tới trí-tuệ và sự giác-ngộ. Một ví dụ điển hình là trong kinh **MN I 351,18–**

**352.2. Spk** giải thích: Người tu tu tập 03 tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*) dựa trên *tâm-từ*, rồi lấy trạng thái tầng thiền định đó làm cơ-sở để tu tập thiền minh-sát (thiền quán) và chứng đắc thánh quả A-la-hán. *Yếu-tố giác-ngộ* được tu tập bởi thiền minh-sát và thánh đạo.] (109)

<sup>96</sup> [Trong **AN 3:169–170** (?), *tâm-từ* được thảo luận một cách đầy đủ, đề cập rõ những ích-lợi của mỗi sự quán chiếu/ nhận thức như vậy. Trong **DN III 112,25–13,1** *tâm-từ* được gọi là một “*năng-lực tâm linh vô nhiễm, không chấp thủ, và thánh thiện*” (*ayam iddhi anāsavā anupadhikā ariyā*), và trong **Paṭi II 212–13** thì gọi nó là “*năng-lực tâm linh của bậc thánh*” (*ariyiddhi*); trong **Vism 381–82** (**Ppn 12:36–38**) cũng có giảng giải thêm.

- Còn sau đây là giải thích tóm lược của **Spk**: **(i)** *nhận thức những thứ đáng chê-ghét trong những thứ không đáng chê-ghét* (*appaṭikkūle paṭikkūlasaññī*) là người tu bao trùm một đối-tượng không đáng chê-ghét [ví dụ: một người đẹp, gợi cảm, hấp dẫn] với ý nghĩ về sự ô-úế của nó, hoặc chú tâm vào đó (coi nó) như một thứ vô-thường; **(ii)** *nhận thức những thứ không đáng chê-ghét trong những thứ đáng chê-ghét* (*paṭikkūle appaṭikkūlasaññī*) là người tu bao trùm một đối-tượng đáng chê-ghét, khó ưa [ví dụ: một người bạo tàn, kẻ ác] với *tâm-từ* hoặc chú tâm vào đó như những yếu-tố; (giới? người dịch không rõ đó là những yếu-tố nào); **(iii)** và **(iv)** chỉ đơn giản là mở rộng hai phương pháp trên bằng nhận thức cả hai loại đối tượng kết hợp; và **(v)** thì lời kinh đã nói rõ nghĩa.] (110)

<sup>97</sup> [**Spk**: giáo lý này được đưa vào cho những người chưa thể đạt tới A-la-hán sau khi khám phá những sự tạo-tác (hành) dựa trên trạng thái tầng thiền định (*jhana*) thông qua *tâm-từ*....

(Giải thích ngắn gọn): **(i)** ai an trú trong *tâm-từ* thì có thể dễ dàng áp dụng tâm mình vào một đối-tượng thiền [*kaṣiṇa*] có màu sắc đẹp-đẽ và nhanh chóng chứng đắc tới sự giải-thoát đẹp-đẽ [đó là: tầng thiền định (*jhāna*) dựa trên đối-tượng thiền có màu sắc]; **(ii)** ai an trú trong *tâm-bi* thì nhận thấy sự nguy-hại trong sắc (giới) và do vậy tu tập cảnh xú vô biên của không gian (không vô biên xú), là sự thoát khỏi sắc-giới; **(iii)** ai an trú trong *tâm-hỷ* thì hiểu được tâm thức tùy-hỷ của chúng sinh và do vậy dễ dàng chứng nhập cảnh xú vô biên của thức (thức vô biên xú); và **(iv)** ai an trú trong *tâm-xả* là thiện khéo trong việc chuyển hướng tâm mình ra khỏi sự sừng-khỏ (không còn sừng-khỏ) và do vậy có thể dễ dàng hướng tâm tới sự ‘*không-có danh tính cụ thể nào cả*’ trong

cảnh xứ không-có-gì (vô sở hữu xứ).] (111)

<sup>98</sup> [Lời bài kinh này cũng giống kinh **AN 5:193**, chỉ khác là trong **AN** thì không có đoạn cuối nói về bảy yếu-tố giác-ngộ. Coi thêm **Ja No. 185 (II 99–101)**.] (112)

<sup>99</sup> [**Spk** áp dụng 03 cách thoát-khỏi (*nissaraṇa*) đối với từng chướng-ngại: [1] bằng cách không-chế (*vikkham-bhananis-saraṇa*) thông qua trạng thái các tầng thiền định (*jhāna*); [2] đặc biệt, bằng cách quán-xét riêng từng trường hợp (*tadaṅganis-saraṇa*) thông qua thiền quán minh-sát; và [3] bằng cách tẩy-sạch (*samucchedanis-saraṇa*) thông qua các chặng thánh-đạo siêu-thể (tức thánh-đạo Nhập-lưu ... A-la-hán).

- Như vậy: (1) Chướng ngại **Tham-dục** được không-chế bởi trạng thái tầng thiền định thứ-nhất dựa vào *quán xét bản chất không hấp-dẫn (asubha) của thân*; và tham-dục được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán [bởi vì chữ tham-dục (*kāmacchanda*) ở đây được diễn dịch đủ rộng là bao hàm cả sự tham đối với bất kỳ đối tượng nào, chứ không chỉ riêng tham-dục giác quan (nhục dục)]. (2) Chướng ngại **Ác-y** được không-chế bởi tầng thiền định thứ-nhất dựa vào *quán xét tâm-từ*; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo Bất Lai. (3) Chướng ngại **Buồn-ngũ và Đờ-dẫn** được không-chế bởi *nhận-thức về ánh sáng* [ví dụ: sự nhận thức hay quán tưởng về một loại ánh sáng, một hào quang, như vàng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm...]; và được tẩy-sạch bởi chặng thánh-đạo A-la-hán. (4) Chướng ngại **Bất-an và Hối-tiếc** được không-chế bởi yếu tố tĩnh-lặng; sự **Hối-tiếc** được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Bất-lai và sự **Bất-an** được loại bỏ hoàn toàn ở chặng thánh-đạo A-la-hán. (5) Chướng ngại **Nghi-ngờ** được không-chế bởi sự phân-biệt được và định-nghĩa được những hiện-tượng và những trạng-thái, tức là sau khi đã tìm hiểu và phân biệt được các trạng thái (*dhammavavatthāna*, trạch pháp) thì sẽ hết nghi-ngờ [coi thêm **Vism 587–89; Ppn 18:3–8**]; và nó được tẩy-sạch bởi chặng thánh đạo Nhập-lưu.] (113)

- (Mời quý vị cũng coi lại thêm chú thích của luận giảng **Mp** trong kinh **AN 5:193**, ở đầu đoạn (I), (1), chú thích số đuôi (1192).)

<sup>100</sup> [Hoàng tử Abhaya là con trai của Vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), mặc dù không phải là hoàng tử kế ngôi.] (114)

**101** [Coi lại chú thích ở kinh **SN 22:60** (Quyển 3).] (115)

**102** [Chú giải cho rằng, như hiệu quả, hoàng tử đã chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (116)

**103** [*Bộ xương (aṭṭhika)* là một trong 10 đề-mục *thiền quán về sự không-sạch ô-úế* của thân (*asubhakammaṭṭhāna*) được ghi giảng trong Thanh Tịnh Đạo **Vism 178–79 (Ppn 6:1–11)**. Tương tự, *tử thi* ở các giai đoạn khác nhau cũng được nói bên dưới, trong các kinh **SN 46:58–61**, như: *xác chết bị giòi đục (puḷuvaka)*, *xác chết chuyển màu xanh tím (vinīlaka)*, *xác chết bị bung rữa (vicchiddaka)*, và *xác chết bị sinh chảy (uddhumātaka)*. Mỗi sự thiền-quán đều liên quan với yếu-tố giác-ngộ, khi tâm đạt-định nó sẽ là cơ-sở cho sự tu tập minh-sát (thiền quán) và chứng tới thánh đạo siêu thế.] (117)

**104** [Về các đối-tượng (đề mục) thiền ở các kinh *bên dưới*: Kinh (67) *nhận-thức về sự không-sạch (ô-úế) (asubhasaññā)* của thân là thiền quán về 31 bộ phận [hoặc 32 nếu thêm não] của thân, được nói rõ trong **AN 7:49**, phần (1), và được lặp lại trong **Vism 239–66 (Ppn 8:42–144)**; Kinh (68) *nhận-thức về cái chết (maraṇasaññā)*, thường được gọi là sự “*chánh-niệm về cái chết*”, thì được nói rõ trong các kinh **AN 6:19–20**, **AN 7:49**, phần (2), và nó được lặp lại trong **Vism 229–39 (Ppn 8:1–41)**; Kinh (69) *nhận-thức về sự góm-ghiếc của thức ăn (āhāre paṭikkūlasaññā)* đôi khi được đề cập trong các kinh, như trong kinh **AN 7:49**, phần (3), nhưng chỉ được giải thích chi tiết trong **Vism 341–47 (Ppn 11:1–26)**; Kinh (70) *nhận-thức về sự không (gì đáng) khoái-thích trong toàn bộ thế gian (sabbaloke anabhiratasaññā)* được định nghĩa rõ hơn trong **AN 7:49**, phần (4), sự nhận-thức này giống như là sự buông-bỏ tất cả mọi sự dính-chấp... đối với thế gian; Kinh (74) *nhận-thức về sự đẹp-bỏ hay sự từ-bỏ (pahānasaññā)* được định nghĩa trong **AN 5:110,13–20** (?) như sự thiền quán dẫn tới sự đẹp-bỏ những ý-nghĩ ô nhiễm; và các Kinh (75–76) *nhận-thức về sự chán-bỏ (virāgasaññā)* và *nhận-thức về sự chấm-dứt (nirodhasaññā)* được định nghĩa trong **AN 5:110,22–111,3** (?) như những sự thiền quán mang tính suy lý (tùy quán) về Niết-bàn; mặc dù trong những luận giảng khác thì *virāgānupassanā* và *nirodhānupassanā* được coi như sự thiền quán minh-sát bậc cao [như trong **Paṭis II 67; Vism 629,3–5; Ppn 20:90**.] (119)

**105** [Ee đã đánh số sai các kinh “99–100” nên đã làm lạc mất các số thứ tự. [Học giả Feer đã sửa lại lỗi sai này]. Những lỗi sai sau đây trong cách đánh số của Ee cũng nên để ý: nhóm “100–110 (1–12)” của Ee—tương ứng nhóm “111



(I)–120 (10)” trong sách này—là đếm 12 kinh mặc dù chỉ có 11 kinh. [Đoạn thi kê tóm lược trong Be có chữ *dục-vọng và sự thèm-khát (taṇhā-tasināya)*, nhưng hai chữ đó được nhập thành một, nên chỉ đếm có 10 kinh.] Nhóm “**154–164 (I–10)**” của Ee—tương ứng với nhóm “**165 (I)–174 (10)**”—thì có số bài kinh đúng, nhưng lại đánh số giống như có tới 11 bài kinh.] (120)

**106** [Tôi làm theo phương pháp của Ee, tức kết thúc ở kinh **175**. Rõ ràng, ba lần lặp lại của toàn bộ *phiên-mẫu “Loại bỏ tham...”* này nên được hiểu là áp dụng cho từng mỗi cách trong 03 cách mô tả về *bảy yếu-tố giác-ngộ*. Ở đây có thêm 02 *phiên-mẫu* nữa là—“*Sự Bất-tử là nền-tảng...*” và “*Đổ về ... Niết-bàn*”—chỉ được nói ra trong bài kinh cuối cùng này mà thôi.] (121)

**107** [Phần nội dung còn lại của kinh này được coi như một “*bài tóm gọn*” (*uddesa*) của bài kinh “*Các Nền Tảng Chánh Niệm*” (*Satipaṭṭhāna Sutta*, *Kinh Niệm Xứ*), **[DN 22; MN 10]**, và bỏ luôn các phần điệp khúc (*niddesa*, lời lặp lại). Toàn bộ giảng luận về kinh này có ở **Sv III 741–61** và **Ps II 244–66**; giảng luận trong **Spk** thì được rút ngắn hơn nhiều.

- Các luận giảng đưa ra hai từ nguyên của chữ *satipaṭṭhāna*: **(i)** thứ nhất: *sati + upaṭṭhāna*, nghĩa là: “*sự thiết lập chánh-niệm*”; **(ii)** thứ hai: *sati + paṭṭhāna*, nghĩa là: “*nền tảng của sự chánh-niệm*”. Cách thứ nhất nhấn mạnh hành-vi thiết lập sự chánh-niệm, cách thứ hai thì chỉ *những đối-tượng* để áp dụng sự chú tâm chánh-niệm. Mặc dù các luận giảng đều nghiêng về cách diễn dịch thứ hai là “*sati + paṭṭhāna*”, nhưng cách diễn dịch thứ nhất chắc chắn mang tính nguyên-thủy hơn, và nó còn được tăng cường bởi chữ tương đương trong tiếng Phạn là “*smṛtyupasthāna*”. Coi thêm cách cái cách diễn đạt thường thấy trong các kinh là “*upaṭṭhitasati*”: *với sự chánh-niệm đã được thiết lập*, [như trong kinh **SN 54:13**; trong **V 331,10**, vân vân...] và “*parimukhaṃ satim upaṭṭhapetvā*”: *sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt*” [như trong kinh **SN 54:01**; trong **V 311,13**, vân vân...]. Trong **Paṭis** thì, bằng cách giải thích chữ “*sati*” là “*upaṭṭhāna*”, cũng ưu tiên cách diễn dịch theo nghĩa từ nguyên thứ nhất này. Về cách diễn dịch này, mời coi thêm một giải thích ngắn gọn trong **Vism 678–79 (Ppn 22:34)**.] (122)

**108** [Cụm chữ “*Ekāyano ayam maggo*” thường được dịch là “*Đây là con đường duy nhất*” [như nhà sư Soma và nhiều người...] hoặc “*Đây là con đường độc nhất*” [như nhà sư Nyanaponika...], ý chỉ rằng phương pháp chánh-niệm của Đức Phật là con đường độc tôn, độc nhất vô nhị. Tuy nhiên, luận giảng về kinh “*Satipaṭṭhāna Sutta*” này có tới năm (5) sự giải thích về cụm chữ này, trong đó

chỉ có một (1) giải thích có nghĩa là “độc nhất, duy nhất” mà thôi; [coi **Sv III 743–44**; **Ps I 229–30**, được dịch bởi nhà sư Soma trong quyển *Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness)*, trang 36–39]. **Spk** chỉ đề cập một nghĩa đầu tiên: “*ekamaggo ayam bhikkhave maggo, na dvedhāpathabhūto*”: *Này các Tỳ kheo, đây là một con đường duy nhất (độc đạo), không phải con đường rẽ nhánh*. Trong toàn bộ tạng kinh, chữ “*ekāyana magga*” chỉ xuất hiện một lần nữa trong kinh **MN I 74,14–15**, trong đó nó rõ ràng có nghĩa là “*một con đường trực dẫn tới đích*”. Do vậy, tôi cũng hiểu rằng “*satipaṭṭhāna*” là trực dẫn tới “*sự thanh lọc của chúng sinh*”...; có lẽ phương pháp chánh-niệm được tương phản (phân biệt) với các loại thiền khác vốn không phải luôn trực dẫn tới mục-tiêu. Để đọc thảo luận chi tiết hơn về chỗ này, coi thêm quyển *Đạo Phật Dẫn Tới Giác Ngộ (The Buddhist Path to Awakening)* của Gethin, trang 59–66.

► Lưu ý: không nên nhầm lẫn chữ “*ekāyana*” này với chữ “*ekayāna*” có nghĩa là “*một cỗ xe*” (nhất thừa), là chủ đề trung tâm của kinh *Saddharma Puṇḍarīka Sūtra* (kinh *Pháp Hoa Huyền Nghĩa* của Phật giáo Đại Thừa.) (123)

**109** [Lời chỉ thị này cũng có trong kinh **SN 36:07**. **Spk** luận giảng rất dài về việc tu tập “*sự rõ-biết*” (tức: sự tỉnh giác, thường biết, luôn biết rõ ràng). Coi lời dịch luận giảng này của nhà sư Soma trong quyển *Con Đường Chánh Niệm (The Way of Mindfulness)*, trang 83–132; và coi thêm quyển “*Bài Thuyết Giảng về Kết Quả của Đời Sống Tu Hành (Kinh Sa-môn Quả)*” của TKBD, trang 96–134. Tóm gọn, có 04 *sự rõ-biết*: (1) sự rõ-biết về mục-đích (*sāttḥaka-sampajañña*), biết rõ mục-đích chính đáng trong hành động của mình; (2) sự rõ-biết về sự phù-hợp (*sappāya-sampajañña*), biết rõ phương-tiện phù hợp để đạt tới mục đích của mình; (3) sự rõ-biết về trú xứ (*gocara-sampajañña*), sự duy trì sự ý-thức về đề-mục thiền của mình khi đã tham gia vào những hoạt động khác nhau; và (4) sự rõ-biết = sự không ngu-mờ hay sự vô-si (*asammoha-sampajañña*), nhận thấy rõ những hành-động của mình là tiến-trình có điều-kiện (do nhân duyên) chứ không có một cái ‘ta’ thực thể nào. Nhà sư Nyanaponika cũng giảng giải về sự rõ-biết một cách hiện đại rất hay trong quyển *Trái Tim của Thiền Phật Giáo (The Heart of Buddhist Meditation)*, trang 46–57.] (125)

**110** [**Spk** nói: Do vị Tỳ kheo này trước kia đã từng hỏi Phật giảng giải về chủ-đề thiền, sau đó không lui về ẩn dật thiền tập cho sự tu tiến của chính mình mà chỉ đi lang thang theo Tăng đoàn và Phật. Di vậy Phật mới nói ra

lời như vậy.] (126)

**111** [**Spk**: *cách-nhìn* (kiến) ở đây chính là quan điểm về trách nhiệm của mình đối với những hành-động (nghiệp) của mình (*kammassakatādiṭṭhi*), ví dụ như sự tin vào “nghiệp và nghiệp quả”, điều đó cũng bao hàm cả niềm tin về sự tái-sinh.

- Lời của Phật ở đây có nghĩa là thiết lập *cách-nhìn đúng đắn* (chánh kiến) [đây là phần thứ nhất của Bát Thánh Đạo, cộng với *hành-vi đúng đắn* [là phần thứ 3, 4, 5: *lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn* (chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh)] là cơ sở để tu tập thành công thiền chánh-niệm.] (127)

**112** [Ví dụ con điều hâu và con chim cú cũng liên quan tới kinh chuyện tiền thân của Đức Phật là *Sakuṇagghi Jātaka* (chuyện số **168; Jā II 58–59**), trong đó vị Bồ-tát (tức Phật) là con chim cú và Đề-bà-đạt-đa (*Devadatta*) là con điều hâu. Tham khảo thêm, coi **KS 5:125, số 1.**]

**113** [So sánh kinh **SN 35:243** về chỗ này.] (132)

**114** [**Spk** diễn dịch là: Người tu không biết “*chủ-đề thiền này đã đạt tới sự đồng-nhất và sự đối-dòng*”. Tức, người đó không nắm bắt được dấu-hiệu của tâm mình. “*Sự đồng-nhất*” là tạm dịch chữ (*anuloma*) và “*sự đối-dòng*” hay “*chuyển-dòng*” (*gotrabhū*) là chỉ những thời cơ cuối cùng của tâm thức dục-giới trước khi người tu chứng đắc tầng thiền định (*jhāna*) hoặc đạo quả và thánh quả siêu-thế; tức chỉ cái thời từ giai đoạn sơ thiền cho tới tầng thiền định. Cụm chữ *cittassa nimittam gahessati* cũng có trong kinh **AN 3:423,13** (?), được giải thích bởi luận giảng **Mp** của **AN** là: *cittassa nimittan ti samādhivipassanācittassa nimittam, samādhivipassanākāraṃ* (dấu-hiệu (tướng) của tâm: dấu-hiệu của tâm đạt-định hay minh-sát, phương thức định-tâm hay minh-sát).] (135)

**115** [Phần **[ii]** này của bài kinh cũng được trích ghi trong **Vism 150–51 (Ppn 4:122)**. **Spk** nói *các nền tảng chánh-niệm (satipaṭṭhāna)* được coi là phần thiền tuệ minh-sát trong giai đoạn sơ thiền.] (136)

**116** [Sự kiện này cũng được ghi lại trong kinh “*Đại Bát-niết-bàn*”

(*Mahāparinibbāna Sutta*), trong **DN II 98–101**. **Spk** cho rằng sự kiện này xảy ra 10 tháng trước khi Phật từ giã trần gian.] (137)

**117** [*Ôn định (hay duy trì) sự tạo-tác sự-sống (hành sinh mạng)*] là tạm dịch chữ “*jīvitasaṅkhāraṃ adhiṭṭhāya*”. **Spk** giải nghĩa: *sự tạo-tác sự-sống* (i) thực ra chính bản thân nó là *sự-sống* [**Spk-pt**: bởi vì sự làm sống, hồi sinh liên tục cái thân, không để nó ngưng và chết] và (ii) cũng chính là sự chứng-đắc thánh-quả, qua đó *sự-sống* được làm sống, được duy trì, được kéo dài. Lời kinh ở đây đang nói về nghĩa thứ hai này. Nghĩa ngắn gọn ở đây là “*Ta sẽ chứng thánh quả, nó có khả năng kéo dài sự sống*”. Phật chứng nhập sự chứng-đắc đó với quyết định “*Để cho sự đau đớn không khởi sinh trong 10 tháng nữa*”, và sự đau đớn, do bị không chế bởi sự chứng nhập thánh-quả, đã không khởi sinh trong mười tháng tiếp theo.] (138)

**118** [*Anantaraṃ abāhiraṃ*. **Spk** giải nghĩa là: không phân biệt bên trong hay bên ngoài về mặt Giáo Pháp và về mặt con người. (i) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với Giáo Pháp khi người đó nghĩ: “Ta chỉ dạy bấy nhiêu cho những người khác, còn bấy nhiêu ta không chỉ dạy”. (ii) Người có sự phân biệt bên trong hay bên ngoài đối với con người khi người đó nghĩ: “Ta chỉ dạy cho người này, không chỉ dạy cho người khác”. Phật không truyền dạy Giáo Pháp theo kiểu có phân biệt như vậy. Không có gì còn được giữ trong nắm tay của Người Thầy (*ācariyaṃuttṭhi*). (Tức là không phân biệt người bên trong hay bên ngoài Tăng đoàn mà chỉ dạy cho tất cả chúng sinh; cũng không phân biệt là giáo lý bí truyền của tông phái (còn giữ bí mật) mà tất cả những giáo lý đã được chỉ dạy và công khai).]

**119** [*Trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm, hay sự định-tâm vô dấu-hiệu của tâm* là chữ *animitta cetosamādhī*, nhưng sự định-tâm ở đây chắc hẳn là khác với loại định có cùng tên gọi được nói đến trong kinh **SN 40:09** (Quyển 4). **Spk** giải thích rằng *trạng thái định vô dấu-hiệu của tâm* trong kinh này là sự định-tâm minh-sát thâm sâu, đó là sự chứng-đắc thánh quả (*phalasaṃpatti*). Như vậy loại định này là giống hệt *sự giải-thoát vô dấu-hiệu của tâm* (*animitta cetovimutti*) đã được nói đến trong kinh **SN 41:07** (Quyển 4).] (142)

**120** [Tôi đọc theo phiên bản Be và Se là: *uḷāraṃ pubbenāparaṃ viśesaṃ saññānanti*. Ee thì đọc là: *sampajānanti*. **Spk** giải thích chữ “*lần lượt những giai đoạn khác-biệt cao hơn*” là những giai đoạn trí-tuệ cao hơn, từ sự hiểu-

biết “*bốn yếu-tố tứ-đại*” cho đến sự quy chiếu “*ba đặc-tính của tất cả mọi sự tạo-tác (hành)*”.] (144)

**121** [Spk: “*Con-sốt*” ở đây là *con-sốt của ô-nhiễm (kilesapariḷāha)*. Một con-sốt của ô-nhiễm đã dựa vào thân làm cơ-sở (*ārammaṇa*) để khởi sinh. Khi điều này xảy ra, người tu không nên để mình bị kích động bởi ô-nhiễm đó, thay vì vậy người tu “*nên hướng tâm tới những ‘dấu-hiệu tạo cảm hứng’ khác*” (*kismiñcideva pasādaniye nimitte cittaṃ paṇidahitabbam*), đó là, nên đặt cái tâm đang thiên vào một đối-tượng thiên khác giúp khởi tạo niềm-tin, ví dụ như đối-tượng là Đức Phật...] (145)

**122** [Nghĩa là: cái mục-đích mà người tu “*hướng tâm mình tới ‘một dấu-hiệu tạo cảm hứng’ khác*” đã làm được; và giờ người tu rút lui tâm khỏi cái ‘*đối-tượng tạo cảm hứng*’ đó, và hướng tâm trở lại ‘*đối-tượng thiên chính*’ ban đầu của mình.] (146)

**123** [Spk giải thích điều này có nghĩa là người tu “*không có ý-nghĩ bị ô nhiễm, không có sự soi-xét bị ô nhiễm*”; nhưng cái sự *không có tâm (vitakka)* và *tứ (vicāra)* dường như hàm ý rằng người tu đã chứng đắc tầng thiên định thứ hai. Coi thêm **MN III 136,20–29**, trong đó *bốn nền-tầng chánh-niệm (satipaṭṭhāna)* phục vụ cho tầng thiên định thứ nhất, và Phật cũng tham gia thực hành bốn nền tầng chánh-niệm mà không-có “*tâm và tứ*” trong tầng thiên định thứ hai.] (147)

**124** [Nguyên gốc: “*paṇidhāya bhāvanā*”, đây là thủ thuật thiên tập bằng cách hướng tâm khỏi đối-tượng thiên chính tới một đối-tượng khác (ví dụ như một ‘*đối tượng thiên tạo cảm hứng*’ khác như mới nói trên...)] (148)

**125** [Spk đưa ra nhiều giải thích khác nhau về cụm chữ “*trước và sau không bị o ép*” (*pacchā pure asaṅkhittam*). Coi **SN 51:20** ở sau và chú thích của nó, chú thích số đuôi (272).] (149)

**126** [*Mahāpurisa*: vĩ nhân, đại nhân, đại phu. Coi thêm kinh **AN 8:30** về *tám ý-nghĩ của một vĩ nhân (aṭṭha mahāpurisavitakkā)*] (150)

**127** [Lời bài kinh này cũng nằm trong kinh *Đại Bát-niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta)*, tức **DN II 81–83**, nhưng không có đoạn cuối; một phiên bản giống hơn của nó tạo thành kinh **DN 28**. Trong **DN II** thì vị trí thời gian có vẻ đáng nghi

vấn; coi chú thích đầu tiên của kinh **SN 47:13** bên dưới.] (151)

**128** [Nguyên gốc câu cuối này: *Api ca dhammanvayo vidito*. **Spk**: Sự hiểu-biết do suy luận (*anumānañāṇa*) là do thầy ấy suy ra từ những hàm nghĩa có trong sự hiểu-biết của thầy ấy về Giáo Pháp; phương pháp (*nayaggāha*) đã được hiểu. Ý thầy ấy như muốn nói: “Chỉ đứng trên trí-biết của những sự hoàn-thiện (ba-la-mật) của một đệ tử, con hiểu được điều đó từ góc độ này, thưa Thế Tôn.] (154)

**129** [**Spk**: Ở đây những sự thiết-lập chánh-niệm là sự minh-sát tuệ, và những yếu-tố giác-ngộ là đạo, và sự giác-ngộ toàn thiện vô thượng là thánh quả A-la-hán. Hoặc nói khác những yếu-tố giác-ngộ là hỗn hợp hai thứ [minh-sát tuệ và đạo].] (155)

**130** [Câu kết này cũng là câu kết của kinh **DN 28**; còn trong **DN III 116** thì sau câu kết này là phần tán tán ca ngợi về Đức Phật.] (156)

**131** [Sự kiện được nói trong bài kinh này đã gây ra nghi vấn về mặt **thời gian và địa điểm** trong cuộc đời của Đức Phật lịch sử. Trong kinh *Đại Bát-niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*), việc thầy Xá-lợi-phất cất tiếng gầm sư tử đã xảy ra trong chuyến đi cuối cùng của Đức Phật từ Rājagaha (Vương Xá) đến Vesālī (Tỳ-xá-ly). Từ Vesālī Đức Phật đi đến Kusīnārā (và mất ở đó) và không bao giờ quay lại Sāvathī (Xá-vệ) nữa; Kusīnārā thì cách Sāvathī thì nằm cách khoảng 200km về phía tây. Nhưng trong bài kinh này thì cho thấy Phật đang ở tại Sāvathī khi Phật nhận được tin báo về cái chết của thầy Xá-lợi-phất. Để bảo lưu trình tự thời gian theo đúng kinh điển đã chép lại, các luận giảng [**Spk**, và **Sv II 550**] đã cho rằng Phật đã có đi thêm một chuyến đi phụ đến Sāvathī sau kỳ an cư mùa mưa ở làng Beluva (*Beluvagāma*) [coi kinh **DN II 98–99**], đây là chuyến đi đã không được ghi chép lại trong kinh *Đại Bát-niết-bàn*. Thầy Xá-lợi-phất đã đi cùng Phật trong chuyến đi tới Sāvathī này, sau đó thầy Xá-lợi-phất đã chia tay Phật và trở về cố hương là làng Nālaka (*Nālakagāma*), ở đó thầy đã ngã bệnh và mất. Về cái chết của thầy Xá-lợi-phất, mời đọc thêm bài viết “*Xá-lợi-phất: Vị thống soái của Giáo Pháp*” được in trong quyển sách “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang 47–59.] (157)

**132** [**Spk** nhận diện Cunda này là người em ruột của thầy Xá-lợi-phất, và vì các Tỳ kheo quen gọi là “sa-di Cunda” trước khi thầy ấy thụ giới Tỳ kheo, nên sau này họ vẫn quen gọi như vậy mặc dù lúc này thầy Cunda đã là bậc trưởng lão.]

(158)

**133** [Các luận giảng cho rằng thầy Mục-kiền-liên mất đúng hai tuần sau khi thầy Xá-lợi-phất mất. Thầy Xá-lợi-phất mất vào ngày *trăng Rằm* của tháng Kattika [tháng 10-11], thầy Mục-kiền-liên mất vào ngày *mồng Một* sau đó. Về cái chết của thầy Mục-kiền-liên, mời đọc thêm viết “*Mục-kiền-liên: Vị Đệ Tử Đệ Nhất Thân-thông*” được in trong quyển sách “*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*” của nhà sư Nyanaponika và Hecker, trang **100-105.**] (162)

**134** [“Bốn hội chúng” là gồm hội chúng các Tỷ kheo, các Tỷ kheo ni, các đệ tử tại gia nam, và các đệ tử tại gia nữ.] (164)

**135** [Kinh này giống tương tự kinh **SN 47:03** ở trên.] (165)

**136** [Tên này có nghĩa là “cái chảo chiên”; chữ này thuộc giống nữ, mặc dù không biết người học nghề là nam hay nữ; nên tạm thời dịch là cô gái.] (167)

**137** [Kinh này theo mẫu kinh như **SN 45:18**. “*Những giới-hạnh thiện lành*” (*kusalāni sīlāni*) được **Spk** nhận dạng là *bốn sự thanh lọc giới-hạnh*. Coi lại chú thích ở kinh **SN 45:50** ở trên.] (173)

**138** [Cụm chữ cuối: *sahassamlokaṃ abhijānāmi*. **Spk**: Chữ này chỉ sự an trú thường xuyên của Ngài A-nậu-lâu-đà. Vì sau khi sáng thức dậy và rửa mặt, vị trưởng lão ngồi trong chỗ-trú của mình và quán tưởng một ngàn đại-kiếp trong quá khứ và một ngàn đại-kiếp trong tương lai [(nói thêm): không có chú giải từ **Spk-pt**]. Đối với hệ một ngàn (thiên hà thế giới, hệ một ngàn thế giới) trong hiện tại, thầy ấy theo đường của nó bằng cách hướng tới nó. Như vậy, với mắt thiên thánh (thiên nhãn) thầy ấy trực-tiếp biết hệ thế giới một ngàn.] (174)

**139** [**Spk**: Đoạn kinh dưới này mở rộng tới mỗi nền tảng của bốn nền tảng chánh-niệm bằng công thức chung để quán chiếu lại Diệu-đế về Con-đường (đạo đế) trong kinh *Chuyển Pháp Luân* (*Dhammacakkappavattana Sutta*); [coi kinh **56:11** (Quyển 5)] (175)

**140** [Sự tu tập này được mô tả trong kinh **MN III 124**,10–20 [như những phẩm hạnh tuyệt vời của một vị Phật]; trong kinh at **AN 2:45**,15–20 (?) [như một cách tu tập thiền định; cũng có trong **DN III 223**,9–17]; trong **AN 4:32**,24–**4:33**,2 [như một yếu tố dẫn tới bốn sự thông-suốt về giáo Pháp (bốn

*paṭisambhidā*, đạt thông); và trong **AN 4:168**,12–15 (?) [như một cách tu tập sự chánh-niệm và sự rõ-biết]. **Paṭis I 178–180** coi sự tu tập này là liên quan tới *sự chánh-niệm hơi-thở*. **Spk** giải thích những cảm-giác, những ý-nghĩ, những nhận-thức (thọ, hành, tưởng) như những thứ xảy ra có liên quan tới *các cơ-sở cảm nhận* (các giác-quan, sáu nội xứ) và *những đối-tượng giác quan* (sáu ngoại xứ) được bao gồm trong sự tu tập minh-sát tuệ.] (176)

**141** [TKBD: Ở đây dùng chữ này ở dạng “số ít” và do vậy có lẽ nghĩa là “*sự thiết lập chánh-niệm*” (thay vì “*bốn nền tảng chánh niệm*”).]

**142** [(Vì nói về thứ sinh và diệt, nên) chữ *nền tảng chánh-niệm* (*satīpaṭṭhāna*) ở đây rõ ràng là chỉ “*bốn đối-tượng chánh-niệm*”, (thay vì “*sự thiết-lập chánh-niệm*”).] (180)

**143** [Trong đoạn kinh này, *tâm* (*citta*) được coi là đồng nghĩa với *thức* (*viññāṇā*); *phần danh-sắc* (*nāmarūpa*) là điều-kiện (duyên) làm khởi sinh tâm và cũng là điều-kiện làm khởi sinh thức. Bởi tâm luôn luôn khởi sinh dựa trên thân vật chất, là *phần sắc* (*rūpa*) và kết hợp với sự tiếp-xúc, nhận-thức, sự tạo-tác cố-ý, và sự chú-tâm (tác ý) là những thành phần tạo nên phần tâm-thần, tức là *phần danh* (*nāma*).] (181)

**144** [Nguyên gốc câu cuối: “*Manasikārasamudayā dhammānaṃ samudayo*”. **Spk**: *Những hiện-tượng* (các pháp) là *những yếu-tố giác-ngộ* khởi sinh thông qua “*sự chú-tâm kỹ càng*” (đúng pháp; như lý tác ý); còn *những hiện-tượng* là *những chướng-ngại* thì khởi sinh thông qua *sự chú-tâm không kỹ càng* (không đúng pháp; phi như lý tác ý). So sánh kinh **AN 5:107**, 6–7 có câu: “*Manasikāra-sambhavā sabbe dhammā, phassasamudayā sabbe dhammā*” có nghĩa là: “*Mọi hiện-tượng đều hiện hữu thông qua sự chú-tâm* (do tác-ý mà có); *mọi hiện-tượng đều khởi sinh từ tiếp-xúc* (do tiếp xúc mà sinh)”.]

**145** [Kinh này giống hệt kinh **SN 47:18**, chỉ khác ở chỗ Phật đang là người kể lại nguyên câu chuyện của kinh đó.]

**146** [Phiên bản **Ee** ghi nhầm các số kinh chỗ này là “**73 (1)–82 (10)**” mặc dù có tới 12 bài kinh. Cũng vậy, trong **NHÓM “Tìm Kiếm”** (*Esana-vagga*) tiếp theo, **Ee** cũng ghi nhầm là “**83 (1)–93 (11)**” thay vì đúng là “**85 (1)–94 (10)**.” Rõ ràng **Ee** đếm các kinh “*dục-vọng*” và “*sự thêm-khát*” thành 02 kinh riêng biệt, trong khi ở Chương trước thì **Ee** lại gom 02 kinh thành một.]



**147** [Phần thi kệ có khác nhau giữa hai phiên bản **Ee** và **Be**. Tôi chọn theo **Be**.]

**148** [Phiên bản **Be** đặt câu ghi chú ► này trước đoạn thi kệ tóm lược, nhưng tôi làm theo **Ee**, đặt câu ghi chú ở sau cùng như vậy, vì nó hợp lý hơn.] (186)

**149** [Như tôi đã chỉ ra trong phần *Giới Thiệu về Chương 48* này (trang 1508–9, bản dịch tiếng Anh của TKBD): trong khi các *Chương* khác của *Quyển 5* này đều nói về một nhóm chủ-đề khép kín riêng (như chủ-đề “*Con đường đạo*”, “*Bốn nền tảng chánh-niệm*”...), thì *Chương 48* này lại trình bày nhiều nhóm chủ-đề khác nhau nhưng lại gom chung dưới cái tên của liên-kết (tương ứng) là “*Các Căn*”, cho nên nhìn vào thấy *Chương* này có tính hỗn hợp và không đồng nhất về ý nghĩa các chủ-đề. Nhưng mặc dù vậy, phần nói về “*Các căn tâm linh*” vẫn là phần cốt lõi của *Chương* này.

- Toàn bộ danh sách **22** căn tâm linh được ghi trong **Vibh 122**, được giảng luận trong **Vibh-a 125–28**; coi thêm trong Thanh Tịnh Đạo **Vism 491–93 (Ppn 16:1–12)**. Điều thú vị là, danh sách này thuộc phần phân-tích Vi Diệu Pháp Tạng; bộ *Indriya-vibhaṅga* (Phân Tích Căn) không chứa phần phân tích Tạng Kinh, điều đó cho thấy ý tưởng lấy “*Các Căn*” làm tên chính cho *Chương 48* này thuộc về phần Vi Diệu Pháp Tạng hơn là phần Kinh Tạng.] (187)

**150** [Trong số “*37 phần tu trợ giúp giác ngộ*” (37 phần trợ đạo) khác nhau, riêng *các căn* thì được trình bày bằng các công thức “ba-sự” như “*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*” [như chỗ này], công thức “năm-sự” như “*nguồn gốc, và sự phai-biến, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi*”, và công thức “bốn-sự” như mẫu “*Bốn Diệu Đế*”... [như bên dưới]. Giải thích cho điều này thì, có lẽ do các căn tâm linh thì nằm trong cái danh sách lớn “*22 căn tâm linh*” được coi như “*danh mục thực-tại thuộc các hiện-tượng*”, và do vậy cần phải được giảng giải theo những hạng mục khác nhau dùng để phân tích những thành phần của thực tại, (cũng là một trong ba mục tiêu lớn của Vi Diệu Pháp Tạng). Về điểm này, mời coi thêm quyển “*Đạo Phật Đi Tới Giác Ngộ*” (*The Buddhist Path to Awakening*) của Gethin, trang 123–25.] (188)

**151** [Các kinh nói về sự khác nhau giữa bậc thánh Nhập-lưu và A-la-hán cũng được nói tương tự trong các mẫu kinh song-hành là **SN 22:109** và **110** (Quyển 3). Để ý: trong các kinh nói về “*bậc Nhập-lưu*”, Phật đã dùng danh từ “*một người đệ tử thánh thiện*” (*ariyasāvaka*), tức người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa tiêu diệt hết mọi ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong các kinh này [và chỗ khác] khi nói về “*bậc A-la-hán*”, (và “*người đã*

giải-thoát”, “người đã niết-bàn”), thì Phật luôn định nghĩa và gọi bằng danh từ “một Tỳ kheo” (*bhikkhu*).] (189)

**152** [Coi thêm kinh **SN 55:02** ở dưới... Coi thêm định nghĩa về năm năng-lực trong kinh **AN 5:02**, đoạn (1).] (191)

**153** [Coi thêm kinh **SN 48:10** bên dưới. Những định nghĩa song hành về năm năng-lực cũng có trong kinh **AN 5:02**, đoạn (4).] (192)

**154** [Ở đây có chữ *satindriya* được giải thích là *sati* theo nghĩa là sự-nhớ hơn là sự ý-thức hay tỉnh-giác có chánh-niệm. (Sẵn dịp dẫn lại chú thích ở kinh **SN 46:03** ở trên như vậy: [Khi nói rằng *yếu tố giác-ngộ là chánh-niệm (satisambojjhaṅga)* khởi sinh nhờ sự nhớ-lại (hồi nhớ, tưởng niệm) Giáo Pháp đã được dạy bởi những nhà sư đắc đạo, thì lời kinh đã chỉ ra mối liên hệ về mặt từ nguyên giữa chữ *sati* là “sự nhớ” và động từ “nhớ lại” hay “hồi nhớ” (*anusarati*). Mặc dù nghĩa “nhớ” thông thường đã bị che phủ bởi cái nghĩa lớn về sự tu tập của chữ *sati* là “*sự tỉnh-giác về hiện-tại*”, nhưng nghĩa “nhớ” và “hồi nhớ” vẫn được lưu giữ và định nghĩa trong một số kinh khác [ví dụ như khi định nghĩa về ‘căn chánh-niệm’ trong kinh **SN 48:09**.].)

(Chữ “*sự xét-biết*” là tạm dịch nghĩa chữ “*nepakkha*”). **Spk**: “*nepakkha*” vốn là một chữ thuộc trí-tuệ. Nhưng tại sao trí-tuệ lại được đề cập trong sự giảng giải về sự chánh-niệm ở đây? Là để cho thấy sức mạnh của sự chánh-niệm; bởi vì ở đây đang nói về sự chánh-niệm mạnh mẽ, và nó chỉ được mạnh mẽ khi có kèm với trí-tuệ, và không được mạnh mẽ nếu xa lìa trí-tuệ. Do vậy lời kinh mới được nói như vậy để cho thấy sự chánh-niệm đi kèm với trí-tuệ.] (193)

**155** [*Sau khi đã lấy sự giải-thoát làm đối-tượng (vossaggārammaṇaṃ karitvā)*. Không rõ (chủ-thể) chỗ này là “người đệ tử thánh thiện” hay “sự thiền định” lấy sự giải-thoát làm đối-tượng, nhưng tôi thì hiểu đó là nghĩa sau. Còn **Spk** giải nghĩa câu này là = *sau khi đã lấy Niết-bàn làm đối tượng*.

- Trong kinh **AN 1:36,20–24** (?) có nói rằng chỉ một số ít chúng sinh chứng đắc được sự định-tâm khi lấy sự giải-thoát làm đối-tượng của nó, so với số nhiều không chứng đắc được theo cách như vậy. Hiếm có chỗ nào khác trong các Bộ Kinh nói về loại định-tâm “*vossaggārammaṇa samādhi*” này, nhưng trong **Paṭi**s thì có nói ra, và phần nói ra và giảng luận của nó đã làm sáng tỏ

được cách mà truyền thống kinh điển Pāli đã diễn dịch điều này.

- **Paṭis II 96–97** thì giải thích đây là loại *định-tâm có sau tuệ* (là tuệ minh-sát thấy vô thường, khổ, vô ngã): “... *Như vậy trước có tuệ, sau có định*”.

- **Paṭis-a III 586–87** cũng giải thích thêm... và xác nhận sự giải-thoát ở đây là Niết-bàn, bởi Niết-bàn được gọi là sự giải-thoát khỏi thế giới hữu-vi.)] (194)

**156** [**Spk** giải thích câu “*chú hướng tới sự khởi-sinh và biến-qua*” (*udayatthagāmiyā*) = *udayañ ca atthañ ca gacchantiyā*, và giải nghĩa nó là: *udayabbayapariggahikāya* (*nhận biết sự lên và xuống*). Nghĩa này là đồng dạng với loại trí-tuệ để quan sát sự khởi-sinh (*samudaya*) và sự biến-qua (*atthagama*) của năm uẩn, như đã được mô tả trong những lời kinh mẫu trong các kinh **SN 12:21** (Quyển 2), **SN 22:5** (Quyển 3) ...] (195)

**157** [**Spk** nói: trong kinh này, các căn niềm-tin, chánh-niệm, và trí-tuệ thuộc phần *sơ-khởi* (*pubbabhāga*... tức những thứ dẫn đầu của thánh đạo siêu-thế); căn nỗ-lực thì là *hỗn hợp* (vừa sơ khởi vừa siêu thế); còn căn chánh-định là hoàn thuộc thuộc thánh đạo siêu thế.] (196)

**158** [Nguyên gốc cụm chữ chõ này: *sammappadhāne ārabhha*. **Spk** giải thích: *Sammappadhāne paṭicca, sammappadhāne bhāvento ti attho: tùy thuộc vào bốn sự phân-đấu* (tứ chánh cần); nghĩa là: ‘bằng sự tu tập bốn sự phân-đấu’.] (197)

**159** [Chú thích ở kinh **SN 25:01** có chỉ ra sự khác-biệt giữa hai loại *người căn tín* (*saddhānusārī*) và *người căn trí* (*dhammānusārī*). **Spk**: (a) Con đường của người căn-trí (tu theo Giáo Pháp) thì sắc bén, sự hiểu-biết của người tu đó xảy ra dững mãnh hơn. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách dễ dàng, giống như chặt thân cây bằng con dao sắc bén. (b) Con đường của người căn-tín thì không sắc bén, sự hiểu-biết của người đó cũng không xảy ra một cách dững mãnh. Người đó chặt đứt những ô-nhiễm một cách vất vả hơn, giống như chặt thân cây bằng con dao cùn.] (198)

**160** [**Spk**: Người “*kích hoạt chúng một toàn vẹn*” (*paripūrakārī*), là người tu tập toàn vẹn thánh đạo A-la-hán, thì sẽ “*thành công một cách toàn vẹn*” (*paripūram ārādheti*), tức chứng được thánh quả A-la-hán. Còn người “*kích hoạt chúng từng phần*” (*padesakārī*), là người tu tập ba thánh đạo thấp hơn, thì sẽ “*thành công từng phần*” (*padesam ārādheti*), tức chỉ chứng được những

thánh quả thấp hơn A-la-hán. So sánh **AN 1:232,30–32**, **AN 1:235,11–13** (?).] (201)

**161** [Về 05 thánh quả Bất-lai, mời coi lại chú thích ở kinh **SN 46:03** ở trên.] (201)

**162** [**Spk**: Trong kinh này thì các căn được nói là hoàn toàn thuộc siêu-thế. Mặc dù lời kinh ở đây giới hạn các căn tới mức tối thiểu là bậc Nhập-lưu, nhưng theo kinh điển Pāli, bắt đầu bằng Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma), vẫn coi các căn là những ‘khả-năng’ thiện lành cũng có được bởi những người phàm phu thế tục. Một số trường phái Phật giáo thời tiền thân thì nghiêm ngặt hơn về chỗ này. Coi thêm sự thảo luận về chỗ này trong quyển “Đạo Phật Đi Đến Giác-Ngộ” (*The Buddhist Path to Awakening*), trang 126–38, của học giả Gethin.] (202)

**163** [Coi kinh **SN 35:154** (Quyển 4) và chú thích số đuôi (152) trong kinh đó.] (203)

**164** [Tên kinh này đúng là “*Punabbhava Sutta*”, như trong **Be** và **Se**. Sự đồng hóa năm-căn ở đây với các yếu-tố (giới), năm uẩn, và sáu cơ-sở cảm-nhận (sáu giác-quan, sáu căn cảm-nhận) nên được hiểu theo cách giải thích trong chú thích cuối cùng của kinh **SN 48:02** ở trên, chú thích số đuôi (188).] (204)

**165** [*Căn nữ* (*itthindriya*) và *căn nam* (*purisindriya*) rất hiếm khi được thấy trong các kinh bộ *Nikāya*, nhưng chúng có được nói một cách quan trọng trong kinh **AN 7:51**. Hai căn này nằm trong những loại thể sắc phái sinh (*upādā rūpa*) theo Vi Diệu Pháp Tạng (Abhidhamma); chúng được định nghĩa trong **Dhs 633–334** và **Vibh 122–123**, và được giảng luận trong **As 321–323** và **Vism 447 (Ppn 14:58)**. **Spk** nói rằng căn nữ thì thực hiện việc kiểm soát bên nữ giới [tức, quyết định những tướng nét của nữ giới]; căn nam thì làm vậy bên nam giới. còn Căn sinh mạng (*jīvitindriya*) là một loại thể-sắc phái sinh khác, chịu trách nhiệm duy trì những hiện-tượng đồng sinh thuộc thân. Chữ này được định nghĩa trong **Dhs 635** và **Vibh 123**, và được giảng luận trong **As 323** và **Vism 447 (Ppn 14:59)**.] (205)

**166** [Bài kinh này cũng có trong tập kinh **It [It 53]** có thêm phần thi kệ để phần nào giúp giải thích ý nghĩa của nó. Ba căn này được định nghĩa chính thức trong **Vibh 124**, nhưng ngắn gọn hơn trong **Spk**; **Spk** giải thích: Cái căn “*Ta sẽ biết điều hiện-chưa-biết*” (*anaññātaññassāmutindriya*) là căn khởi sinh vào

một thời-điểm trong chặng thánh đạo Nhập-lưu trong khi người tu đang thiền tập với ý-nghi (tâm) rằng “*Ta sẽ biết Giáo Pháp mà ta chưa biết trước đó trong vòng luân hồi vô thủy.*” Còn căn của trí-biết cuối-cùng (*aññindriya*) là căn khởi sinh trong sáu chặng kể từ chặng thánh quả Nhập-lưu [cho tới chặng thánh đạo A-la-hán]; nó diễn ra theo cách thức *thâm sâu hơn* về những điều đã được biết ở chặng thánh đạo đầu tiên. Còn căn của người được phú với trí-biết cuối-cùng (*aññātāvindriya*) là căn khởi sinh đối với những điều đã được hoàn toàn biết ở chặng thánh quả A-la-hán.] (206)

**167** [Kinh này, lặp lại năm căn tâm linh, dường như không đúng chỗ (hơi lạc đề tài) của **NHÓM** kinh này.

- Về năm loại thánh quả Bất-lai, mời coi lại chú thích ở kinh **SN 46:03** và **SN 48:16** ở trên.

- **Spk**: “*Người gieo giống một-lần*” (là tạm dịch Việt chữ) “*ekabījī*”: là chỉ một bậc Nhập-lưu sẽ chứng thánh quả A-la-hán ngay trong một kiếp sau (thay vì trong bảy kiếp); “*Người họ tộc này thành họ tộc khác*” (là tạm dịch Việt chữ) “*kolāṅkola*”: là người còn dính trong luân hồi sinh tử trong 2-3 kiếp nữa, sau đó mới chấm dứt khổ đau (nghĩa đen: còn bị tái sinh một kiếp trong gia đình họ tộc này, kiếp sau trong một gia đình họ tộc khác; chưa đến Bất-lai hay A-la-hán); và “*Người còn tái sinh tối đa bảy kiếp nữa*” (là dịch Việt chữ) “*sattakhattuparama*”: là người chỉ còn bị tái sinh trong tối đa bảy kiếp, không có kiếp thứ tám. Ba loại người này cũng được định nghĩa trong **Pp 15–16**, và lặp lại trong **Pp-a 195–97**.] (207)

**168** [**Spk**: *Căn mắt* chính là mắt, được coi là một căn theo nghĩa nó kiểm soát hoặc điều khiển những hiện tượng khởi sinh ở *cửa-mắt*, nên gọi là “*căn mắt*” (nhãn căn). Định nghĩa và cách giải thích tương tự đối với các căn còn lại là: tai, mũi, lưỡi, thân, tâm. (Nói cách khác, trong **22** căn thì *sáu căn* này là sáu căn (để) cảm-nhận, tức sáu giác-quan).] (208)

**169** [Chỉ lưu ý lại: Phật luôn dùng danh từ “*một Tỳ kheo*” (*bhikkhu*) để chỉ người chứng thánh quả A-la-hán, và dùng danh từ “*một đệ tử thánh thiện*” (thánh thanh văn, *ariyasāvaka*) để chỉ người chứng các thánh quả và đạo quả thấp hơn. Coi thêm lại các mẫu kinh song hành **SN 48:04**, **48:05** ở trên, và **48:33** bên dưới.] (209)

**170** [Sự phân biệt khác nhau giữa các căn này sẽ được giải thích trong nội dung

kinh **48:36** bên dưới.

- **Spk**: sự sượng (lạc) là một căn theo nghĩa nó kiểm soát hay điều khiển những trạng thái sượng: do vậy được gọi là “*căn sượng*”. Giải thích tương tự cho các căn kia... Ở đây, các căn sượng, căn khổ, và căn buồn (lạc, khổ, ưu) thì chỉ thuộc cảnh dục-giới; căn vui (hỷ) thì thuộc trong ba cảnh giới, không thuộc cảnh vô-sắc giới; căn buông xả (xả) thì thuộc bốn cảnh giới.

- Việc phân định các căn này theo các cảnh giới là dựa theo cách của Vi Diệu Pháp Tạng, theo đó, *sượng* và *khổ* chỉ xảy ra trong thức-thân, một tâm thức (*citta*) thuộc cảnh dục-giới; *buồn* (ưu) chỉ xảy ra trong tâm thức có đi kèm với *sân*, nó cũng thuộc cảnh dục-giới; *vui* (hỷ), thì nằm trong những tâm thức cảnh dục-giới, trong những tâm thức thuộc ba tầng thiên định sắc-giới (nhất, nhị, tam thiên), và trong một số tâm thức siêu-thế; *buông-xả* (xả) thì nằm trong những tâm thức cảnh dục-giới, trong những tâm thức thuộc tầng thiên định sắc-giới thứ tư (tứ thiên), trong tất cả tâm thức (những tầng thiên) vô-sắc-giới, và trong một số tâm thức siêu-thế. Coi thêm **CMA 3:2–4.**] (210)

**171** [**Spk**: “*thuộc thân*” (*kāyikaṃ sātamaṃ*) nghĩa là dựa vào sự cảm-nhận của thân (*kāyappasādavatthuka*); “*dễ chịu*” ở đây là đồng nghĩa với “sượng, lạc”, nghĩa gốc có nghĩa là “ngọt ngào” (*madhura*).] (211)

**172** [Theo Vi Diệu Pháp tạng (*Abhidhamma*), mọi cảm-giác thuộc thân, tức cảm giác khởi sinh qua sự cảm-nhận của thân (*kāyappasāda*), chỉ là sượng hoặc khổ; không có loại cảm-giác trung tính dựa trên sự cảm-nhận của thân. Vì vậy, **Spk** giải thích sự buông-xả *thuộc thân* là cảm-giác khởi sinh dựa trên bốn giác-quan thuộc thân còn lại: như mắt, tai, mũi, lưỡi. Chữ *upekkhā*, dịch là *buông-xả*, có hai biểu nghĩa chính. (i) Về mặt cảm-giác, nó chỉ cảm-giác trung tính, tức không khổ không sượng (*adukkhamasukkhā vedanā*), không dễ chịu cũng không khó chịu. (ii) Còn về mặt tính chất của tâm (tâm tính), nó chỉ sự trung dung, không thiên vị, hay sự cân bằng của tâm [được gọi là *tatramajjhataṭā* trong Vi Diệu Pháp tạng, quy nó thuộc nhóm hành-uẩn (*saṅkhārakkhandha*)]. Theo nghĩa thứ hai này, *sự buông-xả* được hiểu (i) là ứng với cảnh trời thứ tư (trong tứ vô lượng tâm, bốn phạm trú) [là sự không thiên vị phân biệt đối với chúng sinh], (ii) là yếu tố thứ bảy trong bảy yếu-tố giác-ngộ [là sự cân bằng của tâm, sự bình tâm], và (iii) là một phẩm chất (yếu tố) của tâm thiên định được ghi trong công thức định nghĩa tầng thiên định thứ ba và thứ tư. Giảng giải chi tiết hơn về nhiều loại nghĩa của *sự buông-xả* (*upekkhā*), mời coi **Vism**

**160–62 (Ppn 4:156–70).**] (212)

**173** [So sánh chỗ này với lời kinh *tương tự* trong các kinh **SN 12:62** (Quyển 2) và **SN 36:10**. Cả hai kinh đó cũng có ví dụ que môi lửa.] (213)

**174** (Đề ý thấy trong 05 đoạn, ‘căn-giác’ là đồng nghĩa với ‘căn’ như định nghĩa trong chú thích của kinh dẫn đầu NHÓM này là kinh **38:31** ở trên.)

**175** [Nguyên tên Pali: *Uppatipātika*. **Spk**: Mặc dù được giảng giải thuận theo chiều của Giáo Pháp [Be dùng chữ: *yathādhammarasena*; Se có chữ *yathādhammārammaṇavasena*], nhưng tên bài kinh lại đặt là “*Thứ Tự Bất Thường*” bởi do nó không được giảng giải giống như các kinh khác về thứ tự phân tích các căn này. **Spk-pt**: Tên kinh này được đặt như vậy bởi vì nó được giảng giải theo *thứ tự của những thứ được loại bỏ* trong tiến trình tu thiền (bắt đầu từ căn khổ, buồn, sợng, vui, và buồn-xả), không giống những bài kinh khác theo *thứ tự thông thường* là bắt đầu từ căn sợng, khổ, vui, buồn, và buồn-xả”.]

**176** [Nguyên gốc: *Sanimittam sanidānam sasāṅkhāram sappaccayam*. Ở đây, bốn chữ đều đồng nghĩa như nhau.]

**177** [Từ chỗ này trở đi lời kinh được trích dẫn rất nhiều trong **Vism 165–66**. Sự giải thích của **Spk** là tương ứng với **Vism 166 (Ppn 4:186–89)**. Những chú thích tiếp theo tôi chỉ chọn giải thích những điểm chính.] (216)

**178** [**Spk**: *căn khổ* thực sự chấm dứt và được loại bỏ ngay khoảng-khắc cận định của tầng thiền định thứ nhất; *căn buồn* ... [lúc cận định] tầng thiền định thứ hai... Tuy nhiên lời kinh vẫn nói sự chấm-dứt của chúng là xảy ra bên trong (trạng thái) tầng thiền định, bởi vì cái *sự chấm-dứt triệt để* (*atisayanirodha*) là xảy ra trong đó. *Sự chấm dứt đơn thuần* xảy ra lúc cận định, sự chấm dứt triệt để (gia cố) xảy ra bên trong các tầng thiền định. Như vậy, chẳng hạn như, mặc dù căn khổ đã chấm dứt lúc tiếp cận vào Nhất thiền, những nó có thể khởi sinh lại do bị tiếp xúc với ruồi muỗi hay chỗ ngồi thiền khó chịu; nhưng không thể khởi sinh lại khi đã chứng nhập trong tầng thiền định. [Ở bên trong trạng thái tầng thiền định], khi toàn bộ thân đang ngập tràn trong niềm hoan-hỷ (hỷ) và đắm chìm trong niềm hạnh-phúc ( lạc) thì căn khổ chấm dứt triệt để, bởi nó đã bị đánh tan bởi sự đối-ngịch của nó (là sự hỷ-lạc).] (217)

**179** [Tôi đọc theo **Se** và **Ee** là “*tathatthāya cittaṃ upasaṃharati*”; còn **Be** ghi là “*tadatthāya*”. **Spk**: người chưa chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích

*phát khởi nó* (tầng thiền định); còn người đã chứng đắc thì hướng tâm mình với mục đích *chứng nhập vô đở.*] (218)

**180** [Chỗ này dường như khó mà đồng nhất với công thức định nghĩa kinh điển về các tầng thiền định, trong đó đã ghi rõ: trong tầng thiền định thứ nhất là đã không-còn mọi trạng thái bất thiện, ngay cả trạng thái buồn bực phiền ưu (*do-manassa*). **Spk** giải thích: *căn buồn* được loại bỏ ngay lúc cận định tầng thiền định thứ hai, nhưng nó khởi sinh lại khi có sự mệt mỏi về thân hay sự căng thẳng của tâm đối với ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ). Nhưng khi đã ở bên trong tầng thiền định thứ hai, trạng thái không còn ý-nghĩ và sự soi-xét, thì căn buồn tuyệt đối không khởi sinh nữa.] (219)

**181** [*Căn sướng* hay lạc căn (*sukhindriya*) ở đây là cảm-giác sướng của thân; người thiên được cho là “*trải nghiệm (nó) cùng với thân*” trong tầng thiền định thứ ba, nhưng đó không phải là yếu-tố “*hạnh phúc*” (lạc) của *cái tâm trong thiền định* [cũng được gọi là *sukha*]. Chữ *sukha* sau, tức yếu-tố “*hạnh phúc*” (lạc), là sự hạnh-phúc của tâm, đồng dạng với chữ *somanassa*, (chứ không phải sự sướng của thân). **Spk**: *căn sướng* đã được loại bỏ lúc cận định tầng thiền định thứ ba, nhưng nó có thể khởi sinh khi thân bị tiếp xúc với những hiện-tượng siêu phạm thuộc thân được sinh ra từ niềm hoan-hỷ; nhưng nó tuyệt đối không còn khởi sinh khi ở trong tầng thiền định thứ ba, bởi vì trong đó yếu-tố “*hoan-hỷ*” (hỷ), là một điều kiện (duyên) tạo ra sự sướng của thân, đã hoàn toàn biến mất.] (220)

**182** [Chỗ này thì lời kinh là hoàn toàn tương thích với công thức định nghĩa kinh điển về các tầng thiền định. **Spk**: mặc dù yếu tố hoan-hỷ (hỷ) đã bị loại bỏ lúc cận định tầng thiền định thứ tư, nhưng do nó vẫn còn ‘mới xong’, còn ‘hơi hướng’, nên nó vẫn có thể khởi sinh trở lại, *bởi do lúc đó còn thiếu yếu tố buông-xả* [xả bỏ trạng thái hoan-hỷ đó] *nên sự loại bỏ đó vẫn chưa tuyệt đối*. Nhưng ở trong tầng thiền định thứ tư thì nó tuyệt đối không còn khởi sinh lại.] (221)

**183** [**Spk** dường như lưỡng lự, không muốn công nhận rằng thân của Đức Phật có thể cho thấy những dấu-hiệu thực của sự già và **Spk** chỉ liên tục lặp lại rằng tất cả những biến-đổi đó không dễ thấy đối với những người khác mà chỉ dễ nhận thấy đối với thầy Ānanda, là người thường xuyên ở bên cạnh vị Sư Thầy. **Spk** nói thêm rằng: *bản thân các căn là không nhìn thấy được (vô hình)*, không thể được nhìn thấy (chúng) đã trải qua sự tàn



hoại, nhưng thầy Ānanda chỉ suy luận ra điều đó dựa trên cơ sở của những đổi-thay có thể nhìn thấy được (như sắc diện, bề ngoài, cử chỉ, động tác, sự chậm, yếu... của Phật) sau khi thầy ấy đã để ý quan sát đức Thế Tôn.] (222)

**184** [*Búp bê kiếng xinh đẹp (manoramam bimbam)* là chỉ cái thân thể.] (223)

**185** [Cặp câu cuối này cũng trong *SN Quyển 1*, thi kệ **442**.] (224)

**186** [Chuyện kinh này cũng có ghi trong kinh **MN I 295,5–17**. Mặc dù *năm căn* này thường được coi là *năm căn cảm-nhận* hay *năm giác-quan của thân*, nhưng ở đây dường như chúng tương ứng với năm loại ‘*thức cảm-nhận*’, bởi vì nếu nói các căn cảm-nhận của thân (các giác-quan) mà trải nghiệm (*paccanubhoti*) một khu-vực (*visaya*) hay một trú-xứ (*gocara*) khách quan thì nghe không hợp lý. Mà chức năng của chúng chỉ như phương-tiện qua đó thức nhận biết những đối-tượng.] (225)

**187** [Nguyên gốc: *Manopatisaraṇaṃ mano ca nesam gocaravisayaṃ paccanubhoti*. **Spk** giải thích căn *tâm (mano)* ở đây là *cửa-tâm javana*, nó trải nghiệm đối tượng theo cách của tham, sân, si. Theo ý kiến riêng của tôi [TKBĐ], ở đây không cần thiết phải đưa vào gốc độ về đạo đức (tham, sân, si) làm gì cả. Tôi diễn dịch câu này một cách đơn giản là: *thức-tâm tiếp cận dữ liệu được cung cấp bởi năm loại thức cảm-nhận kia, rồi nó đối chiếu, phân loại, và diễn dịch dựa theo kho dữ liệu của mình* [kho dữ liệu gồm có đồng khái niệm quan niệm đã chấp giữ từ lâu giờ].] (226)

**188** [**Spk**: sự chánh-niệm là đạo, sự giải-thoát là quả.] (227)

**189** [Coi lại đoạn này ở kinh **SN 23:01** (Quyển 3) và chú thích cuối cùng của kinh đó, chú thích số đuôi (243). Chữ *ajjhaparam* ghi trong **Ee** nên được sửa lại. **Be** ghi là *accayāsi*, **Se** ghi là *accasarā*, hai chữ này đều chấp nhận được.] (228)

**190** [Câu cuối là một cách tuyên bố thông thường về một người đã chứng thánh quả Bất-lai. Tuy nhiên, lạ thay, **Spk** lại chú giải rằng: câu này nói như vậy để chỉ rằng ông ta đứng ở vị trí một bậc “*Bất-lai thiền định (jhana)*”, có nghĩa rằng, ông ta là bậc thánh Nhập-lưu đã loại bỏ năm gông-cùm thấp (hạ phần kiết-sử) nhờ chứng đắc tầng thiền định thứ nhất. Nếu ông ta chết mà không bị rớt ra khỏi trạng thái tầng thiền định (*jhāna*) thì ông ta sẽ được tái sinh trong

cõi trời trong-sạch (cõi Tịnh cư thiên, của những bậc Bất-lai) và từ ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn. Còn nếu (lúc chết) ông ta mất (khi không ở trong) trạng thái tầng thiền định, thì nơi đến của ông ta là không xác định được. Tuy nhiên, do ông đã không mất trạng thái thiền định đó, nên nơi đến của ông ta đã được định đoạt; vì vậy nên Phật mới nói câu như vậy để chỉ ông ta đã là một bậc “*Bất-lai tầng thiền định*”.] (229)

**191** [Lưu ý: **Spk** gọi *niềm-tin* này là loại “*niềm-tin sau khi quán xét lại*” (*pac-cavekkhaṇasaddhā*). Vì người đệ tử đã “*xuyên thấu bằng trí-tuệ*” những điều “*chỉ nghe trước đó*”, cho nên vai trò chính xác của niềm-tin ở đây là không rõ ràng; (nghĩa là: đây không phải loại niềm-tin có trước khi tu tập và chứng ngộ).] (234)

**192** [Trong **Be** và **Se** ghi nguyên văn là *bodhipakkhiyā dhammā*, mặc dù **Ee** thì ghi has *bodha-* và **SS** ghi là *bodhapakkhikā*. Trong các luận giảng, *bodhipakkhiyā dhammā* là một thuật ngữ chung (bao trùm) để chỉ 07 bộ những yếu-tố tu tập (tạo thành 37 phần trợ giúp giác-ngộ) được dạy đi dạy lại bởi Đức Phật, nhưng trong những kinh này thì thuật ngữ này được dùng với nghĩa linh hoạt hơn, ít bị bó theo nghĩa học thuật. Coi thêm phần thảo luận về sự việc này trong quyển *Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ (Buddhist Path to Awakening)* của Gethin, trang 289–98.] (235)

**193** [*Sự hiểu-biết thánh thiện (ariyañāṇa, thánh tri)* theo lời kinh rõ ràng là thay mặt cho *căn trí-tuệ* (để phân biệt với 04 căn kia). **Spk** nói rằng 04 căn kia là lưỡng căn [tức vừa thế-tục vừa siêu-thế], trong khi sự hiểu-biết thánh thiện là siêu-thế. [**Spk-pt**: nó chỉ trí-biết của thánh đạo]; nhưng chúng ta cũng có thể coi nó là lưỡng căn luôn, nếu hiểu nó cũng dựa trên bốn căn kia mà có.] (236)

**194** [Nguyên gốc cả câu này là: *Yaṃgatikāni yamparamāni yamphalāni yampariyosānāni na h’ eva kho kāyena phusitvā viharati paññāya ca ativijjha passati*. Câu diễn đạt này cũng có trong kinh **46:54** ở trên. Học giả Woodward đã dịch câu trên như thể chữ phủ định *na* áp dụng cho cả hai cụm chữ vậy: “Người đó sống không ở trong sự trải-nghiệm cá nhân như vậy, cũng không xuyên thấu và xuyên thấu bằng sự minh-sát để nhìn thấy chúng rõ ràng” (**KS 5:205**). Tuy nhiên, cách diễn dịch này là bỏ mất sự khác-nhau căn bản giữa bậc học-nhân và bậc vô-học nhân: người học-nhân *nhìn thấy* Niết-bàn, là mục-tiêu cuối cùng mà nắm căn tâm linh nhắm tới (coi kinh **48:57**), nhưng người đó vẫn chưa thể chứng nhập trong sự

trải-nghiệm tròn đầy về nó; còn bậc A-la-hán thì vừa *nhìn thấy* vừa có thể *trải nghiệm* nó ở đây ở đó. Chữ kết nối *ca* nên được hiểu theo nghĩa tách rời, như **Spk** cũng xác nhận bằng câu chú giải của nó như vậy: “Người đó không sống sau khi đã tiếp-xúc với (Niết-bàn) đó, sau khi đã đạt được đó, với phần danh-thân (*nāmakāya*: phần ‘thân’ chính của những yếu-tố thuộc tâm (danh); nhưng (chữ *ca* được giải nghĩa là *pana*) người đó hiểu được bằng trí-tuệ quán chiếu lại: ‘Bên trên đó là một căn—đó là quả A-la-hán’. Về cảnh giới của một A-la-hán là người đã đạt tới điều này, và người đó hiểu bằng trí-tuệ quán chiếu lại: ‘Có một căn—đó là quả A-la-hán.’”] (238)

**195** [Nguyên gốc: *Yāni kānici padāni bodhāya saṃvattanti*. **Spk**: ‘bước’ ở đây là những bước tu theo Giáo Pháp (*dhamma-padāni*) hay những phần Giáo Pháp (*dhamma-koṭṭhāsā*) dẫn tới sự giác-ngộ.] (239)

**196** [Coi thêm kinh **SN 16:13** về năm điều dẫn tới sự không suy-tàn và không biến-mất của Giáo Pháp đích thực.] (242)

**197** [Tên cây tiếng Pali là “*pārichattaka*”. Tôi theo **PED** (nên tạm dịch như vậy), mặc dù học giả Liyanaratne giải thích cây *kiṃsuka* mới là cây san hô [Quần thể san hô ở Nam Á như được mô tả trong tự điển *Abhidhānappadīpikā*, §43]. Theo **PED**, cây *pārichattaka* là cây có tên La-tinh là *Erythmia indica*, nhưng không thể biết những cây ở cõi trời được nói trong kinh này và hai kinh tiếp theo có đúng loài giống cây như vậy không. Coi thêm **PED** để tham khảo thêm.] (243)

**198** [Cây hoa loa kèn là = *cittapātali*; còn cây bông-lụa của những chim thần *supanna* trong kinh tiếp theo là = *kūtasimbali*.] (244)

**199** [Những chữ của công thức định nghĩa này được giải thích trong **Vibh 208–10**, được giảng luận trong **Vibh-a 289–96**; coi thêm **Vism 679 (Ppn 22:35)**. Nói ngắn gọn: (a) những trạng thái bất thiện là *tham*, *sân*, *si*, và *những ô-nhiễm* (lậu hoặc) đi kèm với chúng; (b) “*mong-muốn*” (*chanda*) là ước muốn, tâm nguyện thiện lành, là mong muốn đúng đắn và chánh thiện; (c) các chữ “*sự cố-gắng*”, “*sự nỗ-lực*”, và “*phấn-đấu*” đều đồng nghĩa là *sự nỗ-lực* (tinh tấn; *virīya*); (d) “*tâm*” ở đây là *citta*: là chỉ cái tâm bị ô nhiễm của chúng ta. (e) *Những trạng thái thiện lành* là *vô tham*, *vô sân*, *vô si*, và những trạng thái đi kèm với chúng. Phân tích của Vi Diệu pháp (Abhidhamma), ở **Vibh 211–14**, thì coi *sự phấn-đấu đúng-đắn* (chánh cần) là yếu tố của *sự nỗ-lực* (tinh tấn) (trong bảy yếu tố giác ngộ) trong các chặng thánh đạo siêu-thế, ở đó nó sẽ

thành tựu cùng lúc 04 chức năng của sự phấn-đấu đúng đắn nói trên.] (245)

**200** [Công thức định nghĩa này sẽ được phân tích trong kinh **SN 51:13** bên dưới. Các thuật ngữ được giải thích lặp lại, theo phương pháp của Kinh Tạng, trong **Vibh 216–20**. Như thường lệ, phần phân tích trong Vi Diệu Pháp tạng (Abhidhamma), chỗ **Vibh 220–24**, cũng coi các *cơ-sở thần thông* (*iddhipāda*) là những yếu-tố của thánh đạo siêu-thể. Các giảng giải khác cũng có trong **Vism 385 (Ppn 12:50–53)** và trong **Vibh-a 303–8**.

- **Spk** phân nghĩa chữ *cơ-sở thần thông* (*iddhīpāda*) thành hai nghĩa: **(i)** *cơ-sở để tu tạo thần-thông* (*iddhiyā pādaṃ*) và **(ii)** *cơ-sở đó là thần-thông* (*iddhibhūtaṃ pādaṃ*). Chữ *iddhi*, có từ động từ *ijjhati*—có nghĩa là: phát đạt, thành đạt, nở rộ—nghĩa gốc là sự thành đạt thành công, nhưng vào thời Đức Phật nó thu nạp thêm nghĩa đặc biệt là “*sự thành đạt về tâm linh*”, và thậm chí còn có nghĩa hơn nữa là “*năng-lực tâm linh*” (*thần-thông*). Rồi nghĩa này lại có hai loại là: **(a)** sự thành công trong việc thực hành những năng-lực thần-thông siêu phàm (*iddhividha*) [như trong các kinh **SN 51:11, 51:14, 51:17**], và **(b)** sự thành công trong nỗ lực đạt được sự giải-thoát. Cả hai đều hội tụ trong thánh quả A-la-hán, đó vừa là **(I)** *trí-biết* (*abhiññā*, trí) thứ sáu trong *06 loại trí-biết cuối cùng* [liên tục với các năng-lực siêu phàm] và **(2)** thánh-quả cuối cùng của Bát Thánh Đạo. Một luận văn đầy đủ về những loại thần-thông (*iddhi*) khác nhau có ghi trong kinh điển cũng được trình bày trong **Paṭi 205–14**.

- Phân tích trong kinh **SN 51:13** bên dưới đã làm rõ rằng: một *cơ-sở thần thông* (*iddhīpāda*) gồm có 03 thành phần chính: *sự định-tâm* (*samādhi*), *những sự tạo-tác cố-ý* (04 loại hành; *padhānasāṅkhārā*), và yếu-tố đặc biệt chịu trách nhiệm tạo ra sự định-tâm—đó là *sự mong-muốn* (*chanda*), *sự nỗ-lực* (*viriya*), *tâm* (*citta*), và *sự điều-tra* (*vīmaṃsā*). *Sự định-tâm* và *sự phấn-đấu* (*ting cān*) đều có trong tất cả *bốn cơ-sở thần thông*, chúng là 02 yếu-tố được chỉ tên trong bốn sự tu-tập (i)-(iv) đó.] (246)

**201** [Tương tự như chú thích chỗ kinh **SN 47:31**. **Spk**: Đoạn kinh này mở rộng tới từng ‘*cơ-sở thần thông*’ theo công thức quán sát ‘*Diệu-đế về con-đường*’ (đạo đế) trong kinh *Chuyên Pháp Luân* (*Dhammacakkappavattana Sutta*); coi kinh **SN 56:11**.] (247)

**202** (Đây là kinh song hành giống hệt kinh **AN 8:70**.)

**203** [Sự kiện này cũng được ghi trong kinh **DN II 102–07**, tức kinh *Đại Bát-*

*niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*). Phần giải thích của **Spk** ở đây cũng tương ứng với phần giải thích ở **Sv II 554–58**. Đoạn kinh cũng xuất hiện trong **Ud 62–64**, cũng được giảng luận trong **Ud-a 322–30**.] (248)

**204** [Nguyên gốc câu này: “*kappaṃ vā tiṭṭheyya kappāvasesaṃ vā*”. **Spk** giải thích “*một đại-kiếp*” (*kappa*) ở đây là *một kiếp-người* (*āyukappa*), tức một kiếp sống đại thọ, tức khoảng 100 năm. Còn chữ “*hết phần còn lại của đại kiếp này*” (*kappāvasesaṃ*) được giải thích là ‘*dài hơn một chút*’ so với kiếp người 100 năm (tức cỡ tới 120 năm như chú thích trong kinh **SN 21:03** đã nói). **Spk** có đề cập quan điểm của ngài Mahāsīva Thera, người cho rằng Phật có thể sống hết phần còn lại của *đại kiếp vũ trụ* (*bhaddakappa*) này. **Mil 141** cũng diễn dịch *kappa* ở đây là bằng kiếp người (*āyukappa*), có lẽ cũng từ cùng nguồn các giảng luận khác.

► Tuy nhiên, *đáng lưu ý rằng*: không có chỗ nào khác trong các bộ kinh *Nikāya* dùng chữ *kappa* với nghĩa là một ‘*kiếp người*’ như vậy, và dường như cũng không có lý do thỏa đáng nào để gán nghĩa khác cho nó ngoài cái nghĩa thông thường của nó là *kiếp vũ trụ* (đại-kiếp). Cho dù đoạn kinh này là nguyên gốc hay được thêm thắt, và cho dù sự thiên-định thành công có mang đến những năng-lực siêu thường đến như vậy hay không, thì cũng đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về ý nghĩa của chữ *kappa trong đoạn kinh này*.] (249)

**205** [Nguyên gốc câu cuối: “*Yathā taṃ Mārena pariyuṭṭhitacitto*.” **Spk**: Ma Vương có thể ám muội tâm của bất cứ ai chưa đẹp bỏ hết “*12 sự sai-lạc/ sai-lệch/ điên-đảo về nhận-biết*” (*vipallāsa*), và thầy Ānanda lúc đó chưa đẹp bỏ được chúng [bởi lúc đó thầy mới là bậc Nhập-lưu, vẫn còn bị những lệch-lạc sai-lệch của tâm và nhận-thức, mặc dù về mặt cách-nhìn thì thầy ấy đã không còn tà-kiến]. Cũng **Spk**: Ma Vương ám muội tâm thầy ấy bằng cách dựng ra một cảnh tượng đáng sợ, và trong khi đang nhìn cảnh đó, vị trưởng lão này đã không bắt lấy kịp lời gợi-ý của Đức Phật.] (250)

**206** [Điều thú vị là, chẳng tìm thấy chỗ nào trong 05 Bộ Kinh có lời tuyên bố hay đối thoại như vậy dưới đây giữa Phật và Ma Vương.

- Trong số những chữ Ma Vương dùng để mô tả các đệ tử, chữ “*pat-tayogakkhemā*” [*an toàn khỏi sự trôi-buộc*] không thấy có trong phiên bản **Be**, cũng không thấy được đề cập trong **Spk** [mặc dù tất cả các chữ kia đều có và được giải nghĩa], nhưng trong **Se** và **Ee** thì có. Các bài kinh song hành là **DN**

**II 104–5** thì không có chữ đó, nhưng **DN III 125,19** lại có.] (251)

**207** [Lời kinh chỗ này giống lời kinh ở cuối kinh **SN 12:65** và trong một đoạn kinh song hành giống hết kinh này nằm trong kinh **AN 8:70**.] (253)

**208** [Chữ gốc là *āyusaṅkhāraṃ ossaji: sự tạo-tác sự sống* (hành sinh mạng), sự duy trì nguồn sống. **Spk** giải thích chỗ này: Đức Thế Tôn không từ bỏ sự tạo-tác sự sống (hành sinh mạng) như kiểu bỏ cục đất khỏi tay, mà Phật đã làm một quyết-định: “*Ta sẽ chứng nhập thánh quả trong vòng ba tháng, không trễ hơn đó.*” **Spk** không bàn luận về chữ *āyusaṅkhāra*, nhưng có lẽ nó đồng nghĩa với chữ *jīvitindriya* (căn sinh mạng), và đồng nghĩa với chữ *jīvitasāṅkhāra* (hành sinh mạng) [như trong kinh **SN 47:09**] về chức năng là duy-trì sự liên-tục của sự sống. Chữ *āyusaṅkhāra* [số nhiều] có ghi trong kinh **SN 20:06**, và có đoạn thảo luận về chữ này trong kinh **MN I 295,36–296,6**.] (254)

**209** [Bài kệ **rất khó dịch**, nhất là hai câu đầu. Các giảng luận **Spk**, **Sv II** 557–58, **Mp IV** 153–54, và **Ud-a** 329–30 cũng đều nói như vậy. Các giảng luận đều đưa ra hai cách diễn dịch thay phiên như vậy: (i) lấy chữ *tulaṃ* và *atulaṃ* là hai chữ đối nghĩa; và (ii) lấy chữ *tulaṃ* là phân từ hiện tại ngắn (= *tulento*) và chữ *atulaṃ* và chữ *sambhavaṃ* là hai chữ đối nghĩa. Tôi dịch theo cách diễn dịch thứ hai này ...].

- (Tiếp theo, thầy TKBD đã chú giải các câu thi kệ này một cách *chi tiết từng chữ bằng nhiều cách của nguyên từ học*, người dịch Việt không dẫn vào đây vì nó quá dài, 820 từ.) (255)

**210** [Phân tích chi tiết các thuật ngữ sẽ được trình bày trong kinh **SN 51:20** ở bên dưới.] (256)

**211** [Nguyên gốc câu này: *Anekavihitāṃ iddhividhāṃ paccanubhoti*. Từ đoạn này cho thấy sự vận dụng những năng-lực siêu thường (thần thông) là kết quả của sự tu tập *04 cơ-sở thần thông* (tứ thần túc; *id-dhipāda*). Sáu loại *trí-biết trực tiếp* cũng được nói trong các kinh **SN 12:70** và **16:9** (Quyển 2). Những phương thức thể tục của năng-lực siêu thường này cũng được phân tích chi tiết trong, chương 12 và 13.] (257)

**212** [**Spk** giải nghĩa chữ mong-muốn (*chanda*) là “*sự muốn làm, ý muốn làm*” (*kattukāmyatāchanda*). Coi thêm **Vibh 216,27–29**.] (258)

**213** [**Spk**: chữ “*những sự tạo-tác cố-ý của sự phán-đầu*” (*padhāna-saṅkhārā*; HV: tinh cần hành) là một cách để chỉ *sự nỗ-lực* (tinh tấn) hoàn thành được 04 chức năng của sự phán-đầu đúng đắn (chánh tinh tấn) nói trên.] (259)

**214** [**Vibh 218,29–31** chỉ định nghĩa *tâm* (*citta*) ở đây theo nhiều cách, nhưng không nói rõ lý do tại sao tâm trở thành một cơ-sở thần thông.] (260)

**215** [**Vibh 219,23–25** định nghĩa chữ *vīmaṃsā* theo nghĩa thuộc phần trí-tuệ (*paññā*)

- **Spk** nói rằng: (i) trưởng lão *Ratṭhapāla* (kinh **MN 82**) tạo ra trạng thái siêu-thế (*lokuttara dhamma*) bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự *mong-muốn* (tâm nguyện, ý muốn); (ii) trưởng lão *Soṇa* (kinh **AN 6:55**; Luật Tạng **Vin I 179–85**) bằng cách đặt sự nhấn mạnh sự *nỗ-lực* (tinh tấn); (iii) trưởng lão *Sambhūta* (kinh thi **Th 291–94**) bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở *tâm*; và (iv) trưởng lão *Mogharāja* (kinh **Sn 1116–19**) bằng cách đặt sự nhấn mạnh ở sự *điều-tra* (trạch pháp). **Spk** có minh họa bằng trường hợp bốn vị thượng thư có khát vọng được ban chức tước cấp cao. Một người đạt được chức vị bằng cách chầu chờ nhà vua suốt ngày đêm, tìm cách thỏa mãn những ý muốn và ưu tiên của nhà vua, thì được ví như người (i): tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở sự *mong-muốn*. Còn người thứ hai thì đạt được chức vụ bằng cách hết sức nghiền nát quân bạo loạn ở biên cương, thì được ví như người (ii): tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở sự *nỗ-lực*. Một người đạt được chức vị nhờ đưa ra cho nhà vua lời cố vấn về cách trị vì đất nước, thì được ví như người (iii): tạo ra trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh ở *tâm*. Và người đạt được chức vị chỉ vì nhờ sự-sinh của mình (hay giai cấp, *jāti*), thì được ví như người (iv): tạo được trạng thái siêu-thế bằng cách nhấn mạnh sự *điều-tra*.

- Sự giải thích tương tự trong **Sv II 642–43**, chỉ có một chút biến đổi là trong **Vibh-a 305–6** đảo lộn các ví dụ minh họa “*tâm*” và “*sự điều-tra*”, với sự-sinh đại diện cho *tâm* và sự cố-vấn đại diện cho sự *điều-tra*. Điều này có vẻ có lý, vì sự *điều-tra* (*vīmaṃsā*) và sự cố-vấn (*manta*) là cùng từ một gốc từ *man* (nghĩ), và *tâm* thường được xếp theo cấp (*jāti*) của nó là thiện, bất thiện, hoặc không xác định. Học giả Gethin có thảo luận về hai phiên bản ví dụ này trong quyển *Đạo Phật Đi Đến Giác Ngộ* (*The Buddhist Path to Awakening*), trang 90–91.] (261)

**216** [Cụm chữ này giống trong các kinh **SN 2:05** và **9:13** (Quyển 1).] (262)

**217** [**Spk**: Thầy ấy chứng nhập trong thiền định về đề mục *kaṣiṇa*-nước, rồi thoát ra, và quyết định nền móng của lâu đài trở thành nước. Rồi thầy ấy đứng dậy và dùng ngón chân đẩy lâu đài cho nó rung lắc.] (263)

**218** [Trong kinh **SN 48:42** cũng có một bà-la-môn tên này, nhưng không chắc đó là cùng một người hay hai.] (265)

**219** [ ](266)

**220** [Nguyên chữ Pali vẫn là “*citta*”, tuy nhiên chữ “*tâm*” không thì dùng không hợp thức trong câu cuối cùng này.] (267)

**221** [So sánh kinh **AN 2:145,35–146,21** (?), trong đó thầy Ānanda chỉ ra cách dục-vọng được dẹp bỏ dựa vào dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây) được dẹp bỏ dựa vào sự tự-ta.] (268)

**222** [**Spk** diễn dịch là: Tầng thiền định thứ tư được dùng làm cơ-sở để đạt được phép thân thông (*abhiññā*).] (270)

**223** [**Spk** giải thích: Một Tỳ kheo ngồi ở mái hiên chú-tâm (tác ý) tới sự nhận-thức về ánh sáng, có lúc nhắm mắt, có lúc mở mắt. Khi [ánh sáng] xuất hiện đối với người đó đều như nhau khi mắt mở hay mắt nhắm, thì nhận-thức về ánh sáng đã khởi sinh. Cho dù là ngày hay đêm, nếu người tu xua tan sự buồn-ngủ và đờ-đẫn bằng ánh sáng và chú-tâm tới đối-tượng thiền của mình, thì sự nhận-thức đã khởi sinh đối với ánh sáng đã được nắm-giữ một cách khéo léo.] (273)

**224** [“*Thân làm bằng tâm*” (*manomayakāya*) là một thân vi tế được tạo nên từ thân nhục thể bởi một người thiền đã thiện khéo và làm chủ được tầng thiền định thứ tư (tứ thiền). Nó được mô tả là “*gồm có thể sắc, được làm bằng tâm, hoàn thiện trong tất cả bộ phận, không thiếu các căn*” (*rūpiṃ manomayaṃ sabbaṅgapaccaṅgiṃ ahundriyaṃ*).” Coi thêm kinh **DN I 77,6–26**; **MN II 17,23–18,7**; **Paṭi II 210–11**, cũng được trích dẫn và giải thích trong **Vism 406 (Ppn 12:139)**.] (274)

**225** [Đây chính là cái thân thể tự nhiên của người.] (275)



**226** [Chỗ này **Be** ghi là: *Yañ ca kho omāti bhante*; **Se**: *Opātiha bhante*; **Ee**: *Yañca kho opapāti ha bhante*. Động từ này chưa hề gặp ở đâu. **Spk** (của **Be**) giải nghĩa là: *omāti ti pahoti sakkoti*, và ghi chú: “Đây là một chữ xảy ra duy nhất một lần trong toàn bộ các kinh của Phật được bảo lưu trong Tam Tạng (*Tipitaka*) (*idaṃ tepiṭake buddhavacane asam- bhinnapadaṃ*).” **Spk** (của **Se**) thì bỏ chữ “*omāti ti*” và những chữ tương ứng với nó, và nhấn mạnh chữ *pahoti* giống như chỉ là bổ đề.] (276)

**227** [Trong cả hai trường hợp tôi đọc theo chữ *samodahati* ghi trong **Be**; trong **Se** và **Ee** thì dùng chữ *samādahati*. Còn trong cả hai phiên bản **Be** và **Se** của luận giảng **Spk** thì đều dùng chữ *samodahati*, nó được củng cố bởi sự giải nghĩa sau đây: “[*Như Lai (hay người thiền) đắm chìm (thiền định) thân trong tâm*: là, sau khi lấy thân, người thiền gắn nó vào tâm; người đó làm cho nó phụ thuộc vào tâm; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của tâm. Tâm ở đây là một tâm cao thượng, thăng hoa. Sự chuyển động dọc theo tiến trình của tâm là nổi trội [nhanh]. “[*Như Lai (hay người thiền) đắm chìm tâm trong thân*: là, sau khi lấy tâm, người đó gắn vào thân; người đó làm cho nó phụ thuộc vào thân; người đó gửi nó dọc theo tiến trình của thân. Sự chuyển động của thân là chìm lặn [chậm]. “*Một nhận-thức hạnh phúc, một nhận-thức nổi trội (sukhasaññañ ca lahusaññañ ca)*: đây là nhận-thức đi kèm với cái tâm của trí-biết trực tiếp; đó là một nhận-thức đầy hạnh-phúc (lạc tưởng) bởi nó đi kèm niềm hạnh-phúc đầy bình-an [của tâm], và đó là một nhận-thức trội bởi không còn bị ức chế bởi những ô-nhiễm (như tham, sân, si).” Coi thêm giải thích chi tiết về loại năng-lực siêu thường này ở **Paṭis II 209**, cũng được trích dẫn và giải thích trong **Vism 401–5 (Ppn 12:119–36)**.] (277)

**228** [“*Bằng trí-biết trực tiếp*”: chữ này trong kinh này và kinh kế tiếp là chỉ về tất cả 06 loại *trí-biết trực tiếp* (sáu trí, sáu minh).] (279)

**229** [Ngài A-nậu-lâu-đà (Anuruddha) đã xuất hiện trong các kinh là một người đề cao sự tu tập “*Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm*” như trong các kinh **SN 47:26–28**. Vì vậy, **Chương 52** này có thể được coi như một phần *phụ lục thêm* của **Chương 47 [Các Nền Tảng Chánh Niệm]** vậy.] (280)

**230** [Đoạn này giống đoạn (i) trong kinh **SN 46:54**; mời coi lại chú thích ở kinh đó luôn.] (282)

**231** [Về 03 mức độ này, **Spk** đã dẫn lời trong **Dhs §§1025–27**, trong đó định nghĩa “*những trạng-thái (hiện tượng, pháp) thấp-kém*” (*hīnā dhammā*) chính

là 12 loại thức bất thiện; “*những trạng-thái trung-bình*” (*majjhimā dhammā*) là những trạng thái thiện lành thuộc thể tục, gồm cả những hệ quả, những chức năng (*kiriya*) và thể-sắc thiện lành thể tục; và “*những trạng-thái siêu-xuất*” (*paññā dhammā*) là bốn thánh đạo, bốn thánh quả, và Niết-bàn. Tuy nhiên, coi kinh **AN I:223–24** (?), trong đó ba thuật ngữ đó là tương ứng với ba cõi tái sinh—cõi dục-giới, cõi sắc-giới, và cõi vô-sắc giới.] (283)

**232** [Kinh này, và kinh kế tiếp, gần như tương ứng với kinh **SN 47:26**, và **47:27**.] (284)

**233** [Về hệ ngàn thế giới, coi lại kinh **47:28** ở trên và chú thích ở cuối kinh đó.] (285)

**234** [Đoạn mô tả này giống trong kinh **SN 35:244**, đoạn (7), (Quyển 4) và kinh **45:160** ở trên; (chỉ khác là 02 kinh đó lần lượt nói về *những phần tu khác nhau* và về *Bát Thánh Đạo*; còn kinh này thì nói về *Bốn nền tảng chánh-niệm*).] (286)

**235** [Chỗ này chỉ *10 loại trí-biết*, thường được gọi là “*mười năng-lực của Như Lai*” (*dasa tathāgatabala*); coi thêm kinh **MN I 69–71**, cũng được nhắc lại trong **Vibh 335–44**. **Spk** nói rằng một đệ tử có thể có-được một phần (*ekadesena*) của mười loại Như Lai trí này, nhưng toàn bộ mười trí này thì chỉ có những vị Phật toàn trí toàn trí mới sở hữu được.] (287)

**236** [Bốn đoạn này là công thức tiêu chuẩn định nghĩa bốn tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), cũng được phân tích trong **Vibh 244–61** và trong **Vism**, Chương 4.] (288)

**237** [Tiếp theo, phần còn lại của bài kinh là 16 bước (16 chi phần) tu tập *sự chánh-niệm hơi-thở*, những bước này đã tạo thành cốt lõi của bài kinh “*Chánh Niệm Hơi Thở*” (*Ānāpānasati Sutta*; **MN 118**). 16 bước này cũng được giảng giải chi tiết trong **Vism 267–91** (**Ppn 8:146–237**). Một tuyển tập những lời kinh về chủ-đề thiền này đã được dịch bởi Tỳ Kheo Ñāṇamoli và có tên là “*Chánh Niệm về Hơi Thở*”, gồm có lời bài kinh “*Chánh Niệm Hơi Thở*”, có trích các đoạn giảng trong **Vism**, một chuyên luận trong **Paṭis**, và những những bài kinh được chọn lọc.

- Như sẽ thấy trong kinh **SN 54:10** bên dưới: 16 bước này đều nằm trong 04 đoạn “04-điều”; 04 đoạn đó tương quan với *Bốn nền tảng chánh-niệm* (bốn sự

thiết lập chánh-niệm). Như vậy, *sự chánh-niệm hơi-thở* bắt đầu từ phần “*quán sát thân*” (*kāyānupassanā*), và nó kết cuộc bằng sự thấu tỏ tất cả 04 sự quán-sát.

- Về cụm chữ “*sau khi đã thiết lập sự chánh-niệm trước mặt*” (*parimukham satim upaṭṭhapetvā*), **Vibh 252,14–16** giải thích là: “*Sự chánh-niệm này được thiết lập, được khéo thiết lập ở đầu chóp mũi hay ở chính giữa môi trên.*”] (289)

**238** (Người dịch Việt đặt thêm các số (i)-(iv) để người đọc nhìn thấy nhanh “*bốn-điều*” trong mỗi đoạn và các chú thích về mỗi điều đó).

[**Vism 273–74 (Ppn 8:171–73)** giải thích bước thứ (iii) của nhóm này có nghĩa là “*làm rõ, làm thấy rõ chỗ đầu, chỗ giữa, và chỗ cuối của toàn bộ thân hơi-thở-vô ... của toàn bộ thân hơi-thở-ra.*” Còn “*sự tạo-tác của thân*” (*thân hành, kāya-saṅkhāra*) ở bước thứ (iv) chính là cái ‘*sự thở vô-thở ra*’; chúng sẽ dần dần lắng dịu hơn và vi tế hơn khi sự chú tâm vào hơi-thở tiến triển thuần thực hơn. Coi thêm **SN 41:06**, chỗ đoạn hỏi đáp (2), có ghi câu: “*Assāsapassāsā kho gahapati kāyasāṅkhāro*”: *Này gia chủ, ‘sự thở-vô và thở-ra’ chính là sự tạo-tác của thân.*] (290)

**239** [Chú thích này, và hai chú thích kế tiếp, đều dựa theo **Vism 287–91 (Ppn 8:226–37)**].

- Sự *hoan-hỷ* (*pīti*, hỷ) được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập 02 tầng thiền định đầu tiên, và sau khi đã chứng nhập vào một trong hai tầng thiền định đó, người tu hiểu được bằng minh-sát rằng niềm hoan-hỷ liên quan với các tầng thiền định là sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Yếu tố *hạnh-phúc* (*sukha*, lạc) được trải nghiệm khi người tu đã chứng nhập trong 03 tầng thiền định đầu tiên, và khi, sau khi đã chứng nhập và thoát ra khỏi một trong ba tầng thiền định đó, người tu hiểu được rằng niềm hạnh-phúc (lạc) liên quan các tầng thiền định cũng sẽ bị diệt tiêu và biến mất. Còn “*sự tạo-tác của tâm*” (*cittasaṅkhāra*) là *cảm-giác* (thọ) và *nhận-thức* (tưởng) thì được trải nghiệm trong tất cả 04 tầng thiền định.] (291)

**240** [“*Trải nghiệm cái tâm*” được hiểu là sự trải nghiệm 04 tầng thiền định. Tâm “*được làm hoan-hỷ*” bởi sự chứng đắc hai tầng thiền định có đi kèm bởi sự *hoan-hỷ* hoặc bởi sự thâm-nhập bằng minh-sát rằng nó sẽ bị biến diệt và biến mất. “*Tập trung cái tâm*” là chỉ *sự định-tâm* trong tầng thiền định hoặc chỉ *sự*

*định-tâm nhất-thời* khởi sinh cùng với sự minh-sát (thiền quán). “*Giải thoát cái tâm*” có nghĩa là giải thoát tâm (a) khỏi những chướng-ngại, và (b) khỏi những yếu-tố còn thô-tế của tầng thiền định bằng cách chứng đắc tuần tự những tầng thiền định cao hơn, và (c) khỏi những “sự sai-lạc về nhận-biết” bằng cách nhờ sự hiểu-biết của minh-sát.] (292)

**241** [“*Quán sát sự vô-thường*” (*aniccānupassī*) là sự quán sát *năm-uẩn* là vô thường bởi vì chúng luôn lên-xuống và biến-đổi, hoặc bởi vì chúng luôn sinh rồi diệt, *luôn bị giải thể* trong từng giây-khắc (sát-na). Đoạn “04-điều” này là hoàn toàn nói về sự minh-sát (thiền quán), không giống ba đoạn (1), (2), và (3) kia thì có thể được diễn dịch theo cả cả hai cách sự vắng-lặng (thiền định) và sự minh-sát (thiền-quán). “*Quán sát sự phai-biến*” (*virāgānupassī*) và “*Quán sát sự chấm-dứt*” (*nirodhānupassī*) có thể được hiểu bằng cả hai cách là: (i) sự minh-sát nhìn thấy *sự hủy-diệt nhất-thời* và *sự chấm-dứt nhất-thời* (trong từng giây khắc) của *những hiện-tượng* (pháp, trạng thái) và (ii) là thánh đạo siêu-thể, nó chứng ngộ Niết-bàn = *sự phai-biến của tham-dục* [chữ *virāga*, lúc này nghĩa như sự *chán-bỏ*] và = *sự chấm-dứt mọi sự tạo-tác* (các hành). “*Quán sát sự từ-bỏ*” (*paṭinissaggānupassī*) là sự từ bỏ (*pariccāga*) hay sự dẹp bỏ (*pahāna*) những ô-nhiễm thông qua sự minh-sát và chứng nhập vào (*pakkhandana*) Niết-bàn thông qua chứng đắc thánh đạo.] (293)

**242** [Spk: Chỗ này thầy Ariṭṭha đã giải thích [sự chứng đắc] thánh đạo Bất-lai của mình. [Spk-pt: bởi vì thầy ấy đã nói một cách dứt khoát về sự loại-bỏ năm gông-cùm đầu tiên], nhưng Đức Phật giải thích thêm cách tu minh-sát (thiền quán, quán tuệ) để chứng đắc thánh đạo A-la-hán.] (294)

**243** [Đề ý: tới kinh này là bắt đầu có sự chuyển tiếp từ chủ-đề từ “*sự chánh-niệm hơi-thở*” (*ānāpānasati*) đơn giản sang chủ-đề sâu hơn là “*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*” (*ānāpānasati-samādhi*). Và sự chuyển tiếp này sẽ tiếp tục trong các bài kinh tiếp theo của Chương 54 này.] (295)

**244** [Spk: Khi người tu làm việc với những đề-mục hay đối-tượng thiền khác thì thân sẽ bị mệt và mắt bị căng thẳng. Ví dụ, khi người tu thiền tập về đề-mục *bốn yếu-tố tứ đại*, thân sẽ bị mệt và sẽ tới giai đoạn bị áp lực mà người tu cảm thấy như mình bị quăng vào cối xay lúa vậy. Khi người tu thiền định với một *kasina* (một vật thể được dùng làm đối tượng thiền) thì mắt sẽ bị đau nhức và người bị mệt mỏi, và khi thoát ra khỏi thiền người tu cảm thấy như mình đang ngã nhào. Nhưng khi người tu thiền tập với “*sự chánh-niệm hơi-thở*” thì

thân không bị mệt và mắt không bị căng thẳng.] (296)

**245** [Coi thêm chú thích ở kinh **SN 46:54**, cuối đoạn (1), về 05 sự nhận-thức (i)- (v). Chú thích số đuôi (110).

- **Spk**: Đoạn kinh (2) này là nói về *năng-lực tâm-linh* (thần-thông) của *bậc thánh* (*ariyiddhi*), để chỉ sự **lợi-thế** (ích lợi, tác dụng lớn lao) của việc tu tập “*sự chánh-niệm hơi-thở*”. Bởi nếu một Tỳ kheo mong ước đạt được thần-thông của thánh nhân, hoặc bốn tầng thiền định sắc-giới (*jhāna*), hay bốn tầng thiền vô-sắc giới, hay chứng đắc sự tịch-diệt (diệt thọ tưởng), thì người đó nên *chú-tâm kỹ càng* (như lý tác-ý) tới “*sự định-tâm nhờ chánh-niệm hơi-thở*”. Giống như sau khi đã chiếm được một kinh thành, thì tất cả mọi thứ hàng hóa từ bốn phương được đưa vào bốn cổng thành, và cả xứ sở đó, cũng được thâu tóm—đây là lợi-thế của một kinh thành—cũng giống như vậy, tất cả những sự chứng-đắc đó, được liệt kê ra trong bài kinh này, cũng được thành tựu bởi một người thiền khi người đó tu tập đầy đủ “*sự định-tâm nhờ sự chánh-niệm hơi-thở*”.] (297)

**246** [Từ đây đến cuối bài kinh, lời kinh giống như trong các kinh **SN 12:51** (Quyển 2), **22:88** (Quyển 3), và **36:07** (Quyển 4).] (298)

**247** [Có một kinh trùng lặp được ghi trong Luật Tạng **Vin III 68–70**, chỉ khác nhau ở chỗ bối cảnh đầu của bài kinh. Tôi tóm lược phiên bản của luận giảng bằng chú thích ở cuối đoạn thứ hai ngay dưới đây, chú thích số đuôi (301) kể dưới đây. Những vấn đề được đặt ra bởi câu chuyện bối cảnh bài kinh cũng được thảo luận trong bài viết “*Trường Hợp Những Tu Sĩ Tự Sát*” của học giả Mills.] (299)

**248** [Chỗ này có nghĩa Phật đang giảng về *sự thiền quán về 31 bộ phận của thân* [các luận giảng tăng thêm thành 32 bộ phận] và những giai đoạn thối rữa tan rã tan biến của xác chết.] (300)

**249** [**Spk** chú giải: Tại sao Phật nói như vậy? Trong quá khứ, được cho là có 500 người kiếm sống bằng cùng một nghề săn bắn. Họ đã bị tái sinh trong địa ngục, nhưng sau địa ngục, nhờ có những nghiệp thiện, họ lại tái sinh thành người và đã xuất gia thành những Tỳ kheo dưới đức Thế Tôn. Tuy nhiên, một phần gốc nghiệp xấu trước kia đã có cơ-hội chín muồi trong thời gian 02-tuần đó, nên đã đưa đến sự chết của họ bằng sự tự-sát và nhờ người khác giết mình. Đức Thế Tôn đã nhìn thấy trước điều này và nhận thấy mình

chẳng thể làm được gì (để ngăn cản hay giúp đỡ họ) về điều sắp xảy đến đó. Trong số những Tỳ kheo đó, có một số vẫn còn là người phàm tục, một số là bậc Nhập-lưu, Nhất-lai, Bất-lai, và A-la-hán. Những A-la-hán thì không còn tái sinh; những bậc thánh khác thì có những sự tái sinh hạnh-phúc, nhưng những người phàm thì không biết chắc sẽ bị tái sinh về đâu. Đức Phật đã thuyết về sự ô-úế để người tu loại bỏ sự ràng buộc với thân này để họ có thể xua tan sự sợ-hãi về cái chết, và nhờ vậy có thể được tái sinh trong những cõi trời. Bởi vậy Phật nói về sự ô-úế là để giúp họ, chứ không phải khiến họ đề cao cái chết. Nhận biết được mình không thể đảo ngược tiến trình sẽ xảy ra đó, nên Phật ‘mới lánh đi tới chỗ ẩn-dật’ để tránh có mặt chứng kiến cảnh tượng sẽ xảy ra (!).

- Luận giảng nói như vậy, nhưng cái ý tưởng về cái sự tự-sát do nghiệp định đoạt nghe có vẻ không mà dung hòa với khái niệm tự-sát là một hành-động do mình cố ý làm.

- (Và người dịch Việt cũng thấy lạ với phần luận giảng hơi lạ này về thái độ của Đức Phật bi-mẫn. (a) Tại sao kinh điển đã không ngớt lời ca ngợi Đức Phật là bậc tối thượng về những khả năng (ví dụ như khả năng thuyết pháp, khả năng dẫn dắt, khả năng chuyển hóa nhận-thức của người khác...) đã không ở lại để lập tức tụ họp họ lại và dùng phương pháp thuyết giảng khác hoặc chỉ dạy một giáo pháp đối trị khác để chuyển đổi nhận-thức của họ hoặc để họ có thể *tự thân* thiền quán để có thể tránh được hậu quả khủng khiếp đó. Vì rõ ràng nếu đọc phần sau của kinh chúng ta thấy sau khi Phật trở lại, các Tỳ kheo còn sống đã thỉnh cầu Phật thuyết giảng thêm một giáo pháp khác cho họ để họ có thể thiết lập tâm của họ trong trí-biết cuối cùng, và Phật đã làm vậy, (và đó là nội dung chính của bài kinh **54:09** này). (b) Luận giảng còn cho rằng trong số đó có nhiều bậc thánh, đặc biệt là những A-la-hán: làm sao những bậc đại trí giác ngộ như A-la-hán vậy mà có thể ‘hiểu lầm’ ý của Đức Phật về sự ô-úế để tự mình dẫn tới sự tự-sát hay nhờ người khác sát mình như vậy. Đây chỉ là thiện ý của người dịch Việt. Bản dịch nháp ban đầu người dịch Việt đã không muốn dịch phần chú giải này. Như đã nói, những chú giải chỉ là những sự diễn dịch của những luận giảng sau kinh, không phải lúc nào cũng đúng và hợp lý và hợp pháp). (c) Nếu coi tiếp chú thích kể dưới (được ghi trong Luật Tạng) thấy hợp lý hơn và nhẹ nhàng hơn; rằng trong số đó “*chỉ có những Tỳ kheo còn là phàm phu mới hiểu lầm ý Phật và làm vậy*”.] (301)

**250** [Theo Luật Tạng (Vinaya) [và **Spk** cũng lặp lại] rằng những Tỳ kheo đó có

người tự giết mình, hoặc có người giết giùm người khác, hoặc nhờ một Tỷ kheo “giả mạo” tên là Migalaṇḍika giết họ. **Spk** nói thêm rằng: còn các thánh Tỷ kheo thì không giết ai, không xúi ai giết, cũng không đồng tình với sự tự sát như vậy; chỉ có những Tỷ kheo còn là phạm phu mới hiểu lầm ý Phật và làm vậy.] (302)

**251** [Các chữ trong ngoặc vuông này không có trong phiên bản **Be.**] (304)

**252** [Nghĩa lời kinh chỗ này được giảng luận chi li trong **Vism 267–68 (Ppn 8:146–50).**] (305)

**253** [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 45:156.**] (306)

**254** [Từ mục **[i.]** đến mục **[iv.]** là phần nội dung gần giống hệt với nội dung của bài kinh nổi tiếng— kinh “*Chánh Niệm Hơi Thở*” (*Ānāpānasati Sutta*), [**MN III 83,20–85,6**— giảng giải cách mà sự tu tập “*chánh-niệm hơi-thở*” sẽ hoàn thiện “*bốn nền tảng chánh-niệm*” [coi thêm kinh **SN 54:13** bên dưới]. Luận giảng về nội dung phần kinh này đã được nhà sư Tỷ Kheo Ñāṇamoli dịch và in trong quyển “*Chánh Niệm Hơi Thở*” đã như đã nói trên, trang 49–52.] (307)

**255** [**Spk**: “*Ta gọi nó là thân-gió hay thân-khí (vāyokāya) trong các thân thuộc bốn yếu tố tứ-đại.*” Hoặc đó là là “*một loại thân*” bởi vì nó nằm trong cơ-sở tiếp-xúc trong số những thành phần khác nhau của sắc-thân.” (‘thân thể’ là cơ sở để tiếp xúc).] (308)

**256** [**Spk**: Thực ra *sự chú-tâm* ở đây thực sự không phải là cảm-giác sướng mà chỉ là cái ‘tiêu đề’ của giáo lý chỗ này. Trong đoạn “04-điều” này, trong chi đầu (i) thì cảm-giác đã được nói [nói xéo, ám chỉ] dưới tiêu-đề “*sự hoan-hỷ*”; trong chi (ii) thì nó được chỉ thẳng là “*sự hạnh-phúc*”. Trong chi (iii) và (iv), thì cảm-giác là nằm trong *sự tạo-tác của tâm* (tâm hành) (*saññā ca vedanā ca cittasaṅkhāro*). Mời coi lại kinh **SN 41:06** (Quyển 4), ở đoạn (3) có nói về *nhận-thức và cảm-giác là sự tạo-tác của tâm.*] (309)

**257** [**Spk**: Câu “*Sau khi nhìn thấy bằng trí-tuệ...*”: ở đây, “*sự thêm-muốn*” [**tham**] tức là chướng ngại *tham-dục*; còn “*sự khó-chịu*” hay “*sự buồn-phiền*”, “*phiền bức*” [**ru**] chính là chướng ngại *ác-y* (gần như = sân). Đoạn “04-điều” này đã được nói ra theo cách của thiền minh-sát (thiền quán). Đây là hai chướng-ngại đầu tiên trong 05 chướng-ngại, đây là *phần đầu* của việc thiền quán những hiện-tượng của tâm (các pháp). Như vậy, Phật nói điều này để chỉ

ra phần bắt-đầu của phần *thiền-quán những hiện-tượng*. Chữ “*đẹp-bỏ*” ở đây là chỉ *sự hiểu-biết sẽ tác động làm nên sự đẹp-bỏ*; chẳng hạn, một người đẹp bỏ cái nhận-thức về sự thường-hằng bằng cách quán xét về sự vô-thường (khi có sự hiểu-biết về sự vô-thường thì đẹp-bỏ nhận-thức (sai lầm) về sự thường-hằng). Còn câu “*sau khi đã nhìn thấy bằng trí-tuệ*” là Phật chỉ ra *sự tiếp nối* của những tuệ minh-sát như vậy: “*Với một sự hiểu-biết minh-sát, [người tu nhìn thấy] sự hiểu-biết về sự đẹp-bỏ gồm có sự hiểu-biết về sự vô-thường, sự chán-bỏ, sự chăm-dứt, và sự từ-bỏ; và từ đó [người tu tiếp tục nhìn thấy] sự hiểu-biết khác.*”] (310)

**258** [Khi Phật mô tả sự thực hành “*chánh-niệm hơi-thở*” của mình, thì chữ “*sato va*” (“*chỉ có chánh niệm*”) được thay bằng chữ “*sato*” (*có chánh-niệm*) đơn giản, và bỏ hết chữ “*sikkhati*” (“*người đó tập luyện*”). **Spk** giải thích rằng chữ “*va*” được bỏ đi là để chỉ cái *sự bình-an đặc biệt* trong sự thực hành của Phật, bởi “*sự thở vô-thở ra*” là luôn luôn rõ-ràng đối với Phật; còn chữ “*sikkhati*” bị bỏ đi bởi vì Phật đâu còn cần phải tập luyện bản thân mình nữa.] (312)

**259** [“*An trú sau khi đã đẹp-bỏ năm chướng-ngại*” (*te ime pañca nivarane pahāya vīharanti*). Mọi học-nhân (từ Nhập-lưu trở lên) đều đã hoàn toàn đẹp bỏ chướng ngại *ngghi-ngờ*; bậc Bất-lai thì tốt hơn, đã loại bỏ chướng ngại *ác-y* và sự *hối-tiếc*. Còn đối với những chướng-ngại còn lại, những bậc học-nhân chỉ mới *tạm thời* đẹp bỏ chúng những khi họ đang ở (lâm thời) trong trạng thái tầng thiền-định (*jhana*) và thiền-quán (minh sát) mà thôi. Về nghĩa “*tạm thời*” này và về *05 loại sự tách-ly*: mời coi lại một chú thích ở đoạn thứ ba của kinh **45:02** ở đầu quyển này, chú thích số (7). Thẻ tuyệt đối của chữ *pahāya* ở đây nên được hiểu dưới ánh sáng của những sự phạm-định này.] (314)

**260** [Nguyên gốc Pali: *Tesaṃ pañca nivarāṇā pahīnā ucchinnamūlā tālāvat-thukatā anabhāvakatā āyatim anuppādadhammā*. Câu diễn tả này thường được Phật nói để nhấn mạnh cái sự đã *đẹp-bỏ sạch sẽ và cuối cùng* đối với *năm chướng-ngại*.] (315)

**261** [**Spk**: “*Ta gọi nó là thân-gió hay thân-khí (vāyokāya) trong các thân thuộc bốn yếu tố tứ-đại.*” Hoặc đó là là “*một loại thân*” bởi vì nó nằm trong cơ-sở tiếp-xúc trong số những thành phần khác nhau của sắc-thân.” (“*thân thể*” là cơ sở để tiếp xúc).] (308)

**262** [Coi thêm kinh **SN 46:3**. Phần **[ii.]** này, “*Hoàn thành Bảy Yếu-Tố Giác-Ngộ*”, cũng được ghi trong bài kinh “*Chánh Niệm Hơi Thở*” (*Ānāpānasati*



*Sutta*, tức **MN III 85,7–87,37**). Còn Phần [iii.] bên dưới, “**Hoàn thành Chân-trí và Sự giải-thoát**”, thì có ghi trong **MN III 88,1–11.**] (316)

**263** [“*Vị vua quay chuyển bánh xe*” (chuyển luân vương) là một người trị vì lý tưởng theo truyền thuyết Phật giáo; coi lại kinh **SN 22:96** và **46:42**, và coi chi tiết trong kinh **DN II 172–77** và **MN III 172–76**. “*Bốn châu lục*” ở đây là *Jambudīpa* (Diêm-phù-nề), *Aparagoyāna*, *Uttarakuru*, và *Pubbavideha* tương ứng nằm ở phía nam, tây, bắc, và đông của Núi Sineru (Tu-di) được coi là trục tâm của thế giới. Coi thêm kinh **AN 3:80** về bức tranh vũ trụ theo kinh điển Phật giáo. Còn “*bốn điều*” sẽ được nói ra ngay bên dưới.] (317)

**264** [Những cảnh địa ngục, súc sinh, và nga quý cũng chính là những “*cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu dữ, và cõi dưới*”.] (318)

**265** [Đây là những công thức kính lễ Phật, và 2 đoạn kể dưới là kính lễ Giáo Pháp Pháp và Tăng Đoàn, như cũng đã được giảng giải trong **Vism 198–221 (Ppn 7:2–100)**. Về chữ *niềm-tin xác thực (aveccappasāda)*, mời coi lại chú thích trong kinh **SN 12:41** (Quyển 2), chỗ câu đầu đoạn (II), chú thích số đuôi (120).] (319)

**266** [Những thuật ngữ này mô tả đức-hạnh của thánh nhân cũng được nói trong **Vism 221–22 (Ppn 7:101–6)**. **Spk** nói rằng những bậc thánh thì không vi phạm (*na kopenti*) *Năm-Giới* ngay cả khi họ chuyển qua sự hiện-hữu mới (kiếp sau); do vậy những giới-hạnh này là thứ quý giá đối với họ.] (320)

**267** [So sánh lời kinh chỗ này với kinh Pháp Cú **Dhp 178.**] (321)

**268** [Đây là mẫu câu định nghĩa một bậc thánh Nhập-lưu. “*Đã định xong vận mệnh*” là dịch chữ “*niyata*”, có nghĩa là bậc Nhập-lưu sẽ hiển nhiên (và bất thoái chuyển) đạt tới *sự giải-thoát cuối cùng trong vòng tối đa 1-7 kiếp nữa* ở cõi người hay cõi trời. Sự “*giác-ngộ*” (*sambodhi*, chánh giác) là *trí-biết cuối cùng* của thánh quả *A-la-hán*.] (322)

**269** [Nguyên gốc câu này: *Brahmacariyogadham sukham*. Trong đó có chữ *ogadha*: về nghĩa của chữ này, mời coi lại chú thích cuối cùng ở kinh **SN 23:01** (Quyển 3). **Spk** giải thích: Đây là niềm hạnh-phúc đi kèm với 03 thánh đạo cao hơn. Sự tự-tin được nói trong bài kệ có thể được diễn dịch là sự tự-tin đồng hành với thánh đạo (*maggappasāda*) hoặc là sự-tự-tin có được từ sự quán-chiếu lại của một người

đã đạt tới thánh đạo (*āgatamaggassa paccavekkhaṇappasāda*.)] (323)

**270** [Sáu loại nhận-thức này cũng có ghi trong các kinh khác là **SN 46:71–76**. Như là một nhóm, sáu điều này góp phần tạo nên *trí-biết đích thực* (chân trí, minh) (*cha vijjābhāgiyā dhammā*), cũng như sáu sự nhận-thức được nói trong kinh **AN 6:35** là thuộc trí-biết đích thực.] (324)

**271** [Lưu ý: đây là những yếu tố *căn bản* để đạt được thánh quả Nhập-lưu, (không phải bốn yếu tố định nghĩa một bậc Nhập-lưu, mặc dù nó cũng được ghi đồng một chữ là “*sotāpattiyaṅga*” [yếu tố Nhập-lưu]. (Mặc dù chữ Pāli là giống nhau, nhưng để tránh hiểu lầm tôi đã dịch là “*yếu tố để đạt tới Nhập-lưu*” (để phân biệt với bốn “*yếu tố để định nghĩa một bậc Nhập-lưu*”, là: niềm tin vào Phật, Pháp, Tăng, và Đức-hạnh).] (325)

**272** [Mặc dù trong kinh khác chữ *thapati* có nghĩa là “thợ mộc”, nhưng từ nội dung bài kinh này cho thấy công việc của hai người này là quan thị vệ của hoàng cung. Trong tiếng Phạn, chữ *sthāpatya* thường có nghĩa là những người canh gác các khuê phòng của các cung phi, mỹ nữ. Hai người này cũng được nhắc đến là hai người phụng sự cho Vua Pasenadi trong kinh **MN II 124,1–10**. Theo **Spk**, lúc này Isidatta đã là bậc thánh Nhất-lưu, Purāṇa là bậc Nhập-lưu vẫn đang sống với vợ [tức không độc thân]. Trong kinh **AN 6:44** có nói, sau khi họ chết, Phật đã tuyên bố cả hai đều là bậc thánh Nhất-lai tái sinh vào cõi trời Tusita (Đâu-suất); trong đó lại nói, lúc chết thì Purāṇa là độc thân, còn Isidatta lại đang có vợ.] (326)

**273** [Thường thì là công thức bốn-điều dẫn tới thánh quả Nhập-lưu, gồm 03 *niềm-tin* (vào Tam Bảo) cộng với *giới-hạnh* (đức hạnh) mà các thánh nhân quý trọng (như các bài kinh trên). Nhưng ở đây, phần (4) *giới-hạnh* đã được thay bằng *sự rộng lòng bố-thí*. Nhưng điều này đã được luận giải trong **Vism 223–24 (Ppn 7:107–14)**.] (327)

**274** [Cụm chữ “*có thể ứng dụng được cho mỗi người*” (*attūpanāyikaṃ dhammapariyāyaṃ*). **Spk-pt** giải thích nghĩa là: *Đã liên quan tới mình, thì có thể ứng dụng cho người khác* (*attani netvā parasmim upanetabbam*), tức: đặt người là mình, đặt mình là người. Bởi vì có câu: “*Cái gì khó chịu và khó ưa đối với mình thì khó chịu và khó ưa đối với người khác*”, tức: điều gì mình không thích đừng bắt người khác chịu vậy.)

- Tiếp theo là Phật nói về bảy cái đầu tiên trong “*mười đường nghiệp thiện*”,

mỗi cái được tu tập theo ba cách: *bằng cách tự mình tuân thủ, bằng cách khuyến khích người khác tuân thủ, và nói lời đề cao những nghiệp thiện đó.*] (328)

**275** [Trong **Ee** viết là “*ti koṭīparisuddho*”, nó nên được sửa lại thành “*tikoṭīparisuddho*, tức không có khoảng trống giữa các chữ. “*Bằng ba cách*”, tức theo ba phương diện: *tự mình kiêng cử sát sinh, khuyến khích chỉ dạy người khác kiêng cử, và nói lời khen ngợi việc kiêng cử sát sinh.*] (329)

**276** [**Spk**: “*đang giảm thiểu [tham, sân, si]*” nên được hiểu theo hai cách: [các ô-nhiễm đó] giờ không thường xuyên khởi sinh và không còn sức ám muội nặng trong tâm. Bởi vì đối với bậc thánh Nhất-lai, *tham, sân, si* không còn có mặt thường xuyên như trong tâm trí của người phàm tục, chỉ thi thoảng mới phát sinh; và khi chúng có phát sinh thì chúng cũng không dày đặc như trong tâm trí của người phàm phu, mà nhẹ mỏng như cánh ruồi. “*Thế gian này*” (*imaṃ lokam*) là chỉ cõi dục-giới.

- Câu cuối nên được phân tích và hiểu như vậy: (a) Nếu người tu chứng thánh quả Nhất-lai *khi đang là người* và được tái sinh vào cõi trời của các thiên thần và ở đó chứng ngộ A-la-hán, thì tốt thay! Nhưng nếu người tu không làm được như vậy ở cõi thiên thần, thì sau khi tái sinh lại cõi người cũng sẽ chắc chắn chứng ngộ A-la-hán. (b) Ngược lại, nếu người tu chứng thánh quả Nhất-lai *khi đang là một thiên thần* và tái sinh vào cõi người và chứng ngộ A-la-hán ở cõi người, thì tốt thay! Nhưng nếu người tu không đạt được như vậy, thì sau này tái sinh trở lại cõi thiên thần, người đó chắc chắn sẽ chứng ngộ A-la-hán ở đó.] (331)

**277** [Con số có vẻ được như được phóng lên nhiều, nhưng **Spk** giải thích rằng, mặc dù ngôi làng [Nātika] không lớn lắm nhưng số lượng các đệ tử được nói là đúng nhiều. Trong một trận dịch bệnh, ở đó có tới 24.000 chúng sinh đã chết, trong đó có nhiều thánh đệ tử.] (332)

**278** [**Be** ghi là: *maraṇaṃ āgameyyāsi*; **Se** và **Ee** ghi: *āgaccheyyāsi*. **Spk** giải thích câu này là: *maraṇaṃ iccheyyāsi, pattheyyāsi vā* (*người nên ước muốn hoặc mong muốn cái chết*).] (333)

**279** [Chỗ này và trong tất cả các đoạn kinh song hành tương tự, tôi đọc chữ này là *te vo*, điều này là hợp với kinh **47:48** ở trên.] (334)

**280** [So sánh với bối cảnh của kinh này với kinh **SN 40:10** (Quyển 4), phần **[II].**] (335)

**281** [Chữ gốc: *sambādhabyūhaṃ*. Sự chú giải của **Spk** cho thấy chữ *byūhā* là những đường lộ chính. Chúng được cho là “*chen chúṭ*” (*sambādha*) cho thấy những cảnh sống đông đúc của thành phố.] (336)

**282** [Lúc này Mahānāma ít nhất đã là người chứng Nhập-lưu, thậm chí có thể đã là bậc Nhất-lai; do vậy vị ấy đã chắc chắn được tái sinh phúc lành, và do vậy không có lý do để sợ chết.] (338)

**283** [“*Đi hướng thượng, đi tới sự khác-biệt*” (*taṃ uddhaṅgāmi hoti viśesagāmi*). Đoạn kinh này chỉ *tâm (citta)* như phần chính của ‘*sự liên-tục của cá nhân*’ (‘cá thể’, ‘con người’) còn lại sau cái chết của thân, và nó sẽ nhận lãnh những nghiệp quả. Trong trường hợp một người đệ tử thánh thiện thì nó “*đi đến chỗ khác-biệt*” (tức chỗ siêu xuất hơn, chỗ cao siêu hơn), sẽ có được sự tái sinh cao siêu hơn (như cõi trời...) và tiếp tục tiến hóa hướng tới Niết-bàn (là đích đến cuối cùng của họ). Ví dụ về hủ bơ hủ dầu cũng có trong kinh **SN 42:06**, mặc dù trong kinh đó dùng để nói ý nghĩa giáo lý khác.] (339)

**284** [**Spk** diễn dịch câu này có nghĩa: ông Đại Danh đã nghĩ: “Tăng Đoàn các Tỷ kheo thì có thể nói điều mình không biết, vì họ còn thiếu trí toàn-tri (của một vị Phật), nhưng trong vị Sư Thầy thì không thiếu trí toàn-tri đó”. Còn chữ “*vấn đề liên quan đến Giáo Pháp (kocideva dhammasamuppādo)*” thì được **Spk** giải nghĩa là: *kiñcideva kāraṇam*. Trong kinh **SN 22:07** (Quyển 3) thì cũng chữ ghép này *dhamma-samuppāda* nhưng mang nghĩa khác, được diễn dịch là “*một đồng/mớ những trạng thái của tâm*”.] (340)

**285** [Mặc dù sự chấp nhau của hai người vẫn chưa được Phật phân giải, nhưng câu trả lời đã nằm ngay chỗ lời tuyên bố của Mahānāma về niềm-tin của ông ấy. Bằng cách thể hiện mạnh mẽ niềm-tin của ông vào Đức Phật, Mahānāma đã hàm ý xác nhận tư-cách của mình đã là một thánh đệ-tử, và do vậy quan điểm “bốn điều” của ông ta chắc chắn là đúng (vì bậc thánh đã tự mình biết rõ điều đó, chứ không chỉ nghe Phật nói). **Spk-pt** nói thêm: một người có-được một trong bốn điều này đã là một bậc Nhập-lưu, nhưng họ vẫn luôn nói theo dạng công thức “có-được bốn điều” như vậy.] (342)

**286** [Tôi ghi lại tên Sarakāni như trong **Se**. Phiên bản **Be** và **Ee** thì ghi tên là

Saraṇāni.] (343)

**287** [Đây là A-la-hán, người đã thực sự thoát khỏi mọi sự tái sinh; cụm chữ “*sự thoát khỏi cõi duri*” thường được nói thêm chỉ với mục đích như “sợi chỉ” để khâu nối các bài kinh với nhau mà thôi. Chữ “*trí-tuệ hoan hỷ, trí-tuệ tốc hành*” (*hāsapañña, javanapañña*).] (345)

**288** [Đây là người tu trì theo Giáo Pháp, tức người căn-trí (*dhammānusārī*); còn đoạn kể sau là nói về người tu trì theo niềm-tin, tức người căn-tín (*saddhānusārī*). Sự mô tả về hai loại người này là trùng khớp với các định nghĩa trong kinh **MN I 479**. Theo kinh **SN 25:01**, hai loại người này đã đạt tới cảnh giới của những bậc thánh nhân nhưng vẫn chưa chứng đắc thánh quả Nhập-lưu; họ khuynh hướng chứng đắc thánh quả đó trước khi chết. Coi lại chú thích chi tiết về hai loại người này trong bài kinh **SN 25:01**.

- Nên lưu ý rằng, trong lúc họ có niềm-tin [một trong năm căn tâm linh] nhưng họ chưa có-được “*niềm-tin xác thực*” (*aveccappasāda*) vào Tam Bảo. Và, mặc dù lời kinh nói rằng họ “*không đi xuống địa ngục*” (*agantā nirayam*) ..., nhưng cũng không thể nói họ đã “*thoát khỏi địa ngục*” (*parimutto nirayā*) ..., bởi sự giải thoát thực sự khỏi những nơi đến xấu dữ chỉ có được khi chứng đắc thánh-quả.] (346)

**289** [Spk nói rằng: vào lúc chết Sarakāni đã là người đã hoàn thành 03 phần tu tập [giới, định, tuệ]. Điều này hàm nghĩa rằng, mặc dù trước kia ông ta có uống rượu, nhưng trước khi chết ông ấy đã tuyệt đối giữ sạch các giới-hạnh, và nhờ đó ông đã chứng thánh quả Nhập-lưu.] (347)

**290** [Lời kinh đoạn đầu này có khác một chút so với bài kinh kể trên, nhưng về ý nói thì coi như giống nhau.] (348)

**291** [Câu này giống trong kinh **SN 48:50**. Ở đây, cụm chữ “*ekantagato abhīppasanno*” thực ra như đồng nghĩa với “*aveccappasādena samannāgato*”.] (349)

**292** [Về cách diễn đạt và lặp lại 05 loại thánh Bất-lai, coi lại chú thích chi tiết trong kinh **SN 46:03**, chú thích số đuôi (65).] (350)

**293** [Trong kinh **MN III 76,7-9** có ghi rõ rằng bậc học-nhân đang tu tập thì có 8 yếu tố, còn bậc A-la-hán (vô-học nhân) thì có 10 yếu tố. Nhưng ở đây, lạ

thay, hai yếu tố cuối cùng, *sự hiểu-biết đúng đắn* (chánh trí, *sammāñāṇa*) và *sự giải-thoát đúng đắn* (chánh giải-thoát, *sammāvīcutti*), vốn được cho là chỉ có ở bậc A-la-hán, lại được gán cho một bậc Nhập-lưu như Cấp Cô Độc. Câu cuối của bài kệ cuối kinh đã xác nhận lại rõ ràng đây không phải là lỗi biên tập hay sự phóng quá của những vị kết tập kinh điển ngày xưa. Một ví dụ khác về sự bất thường này cũng có trong kinh **SN 47:13** [và chú thích của nó], trong đó hai yếu tố của bậc A-la-hán—đó là *sự giải-thoát*, và *trí-biết* và *tâm-nhìn của sự giải-thoát*—lại được gán cho một bậc học nhân lúc đó là thầy Ānanda.] (351)

**294** [Nguyên gốc: “*samparāyikaṃ maraṇabhayaṃ*”. **Spk** giải thích là: *sam-parāyahetukaṃ maraṇabhayaṃ*: có nghĩa là “*sự sợ chết gây ra bởi [do nghĩ tới] kiếp sau*”; (tức nghĩ tới kiếp sau là những cõi đọa đầy khủng khiếp nên thấy sợ hãi).] (352)

**295** [**Spk**: Đó là những dấu chân (dấu vết, đường lối) của những thiên thần (*devapadāni*), được bước đi bởi *sự hiểu-biết* của các thiên thần, hoặc với *sự hiểu-biết* của một thiên thần. Trong kinh này, *bốn loại thánh nhân* của bốn thánh quả được gọi chung là những thiên thần, theo cái nghĩa “*thanh-lọc*” (thanh tịnh) của họ.] (353)

**296** [Học giả Woodward coi nhầm kinh này là giống hệt kinh kể trên nên ông đã không dịch kinh này.] (354)

**297** [Ví dụ này cũng có trong kinh **SN 12:23**. **Spk**: “*sau khi đã vượt qua bên kia*”: bên kia ở đây là Niết-bàn; ý nghĩa lời kinh là: ‘*sau khi đã đạt tới đó*’, thì chúng sẽ dẫn tới *sự tiêu diệt ô-nhiễm*; nhưng câu này không có nghĩa là trước tiên chúng đi tới Niết-bàn rồi sau đó mới dẫn tới *sự tiêu diệt ô-nhiễm*; mà nó có nghĩa là: *chúng dẫn tới đó khi chúng đi tới Niết-bàn.*”] (375)

**298** [Lời kinh chỗ này giống kinh **SN 48:18**.] (358)

**299** [Lời kinh chỗ này giống hệt kinh **SN 35:97**, và tiếp theo là đoạn nói về người sống một cách chuyên-chú. (Về *những hiện-tượng (các pháp) không thể hiện*: mời coi lại chú thích ngay chỗ này ở cuối đoạn (1) của kinh **SN 35:97** đó.)] (359)

**300** [**Spk** giải thích: “*cốt-lõi của Giáo Pháp*” (*dhammasāra*) chính là thánh quả, và “*sự tiêu-diệt*” (*khaya*) là sự tiêu diệt những ô-nhiễm. Tôi đề nghị câu cuối

cùng đọc là: *Na vedhati maccurāj' āgamissati ti.*] (361)

**301** [Coi chú thích ở kinh **SN 55:05**.]

**302** [Giống hết phần thi kệ của kinh **55:26** ở trên.] (364)

**303** [**Spk**: *Dhammadinna* là một trong 07 người tại gia từng có đoàn tháp tùng gồm 500 người vào thời Đức Phật còn sống; những người khác cũng có như vậy là vị đệ tử tại gia *Visākha*, gia chủ *Ugga*, gia chủ *Citta*, *Hatthaka Ālavaka*, *Tiểu Cấp Cô Độc* (Anāthapiṇḍika)? và *Đại Cấp Cô Độc*.] (365)

**304** [“*Đệ tử tại gia hiền trí*”, hay “*ưu-bà-tắc trí hiền*” là dịch chữ “*sapañño upāsako*”. **Spk**: chữ này ở đây là chỉ bậc Nhập-lưu.] (367)

**305** [Về chữ “*ngài*” ở chỗ này: chữ “*Āyasmā*” vốn thường được dùng để xưng hô với các Tỷ kheo, nhưng thỉnh thoảng nó cũng được dùng cho các đệ tử tại gia (như trong trường hợp này). Trong những câu tiếp theo, tôi lại dùng cách xưng hô với người-thứ-hai hay gián tiếp người-thứ-ba, kiểu như: “*quý ngài*” hay “*vị ấy*”, “*ngài ấy*”, như trong câu “*Quý ngài đã xác thực niềm-tin vào Đức Phật....*”] (368)

**306** [Trong kinh **MN II 194–95**, Ngài Xá-lợi-phất cũng hướng dẫn một bà-la-môn sắp chết qua trình tự những bước quán chiếu giống như vậy, nhưng thầy Xá-lợi-phất thì dừng lại ở bước hướng ông ta tới (sự tái sinh vào) cõi trời Phạm-thiên (Brahmā). Do dừng lại ở bước này nên sau đó thầy Xá-lợi-phất đã bị Phật quở trách, (tức là, đúng ra thầy ấy nên tiếp tục khuyến dụ và hướng tâm của người sắp chết đó tới luôn *sự chấm-dứt danh-tính*, tức Niết-bàn, luôn. Coi thêm mấy chú thích kế tiếp kể bên dưới.) (369)

**307** [Chữ “*sự chấm-dứt danh-tính*” (*sakkāyanirodha*) tức đồng nghĩa với Niết-bàn. Lời khuyến dụ này có mục đích chuyển hướng cái tâm của người sắp chết khỏi sự tái sinh vào cõi trời Phạm-thiên (Brahmā) và hướng nó tới sự chứng ngộ Niết-bàn luôn.] (370)

**308** [Tôi đọc theo phiên bản **Be** là “*evaṃvīmuttacittassa*”, khác với “*evaṃvīmuttattassa*” trong **Se** [có lẽ sai do ghi chép] và khác với “*evaṃvuttassa*” trong **Ee**. Nhưng chữ “*vassasatavīmuttacittena*” thì tôi đọc theo **Se**, khác với chữ “*āsavā vīmuttacittena*” được ghi trong **Be** và **Ee**.] (371)

**309** [Tôi đọc theo phiên bản **Se** và **Ee** là “*vīmuttiyā vīmuttin ti*”, khác với “*vīmuttiyā vīmuttan ti*” trong **Be**. Cụm chữ “*vīmuttiyā vīmuttim*” cũng có ghi trong kinh **AN 3:34,6–7** (?) là chỉ thánh quả A-la-hán. **Spk**: Khi so sánh sự giải-thoát này với sự giải-thoát khác thì không có gì khác nhau để chỉ ra. Khi thánh đạo và thánh quả được thâm nhập thì không có sự khác-biệt nào giữa người tu là tại gia hay xuất gia. Như vậy lời tuyên thuyết này của Đức Phật có nghĩa rằng: *cũng có người tu tại gia trở thành bậc thánh A-la-hán!* Ngoài một số điển hình người tại gia đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán ngay sau khi vừa mới xuất gia [như Yasa, được ghi trong Luật Tạng **Vin I 17,1–3**], thì đây có lẽ là trường hợp **duy nhất** nói về một người tại gia là A-la-hán được ghi trong toàn bộ Kinh Tạng, và trong trường hợp này sự chứng đắc thánh quả A-la-hán xảy ra vào lúc *sắp-chết*. **Mil 264–66** thì đưa ra luận thuyết rằng: một người tại gia chỉ chứng đắc thánh quả A-la-hán trong một trong hai lúc: (**i**) ngay khi mới xuất gia trong ngày đó [trở thành Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni], hoặc (**ii**) khi chết là Bát-niết-bàn luôn.] (372)

**310** [Tôi đọc theo **Se** là “*asāmantapaññatāya*”, khác với “*appamatta-*” trong **Be** và **Ee**.] (373)

**311** [Trong **Paṭis II 189–202** có liệt kê đầy đủ và định nghĩa tất cả các thuật ngữ này, với sự trợ giúp của những công cụ khái niệm của học thuyết *Trường Lão Bộ* (*Theravāda*) tiền thân.] (374)

**312** [Giống mẫu lời kinh ở **SN 22:05**.] (375)

**313** [Nguyên gốc: “*Tasmātiha bhikkhave idaṃ dukkhan ti yogo karaṇīyo.*” **Spk**: Vì một Tỳ kheo đạt-định thì hiểu được *Bốn Chân-Lý* đúng như chúng thực là, cho nên người tu nên có sự cố-gắng (thiền tập) để đạt-định để hiểu được *Bốn Diệu Đế* đó đúng như chúng thực là. Và vì cái vòng luân-hồi sinh tử sẽ càng gia tăng đối với những ai không thấu hiểu những sự thật đó, và sẽ ngừng gia tăng sau khi họ đã thấu hiểu (thâm nhập) những sự thật đó; do vậy, người tu nên có sự cố-gắng (thiền tập, đạt định) để hiểu chúng, với ý-nghĩ (tâm nguyện) rằng: “*Nguyện cho cái vòng luân-hồi sinh tử không gia tăng đối với mình.*”] (376)

**314** [Giống mẫu lời kinh ở **SN 22:06**.]

**315** [Nguyên văn trong **Se** và **Ee** là: *Mā bhikkhave pāpakam akusalam*



*cintam cinteyyātha. Be* thì ghi chữ *cittam* thay vì *cintam* .] (377)

**316** [‘Mẫu’ lời kinh điển tả sự tranh cãi và bảo thủ của một người ở đây cũng giống như trong kinh **SN 22:03**.] (378)

**317** [‘*Sự nói chuyện vô-bổ*’ là tạm dịch nguyên chữ gốc *tiracchānakathā*, có nghĩa gốc là: sự nói chuyện của loài vật; (ý nói: vô bổ, như mèo chó nói với nhau...)] (379)

**318** [Đây là **bài thuyết giảng đầu tiên** của Đức Phật (*kinh Chuyển Pháp Luân*) được lưu lại trong ghi chép về cuộc đời truyền đạo của Phật trong Luật Tạng **Vin I 10–12**. Bài kinh này được phân tích rõ hơn trong kinh **MN 141** và trong **Vibh 99–105**, và được luận giảng trong **Vism 498–510 (Ppn 16:32–83)** và trong **Vibh-a 93–122**. Bài kinh cũng được giảng giải một cách chi tiết, dựa theo phương pháp của các giảng luận kinh điển, trong quyển “*Bài Thuyết Giảng Đầu Tiên Của Phật*” của nhà sư Rewata Dhamma.] (380)

**319** [Ở đây tôi làm theo **Be** và **Se. Ee** thì có thêm cụm chữ *sokaparidevaduk-kha domanass’ upāyāsā* (*sự buồn sầu, than khóc, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng là khổ*), cụm chữ này được tìm thấy ở chỗ khác trong những định nghĩa chính thức về *diệu-đế thứ nhất*, nhưng đều không có trong hầu hết những phiên bản kinh có nói về *diệu-đế thứ nhất*.] (381)

**320** [Ba giai đoạn (*tiparivaṭṭa*) là: **(i)** sự hiểu-biết về mỗi Diệu-đế (*saccañāṇa*); **(ii)** sự hiểu-biết về trách-nhiệm phải được hoàn thành đối với mỗi Diệu-đế (*kiccañāṇa*); và **(iii)** sự hiểu-biết về sự đã hoàn-thành đối với mỗi Diệu-đế (*katañāṇa*). Mười hai phương diện (*dvādasākāra*) được đạt được bằng cách áp dụng ba phần nói trên đối với Bốn Diệu Đế; 3x4=12.] (382)

**321** [**Spk** giải thích chữ *bánh xe Giáo Pháp* (*dhammacakka*) theo cách của *sự hiểu-biết nhờ sự thâm-nhập* (*paṭivedhañāṇa*, trí được tuệ thành, thông đạt trí) và *sự hiểu-biết về sự chỉ-dạy* (*desanāñāṇa*, trí về giáo hóa); coi thêm chú thích ở đầu kinh **SN 12:21** (Quyển 1), chú thích số đuôi (57). Đến khi Ngài Kiều-trần-như (bên dưới) và 18 *koṭi* (1 *koṭi*=10 triệu) vị trời brahmā chưa được thiết lập trong thánh quả Nhập-lưu thì đức Thế Tôn vẫn đang thiết lập sự dịch-chuyển (*pavatteti nāma*) bánh xe Giáo Pháp; nhưng sau khi Bánh Xe đã được thiết lập xong trong sự dịch-chuyển (*pavattitam nāma*) thì họ đã được thiết lập trong thánh quả.] (383)

**322** [Nguyên gốc: *Aparimāṇā vaṇṇā aparimāṇā byañjanā aparimāṇā saṅkāsanā*. **Spk** nói ba chữ là đồng nghĩa, tất cả đều có nghĩa như “*akkharā*”, nhưng tôi nghĩ sự biểu nghĩa của mỗi chữ hơi chút khác nhau (về mức độ, ngữ nghĩa).] (384)

**323** [Nguyên gốc: “*Tathāni avitathāni anaññathāni*.” Coi thêm kinh **SN 12:20** và chú thích kinh đó. **Spk**: “*Thực* là theo nghĩa *không xa rời bản chất thực* của những hiện tượng (mọi pháp); bởi vì sự khổ được nói ra đơn giản đúng là sự khổ. *Không sai giả*, bởi đó *không có sự sai lầm* hay *sai giả* so với bản chất thực của nó; bởi vì sự khổ không trở thành sự không-khổ. *Không khác*, bởi *không phải bản chất khác*.” Tôi hiểu chữ “*anaññatha*” theo nghĩa đơn giản và trực chỉ hơn, rằng: những sự thật đó là “*không khác*” với cách của mọi sự như chúng thực là (chúng là những chân-lý).] (385)

**324** [Ở đây tôi dùng tên kinh như trong phiên bản **Be** và **Se**. Trong **Ee**, chữ *Vijjā* nên được đổi thành *Vajji* [trong kinh kế tiếp cũng vậy]. Bài kinh này cũng nằm trong kinh dài “*Đại Bát Niết-bàn*” (*Mahāparinibbāna Sutta*), tức **DN II 90–91**, và cũng có trong **Vin I 230,25–231,10**.] (386)

**325** [Toàn bộ bài kinh và phần thi kệ cũng có ở **It 104–6**; riêng phần thi kệ thì cũng có ghi trong **Sn 724–27**.] (387)

**326** [So sánh với kinh **SN 12:23** (Quyển 2) và **22:101** (Quyển 3).] (388)

**327** [**Spk**: “*Vì những điều đó là thực, không sai lầm, không khác (với thực), nên chúng được gọi là những sự-thật (chân lý, đế) của những bậc thánh (ariyāṇasaccāni)*; vì những bậc thánh không thâm nhập những điều sai giả là những chân-lý thánh thiện.” Một sự chú giải khác về chữ “*những chân-lý thánh thiện*” hay “*những thánh đế*” (*ariyasacca*) cũng được ghi trong **Vism 495 (Ppn 16:20–22)** trong đó có trích dẫn lời của kinh **SN 56:27** này và kinh **56:28** kế tiếp, và cả kinh **56:23** ở trên.] (389)

**328** [Mẫu đoạn kinh này chỉ có duy nhất trong bài kinh này, không tìm thấy trong kinh nào khác trong toàn Kinh Tạng. Nhưng nó có được lặp lại trong **Vism 690,10–13 (Ppn 22:93)** để chứng tỏ rằng *sự hiểu-biết của thánh đạo* thực hiện 04 chức năng trong một khoảng-khắc (sát-na). Coi thêm **Kv 220**.] (390)

**329** [So sánh với kinh **SN 15:09**, trong đó có nói thêm khả năng phân giữa thân

khúc cây cũng có khi rớt xuống trước.] (394)

**330** [So sánh với lời kinh “*phát khởi mong-muốn...*” (gần giống nhau?) được ghi trong các kinh **SN 12:85–92**.]

**331** [So sánh lời kinh chỗ này với lời trong kinh **SN 12:63** (Quyển 1).] (396)

**332** (Ý nghĩa hai đoạn kinh trên: dù có làm những việc vĩ đại và cao siêu tới mức nào thì vẫn không thể thoát khỏi những cảnh giới đầy đọa khổ đau nếu không giác ngộ Bốn Diệu Đế.)

**333** (Ý nghĩa ví dụ ở đây có lẽ là: như bông gòn nhẹ, rỗng tếch, liên tục bay lên theo chiều gió thổi, giống như người nông cạn, rỗng trí, chưa giác ngộ Bốn Diệu Đế, thì gặp ai cũng ngược lên người đó mà tâm phục. Còn ví dụ trong đoạn thứ hai là cột đá thì chắc, nặng, và không bao giờ bay lên hay phát phơ theo chiều gió thổi, cho dù là cuồng phong bão táp, giống như người đã chắc chắn, chứa đầy trí biết, đã chứng ngộ Bốn Diệu Đế thì không còn phải nhờ vào sự hiểu-biết hay cách-nhìn của người khác.)

**334** [*Indakhula*. PED định nghĩa đây như một cái trụ hay cột mốc được dựng lên ngay hay trước cổng thành; cũng có thể là một phiến đá có chân được chôn dưới đất ngay trước cửa nhà (một cách chắc chắn, uy nghi).] (398)

**335** [*Quán chiếu hay suy xét về thế giới: Lokacintam cintessāmi*. **Spk** nói, ví dụ như (thời đó người ta thường suy tư về vấn đề): “Ai đã tạo ra mặt trời và mặt trăng? Trái đất? Đại dương? Ai sinh ra chúng sinh? Núi non? Cây xoài, cây cọ, và cây dừa?.”] (400)

**336** [**Spk** chú giải: Nghe nói rằng những quỷ thần a-tu-la [*asura*] đã dùng phép thuật Sambari [coi thêm kinh **SN 11:23** (Quyển 1)] và làm cho anh ta thấy rằng: họ đang cưỡi voi chiến và ngựa chiến chui vào khe nứt của cuống sen. Trong kinh **AN 2:80,22–24** (?) nói rằng những sự suy đoán về thế giới (hay sự nhìn thấy như vậy) sẽ dẫn tới sự điên khùng, nhưng ở đây lạ thay là, rốt cuộc người đàn ông đó thực sự không bị khùng bị điên gì cả.] (401)

**337** [Đoạn kinh này như một đoạn *tóm-gọn* về giáo lý “*khởi sinh tùy thuộc*” (*paṭicca-samuppāda*). Không hiểu Bốn Diệu Đế là *vô-minh* (*avijjā*; coi kinh **SN 56:17**). Câu “*họ cứ thích thú*” (*abhiramanti*) *những sự tạo-tác cố-ý* (các hành) *dẫn tới sự sinh...*” là ám chỉ *dục-vọng*, vì chính *dục-vọng* mới làm khởi

sinh sự thích-thú (*rati, abhirati*) khi dục-vọng được thỏa mãn. Còn câu “*họ tạo ra những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh...*” (*jāṭisaṃvattanike saṅkhāre abhi-saṅkharonti*) là rõ ràng chỉ thẳng *những sự tạo-tác cố-ý* (các hành). Và sự tuột rớt xuống “*vực núi của sự sinh, già, chết*” là rõ ràng chỉ hai mắc xích cuối cùng của vòng “*khởi sinh tùy thuộc*”. Vậy, ở đây chúng ta tìm thấy *vô-minh* và *dục-vọng*, cùng dính với *những sự tạo-tác cố-ý* (các hành), gây ra *sự sinh, già, chết* [được trải qua bởi *thức* cùng với *phân danh-sắc*]. (402)

**338** [*Đại hỏa ngục: Mahāpariḷāho nāma nirayo*. Sự mô tả như vậy về địa ngục này cũng có ghi trong kinh **SN 35:135**.] (403)

**339** [Trong phiên bản **Be** và **Se** tên kinh này là *Vāla*, nhưng trong **Ee** tên nó là *Chiggaḷa 1*.] (404)

**340** [Chữ “*từ gốc tới đầu mũi tên trước*” là tạm dịch chữ *poṅkhānupoṅkhaṃ*. **Spk**: Thầy Ananda nhìn thấy họ bắn một mũi tên, rồi bắn tiếp mũi khác—được gọi là bắn “*sau gốc*” (*anupoṅkhaṃ*) của mũi tên trước— như vậy là mũi tên sau xuyên tách gốc cho đến đầu mũi tên trước; và những mũi tên tiếp theo tiếp tục như vậy. (Đây thuộc dạng tuyệt kỹ của các cung thủ).] (405)

**341** [Ngay chỗ này tôi dịch theo **Be** là *sattadhā*: thành bảy sợi nhỏ. **Spk** cũng tán thành như vậy. Còn **Se** và **Ee** thì ghi là *satadhā*: thành một trăm sợi nhỏ.] (406)

**342** [Nguyên gốc Pali là: “*Lokantarikā aghā asaṃvutā andhakārakā andhakāratimsā*”. Cách diễn tả này cũng có trong các kinh **DN II 12,11**, **MN III 120,9**, và **AN 2:130,26–27 (?)**. **Spk** không bình luận gì về câu này, nhưng **Sv**, **Ps**, và **Mp** thì giải thích giống nhau như vậy: “Giữa ba cõi thế giới (*cak-kavāḷa*) thì có một khoảng không gian liên thế giới, giống như khoảng trống giữa ba bánh xe ngựa để chúng tránh đụng nhau. Đó là một ‘địa ngục liên thế giới’, hay ‘địa ngục nằm giữa ba cõi thế giới’, nó khoảng 8.000 do-tuần (*yojana*; khoảng = 80.000 KM). Nó ‘*trống rỗng*’ (*agha*), tức luôn mở mọi phía (*niccavivaṭa*); và ‘*thăm thẳm*’ (*asaṃvutā*), tức lơ lửng, không có gì chống đỡ bên dưới, và tối đen mù mịt đến nỗi thức-mắt không thể khởi sinh.] (407)

**343** [**Ee** đặt tên kinh này là *Chiggaḷa 2*, nhưng trong **Se** nó chỉ được ghi đơn giản là *Chiggala* [và kinh kế tiếp là *Chiggaḷa 2*]; trong **Be**, hai kinh lần được gọi tên là *Paṭhama-chiggaḷayuga Sutta* và *Dutiya-chiggaḷayuga Sutta*. Ví dụ về con rùa mù và khúc gỗ bị đục lỗ cũng có trong kinh **MN**

**III 169,9–22**, trong đó có một phần lặp lại y hết như trong kinh sau đây.] (408)

**344** [So sánh đoạn này trong kinh **SN 13:11** (Quyển 2).] (410)

**345** [So sánh đoạn này trong kinh **SN 13:10** (Quyển 2).] (411)

**346** [Các kinh từ **SN 56:51–60** là các *mẫu kinh song-hành* với các kinh **SN 13:01–10** là **NHÓM** kinh cũng nói về “*sự đột-phá*”. Và, nhưng chỗ nào trong loạt kinh trước đọc là “*n’ eva satimaṃ kalam upeti na sahasimaṃ kalam upeti na satahasimaṃ kalam upeti ... upanidhāya*” (*không bằng được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn*), thì trong loạt kinh này đọc sẽ đọc là “*saṅkham pi na upeti upanidham pi na upeti kala- bhāgam pi na upeti ... upanidhāya*” (*so với ... là không đáng tính, không đáng so sánh, thậm chí không được một phần nào*).] (412)

**347** [Tựa đề **NHÓM 7** này là theo **Be** và **Se**, mặc dù bản thân chữ “**GAO SÓNG**” (*āmakadhañña*: gạo, đậu...chưa nấu chín) chỉ được ghi trong một kinh là kinh **56:84** mà thôi.] (413)

**348** [Lời kinh này cũng có trong kinh **AN 1:334**, nhưng không liên kết với Bốn Diệu Đế. Tương tự, chủ đề của kinh kế tiếp là **SN 56:62** cũng có trong **AN 1:335**; chủ đề của kinh **56:63** cũng có trong **AN 1:337**; và chủ đề của kinh **56:65** cũng có trong **AN 1:333**.] (414)

**349** [(Mặc dù cũng đang nói về những chúng sinh, nhưng:) Từ kinh **56:71–77** là lấy thêm *bảy đường nghiệp-thiện* (*kusalakammāpatha*) *đầu tiên* (trong mười đường nghiệp-thiện) để so sánh. Trong bảy đường nghiệp-thiện thì *sự sống độc-thân* thay cho (tương đương =) *sự kiêng cử dâm-dục* (kể cả tà-dâm và chánh-dâm) [*kinh 56:73*]. Nhân tiện, cũng có bảy sự hướng dẫn về bảy hành-vi thiện này theo Giới Luật Tỳ kheo [coi thêm kinh **DN I 63,20–64,14**].] (415)

**350** [(Mặc dù vẫn đang nói về chúng sinh, nhưng:) Từ kinh **56:78–101** là nêu ra một số những điều-luật (giới luật) trong Giới Luật Tỳ Kheo làm cơ sở để so sánh; [coi thêm kinh **DN I 64,16–32**].] (416)

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc thư viện chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0918735176 (sư cô Quang Kiến); 0908475521 (chú Bính).

(b) Hoặc về kỹ thuật, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.